

Tác giả: John Carter
Dịch giả: Thành Nguyễn

THƯ
GỬ CHO HỘI THÁNH
TẠI GA-LA-TI

The Christadelphian
404 SHAFTMOOR LANE
HALL GREEN
BIRMINGHAM B28 8SZ
1997

NHÀ XUẤT BẢN

Xuất Bản Lần Thứ Nhất vào năm 1949
Xuất Bản Lần Thứ Hai, thực hiện vào năm 1977

Những cuốn sách bàn về các sách Phúc Âm và Thư Tín của Tân Ước:

Phúc Âm về Con Của Đức Chúa Trời (sách Mác)	L.G.Sargent
Những Ấn Độ về Đấng Mê-si-a	John Carter
Lời Giảng Dạy của Thầy	L.G. Sargent
Phúc Âm Giảng	John Carter
Phi-ê-rơ- Người Đánh Lưới Người	A. D. Norris
Thư Gửi Cho Hội Thánh tại Ê-phê-sô	John Carter
Chân Dung của Các Thánh Đồ (Ê-phê-sô)	John Marshall
Thư Gửi Cho Hội Thánh tại Cô-lô-se	T.J. Barling
Thư Gửi Cho Hội Thánh tại Phi-líp	T.J. Barling
Thư Gửi Cho Hội Thánh tại Rô-ma	John Carter
Thư Gửi Cho Hội Thánh tại Cô-rinh-tô	W. F. Barling
Thư Gửi Cho Người Hê-bơ-rơ	John Carter
Thi Tín Gia-cơ	N. J. Simart
Đời Sống Mới	John Marshall

Trọn bộ sách và hướng dẫn chúng tôi rất hân hạnh được gửi đến quý đọc giả khi đăng ký đến văn phòng của *cộng đồng Cơ Đốc Christadelphia*

Được in ấn tại Nhà Xuất Bản
Frank Juckes Ltd.
Stratford Street North
Birmingham
BII I BY

MỤC LỤC

	Trang
<i>Lời Tựa</i>	5
<i>Lời Giới Thiệu</i>	7
Thư tín:	
I. 1:1-5. LỜI CHÀO THĂM	13
II. SỰ BẢO VỆ CỦA PHAO-LÔ CHO CHỨC VỤ SỨ ĐỒ CỦA ÔNG	
1:6-9. Sự không khoan nhượng của Phúc Âm	35
1: 10-12. Phúc Âm của Phao-lô được Đấng Christ bày tỏ..	43
1:13-14. Phúc Âm của Phao-lô không nhận từ cuộc sống trước đây	47
1:15-17. Phúc Âm của Phao-lô không nhận từ những giáo sư khác	48
1:18-20. Chuyến viếng thăm đầu tiên của Phao-lô đến Giê-ru-sa-lem.....	51
1: 21-24. Ở Sy-ri-a và Cilicia.....	55
2: 1-10. Chuyến viếng thăm thứ hai của Phao-lô đến Giê-ru-sa-lem.....	56
2:11-21. Phao-lô và Phi-ê-rơ tại An-ti-ốt.....	61

III. LỄ THẬT CỦA PHÚC ÂM CỦA PHAO LÔ: ĐỨC TIN VƯỢT TRÊN LUẬT PHÁP

3: 1-6.	Bày tỏ những kinh nghiệm	76
3: 7-9.	Tình trạng đức tin để nhận sự ban phước	82
3:10-12.	Công việc của Luật Pháp mang đến sự rửa sả	91
3:13-14.	Đấng Christ và sự rửa sả của Luật Pháp	96
3:15-18.	Lời hứa không được công bố chính thức bởi Luật Pháp	106
3:19-24.	Tại sao Đức Chúa Trời ban Luật Pháp cho Israel	112
3:25-29.	Địa Vị Con trong Đấng Christ	121
4:1-7.	Vị trí của Luật Pháp	124
4:8-11.	Sự nguy hiểm của việc đi trở lại	135
4:12-20.	Sự thỉnh cầu cá nhân	141
4:21-31.	Một câu chuyện	142

IV. ĐỨC TIN VÀ ĐỜI SỐNG

5:1-12.	Lời khuyên bảo hãy đứng vững	159
5:13-15.	Sự tự do không phải là một sự cho phép	167
5:16-24.	Thuộc linh và xác thịt	172
5: 25-6:5.	Sự quan tâm đến người khác	178
6: 6-10.	Làm việc lành	182

V. 6:11-16 HÌNH ẢNH

Phụ lục tham chiếu Kinh Thánh..... 194

LỜI TỰA

Có người đã nói về Thư Tín Ga-la-ti như sau: “Không có điều gì trong ngôn ngữ cổ xưa và hiện đại có thể được so sánh với thư tín này. Tất cả sức mạnh của tâm hồn của sứ đồ Phao-lô chiếu thẳng lên từng trang sách. Tầm nhìn rộng và sáng suốt, lô-gích phổ biến, sự chiêm biếm, mọi điều mạnh mẽ nhất trong tranh luận, sự bày tỏ cảm xúc mạnh mẽ trong sự giận dữ, sự bày tỏ cảm xúc mạnh mẽ hay nhẹ nhàng trong sự ảnh hưởng, được tìm thấy ở đây, kết nối và chảy thẳng vào một dòng chảy đơn lẻ, hình thành nên một sức mạnh trong thể chống cự được”.

Thư tín này luôn ảnh hưởng mạnh mẽ trên con người, và qua con người đã ảnh hưởng đến lịch sử của con người. Luther bị cảm động mạnh mẽ bởi điều này, và bởi lời dạy của thư tín này, ông đã tấn công mạnh mẽ những sai lầm và sự băng hoại của Hội Thánh trong thời của ông. Ông đã viết và viết lại sự giải nghĩa thư tín này, và sứ điệp của vị sứ đồ này đã đưa con người đến với sự tự do, ra khỏi sự ràng buộc của nghi lễ đã băng hoại và đang băng hoại.

Lời Đức Chúa Trời là “sống động và mạnh mẽ”. Đó là quyền năng phóng thích, nhưng chỉ khi con người đọc nó và quen thuộc với sứ điệp của Kinh Thánh; thì Lời Đức Chúa Trời sẽ đưa đến “sự tự do của con cái Đức Chúa Trời”. Vì những tác phẩm trong Tân Ước không chỉ là những nguồn duy nhất cho lịch sử của những ngày đầu tiên của Cơ Đốc Giáo, hay là một nguồn sách xác chứng cho tín lý. Để giới hạn mục đích của việc nghiên cứu

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

đối với những yếu tố này thì phải bỏ qua nhiều điều và có thể hiểu nhầm. Những tài liệu xác chứng phải được đọc trong văn mạch, và lịch sử phải dựa trên tín lý và trên cuộc sống, và trên hết, những hành động thiên thượng trong việc gọi đến cho những người rao giảng những sứ điệp về cuộc đời của Con Đức Chúa Trời, bị đóng đinh, sống lại và thăng thiên.

Trong nhiều năm, tác giả đã nghiên cứu thư tín gửi cho Hội Thánh tại Ga-la-ti. Ba khóa học với chủ đề được đưa ra này, trong Lớp Học Kinh Thánh, Lớp Huấn Luyện cho Trưởng Lão, trong Nhóm Nghiên Cứu, và trong mỗi mục đích nghiên cứu tiếp tục đã mang đến sự hiểu biết sâu sắc hơn. Sự nghiên cứu tiếp tục cho mục đích của việc giải kinh này đã nhấn mạnh sự xác quyết rằng trong lời của Đức Chúa Trời chúng ta có “sự giàu có không thể tìm ra hết được”, mà chúng ta phải tìm hiểu. Như là một công cụ trợ giúp cho những người khác trong việc hiểu thư tín này trong một vài phương pháp của “người anh em yêu dấu của chúng ta, sứ đồ Phao-lô, “sứ giả của Đức Chúa Trời cho chúng ta là Dân Ngoại” mà cuốn sách này được phát hành.

Tháng 4, 1949

JOHN CARTER

LỜI GIỚI THIỆU

Thật may mắn khi sự hiểu biết về chủ đề chung của một thư tín của Phao-lô không phụ thuộc vào quyết định trên những câu hỏi có liên quan đến vấn đề là thư tín này được viết khi nào và viết cho ai. Tuy nhiên có nhiều sự gợi nhớ đến những sự cố và những mối quan hệ cá nhân yêu cầu một sự chú ý trong những câu hỏi này nếu chúng ta phải hiểu tất cả những lời của Phao-lô. Nhưng đôi khi những lời của ông thừa nhận những lời giải thích khác nhau và có thể có hai quan điểm, vừa có thể nhưng cũng vừa không chính xác. Tuy nhiên, một vài người có thể nghĩ về sự cân bằng của chúng có trên mỗi mặt, trong khi những người khác có quan điểm đối nghịch.

Những thảo luận diễn ra bởi những học giả tài giỏi, và học thuyết với những quan điểm trái ngược đã tuyên bố, có thể được nghĩ ra lý do đầy đủ cho việc để lại chủ đề đó. Nhưng bất cứ người nào có những bài viết của họ về một sự giải nghĩa thư tín này thì khiến cho ai đó làm một điều gì đó theo một quyết định.

Ga-la-ti, một tỉnh

Thế thì sự khó khăn là gì khi quyết định ai là người nhận thư tín Ga-la-ti này? Ở nơi đầu tiên, chúng ta ta quan sát thấy rằng Ga-la-ti không phải là một thành, như Cô-rinh-tô, Tê-sa-lô-ni-ca, Phi-líp, Cô-lô-se hay Rô-ma. Đó là tên của một tỉnh, vùng biên giới với những thay đổi thường xuyên. Vì thế, tên này có thể được sử dụng trong một ý nghĩa văn hóa, xã hội và cũng ở trong ý nghĩa chính trị và quản trị hành chính.

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

Trong suốt 25 năm đầu tiên của thế kỷ Thứ Ba trước Đấng Christ, một làn sóng những kẻ xâm lược Celtic đã đến chiếm vùng Tiểu Á, và trong nửa thế kỷ họ đã có mặt khắp nơi và ra sức cướp bóc. Lúc đó họ bị thống bị bởi vua vùng Pergamum đến một vùng đất được đặt tên là Ga-la-ti, ở phía bắc của vùng đồng bằng trung tâm rộng lớn của vùng Tiểu Á, và ba thành phố của Ancyra, Tavium và Pessinus là những trung tâm của ba bộ tộc mà người Ga-la-ti được phân chia. Vào năm 189 Trước Chúa, họ bị quân đội La-mã làm suy yếu lực lượng, nhưng trong suốt cuộc nội chiến, một vị lãnh chúa của vùng, Amyntas đã xin một vùng lãnh thổ rộng mà Augustus đã cho phép ông nắm giữ. Khi Amyntas qua đời vào năm 25 Trước Chúa thì Ga-la-ti chuyển vào tay của La-mã. Có một số sự thay đổi được đưa ra ở vùng biên giới và tỉnh Ga-la-ti thuộc La-mã được thành lập. Bốn thành phố An-ti-ốt, Lystra, Derbe và Iconium tất cả đều được gộp vào trong tỉnh này, và tất cả tầm quan trọng được yêu cầu trong hệ thống bảo vệ do La-mã phát triển trong nửa đầu thế kỷ thứ nhất. Những thành này bị chia cắt bởi một vùng sa mạc rộng lớn từ vùng Ga-la-ti cổ nằm xa về phía bắc, nhưng cả bốn thành được xây dựng trên hệ thống đường xá của La-mã cung cấp cho Phao-lô sự đi lại dễ dàng hơn bao giờ hết trước đây hay sau này. Rackham, trong cuốn sách của ông về *Sách Công Vụ*, nói rằng người của bốn thành này, “Có một điểm chung, tất cả họ đều thuộc về tỉnh Ga-la-ti. Bởi yếu tố đặc thù này của cư dân của họ- Người Phrygian hay Lycaonian, người Do Thái hay Hy Lạp, lúc sinh ra tất cả đều là người Ga-la-ti. Tương tự như vậy, Trophimus là người Ê-phê-sô, là một người Châu Á, và Aristarchus của Tê-sa-lô-ni-ca là một người Ma-xê-đoan. Thành Phi-líp, Tê-sa-lô-ni-a, và Bê-rê tất cả đều ở trong tỉnh Ma-xê-đoan, và khi Phao-lô nghĩ về những Hội Thánh này, ông gọi họ là những Hội Thánh của Ma-xê-đoan và thành viên của họ là người Ma-xê-đoan. Tương tự như vậy, không còn nghi ngờ gì nữa, khi ông muốn nói chuyện với những Hội Thánh của

An-ti-ốt và Iconium, Lystra và Derbe, như một thân thể, ông sẽ gọi họ là những Hội Thánh của Ga-la-ti, và khi ông viết cho họ nói chung ông sẽ hướng đến những độc giả của ông như những người Ga-la-ti.”

Hơn hai thế kỷ sau, tỉnh này bị tan rã, những nỗ lực hợp nhất những dân tộc từ những vùng khác nhau thành một liên hiệp không tồn tại vì những mục đích chính trị đã bị bãi bỏ. Kiến thức về những vùng biên giới chính xác của tỉnh Ga-la-ti trực thuộc La-mã đã mất, và vì tên này một lần nữa chỉ về vùng phía bắc, những độc giả của thư tín Phao-lô dễ dàng rơi vào quan điểm rằng những người sinh sống ở phía Bắc Ga-la-ti là những người mà Phao-lô muốn viết thư tín này cho họ.

Quan điểm Ga-la-ti phía Bắc

Quan điểm cho rằng Ga-la-ti của thư tín Phao Lô là địa hạt Celtic có một ảnh hưởng dựa trên sự giải nghĩa sách Công Vụ và sự đánh giá của Lu-ca như là một nhà sử học. Không có chỗ nào trong sách Công Vụ đề cập đến một chuyến viếng thăm của Phao-lô đến ba thành của phía bắc Ga-la-ti, và chỉ bởi ngôn ngữ riêng biệt có thể đề cập đến một cuộc hành trình mà Ga-la-ti nằm trong câu chuyện lịch sử của Lu-ca.

Trong chuyến hành trình đầu tiên của Phao-lô sau khi đi xuyên qua phần Cyprus ngang qua vùng đất chính của Tiểu Á. Mác ngay lập tức trở về Giê-ru-sa-lem, và Phao-lô và Ba-na-ba lên vùng đồng bằng, và đến An-ti-ốt của Pisidia. Bị trục xuất khỏi đây vì thành công trong việc truyền giảng, họ đã đến vùng Iconium. Ở đây những nguy hiểm tiếp theo đã khiến họ đi đến các thành Lycaonia, Lystra và Derbe (Công 13; 14,51; 14:6). An-ti-ốt được mô tả là “thuộc Pisidia” bởi vì nó nằm ở trên sườn núi nhìn xuống Pisidia. Đó là một thành phố thuộc Phrygia, lúc đó bao gồm vùng Phrygia của tỉnh Ga-la-ti thuộc La-mã. Iconium

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

thì nằm trên biên giới của Lycaonia, nhưng được Lu-ca phân biệt chính xác với những thành Lycaonia của Lystra và Derbe. Như chúng ta đã nói, tất cả bốn thành này bao gồm trong vùng Ga-la-ti thuộc La-mã.

Trong chuyến hành trình thứ hai, sau Công Đồng tại Giê-ru-sa-lem, Phao-lô và Si-la đã đến thăm những thành phố nơi mà các Hội Thánh được thành lập; Lúc đó Lu-ca nói: “và họ đã đi xuyên qua vùng Phrygia và Ga-la-ti”. Cụm từ này có nghĩa là khu vực mà cả “người Phrygia” và “người Ga-la-ti” được nói đến, và điều này mô tả chính xác phần của Phrygia phụ thuộc vào Ga-la-ti về mặt chính trị. Trong những từ về Kirsopp Lake (*Những Thư Tín Đầu Tiên của Phao Lô*), “thật vậy thật là khó hiểu được vùng nào khác có thể được nói đến”. Lu-ca chỉ ra rằng sau khi viếng thăm những thành phố này, đoàn truyền giáo này đã được hướng dẫn trực tiếp đến cảng Troas. Họ bị cản trở khi đi về bên trái cũng như bên phải. Nhưng quan điểm về vùng phía Bắc Ga-la-ti buộc phải thêm vào một chuyến hành trình dài đến phía Bắc Ga-la-ti và làm giảm đi sức mạnh tự nhiên vốn có của lời văn của sứ đồ Phao-lô.

Quan Điểm Phía Nam Ga-la-ti

Trong chuyến hành trình thứ ba ký thuật rằng Phao-lô “đã đi qua vùng Ga-la-ti nhằm để thực hiện quá trình môn đồ hóa”. Từ đây, ông đã hướng theo con đường đến Ê-phê-sô (Công Vụ 18:23; 19:1). Một thoáng nhìn vào bản đồ này cho thấy những con đường thương mại và sự phân chia mạng tính chính trị trong thời Phao-lô đã làm rõ rằng ngôn ngữ một lần nữa không mang một ý nghĩa tự nhiên nào cho phép một chuyến đi về phía bắc Ga-la-ti. Hãy trích Kirsopp Lake một lần nữa: “Vì thế ý nghĩa của hai đoạn văn trong Sách Công Vụ mà một tham chiếu về vấn đề “người Ga-la-ti” được tìm thấy, chỉ về những Hội Thánh Derbe và Lystra như khi bàn về những địa danh này theo thành ngữ “vùng Ga-la-ti” trong 18:23, và Iconium và An-ti-ốt như được đề cập bởi cụm

từ “vùng Phrygia và Ga-la-ti” trong 16:6. Không có điều gì trong Sách Công Vụ cần chỉ về bất kỳ Hội Thánh “Ga-la-ti” nào khác, và những thuyết cho thấy Phao-lô đi về giữa Vương Quốc cổ của Ga-la-ti không được ủng hộ bởi cách giải nghĩa sát theo Công Vụ, và khiến Phao-lô đã thực hiện những chuyến hành trình dài và nguy hiểm đến những vùng dân cư thưa thớt, thay vì là tiếp tục có thể là xa hơn đến những con đường lớn hơn và những vùng trung tâm trọng yếu của thế giới nói tiếng Hy Lạp thời bấy giờ.

Người ta nên thêm vào rằng trong ký thuật sau đó, trong Phần V của “*Thuở Ban Đầu của Cơ Đốc Giáo*”, Lu-ca không nói hoàn toàn như vậy trong trích dẫn này.

Theo thuyết phía Bắc Ga-la-ti, thời gian có thể sớm nhất cho việc viết thư gửi cho người Ga-la-ti sẽ là vào giữa chuyến hành trình thứ nhất và thứ hai. Điều này thường được cho là vào cuối chuyến hành trình thứ ba. Kế đó chuyến thăm đầu tiên của Phao-lô đến sau Công Đồng tại Giê-ru-sa-lem, nơi Phao-lô chấp nhận tín lý và ban phát những điều này cho các Hội Thánh. Quan điểm này trở nên thật khó khăn dù nhiều học giả tài năng đã cảm thấy bị buộc phải ghi lại nhiệm vụ này, để hòa hợp quan điểm này với sự công bố của Phao-lô về sự độc lập của ông về chức vụ sứ đồ và nguyên nhân những chuyến viếng thăm của ông đến Giê-ru-sa-lem trong thư tín. Không có khó khăn gì nảy sinh trong quan điểm Phía Bắc Ga-la-ti. Theo một thuyết khác sau này, thư Ga-la-ti có thể được viết ra vào giữa chuyến hành trình thứ nhất và thứ hai. Sự khủng hoảng của Ga-la-ti sau đó phụ thuộc vào những hoàn cảnh tương tự xảy ra tại Công Đồng Giê-ru-sa-lem. Nếu thư tín này được viết vào lúc đó, Phao-lô gồm tất cả những chuyến đi của ông đến Giê-ru-sa-lem trước chuyến đi của ông đến Ga-la-ti; và điều này rất cần thiết cho những tranh luận của ông.

Việc giải nghĩa Ga-la-ti đoạn 1 và 2 theo cách giải kinh dựa

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

vào quan điểm này. Một cuộc tranh luận chi tiết về nhiều quan điểm có liên quan trong những quan điểm trái ngược có thể được xem xét trong đời sống trật tự của Phao-lô (Conybeare&Howson, Lewin, và...) và trong nhiều tác phẩm của Ngài Wm.Ramsay và những người theo trường phái của ông. Ý tưởng đề nghị đây thuyết phục này về quan điểm phía Nam Ga-la-ti của Ramsay, cho thấy quan điểm này rất chính xác với kỹ thuật của Lu-ca trong tất cả những mô tả về những thành và những điều kiện trong khu vực, không những đạt được sự chặt chẽ, mà còn dẫn đến sự điều chỉnh những ước tính đã được Lu-ca đưa ra với tư cách là một sử gia. Thay vì có những “khoảng trống” trong phần lược sử của ông, chúng ta tìm thấy những sự mô tả chính xác những điều ông đã thấy về những nơi, những biên giới; Chúng ta nhìn thấy Phao-lô và những công sự của ông đi qua những con đường chiến lược rộng lớn của thế kỷ Thứ Nhất, đem sự sáng đến những vùng trung tâm quan trọng từ đó Phúc Âm lan tỏa đến những vùng xa xôi. Chúng ta cũng nhìn thấy sự phát triển đầu tiên của sự chống đối Do Thái; và sự mâu thuẫn cay đắng nảy sinh từ Dân Ngoại được chấp nhận như những môn đồ cùng với người Do Thái. Chúng ta nhìn thấy kế hoạch đúng đắn cho những sai phạm và sự minh chứng về con đường cứu chuộc thiên thượng bởi đức tin chứ không bởi việc làm; bởi ân điển thiên thượng và không phải do hành động của con người; bởi việc loại trừ đi sự khoe khoang của con người và bởi việc làm nổi bật vinh quang về sự thương xót và ân điển của Đức Chúa Trời.

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

PHẦN MỘT

LỜI GIỚI THIỆU

LỜI CHÀO THĂM (1:1-5)

Lời mở đầu của thư tín này có một tầm quan trọng rất lớn, vì khi lời mở đầu này là một lời chào hỏi, những lời này cũng trực tiếp và giới thiệu ngắn gọn về vấn đề được thảo luận của thư. Phao-lô đã mang Phúc Âm đến với người Ga-la-ti, như chúng ta tin, đó là những người đã thiết lập các Hội Thánh ở Vùng Pisidy An-ti-ốt, Lystra, Derbe và Iconium. Ba-na-ba là bạn đồng hành của ông, và hầu như chắc chắn là bệnh tật đã đẩy họ lên vùng cao nguyên và vì thế đưa đến việc rao giảng về Đấng Christ ở những thành này. Sứ điệp của Phao-lô và Ba-na-ba đã được đón nhận với niềm vui mừng và những sứ điệp được xem là do Đức Chúa Trời đưa đến.

Khi trở lại vùng An-ti-ốt thuộc Syri “từ khi họ được giới thiệu về ân điển của Đức Chúa Trời cho những công tác mà họ đã hoàn tất”, họ tập hợp Hội Thánh lại với nhau và ôn lại những điều mà Đức Chúa Trời đã ban cho họ. “Cánh cửa đức tin” đã được mở ra cho Dân Ngoại, và đó là sự bày tỏ rằng công việc đã được bắt đầu ở đó trong việc rao giảng cho Dân Ngoại được sự đồng ý của Đức Chúa Trời. Một cách chậm rãi và chắc chắn, đã có sự mở rộng công tác công bố về Tin Lành: đầu tiên tại Giê-ru-sa-lem

và Giu-đê, sau đó tại Sa-ma-ri. Lời cầu nguyện của Cọt-nây, một người thờ phượng Chúa xuất thân từ Dân Ngoại tại đền thờ, đã được Đức Chúa Trời lắng nghe, và Phi-ê-ơ đã sử dụng “chiếc chìa khóa” mà Đức Chúa Jesus ban cho ông để mở cánh cửa tri thức về mục đích của Đức Chúa Trời cho Ngài. Nhưng lúc đó thì An-ti-ốt đã trở thành trung tâm của công tác được mở rộng, đầu tiên là rao giảng tại đó, và sau đó ở trong thành trở thành trung tâm truyền giáo nơi mà Đức Thánh Linh chỉ ra Phao-lô và Ba-na-ba như những nhà truyền giảng được chỉ định. Tất cả sự phát triển chứng minh một sự thành công vĩ đại, và là một nguyên nhân của niềm vui và hân hoan.

Nhưng đã có những người tự gọi mình là người theo Đấng Christ đã xem sự mở rộng của công tác rao giảng Phúc Âm với sự bất đồng, không phải bởi vì Phúc Âm được rao giảng cho Dân Ngoại, nhưng vì sự rao giảng này theo “thập tự giá của Đấng Christ” hướng đến căn bản của sự cứu rỗi dẫn đến với sự ra khỏi Luật Pháp của Môi-se. Nền tảng về sự biệt riêng của Do Thái đã được đem ra xa, và với điều này lại khẳng định vị trí đặc quyền của Israel. Điều này không thể nào dung thứ được và nhiều biện pháp được thực hiện để giành lại những người theo Phao-lô trước đây.

Sự chống đối của người Giu-đa

Có thể là Người Do Thái tại thành Ga-la-ti mà Phao-lô đã viếng thăm đã mang đến những tin tức về những hoạt động của ông tại Giê-ru-sa-lem. Tại An-ti-ốt ở Pisidia, họ đã dấy lên sự phản đối của giới chính quyền, những kẻ đã bắt bớ và trục xuất Phao-lô; họ đã theo dõi những bước chân của ông đến những thành khác nơi những người rao giảng bị sát hại và ném đá. Trong chuyến viếng thăm đến Giê-ru-sa-lem để dự một trong những lễ hội, những người này đã đưa ra những thông tin về sự rao giảng mới. Chắc chắn có “phe đảng của người Pha-ri-si”, những người đã tin, và những người này nghe từ những người Pha-ri-si khác

của chức vụ Phao-lô, đến với sự bức dọc và cảnh báo. Vì thế họ đã gọi người đến Ga-la-ti để nhấn mạnh rằng Dân Ngoại cải đạo sang Cơ đốc Giáo phải chịu cắt bì. Những người khác được phái đến nơi này để nói về một chức vụ mới. Trong lời văn của Lu-ca: “có mấy người từ Giu-đa đến (An-ti-ốt) và dạy dỗ anh em rằng, nếu anh em không chịu cắt bì theo luật của Môi-se thì anh em sẽ không được cứu” (Công Vụ 15:1).

Để thu nhỏ lại vấn đề cắt bì, những người chống đối Phúc Âm đã sử dụng một chiến lược thật thông minh. Họ có thể tuyên bố rằng nghi thức không những dựa trên Luật Pháp mà thậm chí có nền tảng từ xa xưa. Vì Áp-ra-ham đã nhận phép cắt bì, và điều này được chỉ là một “dấu hiệu” của giao ước. Phao-lô nhìn thấy rằng thừa nhận một điểm là phải thừa nhận tất cả, vì nếu việc cắt bì là rất cần thiết, thì cả hệ thống của những nghi thức và nghi lễ bên ngoài cũng rất cần thiết, và sự cứu rỗi là do bởi việc làm hay không là gì cả. Ông đã nói: “ Nếu anh em chịu cắt bì thì Đấng Christ không có ích lợi gì cho anh em”.

Tại An-ti-ốt thuộc Syri, người Giu-đa đã chống đối một cách mạnh mẽ. Phao-lô và Ba-na-ba “gặp sự tranh luận dữ dội và bất đồng ý kiến với họ” (Công 15:2). Nhưng tại Ga-la-ti thì người Giu-đa đã thành công hơn và những người cải đạo theo Phao-lô nhanh chóng bị tiêu diệt. Để đánh bại công tác của ông, những kẻ thù của Phao-lô phải hạ thấp thẩm quyền cá nhân của ông. Họ đã làm điều này với kết quả thật khủng khiếp.

Chúng ta không biết tin tức đã được đưa đến với Phao-lô như thế nào, nhưng nếu chúng ta vạch ra chính xác vị trí và những sự kiện được đặt ra trong một mối quan hệ chính xác, thì những tin tức về sự rời bỏ tại Ga-la-ti xảy đến vào lúc có sự bất đồng tại An-ti-ốt. Phải hành động ngay lập tức, và thư tín Ga-la-ti đã được viết ra và gửi đi để đương đầu với công việc của những kẻ chống

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

đổi Phúc Âm. Trong thư, Phao-lô được bày tỏ trong tất cả những tranh chiến trong cảm xúc của ông, trong tài hùng biện của ông, trong sự lo lắng cho những người cải đạo theo ông, và trong sự trung thành lớn của chính ông và sự thành tín đối với Phúc Âm mà ông đã hết lòng rao giảng.

Thẩm quyền của Phao-lô

Thẩm quyền của ông như là một sứ giả của Đấng Christ phải được thiết lập, và lẽ thật về những sứ điệp của ông rằng những người theo Đấng Christ được phục hòa với Đức Chúa Trời bởi đức tin được tỏ ra. Hai điều này được tuyên bố trong những lời mở đầu và cũng là chìa khóa của thư tín này: “Phao-lô, một sứ đồ... qua Chúa Jesus Christ, Đấng đã ban chính mình Ngài vì lỗi của chúng ta” (1:1,4).

“Phao-lô, là sứ đồ (không đến từ loài người hay bởi một người nào, nhưng từ chính Đức Chúa Jesus Christ và Đức Chúa Trời là Cha, Đấng đã khiến Ngài sống lại từ cõi chết) và tất cả anh em đang ở với tôi, kính gọi các Hội Thánh miền Ga-la-ti” (1:1,2). Phao-lô, một sứ đồ- từ sứ đồ có nghĩa là một người được sai đi, một người được sai phái, một sứ giả được giao nhiệm vụ. Từ này được sử dụng đặc biệt khi nói về “12 sứ đồ của Chiên Con” (Khải 21:14; Ma-thi-ơ 10:2), “trong những môn đồ mà Đức Chúa Jesus đã chọn ra 12 người, những người cũng được gọi là sứ đồ” (Lu-ca 6:13). Nhưng từ này cũng có một cách sử dụng rộng hơn. Những anh em được chọn bởi những Hội Thánh dân ngoại tháp tùng với sứ đồ Phao-lô với sự quyên góp cho người Do Thái tại Giê-ru-sa-lem, được gọi là “các sứ đồ của Hội Thánh” (II Cô 8:23), mặc dù vấn đề này được thể hiện mới bởi cách dịch từ chữ “sứ giả”. Những anh em này là những người được sai phái của các Hội Thánh. Vì thế Epaphroditus là “sứ giả” hay “sứ đồ” của Hội Thánh tại Phi-líp, được phái đến thăm Phao-lô trong tù (Phi-líp 2:25). Phao-lô và Ba-na-ba được gọi là “sứ đồ” trong Công

Vụ 14:4,14, có lẽ đặc biệt bởi vì họ được “sai phái” bởi Đức Thánh Linh, “được biệt riêng ra” để thực hiện chức vụ giữa vòng Dân Ngoại. Sứ mạng này được chính Đức Chúa Trời ban cho Phao-lô và Ba-na-ba, một vị trí về thẩm quyền và trách nhiệm không thể bàn cãi được giữa các Hội Thánh Dân Ngoại. Nhưng chức vụ sứ đồ của Phao-lô thậm chí có một nền tảng còn mạnh hơn sứ vụ được giao cho ông và Ba-na-ba tại An-ti-ốt. Phao-lô là một công cụ được chọn lựa; và khi ông đến với sự nhận thức, ông “được biệt riêng từ trong lòng mẹ”, dù sau này “được kêu gọi bởi ân điển Đức Chúa Trời” trở thành người mang ân điển đó đến với những người khác thời bấy giờ được xem là những người nằm ngoài ân điển đó. Khi Con của chính Đức Chúa Trời lớn lên ở một vùng quê Ga-li-lê và ngày càng nhận thức về công tác Ngài mang khi Đức Chúa Trời sai phái Ngài, một cậu bé khác cũng đang được chuẩn bị được gắn kết với chức vụ đó nhưng tất cả đều chưa biết. Thật vậy sự chuẩn bị đã hoàn tất, mặc dù điều này có thể là một nghịch lý, trong nỗ lực hết lòng của ông trong việc phá bỏ đức tin do chính chức vụ sau này của ông dựng nên. Vì thế trong khi rượt đuổi đến “những thành xa lạ” để bắt những người theo Chúa ở Na-xa-rét, ông đã bị Đức Chúa Trời bắt phục, Đấng đã tìm thấy ông, như họ đã công bố, thật vậy sống lại từ cõi chết—một Đức Chúa Trời được minh chứng một cách thiên thượng và không phải là một kẻ lừa dối như Phao-lô đã từng nghĩ như vậy.

Phao-lô chứng kiến sự kiện Chúa sống lại

Dường như có một sự diễn giải hợp lý trong II Cô 5:16 rằng Phao-lô đã nhận biết Chúa Jesus trong suốt chức vụ của ông. Người ta không thể nào nghĩ ra một con người như Phao-lô, một học trò hàng đầu của Ga-ma-li-ên và một người giữ một vị trí quan trọng ở Tòa Công Luận của đất nước khi chỉ mới khoảng 30 tuổi, không biết về sự háo hức và nhiệt tình mà một tiên tri mới đã gây ra. Chắc ông đã từng đến thăm Giê-ru-sa-lem tại một trong

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

những lễ hội trong suốt ba năm Đức Chúa Jesus đang rao giảng. Vì thế sẽ có một sự nhận thức cá nhân rằng: một con người vinh quang mà sự sáng của Đấng đó đã làm mù ông chính thực là Jesus tại Na-xa-rét. Cuộc gặp mặt với Chúa Jesus là một thẩm quyền tối hậu của chức vụ sứ đồ của Phao-lô, vì lúc đó ông được chỉ định làm một công cụ được chọn lựa để đem Danh của Đấng Christ đến cho Dân Ngoại. Khi những kẻ chống đối lễ thật tại thành Cô-rinh-tô gây ra sự nghi ngờ về vị trí của ông, ông đã công bố như là một bằng chứng về vị trí sứ đồ của ông trong cuộc gặp gỡ với Chúa Jesus. “Tôi chưa từng gặp Chúa Jesus sao? Anh em không phải là thành quả của tôi trong Chúa sao?” (I Cô 9:12). Theo cách nói này thì Phao-lô chẳng khác nào là sứ đồ thượng hạng nhất, dù kẻ thù của ông đã trịch thượng gọi ông là “thai sinh non” (I Cô 15:8).

Ngay từ ban đầu, điều này được công nhận như là một phẩm cách của một sứ đồ, rằng người đó phải là một chứng nhân nhìn thấy sự sống lại (Lu-ca 24:48 với Công Vụ 1:8). Ông ta phải có sự hiểu biết cá nhân trực tiếp về sự kiện căn bản nhất này của lời rao giảng của họ. Những dấu hiệu đáng kể về một sứ đồ là sự nhận thức cá nhân của ông về một Đấng Christ sống lại; sự tiếp nhận của ông, thông qua Thánh Linh, về lễ thật được công bố một cách có thẩm quyền với người khác; nhận được những quyền năng kỳ diệu với quyền năng công bố cho người khác; và có thẩm quyền thực thi kỷ luật. Trong mọi khía cạnh, Phao-lô tương đương với những người cùng được gọi là “Mười Hai Sứ Đồ” (I Cô 15:5).

Vấn đề này đã được đưa ra giữa vòng những người Ga-la-ti rằng Phao-lô không có những phẩm cách của một sứ đồ như Phi-ê-rô và Giăng đã có; chức vụ sứ đồ của ông như người ta nói là hàng thứ cấp và nhận từ người khác. Sự coi thường này bị xử lý ngay lập tức ở ngay trong câu 1 một cách đặc biệt. Ông không phải là một sứ đồ do con người chỉ định, cũng không nằm trong

mười hai sứ đồ, hay bởi con người, như Ba-na-ba hay Gia-cơ; không phải từ nguồn nào hay kênh nào do con người mà ra; và sự thay đổi từ “những người” sang “một người”, từ nhiều người hợp lại thành một cá nhân, dẫn đến Một Đấng mà ông nhận lấy mạng linh: “Không phải bởi một người- nhưng bởi Chúa Jesus Christ và Đức Chúa Cha, Đấng đã đưa Ngài từ cõi chết sống lại”. Đúng là Chúa Jesus đã từng làm người, nhưng Ngài còn vượt lên trên điều này; Ngài là Con Đức Chúa Trời, được chỉ ra bởi cách gọi của Phao-lô Đức Chúa “Cha”, và Chúa Jesus Christ, Đấng đã chỉ định Phao-lô, nhận sự ủy thác thiên thượng, vì Ngài là Đấng sống lại từ cõi chết. Những từ ngữ này là một sự tuyên bố nhấn mạnh rằng ông là sứ đồ được giao phó trách nhiệm thiên thượng. Chứng cứ này được ông phát triển sau này trong thư tín khi ông công bố tính sai lạc của những lời dạy dỗ giả dối đã dựng lên để chống lại ông.

Một sự giới thiệu thành linh

Thông thường thì Phao-lô gắn tên của những người khác với tên của ông trong địa chỉ của những thư tín của ông. Nhưng ở đây thì ông đứng tên một mình, vì sự công bố cá nhân mang tính nhấn mạnh này về thẩm quyền sứ đồ của ông là rất cần thiết: “tất cả anh em ở cùng với tôi”. Tụ thân cụm từ này là tối nghĩa, đã dẫn đến nhiều đề nghị đã được đưa ra liên quan đến những người mà ông muốn nói đến. Những lời giải thích bị ảnh hưởng bởi quan điểm được đưa ra có liên quan đến nơi mà thư tín này được gửi đến và ai là người có thể ở cùng với Phao-lô vào lúc đó. Nếu lời đề nghị cho là thư tín này được viết từ An-ti-ốt vào lúc có sự lo lắng gây ra do những người Giu-đa tại Giê-ru-sa-lem là chính xác thì ý nghĩa tự nhiên của nó là cụm từ này liên quan đến thân thể chung của Hội Thánh tại An-ti-ốt. “tất cả anh em với” Phao-lô, khi đối lập với những giáo sư là những kẻ chống đối Phao-lô và bất kỳ những ai đồng quan điểm với họ. Ramsay trích dẫn với sự

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

nhất trí với quan điểm của tiến sĩ Zockler, người đã giải thích lời của sứ đồ Phao-lô: “toàn bộ thân thể của những Cơ Đốc Nhân ở cùng với ông vào lúc đó (chứ không chỉ là những người giúp đỡ ông cụ thể hơn) được sứ đồ Phao-lô đề cập như là những người đi cùng với ông trong lời chào thăm trong thư Ga-la-ti. Ông làm điều này để đưa ra một lời nhấn mạnh hơn về điều mà ông phải nói với họ. Thật vậy, ông đã tự tay viết thư (6:13) nhưng bằng tên của tất cả cộng đồng Cơ Đốc. Những lời cảnh báo và khuyến khích mạnh mẽ được gởi đến cho những người Ga-la-ti trực tiếp từ một thân thể mà không thể xem nhẹ thẩm quyền của họ.

Phao-lô thành linh kết luận ở câu mở đầu “cho Hội Thánh tại Ga-la-ti”. Sự thiếu đi những cụm từ như “trong Đức Chúa Cha và Chúa Jesus Christ” (I Tê-sa-lô-ni-ca 1:1) hay “được thánh hóa trong Chúa Jesus Christ, được gọi là các thánh đồ” (I Cô 1:2), được trích dẫn ở đây. Không có những cụm từ bày tỏ sự ca ngợi, lời cảm tạ, không có một lời khen một người nào hết hay thể hiện tình cảm. Khi chúng ta nhớ lại cách mà vị sứ đồ này đã nồng nhiệt bày tỏ lòng biết ơn về niềm hy vọng, đức tin và tình yêu của những người cải đạo của ông, sự nghiêm khắc của thư Ga-la-ti cho thấy vị sứ đồ cảm nhận rất sâu sắc về sự sai lầm của họ và những ảnh hưởng nghiêm trọng của việc họ thay đổi niềm tin như thế nào. “Được cắt bì” hay “không được cắt bì” có thể dường như là sự tranh chiến dữ dội đã vượt quá sự xung đột, nhưng họ bám lấy những nguyên tắc ăn sâu từ lâu trong đầu của họ và cho là ảnh hưởng đến sự cứu rỗi con người.

Ân điển và sự bình an

Tuy nhiên cảm xúc của sứ đồ Phao-lô dành cho người Ga-la-ti là mạnh nhất và cao nhất. Dù nghĩ nhiều về chức vụ sứ đồ của ông rằng Phúc Âm được chính ông rao giảng ra thế giới- mà vì thế ông không viết ra lời cầu nguyện với Chúa là một phần của lời chào trong thư tín của ông “ân điển trên anh em và sự bình an

từ Đức Chúa Cha và từ Đức Chúa Jesus Christ của chúng ta”. Từ “ân điển” được Phao-lô sử dụng có liên quan đến “lời chào” trong cách nói chung trong thời của Phao-lô. Nhưng sự áp dụng từ này bởi Phao-lô lại thêm một ý nghĩa đầy trọn hơn trong từ ngữ hơn bình thường và thường là lời chào hỏi cho vui hay vô tâm, mà người Hy-lạp chào nhau trên đường trong thế giới thời Phao-lô. Từ “ân điển”, theo cách mà Phao-lô sử dụng, bày tỏ sự thương xót và đặc ân của Đức Chúa Trời, đặc biệt là đặc ân mà Đức Chúa Trời dành cho Dân Ngoại. Phao-lô luôn nắm giữ sự mầu nhiệm mà ông cảm nhận khi ông hiểu mục đích của Đức Chúa Trời và ân điển của Ngài dành cho cả Dân Ngoại và người Do Thái; và đặc biệt khi ông biết rằng Đức Chúa Trời đã khiến ông trở thành nguồn mà qua đó sự thương xót của Ngài sẽ được bày tỏ cho dân ngoại. Ân điển được hiểu là tất cả sự ban phước dành sẵn trong sự nhân lành của Đức Chúa Trời trong việc ban sự cứu rỗi cho những người nam và người nữ tội lỗi. Những người Ga-la-ti thích thay đổi và không ổn định đã thể hiện chính họ trong lúc đó; hành động ngu ngốc của họ bày tỏ ra, nhưng vì thế họ rất cần “ân điển” hơn bao giờ hết.

Đến với “ân điển” là thêm sự bình an. Từ này được lấy từ tiếng Hy-lạp, một từ theo truyền thống Hê-bơ-rơ. “Bình an” (*shalom*) là một lời chào được người Do Thái sử dụng- có lẽ là một tiếng vang của lời chúc phước của thầy tế lễ thượng phẩm của Dân Số Ký 6:23-26: “Đức Chúa Trời ban phước cho các con... và ban cho các con sự bình an”. Từ này được người Do Thái sử dụng một cách thường xuyên khi gặp nhau, thường với sự biết ơn về sự đẹp đẽ và bình an đầy trọn của lời chúc phước. Khi Chúa Jesus nói về sự bình an mà Ngài để lại cho các môn đồ của Ngài, Ngài công bố rằng đó không phải là sự bình an mà thế gian ban cho. Cách thức con người nói “bình an” không có sự mong muốn thật sự, bởi vì chỉ là những lời mở đầu hay kết thúc mà con người muốn kết thúc

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

cuộc đối thoại. Chúa Jesus ban cho con người sự bình an, được mua bởi chính Ngài nếu chúng ta nghĩ về tầm quan trọng đầy trọn nhất của lời này: “được xưng công chính bởi đức tin, chúng ta có sự bình an trong Chúa” (Rô-ma 5:1).

Phao-lô nâng những lời chào hỏi bình thường này lên mức cao nhất bằng cách thêm vào “từ Đức Chúa Cha và Chúa Jesus Christ”. Lời cầu nguyện của ông như một lời cầu nguyện rằng ân điển của Đức Chúa Trời đã được bày tỏ trong Con của Ngài, sẽ là của họ, và với điều này, họ có thể nhận biết sự bình an.

Đấng Christ một tế lễ hy sinh cho tội lỗi

Tầm quan trọng nổi bật này rõ ràng ngay lập tức từ sự nổi kết, vì Phao-lô công bố rằng Chúa Jesus Christ “phó chính mình Ngài cho tội lỗi của chúng ta, rằng Ngài đã giải thoát chúng ta khỏi thế gian tội lỗi hiện nay, theo ý muốn của Đức Chúa Trời và Cha chúng ta”. Thêm những lời này vào trong lời chào thăm và sau đó giới hạn ý nghĩa của lời chào thăm với điều đó thường được nói ra một cách bất cẩn và thiếu suy nghĩ sẽ làm mất đi giá trị của những lời được thêm vào này.

Tuy nhiên, những lời này thêm lên sự cầu nguyện với Chúa với ý nghĩa đầy trọn. Những lời này trực tiếp tác động trên những rắc rối tại các Hội Thánh Ga-la-ti. Ân điển của Đức Chúa Trời là một điều gì đó được ban cho một cách vô điều kiện vì đó không phải do sức lực của con người mà đạt được. Nhưng trong khi được tự do, ân điển không phải do những việc lành hào phóng của những cảm xúc tốt đẹp như có thể khiến con người đến với việc làm lành mà không để ý đến nguyên tắc hay hậu quả. Ân điển của Đức Chúa Trời được ban cho theo một phương cách phụ thuộc vào bản tính của Ngài, với những nguyên tắc đạo đức được duy trì và thể hiện ở mỗi giai đoạn trong công tác của Đức Chúa Trời, và với việc bày tỏ mục tiêu của việc tạo ra những kết quả được

yêu cầu một cách chắc chắn trong và cho con người.

Đức Chúa Jesus “đã phó chính mình Ngài cho tội lỗi của chúng ta”. Những tội lỗi của chúng ta là sự khó khăn lớn trong mối quan hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời. Chúng ta không thể nói, “hãy quên chúng đi”, như những người cảm xúc dễ dãi có thể nói như vậy. Đức Chúa Trời cũng không thể nói, “chúng ta đừng nghĩ về chúng nữa”- nếu như những điều kiện chắc chắn được thỏa mãn. Bản tính phổ biến ngày nay có thể mong ước Đức Chúa Trời giống như một “ông thánh tốt bụng” chỉ quan tâm đến về việc ban cho những thứ mà con người muốn. Đây là dấu hiệu của những suy nghĩ nông cạn gây ra nhiều do sự giảng dạy tôn giáo ngày nay. Thậm chí ở những nơi có sự nỗ lực của tâm trí trong việc giải thích công tác của Chúa Jesus trong việc tôn kính Ngài, ngày càng có nhiều tác giả giảm nhẹ sự chết của Ngài thành một sự tử đạo của một vị anh hùng nhằm đưa đến việc phản ứng với con người và tuyên bố không đồng ý với tội lỗi và cố đạt đến sự công chính.

Tuy nhiên, điều này không thành công trong việc nỗ lực để hiểu công tác của Chúa Jesus có liên quan như thế nào đến tội lỗi của chúng ta và sự cứu rỗi của chúng ta nếu chúng ta không theo sự giải thích của Kinh Thánh, vì chỉ bằng cách đó, chúng ta mới hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời. Sự suy đoán của con người sẽ không dẫn chúng ta đến đâu cả; sự bày tỏ thiên thượng sẽ giúp chúng ta có thể hiểu được bản tính của Đức Chúa Trời bày tỏ trong sự hy sinh của Con Ngài.

Thập tự giá hủy phá sự xưng công chính bởi việc làm

Chúa Jesus “phó chính mình Ngài cho tội lỗi của chúng ta”. Vì thế khi nói như vậy, Phao-lô đã đưa đến quan điểm về những sự kiện lịch sử liên kết với sự chết của Đấng Christ khi Ngài giảng những điều này cho người Ga-la-ti. Dù không phải là người

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

chứng kiến sự kiện Chúa Jesus bị đóng đinh, Phao-lô rõ ràng đã nhận ra rằng trên thập tự giá, Chúa Jesus đã nói rõ về những điều về lợi ích cụ thể cho chính Phao-lô. Hiểu được ý nghĩa này, ông đã nhìn thấy sự bất năng của những nỗ lực của chính ông cho việc xưng công chính mà luật pháp ca tụng. Chính sự kiện Đức Chúa Trời ban Con Trai của Ngài để chết như vậy là phủ nhận chứng cứ cuối cùng về thái độ Do Thái trong việc cố gắng đạt được ân huệ của Đức Chúa Trời bằng cách giữ luật pháp. Vì thế, Phao-lô đã chết đối với luật pháp để sống theo Chúa; ông bị đóng đinh với Chúa Jesus rằng ông có thể sống “bởi đức tin nơi Con Đức Chúa Trời, Đấng đã yêu thương tôi và ban chính Ngài cho tôi” (Ga-la-ti 2:20). Cụm từ “ban chính Ngài” có thể trong một bối cảnh khác là tối nghĩa: một người có thể sử dụng sức mạnh của mình để giúp đỡ người khác và vì thế đã phó chính mình: nhưng trong cách sử dụng của Phao-lô, thì rõ ràng theo ý nghĩa trong đoạn Kinh Thánh được trích, những từ này không có nghĩa gì khác hơn là Chúa Jesus đã tình nguyện đặt mạng sống của Ngài nơi thập tự giá.

“Ngài phó chính mình Ngài”: Phao-lô rất quan tâm đến phẩm chất cá nhân mạnh mẽ của hành động “phó mình cho tội lỗi” của Chúa. Trong khi ông liên hệ sự dâng mình của Chúa theo ý chỉ của Đức Chúa Trời, và theo sự công chính của Đức Chúa Trời, và trong một lần giải thích điều này trong những thuật ngữ sâu sắc không hiểu hết được, nhưng ông luôn quan tâm rằng việc gánh chịu thập tự giá là một sự thiết lập thật sự cho đời sống của con người. Những lý do cho điều này thì thật sự có liên hệ với bản chất thánh của Đức Chúa Trời, và vì “tội lỗi của chúng ta”, “sự tội lỗi”, “sự vi phạm” và “những hành động sai trật của chúng ta”. Nhưng khi đưa ra những lý do cho sự sắp xếp của Đức Chúa Trời trong việc cứu chuộc con người, Phao-lô chưa bao giờ mất đi cách nhìn về những điều có liên quan về chính Chúa Jesus, và về

sự đầu phục cá nhân mà Đức Chúa Jesus đã làm trong một nhiệm vụ tuyệt vời được giao phó cho Ngài. Ngài “đã yêu tôi”; “tình yêu của Đấng Christ kiểm soát tôi”; “Đấng Christ đã chết vì những kẻ tội lỗi”; “Ngài là ai mà bị đoán phạt?”; “Đấng Christ chịu chết cho họ?”; “Ai sẽ phân rẽ chúng ta khỏi tình yêu của Đấng Christ?” Ngôn ngữ này mô tả cảm xúc và hành động cá nhân, nhận biết nhiều hơn khi chúng ta hiểu rằng tình yêu của Đấng Christ có liên quan đến sự chịu khổ; “Ngài gánh lấy thập tự giá, khinh điều sỉ nhục”; Ngài “hứng chịu sự chống đối của những tội nhân chống lại Ngài”; “chính Ngài chịu thương khổ”; “Ngài học vâng lời bởi chính những điều Ngài gánh chịu đau khổ”. Những điều này ngoài sự minh họa về ngôn ngữ của vị sứ đồ mà còn cho thấy chính ông đã nắm và hiểu biết mạnh mẽ về những khía cạnh trong công tác của Chúa Jesus; và sự liên hệ với những điều này sẽ ngăn chúng ta khỏi việc hiểu thái quá về ý nghĩa và cảm xúc trong những từ ngữ đơn giản: “Ngài phó chính mình Ngài”.

Sự tha thứ và phục hòa

“Đức Chúa Jesus Christ của chúng ta... đã phó chính Ngài vì tội lỗi của chúng ta”. Sự tha thứ tội lỗi thông qua Đấng Christ giữ một vị trí quan trọng nhất trong sứ điệp của các sứ đồ. “Trước hết tôi đã truyền đạt cho anh em”, sứ đồ Phao-lô nói với người Ga-lati, “điều mà tôi cũng đã nhận được rằng Đấng Christ đã chết vì tội lỗi của chúng ta như thế nào theo như Kinh Thánh đã chép” (I Cô 15:3). Chúng ta nhìn thấy ý nghĩa quan trọng gắn liền với tuyên bố của Phao-lô rằng sứ điệp của ông là điều mà ông đã nhận một cách cá nhân và trực tiếp khi ông nói: “Mọi điều đó đến từ Đức Chúa Trời, Đấng đã cho chúng ta được hòa giải với Ngài qua Đấng Christ và giao cho chúng tôi chức vụ hòa giải. Ấy là, trong Đấng Christ, Đức Chúa Trời đã cho thế gian được hòa giải với Ngài không kể tội lỗi cho loài người và ủy thác cho chúng tôi sứ điệp hòa giải. Vậy chúng tôi là đại sứ của Đấng Christ, Đức Chúa Trời

dùng chúng tôi để khuyên mời. Chúng tôi nhân danh Đấng Christ nài xin anh em hãy làm hòa với Đức Chúa Trời.” (II Cô 5:18-20).

Đức Chúa Trời đã ban cho sứ đồ Phao-lô chức vụ này giữa vòng Dân Ngoại, và dựa trên căn bản những công tác của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ, con người được thúc dục đến với sự hòa thuận với Đức Chúa Trời. Sự phục hòa được bảo đảm vì không còn bị định tội nữa; trong Đấng Christ tội lỗi được tha. Trong sự mô tả về sự tha thứ này và những phương tiện mà nhờ đó việc này có thể thực hiện, Phao-lô và những sứ đồ khác sử dụng rất nhiều thuật ngữ và sử dụng nhiều hình ảnh khác nhau khi công bố. Những thành ngữ này được thực hiện bởi công tác chuẩn bị của luật pháp Đức Chúa Trời như là một quy tắc hướng dẫn cho Israel. Luật theo nghi thức tôn giáo sử dụng nhiều từ vựng trong việc mô tả những của dâng khác nhau và yêu cầu con người thực hiện khá nhiều từ ngữ trong việc xưng tội được yêu cầu. Của dâng cho những tội lỗi và những vi phạm; trong ngày chuộc tội, thầy tế lễ sẽ xưng tội trên đầu của con dê sống được đưa vào trong đồng vắng, những hành động sai trật, sự vi phạm, và tội lỗi của con người. Người Do Thái vì thế quá quen thuộc với những thuật ngữ như vậy, mà qua đó họ có thể mô tả những hành động đi ngược với luật của Đức Chúa Trời. Nghi lễ, là tiêu biểu và một phần của sự chuẩn bị cho sự đến của Đấng Christ, không còn nghi ngờ gì nữa đã ban hình thức cho những từ ngữ này mà qua đó việc phó dâng của Đấng Christ được mô tả. Khi nhận biết điều này, chúng ta phải bảo vệ chống lại những suy nghĩ rằng vì ngôn ngữ được vay mượn từ những loại này nên nó không mô tả những sự kiện có thật khi sử dụng để nói về Đấng Christ.

Thuật ngữ “huyết”

Công tác của Chúa Jesus được giải thích trong những thuật ngữ của luật pháp vì luật pháp được ban ra để hướng dẫn dân sự của Chúa liên quan đến những nguyên tắc điều khiển mỗi quan

hệ của con người với Đức Chúa Trời- những nguyên tắc phải được nhận ra như là điều kiện để con người nhận được ân huệ của Đức Chúa Trời. Điều này được mô tả trong việc sử dụng thuật ngữ “huyết”. Huyết của những con vật biểu tượng trong nhiều cách trong những quy định của luật pháp; trong việc thanh tẩy thầy tế lễ thượng phẩm, và vào ngày lễ chuộc tội, là hai phần quan trọng nhất. Nhưng luật pháp hướng dẫn cho dân Israel rằng không được ăn huyết vì “sự sống của thân xác nằm trong huyết: và Ta đã ban nó cho các con trên bàn thờ để cứu chuộc linh hồn các con; vì đó là huyết đã tạo nên sự cứu chuộc cho linh hồn (Lê-vi Ký 17:11). Huyết là nguồn sự sống, và trong nghi lễ nó được sử dụng như là một biểu tượng của sự sống được dâng lên. Thế thì khi Chúa Jesus nói về “huyết ta” và “huyết của giao ước mới xóa sạch tội lỗi” và khi Phao-lô nói về “huyết của Đấng Christ”, họ đang sử dụng thuật ngữ của luật pháp với tầm quan trọng của nghi lễ để mô tả về việc thiết lập đời sống của Đấng Christ. Về nghĩa đen thì đúng là huyết Chúa Jesus đã đổ ra từ tay và chân Ngài và những phần thân thể bị đóng đinh nhưng phần cần thiết đó là Ngài đã ban sự sống của chính Ngài. Điều này là rõ ràng khi chúng ta xem xét rằng huyết của Ngài về nghĩa đen được đưa vào Nơi Chí Thánh như huyết của những con vật được rưới lên ngai thi ân bởi Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm trong ngày Lễ Chuộc Tội. Huyết của Ngài, như một chất lỏng màu đỏ, đây trên tay Ngài và đổ xuống đất nơi Ngài chịu đóng đinh. Không có những giá trị huyền bí nào như Công Giáo La-mã gán cho. Tuy nhiên, một điều gì đó rất thật là nó đã được thực hiện qua sự chết của Đấng Christ, một điều gì đó là hình bóng của việc thầy tế lễ thượng phẩm bước vào trong nơi chí thánh. Tuy nhiên, thực tế đó được Phao-lô bày tỏ trong những từ được rút ra theo loại này: “bởi huyết của chính Ngài, Ngài đã bước ngay vào nơi chí thánh, nắm lấy sự cứu chuộc đời đời: và trong những từ ngữ khác đưa ra những lời giải thích rõ ràng hơn khi ông nói: “Vì Đấng Christ không vào nơi thánh bởi

tay người làm ra, là bản sao của nơi thánh thật, nhưng vào chính thiên đàng, để bây giờ Ngài thay cho chúng ta đến trước mặt Đức Chúa Trời.” (Ê-bơ-rơ 9:24).

Vì thế chúng ta có thể công bố lại vấn đề này: trong những sự sắp xếp mang tính hình bóng về vấn đề thầy tế lễ thượng phẩm bước vào nơi chí thánh với việc tưới huyết: trong thực tế thì điều này đã được thể hiện hình bóng trước là Đức Chúa Jesus đã bước vào trong sự hiện diện của Đức Chúa Cha qua sự chết tự nguyện của chính Ngài. Thậm chí như vậy, chúng ta chỉ công bố sự kiện và không lý giải về những nguyên tắc đạo đức trên những sự kiện được đưa ra.

Những lời tuyên bố song hành

Trở lại việc xem xét ngôn ngữ của Phao-lô đó là “cho tội lỗi của chúng ta” mà Chúa Jesus đã phó chính mình Ngài, chúng ta có thể ghi nhớ những lời công bố sau có giá trị cho việc so sánh. “Ngài được ban cho tội lỗi của chúng ta” (Rô-ma 4:25); “Ngài dâng một sinh tế cho tội lỗi” (Ê-bơ-rơ 10:12); “Chính Đấng Christ cũng đã vì tội lỗi chịu chết một lần đủ cả” (I Phi-e-rơ 3:18), “Đấng Christ đã dâng mình chỉ một lần để xóa bỏ tội lỗi của nhiều người” (Ê-bơ-rơ 9:28), “Ngài mang tội lỗi chúng ta trong thân thể Ngài trên cây gỗ” (I Phi 2:24), “Đấng Christ phải chịu đau đớn đến ngày thứ ba sẽ từ cõi chết sống lại, người ta phải nhân danh Ngài mà rao giảng cho tất cả các nước về sự ăn năn để được tha tội, bắt đầu từ thành Giê-ru-sa-lem” (Lu-ca 24:46,47); “ai tin Ngài thì nhờ danh Ngài được tha tội” (Công 10:43); “nhờ Đấng đó mà sự tha tội được công bố cho anh em” (Công 13:38); “vì trong Đấng Christ, chúng ta được cứu chuộc bởi huyết Ngài, được tha tội theo sự phong phú của ân điển Ngài.” (Ê-phê-sô 1:6,7, cũng hãy xem Cô-lô-se 1:13,14). Đó là những trích dẫn đầy đủ về những người được cứu chuộc nói ra để ca ngợi Chiên Con: “Đấng yêu thương chúng ta đã lấy huyết mình giải thoát

chúng ta khỏi tội lỗi và làm cho chúng ta trở nên vương quốc, trở nên các thầy tế lễ cho Đức Chúa Trời, là Cha Ngài, đáng được tôn vinh và uy quyền đời đời.” (Khải Huyền 1:5,6).

Sự tha thứ tội lỗi là rất cần thiết, nếu không có điều này thì không ai được cứu hết: nhưng còn hơn là sự cần thiết, vì sự tha thứ bày tỏ chỉ một phía của công tác cứu chuộc của Chúa Jesus. Vì thế Phao-lô thêm vào: “Ngài phó chính mình Ngài... Ngài có thể giải cứu chúng ta khỏi thế giới tội lỗi hiện nay theo ý muốn của Đức Chúa Trời”. “Thế giới” là thời đại mà chúng ta đang sống, chuyên tiếp và tai họa- thông trị tội lỗi. Một thế đại khác được Chúa Jesus công bố _ “thời đại và sự sống lại từ cõi chết”- với những người có thể nắm giữ nếu được xem là có giá trị. Con người định hình nên lối sống của họ bởi những nghi thức và cách làm như những người đương thời, những người không do luật pháp Đức Chúa Trời điều khiển nhưng theo sự ham muốn riêng của họ, sẽ không có giá trị gì. Bước tiếp theo trong quá trình cho con người quyền và sự tự do về chính trị và xã hội từ trật tự hiện nay là phải nhận ra đó là tai họa: rằng thế giới đối trá trong một trật tự gian ác. Sự nhận thức này trở thành những phần của một sự quan tâm về tình trạng tội lỗi của bản tính con người, như được nhìn thấy trong chính bản ngã của họ mà sự nhận biết về lẽ thật của Đức Chúa Trời phục hồi cho con người. Con người nhìn thấy chính mình như một phần của thế giới dưới sự thông trị của tội lỗi: con người cảm nhận chính mình trong sự cầm giữ của nó; nhưng con người bất năng trong việc giải cứu chính mình. Lúc đó con người nhận thấy rằng người mà có sự tha thứ cũng là người ban cho tiến trình giải cứu, giờ đây có thể “giải thoát” những sự trói buộc từ những quyền lực cầm giữ trong xiềng xích. Con người không được đưa ra khỏi thế giới theo nghĩa thực thể, nhưng con người được gìn giữ khỏi tội lỗi (Giăng 17:15), và lời cầu nguyện mỗi ngày của con người trở thành “xin cứu chúng

con khỏi tội lỗi”. Rằng Phao-lô đang nghĩ về một mệnh đề trong lời cầu nguyện của Chúa Jesus dường như trên thực tế rất chắc chắn khi ông mô tả nhiều công tác nữa của Đấng Christ để ban sự tha thứ cũng như là sự giải thoát khỏi thế gian tội lỗi hiện nay.

Ý chỉ của Đức Chúa Trời

Một cụm từ nữa trong những câu mở đầu kêu gọi sự chú ý. Phao-lô công bố rằng Chúa Jesus đã phó chính Ngài vì tội lỗi của chúng ta, Ngài có thể giải cứu chúng ta khỏi thế gian tội lỗi hiện nay “theo ý muốn của Đức Chúa Trời và Cha chúng ta”. Ý chỉ của Đức Chúa Trời là nguyên nhân trên hết của công tác cứu chuộc: vì ý chỉ của Ngài là cần thiết cho Chúa Jesus để phó chính mình Ngài để tội lỗi của chúng ta được tha thứ và giải cứu chúng ta khỏi ảnh hưởng của tội lỗi.

Vấn đề đó là tất cả đã được thực hiện cho sự cứu rỗi con người là vì Đức Chúa Trời, vấn đề đó đã được công bố ở nhiều nơi trong các kỹ thuật của các sứ đồ. “Vì nhờ Ngài mà anh em được ở trong Đấng Christ Jesus, Đấng mà Đức Chúa Trời đã làm nên sự khôn ngoan, công chính, thánh khiết và sự cứu chuộc cho chúng ta.” (I Cô 1:30).

Trong Thi Thiên 40, Đa-vít chỉ ra rằng những con sinh tế mọi loài là không đầy đủ để tác động lên vấn đề chuộc tội. Công bố bởi “linh của Đấng Christ ở trong ông” (I Phi 1:11), và vì thế việc sử dụng những lời này có thể đúng là đến từ môi miệng của chính Đấng Christ, ông công bố rằng vì Đức Chúa Trời “không ưa thích” những sinh tế dâng lên, Đấng Christ đã đến để làm thành ý chỉ của Đức Chúa Trời. “Bây giờ con nói: có con đây”. Trong cuốn sách có chép về con. “Lạy Đức Chúa Trời của con, con vui thích làm theo ý muốn Chúa, luật pháp Chúa ở trong lòng con”. Làm thế nào Đa-vít có thể nói điều liên quan đến chính ông ta rằng sự vâng phục của ông với Đức Chúa Trời được viết trong

cuốn sách của Đức Chúa Trời! trong khi ông là một người theo tấm lòng của chính Đức Chúa Trời, như chính Đức Chúa Trời đã minh chứng, nhưng có những hành động trong đời sống của ông đã làm hỏng đi hình ảnh đó. Trong ý nghĩa về sự mang thai của Thi Thiên này, việc Đa-vít ra đời không thể được công bố là “theo ý muốn của Đức Chúa Trời”. Cũng như vậy, không thể nói về ông rằng ông chính là chủ thể của lời tiên tri xuyên suốt sự mặc khải về mục đích của Đức Chúa Trời. Nhưng điều này áp dụng cho Đấng Mê-si-a, ra đời từ nhu cầu cần thiết của chính ngôn ngữ này, được xác nhận rõ ràng bởi sự áp dụng của Phao-lô về những câu Kinh Thánh trong Hê-bơ-rơ 10:5-9, mà Phao-lô thêm vào, “theo ý muốn đó, chúng ta được thánh hóa nhờ sự dâng thân thể của Đức Chúa Jesus Christ một lần đủ cả” (Câu 10).

Nhưng ý chỉ của Đức Chúa Trời mở rộng công tác cứu chuộc của Chúa Jesus- Ý chỉ đó nắm lấy tất cả những hiệu quả của công tác đó trên những kẻ tin. Phao-lô nói với người Ê-phê-sô là “trong tình yêu thương Ngài đã chỉ định sẵn cho chúng ta địa vị làm con nuôi của Ngài bởi Đức Chúa Jesus Christ, theo mục đích tốt đẹp của ý muốn Ngài” (Ê-phê-sô 1:5), “Ngài khiến chúng ta biết được sự mầu nhiệm của ý muốn Ngài” (câu 9), và vì thế Đức Chúa Trời “hoàn thành mọi sự theo mục đích Ngài muốn. Để chúng ta, những người đầu tiên đặt hy vọng trong Đấng Christ, ca ngợi vinh quang của Ngài” (câu 11,12). Vì thế trong khi Phao-lô không bao giờ đánh mất cách nhìn của hành động của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ và của uy quyền sẽ dành cho của lễ là Chúa Jesus, có một lý do đặc biệt cho sự công bố trong những câu mở đầu này của thư tín cho người Ga-la-ti, rằng Chúa Jesus đã phó chính mình Ngài theo ý chỉ của Đức Chúa Trời. Tư tưởng này là rất cần thiết cho minh chứng của Phúc Âm Phao-lô trong sự đối nghịch với lời dạy dỗ của người Giu-đa.

Đức Chúa Trời Cha chúng ta

Trước khi chúng ta nắm lại những ý tưởng của những câu mở đầu này thách thức sự dạy dỗ giả dối được phơi bày xuyên suốt thư tín này, chúng ta phải chú ý là Phao-lô đã mô tả Đức Chúa Trời như “Cha chúng ta”. Bảng R.V có cụm từ “Đức Chúa Trời, Cha chúng ta” trong đầu câu 3, và trong câu 4 gắn thêm đại từ cho cả Đức Chúa Trời và Cha- “Đức Chúa Trời và Cha chúng ta”. Sau này trong thư tín Phao-lô chỉ ra rằng niềm tin vào Phúc Âm giới thiệu cho người tin tình trạng của những đứa con; con người chỉ là người giữ luật, là một người nô lệ. Vì Đức Chúa Trời, Đấng Quyền Năng ban cho luật pháp; nhưng luật pháp không bày tỏ tính chất Cha của Ngài.

Cũng có hai bản án chung cuộc cho những tội lỗi trong quá khứ. Thứ nhất là ở trong vườn Ê-đen nơi công bố về hậu quả của sự không vâng lời là sự chết. Không có một thành viên nào khác thuộc nhân loại ở cùng vị trí chính xác như A-đam trong vườn Ê-đen, vì sự không vâng lời của A-đam không những ảnh hưởng đến chính ông mà còn ảnh hưởng đến hậu tự của ông nữa. Sự chết đến với A-đam vào cuối năm ông 930 tuổi; nhưng sau sự phạm tội, tất cả những năm còn lại này ông đã làm việc đổ mồ hôi mới có cái mà ăn, và trải nghiệm những đau buồn và buồn bã và sự yếu đuối của sự chết. Phao-lô xác nhận rằng sự chết “đã lan tràn trên mọi người” bởi tội lỗi của A-đam (Rô-ma 5:12). Cách dùng ngôn ngữ thật mạnh, vì đó cũng là một lời tuyên bố; bởi con người đến với sự chết” và sự chết này hiển nhiên là sự chết cuối cuộc sống hiện tại, vì Phao-lô thêm vào “bởi một người đến cũng làm sống lại những kẻ chết”. Đấng Christ sống lại từ cõi chết là trái đầu mùa sống lại từ cõi chết sẽ thống trị trên tội lỗi của A-đam.

Một bản án khác là Mosaic, chứa đựng những trường hợp, những tội mà có thể bị phạt tội chết. Vì bản án Mosaic là quy luật

của cuộc sống được ban cho như là một phần rất cần thiết của giao ước mà người Do Thái đồng ý vâng phục, thất bại trong việc vâng giữ bất kỳ một phần nào trong luật pháp sẽ gánh lấy hậu quả của luật pháp trên những người phạm tội. Người Ga-la-ti bị dẫn dụ vào việc chấp nhận việc tuân giữ quy tắc này như là một điều kiện để nhận lấy sự cứu rỗi; họ đang chấp nhận những điều sẽ nhận rửa sạch và mất phước; và khi làm điều này, họ đang rơi từ thân phận “con” thành “nô lệ”.

Kể đó trong những câu mở đầu này, Phao-lô đã công bố như là một lời chống lại những kẻ chống đối thẩm quyền sứ đồ của ông không phải do con người mà do chính Chúa Jesus sống lại và Đức Chúa Cha ban cho. Thẩm quyền của ông có sự nên thánh cao nhất. Phúc Âm mà ông giảng dạy, và những điều mà người Ga-la-ti nhận từ ông, là tin tức tốt lành của sự tha thứ tội lỗi qua sinh tế là Đấng Christ và thoát khỏi thế gian tội lỗi. Phúc Âm là một sự bày tỏ con đường cứu rỗi của Đức Chúa Trời, bởi ân điển của Đức Chúa Trời và không bởi nhân đức của con người. Nếu của dâng Chúa Jesus là theo ý chỉ của Đức Chúa Trời thì đó là của dâng rất cần thiết cho sự cứu rỗi. Việc vâng giữ bởi người Giu-đa những điều kiện khác ám chỉ rằng những sự sắp xếp mà Đức Chúa Trời ban món quà là chính Con của Ngài và trong Con đó đã phó chính mình Ngài, không đủ cho sự cứu chuộc của họ. Vấn đề đó là nếu Đức Chúa Trời không ban chính Con Ngài thì con người liệu có thể nhận sự sống hay không, hay chính nó là một kết cuộc cho tất cả những quan niệm rằng hậu tự của A-đam có thể nhận được sự sống đời đời bằng cách vâng giữ Luật Pháp Môi-se hay bất kỳ quy tắc luật pháp khác. Phúc Âm đưa con người vào trong mối quan hệ với Đức Chúa Trời thông qua Con Ngài nơi họ được nhận là con cái của Đức Chúa Trời, và có thể gọi Đức Chúa Trời là Cha.

Những kẻ chống đối Phao-lô cho ông không là gì cả ngoài

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

việc là một người do mười hai sứ đồ sai phái, và hơn nữa còn thay đổi Phúc Âm mà ông đã nhận được. Họ nói mười hai sứ đồ do chính Chúa Jesus ủy thác- nhưng Phao-lô là người đến sau: và thẩm quyền của ông không phải là từ gốc mà được trao lại. Những kẻ chống đối ông công bố rằng những tín đồ phải được cắt bì để trở thành thành viên của “Cộng đồng chung Israel và dân sự của Đức Chúa Trời”. Phao-lô nhìn thấy rằng chấp nhận cắt bì là một điều kiện cần thiết của sự cứu rỗi cũng có liên quan đến việc vâng giữ toàn bộ luật pháp. Luật pháp không mang lại ân điển hay sự bình an, sự tha thứ hay vị trí con. Nó mang lại sự trói buộc chứ không phải giải thoát.

Những ý tưởng được chỉ ra trong những câu mở đầu là rất quan trọng trong thư tín này. Những sự kiện lịch sử là với Phao-lô. Ông đã nhìn thấy Đấng Christ; ông biết Đấng Christ sống lại từ cõi chết; ông biết mình nhận được ân điển và sự bình an đó mà ông muốn truyền tải đến những độc giả của ông; ông biết những sự kiện lịch sử về Chúa Jesus là một điều mở ra ý chỉ của Đức Chúa Trời cho việc tha thứ cho tội lỗi của con người; và vì thế “Đức Chúa Trời là Đấng vinh hiển đời đời” (câu 5).

PHẦN II

SỰ BẢO VỆ CỦA PHAO-LÔ CHO CHÚC VỤ SỨ ĐỒ CỦA ÔNG

SỰ KHÔNG DUNG CHỊU CỦA PHÚC ÂM (1:6-9)

Hình thức thư tín thông thường được viết trong thế kỷ thứ nhất bắt đầu với lời chào thăm, tiếp sau đó là lời cảm tạ. Từ nhiều sự minh họa có sẵn trong những khám phá trên giấy papyrus ở Ai-cập, có ba hay bốn mẫu được đưa cho là *Thư Tín Gửi Người Ê-phê-sô* (trang 35). Phao-lô thường theo sự sắp xếp thông thường, thường đưa ra những cách thể hiện của người đương thời từ một cách sử dụng vô tình và theo truyền thống là phương tiện bày tỏ những tư tưởng đáng quý và cao trọng nhất. Thậm chí trong thư tín đầu tiên gửi cho người tại thành Cô-rinh-tô- giải quyết nhiều vấn đề lộn lạo và khó khăn, tất cả đều khiến cho Phao-lô phải lo lắng nhiều- vị sứ đồ này vẫn theo cách chào hỏi với những từ: “tôi luôn vì anh em cảm tạ Đức Chúa Trời, bởi ân điển Ngài đã ban cho anh em trong Đấng Christ Jesus” (I Cô 1:4). Việc không có những lời cảm tạ như vậy trong Thư Tín Ga-la-ti không những cho thấy vị sứ đồ cảm nhận sâu sắc sự thay đổi trong những tín đồ tại thành Ga-la-ti, mà còn cho thấy sự lìa bỏ nghiêm trọng của họ đối với Phúc Âm. Thuyết của người Giu-đa, trong khi tuyên bố là hoàn toàn theo Phúc Âm, thật sự ra là chống đối Phúc Âm. Nếu lời tuyên bố của họ là đúng thì Phúc Âm là một phương tiện cứu rỗi không có ích lợi gì hết. Phao-lô đã nhìn thấy rõ điều này, và

những lời chặc nịch của ông là sự phản ánh về tính nghiêm trọng của vị trí tại Ga-la-ti.

Thay vào đó là một câu bắt đầu với “tôi tạ ơn Chúa”, chúng ta thấy: “tôi lấy làm ngạc nhiên khi thấy anh em vội vàng bỏ Đấng đã gọi anh em bởi ân điển của Đấng Christ để theo một tin lành khác”. Sự lìa bỏ thật nhanh chóng, không những từ sự ngăn ngủ của khoảng thời gian gián đoạn từ thời gian Phúc Âm được rao giảng cho họ, mà còn bởi sự nhanh chóng mà họ đã đạt được những đòi hỏi của những giáo sư mới. Những người mà thư tín Ga-la-ti nói đến là những người cư ngụ tại phía Bắc Ga-la-ti, được xem là người đến sau theo ý nghĩa vì độ dài thời gian giữa lúc Phao-lô rao giảng và lúc thư tín này được viết. Nhưng nếu những Hội Thánh được nhắc đến là ở Phía Nam Ga-la-ti, thì ý nghĩa ban đầu là một yếu tố tự nhiên. Người Ga-la-ti đã không gìn giữ những chứng ước lâu dài, và điều này thể hiện sự nhiệt tình với điều mà họ đã nhận lãnh qua Phúc Âm của vị sứ đồ rao giảng với một sự ngạc nhiên giận dữ.

Việc không còn hiệu lực của luật pháp

“Đấng mà anh em đã gọi” là Đức Chúa Trời, đối với những người mà Phao-lô nói đến đã có trong câu trước đã nêu ra toàn bộ mục đích của ân điển. Người Giu-đa không nghi ngờ gì nữa đã đưa ra vấn đề là luật pháp do Đức Chúa Trời thiết lập và tất cả mọi người phải vâng giữ. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng đã ban luật pháp cho Israel cũng đã kêu gọi Dân Ngoại “vào trong ân điển của Đấng Christ”. Luật pháp mang tính quốc gia; và nếu trong những thời gian trước đó, một người Dân Ngoại như Ru-tơ hay Ra-háp, đã tạo nên niềm hy vọng cho Israel, họ đã trở thành công dân của Israel. Nếu thiếu tính vô hiệu lực của luật pháp, những người Do Thái tin Chúa Jesus cũng tiếp tục giữ luật pháp. Thực tế trong suốt khoảng thời gian lịch sử diễn ra trong thời Công Vụ các Sứ Đồ, đây là một trường hợp; nhưng thư tín Hê-

bơ-rơ, sau khi đưa ra vấn đề là Đức Chúa Trời đã phán trong Con Ngài là tất cả hình bóng về luật pháp được thành toàn, thậm chí kêu gọi trên những tín đồ Do Thái đến với Đấng Christ “trong trại quân” của Israel. Mục đích trong chiều kích lớn như thế này giải thích tính đồng nhất của Thư Tín Hê-bơ-rơ: việc khuyết danh tác giả của thư tín có ý nghĩa màu nhiệm của thẩm quyền thiên thượng mà không thể gặp mặt nhau. Sự thay đổi trong mối quan hệ của tín đồ Do Thái đối với luật pháp là chậm chậm theo thời gian, vì nó thích hợp với những hoàn cảnh. Việc rao giảng Phúc Âm kèm theo yêu cầu bỏ đi luật pháp sẽ đóng tai của tất cả những người Do Thái đối với lời mời của Đức Chúa Trời. Sự vô hiệu lực thiên thượng trong Thư Tín Hê-bơ-rơ đi trước chỉ trong một thời gian ngắn xảy ra âm mưu nổi loạn dẫn đến sự hủy diệt thành và đền thờ của người La-mã, bởi đó việc giữ luật pháp trở nên không thể được trong nhiều khía cạnh.

Trong khi đó, như là một biện pháp thực tế, người Do Thái cứ bám lấy đường lối Do Thái giáo trong một thời gian, yêu cầu rằng Dân Ngoại nên chấp nhận những hình thức thờ phượng và nghi lễ của họ như là một ép buộc một vấn đề thông thường dựa trên một thực tế được cụ thể hóa. Điều này hầu như khiến Phúc Âm trở nên vô hiệu nếu không có luật pháp và vì thế những người rao giảng Do Thái đã rao giảng một Phúc Âm khác.

Từ *khác* trong câu 6 và 7 đại diện cho hai từ trong tiếng Hy-lạp, và trong bảng R.V đã cố ý giữ lại ý nghĩa đặc biệt bởi từ *khác* trong câu 6. Nhiều điều đã được viết về tầm quan trọng chính xác của hai từ này; rằng chúng đồng nghĩa khi được sử dụng riêng lẻ được chấp nhận bởi tất cả mọi người, nhưng một số tác giả nhấn mạnh rằng sự phân biệt được thể hiện khi những từ này được sử dụng trong mỗi liên kết gần gũi. Sự phân biệt chính xác- khi mà từ mô tả sự khác nhau về số lượng (khác với lớp tương tự), và sự khác biệt rất cần thiết (một trong những lớp

khác)- là một điểm gây tranh cãi; sự xem xét chi tiết sẽ không có lợi ích chung nào hết.

Một Phúc Âm “khác”

Ý nghĩa có thể như sau: Người Giu-đa đang rao giảng một Phúc Âm khác; đối với Phao-lô thì đó là một phúc âm hoàn toàn khác- vì thế ông phủ nhận nó đúng theo ý nghĩa Phúc Âm: Đó là một phúc âm khác, vì không thể có hai phúc âm; Phúc Âm của ông và phúc âm của những kẻ chống đối ông là hoàn toàn khác nhau. Thật vậy, nó không thể được gọi là phúc âm khác với ý nghĩa rằng người Giu-đa đang thay đổi tâm trí của họ và ném bỏ Phúc Âm thật. Một công việc mà được mô tả là phúc âm!

Sự diễn giải này có thể cũng được hiểu như việc đáp ứng với lời tuyên bố của người Giu-đa là Phúc Âm của Phao-lô thật sự là để làm rõ Phúc Âm ban đầu mà ông đã nhận từ 12 sứ đồ. Phao-lô phản ứng ngay rằng ông rao giảng Phúc Âm thật- phúc âm khác mà lúc bấy giờ người Ga-la-ti đang chú trọng, không phải là phúc âm gì cả; và trước khi xử lý những câu hỏi rất quan trọng này về nguồn gốc Phúc Âm mà ông rao giảng, ông công bố rằng Phúc Âm mà ông rao giảng có thẩm quyền đến nỗi bất cứ công bố về bất kỳ Phúc Âm nào khác là đáng bị rửa sả. Đó là một ngôn ngữ mạnh mẽ, với sự nhấn mạnh lập lại: “Như chúng tôi đã nói với anh em trước đây, nay tôi xin lập lại, nếu ai truyền cho anh em một tin lành khác với Tin Lành mà anh em đã nhận thì người ấy đáng bị nguyên rủa!”. Một số người nói rằng Phao-lô đã cương quyết trong những hành động chắc chắn của ông, và trong những phần giảng dạy của ông; nếu có như vậy, ông cũng bị kể vào hàng những kẻ bị a-na-them (đáng bị nguyên rủa); nhưng ông đã kiên trì bảo vệ chân lý của mình. Nhưng vì người Giu-đa công bố một sự khác biệt trong lời dạy dỗ của họ và của Phao-lô, họ đáng bị a-na-them.

Thật dễ giải thích sự tranh luận về những từ ngữ này chỉ nảy sinh từ những cảm xúc mạnh mẽ của Phao-lô, nhưng khi chúng ta xem xét rằng những ảnh hưởng sẽ là gì nếu như Phao-lô không chiến thắng trong cuộc chiến tại Ga-la-ti, chúng ta có thể gán cho chúng tất cả sức mạnh thuộc về giá trị bên ngoài của nó- tất cả những điều mà Phao-lô muốn nói đến.

Phúc Âm là vì sự cứu rỗi con người, và là một sự mặc khải về ý chỉ của Đức Chúa Trời. Một sự thay đổi về Phúc Âm không thể hiện ý muốn của Đức Chúa Trời và sẽ làm mất đi ý nghĩa của sự cứu rỗi. Người thay đổi Phúc Âm là một kẻ hủy diệt niềm hy vọng thật- hẳn là một kẻ ném đi chìa khóa tri thức và đóng cánh cửa mà nhờ đó con người có thể bước vào trong Vương Quốc của Đức Chúa Trời.

Lẽ thật về Phúc Âm của Phao Lô

Phao-lô chắc chắn về lẽ thật của Phúc Âm mà ông rao giảng. Sự tin quyết của ông đã có một điểm khởi đầu trong trải nghiệm gặp Đấng Christ của chính ông; nhưng sự xác quyết của ông sau đó được xác chứng mạnh mẽ bởi hai điều. Đầu tiên, có một bằng chứng do những tài liệu trong Cựu Ước cung cấp rằng Đấng Christ phải chịu khổ và sẽ sống lại. Bằng chứng này là đầy đủ và rõ ràng, cả trong sự định nghĩa theo chiều rộng của công tác của Đầy Tớ của Đức Chúa Trời mà đời sống là một vật sinh tế chuộc tội, và cũng ở trong chi tiết bày tỏ có liên quan đến những tình huống bên ngoài sẽ được kết nối với sự chết của Đấng Mê-si-a. Cũng có bằng chứng về sự chứng kiến liên tục về Đức Thánh Linh, cả trong quyền năng tuôn đổ trên Phao-lô và cũng ở trong sự bày tỏ ân tứ Thánh Linh giữa vòng những tín đồ. Sự chắc chắn của Phao-lô, được xác chứng trong lời nói của ông, “ta biết Đấng ta đã tin, và ta đoán chắc rằng Đấng ấy có quyền năng bảo vệ điều ta đã ủy thác cho đến Ngày ấy” (II Ti-mô-thê 1:12), được minh chứng. Tuy nhiên, đó sẽ là một sai lầm khi thêm vào sự tin quyết

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

đó trong lẽ thật của Phúc Âm của ông điều có thể được gọi là sự không dung thứ được bày tỏ trong những những lời này: “dù chúng ta, hay một thiên sứ từ thiên đàng rao giảng bất kỳ phúc âm nào khác cho anh em khác với điều mà chúng tôi đã rao giảng cho anh em, hãy để người đó bị rủa sả”.

Nhưng tư tưởng của lời tuyên bố này đều ra ngoài việc theo tâm linh phổ biến ngày nay trong những vấn đề tôn giáo. Một người có thể được phép bị thu hút hoàn toàn vào một thuyết chính trị, nhưng sự chắc chắn và lời công bố theo tín lý Cơ Đốc bị phủ nhận. Một nhà cách mạng có thể yêu thích sự tuyên bố mang tính học thuyết và tìm ra sự nhất trí; một thuyết tương tự về thuyết được bày tỏ được xem như là một dấu hiệu của một tâm trí bị thu hẹp.

Nhưng nếu Phúc Âm là đúng, sự không dung thứ là một điều không thể tránh khỏi. Nếu Đức Chúa Trời đã nói, Lời của Ngài chắc không có mâu thuẫn. Nếu Đức Chúa Trời dấy lên một tiên tri giữa vòng con người và “đặt Lời Ngài trên miệng của ông” để “công bố tất cả những điều mà Đức Chúa Trời đã truyền lệnh cho ông”, về căn bản đúng là Đức Chúa Trời sẽ áp dụng hình phạt đối với những kẻ không vâng lời vi phạm luật. “kẻ nào không nghe lời Ta, là những lời mà nhà tiên tri nhân danh Ta nói thì Ta sẽ hỏi tội kẻ ấy” (Phục Truyền 18:19).

Đức Chúa Trời đã phán với Israel: “trước mặt Ta, các ngươi không được có thần nào khác” (Xuất 20:3). Đấng Thánh của Israel, Đức Chúa Trời hằng sống, không thể chia sẻ sự kính trọng và thờ phượng của con người với những thần giả dối mà con người đã tạo ra cho chính họ- những hình tượng bằng gỗ và đá. Điều gì là lẽ thật về chính Đức Chúa Trời cũng là lẽ thật về công tác cứu chuộc dành cho con người. Nếu Đức Chúa Trời bày tỏ niềm vui mừng lớn tốt lành cho con người, bất cứ điều thay đổi nào đối với Phúc Âm khiến Đức Chúa Trời thành một kẻ dối

trá, thay thế bằng hành động ngu dốt của con người cho sự khôn ngoan thiên thượng. Khi thực hiện mục đích mà Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài trong một con người vừa là con của con người và con của Đức Chúa Trời, và sau đó theo sự bày tỏ ý chỉ của Đức Chúa Trời rằng Con sẽ chịu khổ và sẽ chết mà Đức Chúa Trời trong sự thương xót của Ngài có thể tha thứ tội lỗi của con người, bất kỳ sự thay thế bởi những lời đề nghị nào khác là cố ý không vâng phục hành động đầy yêu thương của Đấng Sáng Tạo. Phủ nhận Phúc Âm, dù là bề ngoài hay ám chỉ, trong sự thay thế của một học thuyết mà đánh giá thấp Phúc Âm, có thể chịu sự đoán xét thiên thượng và sự kháng cự của những người trung tín với Lời của Đức Chúa Trời.

Những kẻ tiêu diệt Phúc Âm là kẻ thù của Đức Chúa Trời và những người theo Ngài. Hấn đã chống đối mục đích của Đức Chúa Trời và đẩy con người ra khỏi con đường cứu rỗi. Vì Đức Chúa Trời là một, vì thế Phúc Âm là một, như Phao-lô công bố trong Rô-ma 3:30. Bất kỳ “phúc âm” nào khác đều là giả dối và những kẻ ủng hộ nó phải bị a-na-them.

Con đường của Đức Chúa Trời là duy nhất

Sự duy nhất nhấn mạnh ở đây về con đường của Đức Chúa Trời được bày tỏ trong Kinh Thánh là một điều có thể gây sốc cho những tâm trí con người hiện đại, nhưng thái độ chung của người làm theo Lời Đức Chúa Trời chắc là không thể chấp nhận được đối với Đức Chúa Trời. Điều này bày tỏ rằng Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời ghen tuông. Nếu Ngài không tuyên bố thẩm quyền tối thượng của Ngài thì đó sẽ là một điều tồi tệ cho một sự thoái vị, sẽ là một điều không thể xảy ra vì như vậy Chúa phủ nhận chính Ngài. Sự độc tôn cũng xuất hiện trong nhiều lời công bố: “Ta sẽ không nhường vinh quang cho kẻ khác”, “Ta sẽ được tôn thánh giữa vòng những người đến với Ta”, “không có một danh nào khác được ban dưới trời này mà chúng ta được cứu”

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

“không có sự cứu rỗi trong đấng nào khác” “người nào có Con ấy thì có sự sống, người nào không có Con Đức Chúa Trời thì không có sự sống” “Cha Ta đã giao mọi sự cho Ta, ngoài Cha, không ai biết con. Ngoài Con và người nào Con muốn bày tỏ thì cũng không ai biết Cha” (Mat 11:27). “Nếu chúng ta nói chúng ta không phạm tội chúng ta đã khiến Ngài thành kẻ dối trá, và Lời Ngài không có ở trong chúng ta”. Những lời này còn là những ví dụ, hầu như mọi trang trong Kinh Thánh cung cấp những lời khác nữa.

Một người phủ nhận một định lý toán học hiển nhiên, là người đó thể hiện một sự ngu dốt về tri thức. Nhưng nếu một người phủ nhận những lẽ thật rất cần thiết về sự cứu rỗi khi người đó có hiểu biết trong sự mặc khải được chứng minh là đúng đắn bởi nhiều bằng chứng, sự sai lầm của người đó chuyển từ tri thức sang phạm trù đạo đức. Vì đó là một lỗi lầm về đạo đức khi từ chối đường lối của Đức Chúa Trời, nó trở thành một sự cần thiết về đạo đức phải bảo vệ. Sự bảo vệ và duy trì điều này không có gì khác hơn là đi theo Chúa, và từ chối làm theo những điều mà những kẻ thù của Đức Chúa Trời hướng mình làm theo.

Phao Lô đã công bố những điều đáng bị a-na-them không chỉ là một sự bày tỏ mạnh mẽ, nhưng thuộc về sự cần thiết cho vấn đề là Phúc Âm của ông là Tin Lành của Đức Chúa Trời. Phao-lô nhìn thấy rõ ràng rằng những kẻ chống đối ông đang cố gắng làm hại Phúc Âm mà ông rao giảng, đang loại bỏ những sự nhận biết về sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời ra khỏi sự cải đạo của ông, và đang dựng nên một thứ không phải là phúc âm gì cả. Với điều này, đánh cắp điều quý giá của con người là một điều không thể tha thứ được.

Một tranh luận từ một quan điểm có thể rút ra từ công bố của Phao-lô. Rằng Phao-lô công bố a-na-them cho những kẻ thay đổi

Phúc Âm của ông cho thấy sứ điệp của ông mang tính căn bản, rất cần thiết, chân thật như thế nào. Sự phủ nhận với lẽ thường tình và không quan trọng sẽ không gây ra những hậu quả khủng khiếp như vậy. Thế thì sự công bố về việc bị a-na-them là một sự chỉ dẫn thích hợp, khi đối diện với sự thay đổi gây ra bởi những kẻ chống đối Giu-đa của ông cho thấy Phúc Âm của ông là chân thật.

PHÚC ÂM CỦA PHAO-LÔ ĐƯỢC BÀY TỎ BỞI CHÍNH
Đấng CHRIST (1:10-12)

Những câu mang tính cấp bách của Phao-lô cũng chưa bao giờ có thể chấm dứt tính lô-gic và mạch lạc, đôi khi từ chối nghe theo một sự phân tích có trật tự. Chúng ta thêm vô câu 10 trong phần này, nhưng nó có thể hợp lý tương tự như khi thêm vào trong phần cuối cùng. Một số người phân chia đoạn ở câu 9; bảng R.V kết thúc đoạn ở câu 10; nhưng khi chúng ta phân chia như thế nào thì tư tưởng của Phao-lô vẫn cứ tiếp tục bày tỏ.

Ở điểm này trong thư tín của ông, Phao-lô bắt đầu sự bảo vệ cho chính mình, về sự liêm chính của mình, về sự chân chính trong sứ điệp của mình- phần này của bức thư đi đến cuối chương 2.

Người ta có thể thấy rõ ràng rằng trong các thư tín của Phao-lô, chúng ta nhận thấy vang lên lời nói của những kẻ chống đối ông. Đôi khi ông lấy ra một số phần tranh cãi của họ, và nếu chúng ta không nhận định rõ những tham chiếu này thì sự hiểu biết của chúng ta về những cách trả lời của ông sẽ gặp rắc rối. Bất cứ ai quan tâm đến việc kiểm chứng vấn đề có thể đọc thấy các thư tín gửi cho người tại Cô-rinh-tô được Conybeare và Howson dịch ra, và quan sát những trích dẫn để biết được sức mạnh và sự rõ ràng của nó như thế nào. Có thể cho thấy nhiệt tình quá mức, vì thế thêm vô những cụm từ với đối thủ của Phao-lô, nhưng điều này không đòi hỏi chúng ta lờ đi những sự minh họa rõ

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

ràng của vấn đề này. Ramsay trích dẫn giáo sư W. Locke về ảnh hưởng rằng “để hiểu nhiều đoạn Kinh Thánh trong thư tín Phao-lô, chúng ta phải hiểu rằng có những cụm từ nào đó thể hiện ví dụ, nếu đó không phải là những lời thật sự, về những lời chỉ trích ở trong những lời nói chống lại ông bởi những kẻ chống đối ông thuộc cộng đồng Cơ Đốc Do Thái. Ga-la-ti 1:10 cung cấp một minh họa rõ ràng về vấn đề này.

Những kẻ thù chống đối Phúc Âm của Phao-lô buộc tội vị sứ đồ này khi công bố Phúc Âm với người nghe rằng ông có thể đạt được sự biến cải. Để tìm những lời của họ đã làm thay đổi và sử dụng sai là kinh nghiệm của tất cả những người rao giảng phúc âm và đang làm điều thể hiện họ là tà giáo. Phao-lô cũng gánh chịu rất nhiều trong vấn đề này. Chính ông nói rằng ông đã trở thành mọi điều cho mọi người. Những hành động bên ngoài mà ông đồng ý có thể dường như mâu thuẫn, nhưng thật sự có sự kiên định mà đối thủ của ông không thể hiểu nổi. Ông cất bì cho Ti-mô-thê, nhưng từ chối cất bì cho Tít. Ông từ chối yêu cầu rằng Dân Ngoại nên theo luật pháp, nhưng chính ông không ngần ngại tuân theo nghi thức thờ phượng và qui tắc của Do Thái Giáo. Lời nói và hành động như đã được cung cấp ở trên đã tạo nền cho việc phải gánh chịu liên tục sự chỉ trích dữ dội đối với công tác của ông.

Phao-lô đã công bố về sự độc nhất và không dung chịu của Phúc Âm của Chúa theo nghĩa là không thể làm cho mạnh hơn (câu 8,9). Trong câu 10, ông hỏi, “còn bây giờ, tôi muốn được lòng loài người hay Đức Chúa Trời? Có phải tôi đang cố gắng làm đẹp lòng loài người không? Nếu tôi vẫn cố gắng làm đẹp lòng loài người thì tôi chẳng phải là đầy tớ của Đấng Christ”.

Không có điều trong những lời mà ông vừa đưa ra rằng có liên quan đến việc cáo buộc ông chỉ là một người “làm đẹp lòng

con người”, cắt bỏ và công bố sứ điệp phúc âm. Một chỗ bị bỏ ra có liên quan đến câu đầu tiên, tư tưởng được hiểu theo một cách nào đó như là, “hay, tôi quan tâm về Đức Chúa Trời” Ông có thể làm hài lòng con người và hài lòng những kẻ chỉ trích Do Thái bằng việc giảng dạy nhu cầu tuân giữ luật pháp và chấp nhận nghi thức cắt bì. Thật vậy, sự thù ghét mà ông chịu đựng từ người Do Thái đưa ra những lời dối trá chống lại ông: Nhưng, Phao-lô nói (bảng R.V), “nếu tôi vẫn làm hài lòng con người”- nếu ông tuân thủ theo những mong muốn của người Do Thái- thì ông không phải là đầy tớ hay nô lệ của *Đấng Christ*. Thật vậy, ông sẽ phải đầu phục cho thái độ phục vụ cho con người. Nhưng ông đã mang dấu ấn chứng minh ông là nô lệ của *Đấng Christ*. Tác động của việc bắt bớ đã từng được chứng kiến bởi người Ga-la-ti của Lystra và Derbe đã khiến ông đổ máu trên thân xác của ông cho thấy rằng ông thuộc về *Đấng Christ*. Người Ga-la-ti không nên nghi ngờ về điều đó.

Nguồn gốc thiên thượng của Phúc Âm

Nếu sự chân thật của Phao-lô vượt trên sự tranh luận, thì ông có bị nhầm không? Đây là căn bản của lời giảng dạy của ông? Thẩm quyền của ông là gì? Đối với vấn đề này, ông chuyển sang với những lời sau đây: “Thưa anh em, tôi muốn anh em biết rằng Tin Lành mà tôi công bố không đến từ loài người đâu vì tôi không nhận và cùng học Tin Lành đó từ một người nào hết, nhưng bởi sự mặc khải của Đức Chúa Jesus Christ.”

“Không phải từ người nào” chỉ ra rằng đó không đến từ con người; đó không phải là sản phẩm do con người nghĩ ra và lên kế hoạch. Trong hình thức và tính chất của sứ điệp của ông mang dấu ấn của một nguồn gốc cao hơn và có một thẩm quyền rằng đó thuộc về một nguồn gốc thiên thượng của nó. Phao-lô nhấn mạnh ý nghĩa này: Ông không nhận điều này từ con người, ông cũng không được dạy dỗ bởi con người. Đó là không có sứ điệp

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

nào đến từ con người nào, hay có con người nào giải thích tầm quan trọng của nó cho Phao-lô. Trong mọi phương diện thì nguồn gốc con người bị loại trừ. Ngược lại, ông đã nhận nó “bởi sự mặc khải của Đức Chúa Jesus Christ”. Bởi cụm từ này, chúng ta phải hiểu rằng Chúa Jesus là Đấng đã mặc khải, chứ không phải Chúa Jesus là chủ đề của sự mặc khải cho Phao-lô. Mặc khác, sự nhận thức của ông về Phúc Âm, sứ điệp mà ông đã công bố, có thẩm quyền của chính Chúa Jesus. Khi nào và làm thế nào Phúc Âm được ban cho Phao Lô một cách trọn vẹn thì chúng ta không thể nào xác định với sự chắc chắn. Chúng ta biết rằng ông có một kinh nghiệm có một không hai trên đường đến Đa-mách. Các tiên tri đã nhận Lời của Đức Chúa Trời qua giấc mơ, bởi người rao giảng, bởi việc gặp thiên sứ. Thậm chí Giăng, sứ đồ yêu dấu của Chúa, cũng không nhận được sự mặc khải trực tiếp của Chúa Jesus Christ từ chính Thầy của mình, nhưng qua một thiên sứ mà Chúa Jesus Christ đã sai đến và ấn dấu. Nhưng Phao-lô đã gặp Chúa Jesus, và đã “nhìn thấy Chính Đấng Đó, và đã nghe tiếng nói từ chính miệng Ngài”. Khi nào sự bắt đầu mặc khải bởi Chúa Jesus Christ thì chúng ta có thể không biết. Phao-lô đề cập đến khải tượng và sự mặc khải của Chúa mà ông đã có 14 năm trước khi ông viết thư tín cho người Cô-rinh-tô. Điều này phải đề cập đến một thời gian khoảng 5 năm sau khi ông cải đạo. Nhưng cho dù có những sự tương giao nào hơn nữa mà Phao-lô có được, sự kiện mà Chúa Jesus đã gặp ông, đã nói chuyện với ông và ban cho ông sứ mạng, tự thân nó đã quá đầy đủ để công nhận ông ở một vị trí ngoại lệ rồi.

Sự nhận thức của chúng ta về những phương tiện mà qua đó những ý tưởng thiên thượng có thể được đưa vào tâm trí của con người và vì thế trở thành của ông, vẫn chưa là của ông, là rất nhỏ. Trong lời công bố của các tiên tri là một số vấn đề mà chính họ đã xem xét để đạt đến ý nghĩa của những lời của họ. Tuy nhiên, trong

trường học của Phao-lô, thì sứ điệp được rao giảng không chỉ là một sự công bố về ân điển của Đức Chúa Trời, nhưng là một lời chứng hợp lý cùng với sự nhìn thấy những mặc khải trước đây trong Cựu Ước. Sứ điệp của Phao-lô chắc không chỉ được bày tỏ cho ông theo một cách thức nào đó, mà còn được dựng lên trong lương tâm của chính ông để nó trở thành cách suy nghĩ riêng của chính ông. Trong trường hợp của chính ông điều này có liên quan đáng kể mà không phải do ông học được từ các thầy thông giáo, và trong quá trình đó, ông đã nhận thấy rằng sự ngăn trở ông đến với đức tin trong một thời gian đã nằm trong đầu ông và ông phải đạt đến với khải tượng rõ nét hơn và với đức tin lớn hơn.

PHÚC ÂM CỦA PHAO-LÔ KHÔNG PHẢI ĐẾN TỪ CUỘC SỐNG
TRƯỚC ĐÂY CỦA ÔNG (1:13,14)

Lời tuyên bố rằng đời sống trước đây của Phao-lô không ban cho ông điều gì trong nhận thức của ông hiện nay đã giải tỏa hơn cho vấn đề những hiểu biết của ông về chương trình của Đức Chúa Trời đến từ sự mặc khải. Thật vậy việc thiếu vắng những kiến thức trước đây của ông đã không có ảnh hưởng gì đến việc phát triển trở thành đức tin Cơ Đốc. Ngoài ra. Người Ga-la-ti biết câu chuyện của ông- cuộc đời của ông vốn trước đây là kẻ thù và kẻ bắt bớ Cơ Đốc Nhân dữ dội, và những nỗ lực của ông nhằm phá bỏ đức tin của họ khỏi thế gian. Đó là kết quả của niềm tin trước kia của ông; và sự căng thẳng của việc chống đối của ông đối với Chúa Jesus và những người theo Ngài mô tả rõ sự nhiệt tình Do Thái Giáo của ông. Ông được trưởng dưỡng trong một gia đình Do Thái Giáo đặc biệt, như ông ta tuyên bố là con cháu Do Thái từ dòng dõi Do Thái; ông tốt nghiệp từ một trường học hàng đầu của đất nước họ, đã ngồi dưới chân của vị giáo sư vĩ đại nhất của họ. Ông đã là một học trò thông thái, đứng đầu trong những học trò của vị thầy này trong sự nhiệt tình và sốt sắng cùng với việc

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

áp dụng việc học luật pháp. Ông nói “trong Do Thái Giáo, tôi vượt xa nhiều người Do Thái cùng thời với tôi vì tôi quá hăng say với truyền thống của tổ phụ mình” (câu 14).

Sự giảng dạy theo truyền thống của Do Thái đã có trong đời sống của ông; nó dẫn ông đến việc chống nghịch lại sứ điệp của Cơ Đốc Nhân. Vì thế rõ ràng là đức tin và sứ điệp của ông không thể xuất phát từ niềm tin ban đầu của ông.

PHÚC ÂM CỦA PHAO-LÔ KHÔNG PHẢI NHẬN TỪ NHỮNG GIÁO SƯ KHÁC (1:15-17)

Trong câu 12 Phao Lô đã tuyên bố rằng ông không nhận sứ điệp của con người hay được con người dạy cho. Ông đã thể hiện điều này khi liên hệ với lối sống trước đây của ông rằng sứ điệp Cơ Đốc không thể ra từ niềm tin cũ của ông. Ông phải hoàn tất chứng cứ từ nguồn gốc thiên thượng của nó bằng cách cho thấy rằng không phải ông do con người hướng dẫn. Để làm điều này là điều cần thiết để mô tả những mối quan hệ của ông với những người, theo quan điểm của những kẻ thù của Phao Lô, rằng có thể là giáo sư của ông. Vì thế, ông phải bắt đầu với sự cải đạo của ông. Ông nói khi điều đó xảy ra, mặc dù ông được giao sứ mạng đến đó để rao giảng, ông không tìm kiếm sự cho phép của những sứ đồ khác, nhưng trước hết là hướng đến một cuộc đời yên lặng. Điều này được trích trong những lời của ông sau: “Nhưng khi Đức Chúa Trời, Đấng đã biệt riêng tôi trong lòng mẹ và lấy ân điển gọi tôi, vui lòng bày tỏ Con Ngài cho tôi để tôi rao truyền Tin Lành về Con Ngài giữa dân ngoại, thì lập tức tôi không bàn với loài người. Tôi cũng không lên Giê-ru-sa-lem để gặp các vị sứ đồ trước tôi, nhưng tôi đi qua miền Ả-rập, sau đó trở lại Đa-mách” (Ga-la-ti 1:15-17).

Phao-lô là một người Pha-ri-si, một người “biệt riêng” như

cái tên chỉ ra. Sau đó ông đã nghĩ rằng ông đã tìm ra lý tưởng, và biết được mục đích của cuộc sống; ông đã đạt đến sự thành tựu lớn nhất trong lối sống của người Pha-ri-si. Bấy giờ ông biết có một “sự phân rẽ” khác tiếp tục là một điều không phù hợp với ông, với điều mà những người theo Pha-ri-si của ông chẳng đóng góp điều gì ngoài sự xấu hổ và bất kính. (Thật sự có điều này, trong ý nghĩa này: sản phẩm của người theo Pha-ri-si mà Phao Lô nhìn thấy là điều quá xa lạ với đường lối của Đức Chúa Trời, rằng lối sống mới trong Đấng Christ được nhìn thấy ở một sự tương phản to lớn; và những nỗ lực ghen tức của suy nghĩ cũ của Phao-lô chỉ khiến ông nhận ra sự ngu ngốc của con người lớn như thế nào và ông cần sự thương xót của Đức Chúa Trời nhiều như thế nào).

Khi Phao-lô nhìn lại lối sống của ông, ông có thể theo dõi bàn tay thiên thượng trong những hoàn cảnh để đi đến việc định hình nên đời sống của ông, thậm chí từ thuở ban đầu. “Từ trong tử cung của mẹ tôi” có thể chỉ ra rằng thậm chí trước khi sinh, ông đã được biết trước và chọn lựa cho công việc mà ông phải làm. Sự liên kết những ảnh hưởng một cách khác thường này khiến việc rao giảng Phúc Âm có thể xảy ra trong Thế Kỷ Đầu Tiên như vào trong bất kỳ thời gian nào khác trước đây, hay vì tất cả đóng một phần quan trọng của họ trong việc phát triển và những phẩm chất của chính Phao-lô cho nhiệm vụ mà Đức Chúa Trời giao cho ông làm. Người La-mã, Hy-lạp và Do Thái tất cả đều góp phần. Quyền công dân của ông, cách rao giảng của ông và tôn giáo của ông- những yếu tố quan trọng trong việc tạo nên con người được rút ra từ những yếu tố nổi bật trong cuộc sống của con người ở Thế Kỷ Thứ Nhất. Đây là những ảnh hưởng bên ngoài liên quan đến việc biến Phao-lô, kẻ bất bớ, và khi có một số vấn đề quan trọng hơn bất kỳ ba điều thêm vào đó đã biến Phao-lô thành sứ đồ. Điều mà Phao-lô mô tả khi ông nói ông được “kêu gọi bởi ân

điển Ngài”. “Sự kêu gọi” của Phao-lô là mạnh mẽ nhất trong tất cả những ảnh hưởng, tất cả những điều khác từ lúc ông cải đạo góp phần vào việc tạo nên “một con người mới”, được sử dụng bởi “con người mới đó” để sẵn sàng phục vụ người khác cho một mục đích tuyệt vời mà ông đã được định trước để thể hiện.

Mục đích mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị Sau-lô được mô tả là làm đẹp lòng Đức Chúa Trời “để bày tỏ Con Ngài trong tôi rằng tôi có thể rao giảng về Ngài giữa vòng Dân Ngoại”. Trong câu 12, ông đã nói về “sự mặc khải về Chúa Jesus Christ”- Một sự mặc khải mà đến từ Chúa Jesus Christ. Ảnh hưởng của sự mặc khải đó là tạo dựng nên một Phao-lô theo hình ảnh của Con Đức Chúa Trời, được chính ông định nghĩa như “Đấng Christ trong tôi”. Vì thế ông được sử dụng để rao giảng về Đấng Christ và để bày tỏ Đấng Christ cho người khác. Con người và sứ điệp hài hòa với nhau. Vì thế ông có thể viết cho người Tê-sa-lô-ni-ca: “Anh em biết rõ khi còn ở giữa anh em, chúng tôi đã sống vì anh em như thế nào. Anh em đã theo gương của chúng tôi và của Chúa”(I Tê 1:5,6) và với Ti-mô-thê: “ta cảm tạ Đấng ban năng lực cho ta là Đấng Christ Jesus, Chúa chúng ta, vì Ngài đã xét ta là trung tín và chỉ định ta phục vụ Ngài, dù trước đây ta vốn là kẻ phạm thượng, bắt bớ, xác lác. Nhưng ta đã nhận ơn thương xót, vì lúc ấy ta đã hành động một cách ngu muội do lòng vô tín. Thật ân điển của Chúa chúng ta đã chan chứa trên ta cùng với đức tin và tình yêu thương trong Đấng Christ Jesus. Đây là lời chắc chắn và hoàn toàn đáng tiếp nhận: Đấng Christ Jesus đã đến trong thế gian để cứu vớt tội nhân, trong những tội nhân đó, ta là người đứng đầu. Sở dĩ ta nhận được ơn thương xót là để Đấng Christ Jesus tỏ bày sự nhẫn nhục trọn vẹn của Ngài đối với ta, là tội nhân hàng đầu, dùng ta làm gương cho những ai sẽ tin Ngài để được sự sống đời đời (I Ti 1:12-16).

Khi Đức Chúa Trời can thiệp vào cuộc sống của Phao-lô theo

một phương cách trực tiếp mà duy nhất có Phao-lô giữa vòng những sứ đồ đã trải nghiệm (nếu không có sự tương giao trong cuộc đời của Phao-lô với điều mà Chúa Jesus đã đề cập đến khi Ngài nói: “thịt và huyết không bày tỏ điều này cho anh em mà Cha trên Trời làm điều này”, ngay lập tức Phao-lô đến Ả-rập. Không có những cuộc họp mặt với người khác và không có những sự gặp gỡ với những sứ đồ khác tại thành Giê-ru-sa-lem).

Không ai có thể nói một cách chắc chắn về nơi mà vị sứ đồ chỉ về Ả-rập. Trong 4:25, ông đề cập đến Sinai ở Ả-rập, và vì thế thật khó loại bán đảo Sinai từ một từ Ả-rập khi ông sử dụng nó trong 1:17. Đường như tạo nên vấn đề là tên bao gồm những vùng khá gần với Đa-mách, và thậm chí trong một thời kỳ nói về chính thành này. Nhưng sẽ không tự nhiên khi Phao-lô ở đó ngay lập tức sau sự cải đạo để nói về việc đi đến Ả-rập nếu Đa-mách là một phần của nó. Tuy nhiên, ông có thể nói khi ông đến Ả-rập và vẫn chưa đi xa khỏi thành Đa-mách. Nhưng khi ông sử dụng ngôn ngữ của ông một cách ngắn gọn ám chỉ là trong khoảng thời gian ba năm trước khi ông đến Giê-ru-sa-lem không được dành cho việc rao giảng hay thảo luận về Phúc Âm của ông với những nhà lãnh đạo khác. Thời gian này dành cho việc tiếp nhận vào tâm trí của ông sự hiểu biết mới về Chúa và đường lối của Ngài, được dẫn dắt bởi sự mặc khải từ Đức Chúa Trời.

CHUYẾN VIẾNG THĂM THỨ NHẤT CỦA PHAO-LÔ ĐẾN GIÊ-RU-SA-LEM (1:18-20)

Tất cả những người nghiên cứu về đời sống của sứ đồ Phao-lô biết rằng có nhiều tranh cãi liên quan đến việc nhận định những chuyến viếng thăm của Phao-lô như kỹ thuật trong Công Vụ và Thư Tín Ga-la-ti. Nhiều yếu tố phải được xem xét. Sự phục hồi ý tưởng cho rằng người Ga-la-ti mà Thư Tín này nhắm đến là các Hội Thánh của bốn thành nơi mà Phao-lô đã rao giảng trong

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

chuyến hành trình thứ nhất của ông, đã dẫn đến quan điểm rằng Thư Tín Ga-la-ti được viết sớm hơn như người ta tin từ lâu. Quan điểm mạnh mẽ của Ngài William Ramsay và hai hay ba học giả nữa đã dẫn đến sự chấp nhận lớn hơn về quan điểm Nam Ga-la-ti, và với quan điểm này sẽ xảy ra một sự thay đổi không những về ngày khi thư tín này được viết ra, mà còn ở những tham chiếu trong Công Vụ và các thư tín khác.

Chúng ta không có ý định nỗ lực đến với một cuộc tranh luận về những lý do hướng đến cả hai khía cạnh của sự tranh cãi này. Chúng ta sẽ theo các thư tín và liên kết với Công Vụ mà chúng ta tin là có cơ sở nhất và làm rõ ràng những tranh luận của vị sứ đồ và cũng là nguồn sử liệu trong thời kỳ các sứ đồ đầu tiên.

Phao-lô đã công bố rằng, ngược với những lời buộc tội của những kẻ chống đối ông, Phúc Âm mà ông rao giảng không phải nhận từ con người hay do con người dạy dỗ. Để đưa ra vấn đề là không ai đã hướng dẫn ông trong Phúc Âm của ông. Ông phải đưa ra những yếu tố thật sự liên quan đến những mối quan hệ của ông với những sứ đồ trước đó. Người Giu-đa chắc chắn tạo nên một tinh huống nào đó nhằm để chỉ trích Phao-lô. Một vài điều được gọi là sự điều chỉnh phải được công bố về chuyến viếng thăm lần đầu tiên của ông đến Giê-ru-sa-lem và mục đích của chuyến viếng thăm. Chỉ điều này mới có thể giải thích được lời tuyên bố quá trang trọng được thể hiện ở lời thề mà ông đã đưa ra như là một chân lý “Thật, trước mặt Đức Chúa Trời tôi không nói dối về những gì tôi viết cho anh em” (1:20).

Phao-lô đề cập đến hai chuyến viếng thăm đến Giê-ru-sa-lem, giữa hai chuyến đi là một khoảng thời gian trải qua tại Sy-ri và Cilicia. Ông cũng mô tả lần gặp thứ ba với một sứ đồ diễn ra tại An-ti-ốt. Chuyến viếng thăm đầu tiên diễn ra ba năm sau khi ông cải đạo- một khoảng thời gian mà có thể không hơn hai năm.

Phần còn lại của khoảng thời gian này ông đã sống tại Ả-rập. Phao-lô giải thích “ông đi lên” “để gặp Phi-ê-rơ người mà ông đã hẹn 15 ngày trước”. Không có những cuộc họp mặt với các sứ đồ khác- Phao-lô không nhìn thấy ai trong họ, chỉ có Gia-cơ, em của Chúa Jesus, người mặc dù không phải là một sứ đồ trong một ý nghĩa hạn chế, có một vị trí quan trọng trong những người điều hành Hội Thánh tại Giê-ru-sa-lem.

Ông đến để *gặp* Phi-ê-rơ: Hay, như bảng R.V, “đến thăm” ông ấy. Từ mà Phao-lô sử dụng để mô tả chuyến viếng thăm khi người ta đến để “thăm” một nơi, để nhìn ngắm những tòa nhà của nó. Phao-lô cũng nổi tiếng như hầu hết những sứ đồ, và đó là một vấn đề khá tự nhiên là Phao-lô muốn “kết thân với” ông ta (Bảng R.V). Nhưng ý nghĩa của từ này ngoài ý nghĩa của bất kỳ một sự tham vấn nào về sự hướng dẫn hay thông tin.

Sự can thiệp của Ba-na-ba

Ký thuật trong sách Công Vụ cho thấy rằng Phao-lô không được chào đón như một người học trò mong muốn, lúc đầu ông còn bị né tránh. Lu-ca có ký thuật lại: “Khi đến Giê-ru-sa-lem, Sau-lơ muốn liên hệ với các môn đồ, nhưng tất cả đều nghi sợ, không tin ông là môn đồ thật. Ba-na-ba giúp đem ông đến với các sứ đồ, thuật cho họ việc Chúa đã hiện ra phán với ông trên đường như thế nào, và ông đã mạnh dạn rao giảng danh Đức Chúa Jesus tại thành Đa-mách ra sao. Từ đó Sau-lơ tới lui với môn đồ tại Giê-ru-sa-lem và nhân danh Chúa mà giảng một cách dạn dĩ. Ông cũng nói chuyện và tranh luận với những người Do Thái nói tiếng Hy Lạp, nên họ tìm cách giết ông. Nghe tin đó, anh em liền đem ông xuống Sê-sa-rê và đưa ông đi Tạt-sơ” (Công Vụ 9:26-30).

Chúng có này cho chúng ta những đặc điểm ngoại tại của chuyến viếng thăm. Nó đòi hỏi phải có một người có tấm lòng nhân hậu, hào phóng như Ba-na-ba mới khiến Phao-lô được Hội

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

Thánh chấp nhận. Ba-na-ba đã đưa Phao-lô đến với “các sứ đồ”. Điều này không mâu thuẫn với Thư Tín Ga-la-ti, vì từ này không nói về cá nhân một người nào hết mà là những người lãnh đạo Hội Thánh, và được giới thiệu với Gia-cơ, vì thế ông được biết đến là người đại diện của các sứ đồ. Những sứ đồ khác có thể đang thực hiện những chuyến đi rao giảng.

Chúng ta không cần phải đoán tại sao những người phụ tá của Phao-lô bị hạn chế đến cộng đồng người Hy-lạp. Ông đến nhà hội tại Diaspora, nơi những người Do Thái nói tiếng Hy Lạp và những người ngoại nhóm lại. Ông đã làm điều A-tiên đã làm trước đây và ông đã gặp sự chống đối giống như vậy của những kẻ đã chống đối với A-tiên trước đây. Chúng ta có một tài liệu khác về chuyến viếng thăm này từ những chứng cứ của chính Phao-lô về sự cải đạo của ông trong Công Vụ 22. Ở đó, ông đã kể về chuyến viếng thăm đến đền thờ, khi đang cầu nguyện ông đã nhận được sứ điệp từ Chúa: “hãy nhanh chóng rời khỏi Giê-ru-sa-lem vì họ sẽ không tiếp nhận lời chứng của con có liên quan đến Ta đâu”. Phao-lô nghĩ về vấn đề là ông đã từng là một kẻ bắt bớ, nhưng giờ đây là người rao giảng cho những người mà ông đã từng tìm cách để tiêu diệt sẽ bình luận về sứ điệp của ông. Vì thế ông đã tranh luận khi bị buộc phải rời thành phố, nhưng mạng lệnh được nhắc lại trong những từ ngữ đòi hỏi phải vâng lời nhiều hơn: “Hãy rời nơi đây vì Ta sẽ sai con đi đến với Dân Ngoại”.

Nếu những lời đồn về những âm mưu nhằm sát hại Phao-lô đã đến tai ông, sứ điệp này cho thấy hành động mà ông phải làm theo. Sau đó, ông được anh em sắp xếp đến Sê-sa-rê và sau đó đến Tạt-sơ.

Lời tuyên bố mà Phao-lô đưa ra với người Ga-la-ti dường như đơn giản và có vẻ không mạnh trong một lúc. Nhưng Phao-lô đã trịnh trọng tuyên bố lẽ thật và vì thế phải có một giá trị rất

lớn trong sự bình vực của ông. Tầm quan trọng của nó không còn nghi ngờ gì nữa nằm trong sự sửa chữa một số lời tuyên bố giả dối mà kẻ thù của ông đã dựng nên về chuyến viếng thăm của ông, đến với một sự tuyên bố đơn giản và mang tính nhấn mạnh rằng việc kết thân với Phi-ê-rô là một sự chứng minh sai lầm hoàn toàn. Điều mà kẻ thù của ông nói có thể chỉ là một vấn đề suy đoán mà thôi.

Ở SY-RI VÀ CILICIA (1:21-24)

Về khoảng thời gian giữa chuyến viếng thăm lần thứ nhất và lần thứ hai đến Thành Thánh, thông tin duy nhất mà chúng ta có ở đây là những câu này. Từ nhấn mạnh “sau đó” giới thiệu lời tuyên bố cho thấy đó là một phần của nhiều điều quy cho sự thiếu vắng thăm quyền con người trong chức vụ sứ đồ của Phao-lô. Ông nói “sau đó” “tôi đến vùng Sy-ri và Cilicia, và người ta không nhìn thấy tôi đến các Hội Thánh của người Giu-đe theo Đấng Christ, là những người mà ông đã từng bắt bớ trong quá khứ giờ đây rao giảng về đức tin mà ông đã từng tiêu diệt”. Sự trùng hợp với Công Vụ được tìm thấy trong sự kiện là vào cuối 9 năm lưu lại, Ba-na-ba đang cần Phao-lô cho công tác đang phát triển tại Anti-ốt tại Sy-ri, đã đến Tạt-sơ “để tìm Sau-lo” (Công Vụ 11:25). Ông đã đến tìm ông ta, chính xác nơi nào thì không ai biết vì ông đang dành thời gian cho việc rao giảng. Những hoạt động của ông thật sự được biết đến. Các Hội thánh Giu-đe đã nghe kẻ đã từng bắt bớ giờ đây đang bận rộn rao giảng về đức tin mà ông đã từng tiêu diệt.

Phao-lô nói về việc không gặp mặt các Hội Thánh ở Giu-đe. Điều này được nghĩ là mâu thuẫn với kỹ thuật trong sách Công Vụ, nhưng sự mâu thuẫn này chỉ tồn tại khi có sự khác biệt không nhận ra giữa Hội Thánh tại Giê-ru-sa-lem và Hội Thánh tại Giu-

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

đe. Trong chuyến viếng thăm Phao-lô chỉ gặp những anh em ở thành đô, người ta không biết đến ông trong cả tỉnh.

Vấn đề là khoảng thời gian dành cho việc rao giảng này quá thành công đến nỗi là danh tiếng đã lan đến Giu-đe, người ta hiểu được việc Phao-lô làm. Sứ mạng rao giảng của ông không phải bắt đầu từ sự phân rẽ giữa ông và Ba-na-ba để tiếp tục chuyến hành trình truyền giáo. Đó là để bắt đầu một nhiệm vụ mới, đánh dấu một sự phát triển mới của chức vụ. Sứ mạng đến với lời công bố lúc ông cải đạo rằng ông là “một công cụ được chọn lựa”, và với điều này, sự rao giảng của ông bắt đầu, điều này được xác nhận khi ông có khải tượng về Đền Thờ trong chuyến viếng thăm đầu tiên của ông bởi lời hướng dẫn là rời thành Giê-ru-sa-lem và đến với Dân Ngoại.

Công tác của ông chứng minh rằng tin tức này đã khiến các Hội Thánh tại Giu-đe vinh danh Đức Chúa Trời trong Phao-lô.

CHUYẾN VIẾNG THĂM THỨ HAI ĐẾN GIÊ-RU-SA-LEM (2:1-10)

Những tác giả tìm ra chuyến viếng thăm đến Giê-ru-sa-lem được mô tả trong những câu này với Hội Đồng trong sách Công Vụ đoạn 15 khiến người ta nói rằng vì một vài lý do Phao-lô bỏ qua trong sách Ga-la-ti bất kỳ tham chiếu nào liên quan đến chuyến viếng thăm để đến cứu giúp được mô tả trong Công Vụ 11:30. Vì Phao-lô chứng minh sự độc lập của ông đối với những sứ đồ khác về Phúc Âm mà ông đã rao giảng, tuy nhiên dường như rất cần thiết đối với vấn đề là ông nên đề cập đến mọi chuyến viếng thăm trước chuyến viếng thăm của ông đến Ga-la-ti. Nếu không làm điều này sẽ đặt ông vào thế chịu trách nhiệm cho việc ông bảo vệ đối với mọi cuộc viếng thăm khi các sứ đồ ủy thác cho ông rao giảng và hướng dẫn ông trong sứ điệp của ông. Sự minh chứng của ông sẽ không triệt để với một sự bỏ qua như vậy: vì

thể mọi quan hệ với những sứ đồ khác phải được nhắc đến. Điều quan trọng này đưa ra một khả năng, nếu không chắc chắn sẽ dẫn đến một sự nhận định khác giữa Ga-la-ti 2:1-10 với Công Vụ 11:30. Người ta phải nghĩ về khoảng thời gian 14 năm từ sau khi Phao-lô cải đạo, và không phải từ chuyến viếng thăm đầu tiên đến Giê-ru-sa-lem của Ga-la-ti 1:18.

Rất quan trọng để nhớ rằng trong một tuyên bố như trong lời bảo vệ này có một chứng cứ để liên tưởng, có căn cứ về sự chấp nhận tất cả những điều không được bày tỏ hết với độc giả hiện nay, nhưng lại quen thuộc với độc giả thời đó. Những thành ngữ tối nghĩa với chúng ta lại rõ ràng đối với người Ga-la-ti; những điều gợi ý chúng ta có thể bỏ qua nhưng lại rất cần thiết đối với họ. Và khi so sánh các thư tín với Công Vụ, chúng ta phải nhớ rằng lịch sử theo Lu-ca được viết với mục đích khác hơn là sự minh chứng của Phao-lô chống lại những sự tấn công của những kẻ chỉ trích dữ dội người Do Thái; vì thế việc đưa vào những chi tiết thuộc về mục đích khác nhau nên mỗi sách có cách viết khác nhau về chuyến viếng thăm. Những chi tiết khác nhau phù hợp với mục đích trong câu chuyện.

Một sự phản đối mạnh mẽ khác đối với sự phân biệt thường được chấp nhận về Ga-la-ti 2:1-10 với Công Vụ đoạn 15 đó là Hội Đồng mà Phao-lô đã nhận chỉ thị thì sát với quyết định của họ. Nhưng Phao-lô bỏ qua sự tham chiếu với vấn đề đó trong Ga-la-ti 2:1-10, và sự bỏ qua này sẽ rất cần thiết với lời tuyên bố của ông về lẽ thật (1:20) nếu chuyến viếng thăm mà ông mô tả là đến với Công Đồng. Nhưng nếu các Hội Thánh Ga-la-ti của Phao-lô là những người được truyền giáo trong chuyến hành trình thứ nhất, thì Công Đồng đã không xuất hiện vào lúc đó và sự thích hợp của sứ điệp mà Phao-lô đã rao ra cho họ độc lập với Công Đồng này. Thật vậy, Phao-lô đã nhận chỉ thị của Công Đồng đến Ga-la-ti trong chuyến hành trình thứ hai, và chiến thắng đối với người

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

Giu-đe được thắng thế. Nhưng nếu chúng ta định thời gian viết Thư Ga-la-ti trước khi có Công Đồng- là một điều có khả năng hơn- thì chúng ta có thể nhìn thấy Phao-lô đang chiến đấu trong một trận chiến trong thư tín mà cũng đang bị tranh chiến trong Công Đồng. Trong cả hai nơi, vấn đề được quyết định chống lại việc giảng dạy rằng luật pháp đang trói buộc trên Cơ Đốc Nhân.

Chuyến viếng thăm lần thứ hai của Phao-lô

Giờ đây chúng ta xem xét những chứng cứ của Phao-lô về chuyến viếng thăm lần thứ hai đến Giê-ru-sa-lem chi tiết hơn. Ông đến với Ba-na-ba, và Tít đến với họ. Cùng một động từ “đem theo”, được sử dụng trong Công Vụ 12:25 nói về Giảng Mác, và nói rõ rằng Mác đến đó như là một người phụ tá. Tít cũng vậy. Chuyến viếng thăm là để cứu giúp sẽ có sự sắp xếp và đi lại đáng kể. Vì vấn đề đòi kém xảy đến, Phao-lô và Ba-na-ba sẽ phải mua thức ăn ở mọi nơi và mang đến Giê-ru-sa-lem. Chúng ta có một bức tranh sai lầm nếu chúng ta nghĩ về việc họ mang tiền theo để sử dụng trong khoảng thời gian lưu lại tại Giê-ru-sa-lem. Trong việc họ thu thập thức ăn thì rất cần có một người phụ tá, và khả năng mà Tít có mặt trong trường hợp sau đó cho thấy rằng sự chọn lựa này là một sự khôn ngoan. Công Vụ cho chúng ta biết rằng sự cứu giúp được gọi đến bởi “tay của Ba-na-ba và Sau-lo” (Công 11:30).

Chuyến đi này là bởi sự mặc khải. Nếu chúng ta quá lệ thuộc vào chỉ thư tín này thì chúng ta có thể nghĩ rằng sự mặc khải được ban cho Phao-lô khiến ông thực hiện chuyến viếng thăm này. Nhưng Công Vụ cho chúng ta biết về lời tiên tri của A-ga-bút về nạn đói sắp xảy đến là sự mặc khải. Điều này có thể được nhiều người biết đến, nhưng trong bất kỳ trường hợp nào thì điểm quan trọng trong trường hợp của Phao-lô đó là ông không hề đi tìm kiếm sự giúp đỡ hay lời khuyên của bất kỳ vị sứ đồ nào tại Giê-ru-sa-lem. Tuy nhiên, trong khi đó, ông đã thiết lập nền tảng Phúc

Âm cho họ (Hội Thánh), Phúc Âm mà ông đã rao giảng, và sau đó ông có những cuộc hội ngộ riêng tư với ba vị sứ đồ. Lý do cho những cuộc gặp mặt này đã được ông công bố: Ông không muốn Phúc Âm mà ông rao giảng trở nên vô ích. Điều này sẽ là một vấn đề nếu không được sự nhất trí về công tác của Phao-lô. Khi tham gia vào cộng đồng người Do Thái và Dân Ngoại trong một Hội Thánh sẽ có tất cả những yếu tố cho những bất đồng và lộn lạo. Nếu có Một Hội Thánh Cơ Đốc Do Thái và Một Hội Thánh Dân Ngoại, thì việc hiệp nhất là điều cấp thiết khi tất cả được chuộc bởi Đấng Christ. Vì thế Phao-lô mong họ biết về công tác của ông và những người phụ tá, và kết quả của việc rao giảng của ông.

Khi Phao-lô đề cập về ba người như thế “họ là những người có tiếng tăm” và những người ‘dường như được xem như thế’ (câu 2 và 6), chúng ta không cần xem cách nói của ông như là không kính trọng họ. Kết cấu này nằm ngoài việc Phao Lô giữ thái độ thân thiện đối với những người là sứ đồ trước ông và cũng là bầu không khí thân thiện rõ ràng lan ra trong cuộc tiếp kiến. Nếu người Giu-đe đã sử dụng những từ ngữ liên quan đến các sứ đồ cao niên hơn trong việc coi thường Phao-lô, chúng ta có một lý do cho việc tham chiếu của Phao-lô. Ông nói rằng khi ông gặp những người nổi tiếng này nhưng không phải họ là những người hướng dẫn cho ông nhưng để bước vào một thỏa thuận liên quan đến việc sai phái nhân sự đến để rao giảng giữa hai bên.

Phụ tá Tít, là một người Hy Lạp, tự nhiên sẽ thu hút sự chú ý và rõ ràng là ông là nguyên nhân của một vài cuộc tranh luận. Phao-lô nói rằng những anh em giả dối là những người cầm đầu chuyện này. Ngôn ngữ của Phao-lô mang tính nhấn mạnh và cấu trúc từ ngữ của ông bật ra: nhưng những ấn tượng chắc chắn, rõ ràng đã xuất hiện. Người Giu-đe không thích sự hiện diện của Tít, và phái người đi điều tra. Điều này được thực hiện dưới vỏ bọc là sự thân thiện giả tạo. Một cuộc tranh cãi bắt đầu là Tít nên

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

được cắt bì, nhưng Phao-lô phản đối điều này từ lý luận đầu tiên về vấn đề này. Đề bảo vệ cho chúng có này là nó đã phá bỏ sự tự do trong Đấng Christ và áp đặt luật pháp lên trên Cơ Đốc Nhân. Quan điểm mâu thuẫn vì thế rõ ràng khiến Phao-lô muốn gặp mặt ba lãnh đạo này- nhưng không có cuộc tranh luận với họ, không có sự khác biệt về ý kiến, nhưng hoàn toàn hòa hợp và nhất trí.

Một sự diễn giải khiến cho từ thể hiện “ép buộc” như thể Phao-lô đồng ý vì lý do hòa giải rằng Tít nên được cắt bì, không phù hợp với giọng văn tranh luận. Nếu có xảy ra trong trường hợp của Phao-lô, thì cũng sẽ cần được tuyên bố trong một phương cách khác và với lý do khác cho hành động này. Phao-lô bị sốc khi thấy sự nguy tạo của những người cho rằng Tít nên được cắt bì- họ đã giả bộ thân thiện với động cơ xấu xa. Đây là lần thứ hai Phao-lô đồng ý rằng Tít không nên theo lề luật này. Giảm nhẹ vấn đề này là một điều rất cần thiết.

Thật vậy- và Phao-lô đã chuyển đến với cuộc gặp mặt với ba người sứ đồ trưởng lão này (câu 6). Ba người này không có thẩm quyền trong trường hợp của Phao-lô và không hề hướng dẫn hay cho ông thông tin gì. Ngược lại, chính Phao-lô đã tuyên bố trường hợp đối với việc chấp nhận Dân Ngoại mà không đề cập đến luật pháp, và vì chức vụ của Phao-lô là giữa vòng người Do Thái, ba người đã trao tay hữu cho Phao Lô. Việc phân chia công tác được thỏa thuận- công việc của Phao-lô là giữa vòng Dân Ngoại, công việc của họ là giữa những người Do Thái. Chỉ có một đề nghị được đưa ra- rằng Phao-lô nên nhớ đến những người nghèo. Đây là một lời đề nghị đúng đắn và thích hợp vì lúc đó Phao-lô ở đây tại Giê-ru-sa-lem chính vì lý do đó.

Cuộc gặp giữa 5 người tại Giê-ru-sa-lem, chỉ được đề cập trong thư tín này, và đó chỉ là một phần trong sự bảo vệ về thẩm quyền sứ đồ của chính Phao-lô, vẫn chưa chắc chắn là một trong

những điều quan trọng nhất cần nắm giữ. Chúng có này phù hợp với những điều được khải tỏ cho thấy tấm lòng trung thành tuyệt vời vào sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời đang vận hành giữa cộng đồng Cơ Đốc Nhân. Không có chút gì ghen ghét, không có sự đối nghịch về tư tưởng hay trường phái. Không có những người theo thuyết của Phao-lô chống đối lại sự giảng dạy của các sứ đồ lớn tuổi như một vài quan điểm phê bình hiện đại đã đưa ra để tranh luận với những suy đoán gây ra sự phá hoại liên quan đến lịch sử Cơ Đốc Giáo ban đầu và tính chân thực của những tài liệu được đưa ra trong thế hệ đầu tiên. Tất cả mọi người đã nhận ra ý muốn của Đức Chúa Trời; cách trả lời trung thành mở ra những cánh cổng cho những hoạt động tự do và đầy trọn giữa vòng tất cả mọi người.

PHAO LÔ VÀ PHI-Ê-RÔ TẠI AN-TI-ÔT (2:11-21)

Khi nào thì cuộc hội ngộ mà Phao-lô mô tả giữa hai vị sứ đồ vĩ đại này diễn ra? Điều này không thể xác định mà không có chứng cứ chắc chắn, và những đề nghị chịu ảnh hưởng bởi quan điểm liên quan đến thời gian khi Thư Ga-la-ti được viết ra. Nếu chúng ta đặt bức thư trước chuyến truyền giáo lần thứ hai, thì quan điểm tự nhiên theo sau là Phao-lô đã đến thăm An-ti-ôt vào một khoảng thời gian nào đó trong suốt tiến trình hoạt động ở đó khi Ba-na-ba và Phao-lô gặp nhau như được ký thuật lại trong Công Vụ 14: 27,28. Có thể là khi ông được phóng thích khỏi nhà tù “nơi khác” với nơi Phi-ê-rô đến (Công 12:17) là An-ti-ôt. Khoảng thời gian đó, chúng ta có tình trạng xảy ra được đề cập trong Ga-la-ti Đoạn 2. Phao-lô và Ba-na-ba có mặt ở đó, và vào lúc đó những người từ Giê-ru-sa-lem đã đến thăm An-ti-ôt. Trong Công Vụ 15:2 chúng ta đọc thấy “những người đến từ Giu-đe dạy dỗ cho anh em và nói, nếu anh em không được cắt bì theo quy tắc của Môi-se, anh em không thể được cứu”, trong khi Phao-lô nói về “chắc chắn

đến từ Gia-cơ” qua những người ảnh hưởng trên Phi-ê-ơ và Ba-na-ba là giấu mặt. Tuy nhiên có thể là chuyến viếng thăm của những anh em từ Gia-cơ thậm chí còn sớm hơn Công Vụ 15:1.

Ảnh hưởng của cuộc tranh cãi bởi những người đến thăm từ Giu-đe thật dữ dội. Trước đó thì có sự hòa hợp giữa những người Do Thái và Dân Ngoại đã được khuyến khích lớn bởi sự hòa hợp tự do với Dân Ngoại, dẫn đầu là những anh em như Phi-ê-ơ và Ba-na-ba. Họ chia sẻ với nhau từng bữa ăn như Dân Ngoại, và người ta công nhận rằng đó là sự tự do hoàn toàn khỏi luật pháp của Môi-se. Khi những vị khách đến và công bố rằng nhu cầu cần thiết của việc cắt bì để nhận được sự cứu rỗi. Nếu không vâng giữ quy tắc, thì những vị khách Do Thái sẽ không công nhận những người cải đạo Dân Ngoại là Cơ Đốc Nhân. Họ nói mạnh đến nỗi mà Phi-ê-ơ người đã vượt qua sự phán xét lớn hơn trước đây, đã phải ngưng ăn chung với Dân Ngoại. Nếu Phi-ê-ơ được những sứ giả từ Gia-cơ này thông báo rằng cái chết của Hê-rốt bởi sự đoán xét thiên thượng đã cắt đi những nguy hiểm mà ông đã phải chịu và ông cần phải ở tại Giê-ru-sa-lem, chúng ta có thể nghĩ Phi-ê-ơ đã chấp nhận sự tranh luận rằng ông không thể trở lại Giê-ru-sa-lem nếu ông hủy hoại truyền thống khi tiếp xúc với Dân Ngoại. Cảm nhận về công tác tại Giê-ru-sa-lem như thế sẽ không nguy hiểm, chúng ta có thể cho là ông miễn cưỡng chấp nhận. Diễn giải như vậy có một điểm đúng- nó phóng khoáng hơn. Nhưng thậm chí như vậy, hành động của ông cũng đánh giá thấp nguyên tắc cơ bản mà Đức Chúa Trời dành cho con người. Những người Do Thái khác theo gương của ông và thậm chí Ba-na-ba cũng sa vào vấn đề này.

Phao-lô đã nhìn thấy tất cả những công tác giữa vòng Dân Ngoại đang gặp nguy hiểm. Việc Phi-ê-ơ tự do ăn uống với Dân Ngoại là một kết quả hợp lý về đức tin trong Đấng Christ được chia sẻ như nhau cho người Do Thái và Dân Ngoại, theo lối sống

cũ của người Do Thái là hoàn toàn phủ nhận Phúc Âm của Đấng Christ và tái công bố rằng sự tuân giữ luật pháp cần thiết là một điều kiện để nhận được sự cứu rỗi. Hành động của Phi-ê-ơ đã có những ảnh hưởng trong lịch sử sau này thêm vào những hậu quả lập tức trong Hội Thánh tại An-ti-ốt. Trong Thế Kỷ Thứ Hai, sự kiện này đã gây ra những tranh chấp khủng khiếp; và vào Thế Kỷ 19, một quan điểm về lịch sử Hội Thánh đầu tiên đã ảnh hưởng đáng kể bởi quan điểm phê bình đã làm thay đổi những vấn đề bằng cách giả định có một tranh chấp triền miên giữa quan điểm của Phi-ê-ơ và Phao-lô. Cách Phi-ê-ơ thể hiện trước người Giu-đe có vẻ là phù hợp với Phao-lô: sự yếu đuối của ông là tạm thời, và sự hòa hợp được tái lập cả về tín lý và cá nhân. Phi-ê-ơ sau đó đã nói chuyện với Phao-lô như là “người anh em yêu dấu Phao-lô”. Cả Phao-lô và Phi-ê-ơ nhận ra chân lý của Phúc Âm là điều tuyệt vời nhất hơn những con người tuyên bố nó, và sự yếu đuối là một điều gì đó đôi khi có thể diễn ra, và sự sửa chữa sai lầm là điều đáng để chúng ta cảm tạ.

Nhu cầu cho sự quả trách

Lý luận chắc chắn và hợp lý một cách mạnh mẽ của Phao-lô trong nhiệm vụ rao giảng khiến ông không thể nào chống lại cách làm của Phi-ê-ơ. Việc cắt bì không thừa nhận sự bất đồng cá nhân: Sự tự do của Phúc Âm đã bị chỉ trích dữ dội bởi hành động của Phi-ê-ơ và cách ông thể hiện cho mọi người thấy đã gọi lên điều này: “Khi thấy họ không đi ngay thẳng theo chân lý của Tin Lành, tôi nói với Sê-pha trước mặt mọi người rằng, nếu anh là người Do Thái, mà sống theo cách dân ngoại, không theo cách người Do Thái thì làm sao anh ép dân ngoại sống theo cách người Do Thái?” (Ga-la-ti 2:14). Sự bảo vệ Phúc Âm đối với Phi-ê-ơ được Phao-lô đánh giá lại tại một vài điểm đối với một tuyên bố với người Ga-la-ti. Nó vẫn tiếp tục mô tả thái độ của Phao-lô đối với vấn đề đang gây nghi vấn này, nhưng trong mạch văn trong thư

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

Phao-lô đã bỏ chuyện Phi-ê-ơ sang một bên trong suy nghĩ của ông và đang hướng đến người Ga-la-ti và đang công bố trường hợp của ông với họ. Không ai có thể nói chỗ chuyển tiếp nằm ở chỗ nào: Có nhiều đề nghị về việc chia đoạn trong câu 15, 16 và giữa câu 18 và 19. Chắc chắn đó là việc chuyển ý đã xảy ra, và khi chủ đề tiếp tục và người nói vẫn như vậy, nhưng người nghe đã thay đổi.

Nhưng sự mặc khải là gì đối với lời tuyên bố của một con người như Phao-lô! Bất cứ ai đều không thể hiểu được ông nếu họ không cố gắng theo dõi sự căng thẳng của ông và chuyển những lời mà ông trình bày từ những phần bên trong sâu thẳm trong lòng ông về sự tận hiến cho Đấng Christ. Ông không bao giờ mất đi sự trình bày mang tính lô-gic về những suy nghĩ của ông, nhưng nó được thể hiện với những cảm nhận và xúc cảm sâu sắc nhất. Chúng ta sẽ cố gắng theo dõi suy nghĩ của ông và cũng hãy cố gắng hiểu được cảm xúc của ông. “Chúng tôi”, Phao-lô tiếp tục nói về Phi-ê-ơ- và chữ “chúng tôi” có nghĩa là Phao-lô và Phi-ê-ơ: “chúng ta là người Do Thái về bản chất và không phải là tội nhân như Dân Ngoại” (câu 15). Người Do Thái đang nói ở đây- một người Do Thái với tất cả niềm kiêu hãnh về chủng tộc, về sự nhiệt tình cho tôn giáo được đánh giá là đứng đầu trong số họ- và là người Do Thái Phao-lô vừa là một học giả, vừa là một thầy dạy kinh luật và Phi-ê-ơ, một người đánh cá thẳng thắn và thật thà nhưng nhiệt tình. Dân Ngoại là một dòng giống thấp kém hơn nếu không có luật pháp; họ là những tội nhân. Dân Ngoại không có niềm tin để đến với sự công chính: Nếu không có Đức Chúa Trời và không có những ảnh hưởng kèm chế của luật pháp, thì đời sống bình thường của họ được Phao-lô mô tả đúng như trong Rô-ma đoạn 1. Khi họ đến với sự nhận thức như vậy về Đấng Thánh của Israel và luật pháp công chính của Ngài, thì rõ ràng họ là những tội nhân. Nhưng cả Phao-lô và Phi-ê-ơ

đều nhận ra rằng họ cũng là tội nhân trong mắt Đức Chúa Trời; và thậm chí nếu họ đã thoát khỏi những tội lỗi lớn hơn của Dân Ngoại, tuy nhiên bởi sự giáo dục về luật pháp của họ, họ đã yêu cầu một quan điểm rõ ràng hơn về sự sa vào tội lỗi và sự thất bại của con người trước Đức Chúa Trời. Lương tâm của họ về tội lỗi không nhỏ hơn mà thậm chí còn lớn hơn cả Dân Ngoại. Kinh nghiệm đã dạy họ rằng một con người không được xưng công chính bởi công việc của luật pháp. Phao-lô đã bày tỏ một vấn đề mang tính toàn cầu khi ông công bố rằng khi luật pháp đến với đời sống của ông, thì ông trở nên quan tâm đến xung lực ngược lại trong chính ông sẵn sàng công bố chính nó. Sự thúc đẩy này ông gọi là tội lỗi; và ông càng quan tâm đến sức mạnh của nó khi ông hiểu biết về những điều cấm kị trong luật pháp. Tội lỗi tràn lan trong cuộc sống- nó ở đó nhưng chưa hoạt động, chỉ chực chờ lời tuyên bố về luật công chính được đánh thức vào trong sự nhiệt thành sẽ không bao giờ yếu đi cho đến khi chính cuộc sống trôi qua. Kinh nghiệm như vậy đến với một linh hồn biết rằng Đức Chúa Trời là có thật, dẫn đến một sự nhận biết rằng sự chết là kết quả cuối cùng không thể nào tránh khỏi. Phao-lô đã tuyên bố một cách thẳng thắn, “và tôi chết” (Rô-ma 7:9).

Nếu luật pháp có tác động làm dấy lên sự thù ghét những điều thuộc về xác thịt rõ ràng là sự công chính không thể bởi luật pháp- vì sự xưng công bình là một sự công bố chính thức về sự công chính, một sự tuyên bố rằng một người là công chính. Điều mà luật pháp không thể nào tránh khỏi việc tuyên bố con người là một tội nhân.

Đi vào trong đời sống của Phi-ê-rơ, Phao-lô và tất cả những tín đồ Do Thái Giáo đã đến với ánh sáng của sự cứu rỗi. Trong khi ánh sáng chắc chắn hơn luật pháp làm rõ ràng tội lỗi của con người, nhưng nó chỉ ra con đường đến với sự sống trong Chúa Jesus Christ. Bởi đức tin trong Ngài, con người được xưng

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

công chính, được công bố là công chính; vì khi tiếp nhận đức tin trong những điều đã được thành toàn trong Chúa Jesus Christ, Đức Chúa Trời tha thứ tội lỗi cho con người. Điều mà một người không thể làm bởi luật pháp thì có thể làm qua đức tin; con người có thể đứng trước mặt Đức Chúa Trời như là một người được tha thứ và vì thế được xem là người công chính.

Sự cất đi gánh nặng

Sự cất đi gánh nặng luật pháp một cách vui mừng và niềm vui trong sự tự do trong Đấng Christ: Họ được yên nghỉ trong Ngài trong sự xác quyết rằng không thể tìm thấy sự công chính ở nơi nào khác cả.

Chính Kinh Thánh cũng công bố về những kinh nghiệm đã giảng dạy: “bởi công việc của luật pháp thì không có người nào được xưng công chính”. Đa-vít đã từng thỉnh nguyện, “Xin đừng phán xét đầy tớ Chúa, vì trước mặt Chúa chẳng người sống nào được xưng là công chính (Thi 143:2). Thi Thiên này chắc đã in sâu trong suy nghĩ của Phao-lô, vì trong Rô-ma 3, ông đóng lại những nghiên cứu của ông về nhu cầu của toàn bộ thể giới về lòng thương xót của Đức Chúa Trời bằng một lời cuối cùng thậm chí về sự đói khát tuyệt vọng về sự công chính của người Do Thái “Chúng ta biết rằng những điều luật pháp nói, là nói cho những ai ở dưới luật pháp để mọi miệng đều phải nín lặng, và cả thiên hạ đều chịu tội trước mặt Đức Chúa Trời, vì chẳng có một người nào bởi việc làm theo luật pháp mà được kể là công chính trước mặt Ngài, vì nhờ luật pháp người ta nhận biết tội lỗi” (Rô-ma 3:19,20).

Người ta gặp nhiều cuộc tranh luận nhỏ nữa giữa vòng những người chống đối Do Thái. Phúc Âm không đến với thế gian lúc tâm trí ổn định, thậm chí đó là lúc đang ở trong tình trạng băng hoại về đạo đức. Người Do Thái và Dân Ngoại chống lại sự giảng dạy Cơ Đốc bởi tâm trí của con người. Không thể giấu kín tội lỗi

ở đâu được được thể hiện rõ ràng hơn trong suy nghĩ “lý trí” bởi đó mà tội lỗi được tha và theo đuổi sự công bình. “Chúng ta hãy tiếp tục trong tội lỗi mà ân điển có thể tồn tại” là một sự tranh luận rõ ràng cho việc sống trong tội lỗi đòi hỏi cho việc trả lời cho vấn đề được nhấn mạnh “Đức Chúa Trời cảm”. Vì vậy với nỗ lực nhằm khiến Đấng Christ là nguyên nhân của tội lỗi. Người ta tuyên bố nhất trí rằng nếu Phúc Âm của Đấng Christ khiến con người quan tâm hơn đến vấn đề tội lỗi, để chính người đó cảm nhận mình là kết quả của một tội nhân tệ hại hơn, thì Đấng Christ phải là người thúc đẩy cho tội lỗi. Tranh luận này tự thân nó đã phản lại chính nó và được chối bỏ chân lý một cách mạnh mẽ: “Đức Chúa Trời cảm”. Đó là tính chất lạ lùng của tội lỗi đó là nó bịt mắt tội nhân đối với sự xấu xa của tội lỗi. Tội lỗi lừa dối, nhưng nó bày rõ tội lỗi và cho biết rằng những tính chất đúng đắn khi tội lỗi, phải ở trong một bản chất ngược với tội lỗi.

Trong câu 18, Phao-lô tuyên bố rằng trong con người của chính ông vị trí của những người khác- Phi-ê-ơ, Ba-na-ba, và người Ga-la-ti đã hành động như vậy. Ông đặt giả thiết cho chính ông những điều mà người khác đang làm. Điều này phải được nhận ra để có thể hiểu được lời của Phao-lô; và việc nhận ra nó chúng ta sẽ trở nên quan tâm rằng chúng ta đang rời Phi-ê-ơ và Ăng-ti-ốt và đang ở trong sự hiện diện của những người Ga-la-ti sai lầm. “ Nếu tôi xây lại, hay nếu Phi-ê-ơ hay Ba-na-ba hay anh em xây lại, điều mà tôi hay anh em đã từng hủy phá, tôi và anh em đã chứng minh mình là những kẻ phạm tội”. Họ đã hủy phá điều gì? Họ đã loại khỏi quan niệm rằng cuộc sống có thể có được nhờ luật pháp- rằng những công việc của luật pháp họ có thể được xưng công chính. Giờ hãy quay trở lại với luật pháp là để tìm kiếm sự xưng công chính từ những điều mà tất cả những kinh nghiệm của họ đã cho thấy là một “chức vụ bị rửa sả”. Đây là để vào trước mặt của chính luật pháp Đức Chúa Trời, và mục

đích của Ngài trong luật pháp, và vì thế khiến họ trở thành những kẻ phạm pháp.

Kinh nghiệm của Phao-lô

Từ “vì” trong câu 19 cho thấy lời tuyên bố được giới thiệu bởi đó là lời giải thích và giới thiệu điều Phao-lô muốn nói bởi lời nói của ông trong câu 18, “tôi khiến tôi trở thành người phạm pháp”. Từ “vì” giới thiệu về những sự chuyển động trong đời sống tâm linh được ghi lại: Trong đó, bày tỏ sự căng thẳng trong sự tranh chiến của vị sứ đồ với chính mình, và việc đầu phục Chúa hoàn toàn được hướng đến. Ít người hiểu Đấng Christ như Phao-lô, vì sự sâu sắc trong bản tính của ông và sự xuất chúng về học vấn của ông là nền tảng cho sự chống đối dữ dội của ông và sau đó là nền tảng cho sự tận hiến hoàn toàn của ông như là một nô lệ của Đấng Christ. Không còn sự cầm tù nào nữa với chiến thắng vinh quang của Con Đức Chúa Trời. Sự tủ nhục của Ngài là hoàn tất, sự đầu phục của Ngài là tuyệt đối. Với lời công bố mạnh mẽ của suy nghĩ vào thẳng vấn đề ông đã nhìn thấy ông đã sai lầm như thế nào và vì thế ông nhìn thấy được ân điển của Đức Chúa Trời là tuyệt vời làm sao, Đấng đã ban cho ông sự sống và niềm hy vọng.

“Vì tôi qua luật pháp tôi đã chết với luật pháp để sống cho Đức Chúa Trời” (câu 19). Kinh nghiệm của ông về luật pháp- và sự nhiệt tình của ông và sự tận hiến của ông cho luật pháp như là một người Pha-ri-si khiến kinh nghiệm của ông hoàn hảo hơn- cho thấy rằng nó không thể xung công chính; rằng đó vượt qua quyền lực của nó. Ngược lại, nó đáng bị rửa sạch đến chết. Như là một nguồn của sự cứu rỗi, luật pháp không có ích lợi gì. Vì thế, nếu vì nó đưa ông đến với sự chết, và vì bởi luật pháp ông không thể có được sự sống, Phao-lô chết đối với luật pháp. Ông ra khỏi thẩm quyền của nó trên ông khi ông bước vào sự phục vụ của Đấng Christ, thoát khỏi những ảnh hưởng và đòi hỏi của nó. Như

ông nói trong thư của ông gửi cho người Rô-ma: “Khi đó, anh em của tôi, anh em cũng trở nên chết với luật pháp qua thân thể của Đấng Christ... vì khi chúng ta ở trong xác thịt những hành động tội lỗi do luật pháp hướng dẫn làm việc trong chúng ta để mang chúng ta đến sự chết. Giờ đây chúng ta đã thoát khỏi sự chết, lại chết trong nơi cầm giữ chúng ta; chúng ta nên phục vụ cho tâm linh mới, và không ở trong sự cũ kỹ của văn tự” (Rô 7:4-6). Sự phục vụ đó trong một tâm linh mới nhất là “sống cho Đức Chúa Trời”. Ngược lại với sự chết và đời sống bày tỏ mối quan hệ cá nhân của Phao-lô với luật pháp và với Đức Chúa Trời. Ông cố gắng sống theo luật pháp và ông chết với nó; ông vượt qua sự chết đó vào trong một sự phục vụ mới là một đời sống thật sự trong ánh sáng của Đức Chúa Trời. Sự chết và sự sống sẽ được mô tả tiếp theo trong những thuật ngữ mang đến những điều này và Phao-lô người đã kinh nghiệm và vào trong mối quan hệ với Đấng Christ.

“Tôi đã bị đóng đinh vào thập tự giá với Đấng Christ, mà tôi sống, không phải là tôi sống nữa, nhưng Đấng Christ sống trong tôi. Hiện nay tôi sống trong thể xác, tức là tôi sống trong đức tin của Con Đức Chúa Trời, là Đấng đã yêu tôi và phó chính mình Ngài vì tôi” (Ga:2:20). Từ ngữ mang tính hình ảnh- nhiều với mọi người đến nỗi tầm quan trọng rõ ràng của hình ảnh bị mất trong chúng. Có một sự rục rờ của Hội Thánh về thập tự giá; một cảm xúc tràn dâng, mạnh mẽ đã làm mất đi sự xấu xí và đáng hổ thẹn của việc đóng đinh. Nhưng Phao-lô cũng biết nhiều về ý nghĩa của việc đóng đinh như là một hình mẫu khủng khiếp của cái chết làm mạnh ý nghĩa của nó. Ông cũng biết về sự xấu hổ mà một người Do Thái nghĩ về một người công bố là Đấng Mê-si-a lại đến một kết cuộc như vậy. “Vụ tai tiếng của thập tự giá” mang một ý nghĩa mạnh mẽ, in đậm ý tưởng rằng một con người đã chịu chết như vậy lại được nghĩ là Đấng Mê-si-a của Israel, thập

tự giá là một bằng chứng cuối cùng rằng mà họ cho rằng Chúa Jesus là một kẻ lừa đảo.

Phao-lô rất quen thuộc với hệ thống cai trị của Israel. Có thể ông là một thành viên của của Tòa Đại Hình. Dường như hợp lý khi nghĩ rằng ông có mặt ở Giê-ru-sa-lem trong một khoảng thời gian nào đó trong khi Đấng Christ thi hành chức vụ và quen thuộc với những báo cáo được những người đưa tin của giới cầm quyền đưa đến có liên quan đến Chúa Jesus. Thậm chí nếu không thật sự tại Giê-ru-sa-lem lúc kết thúc chức vụ, chắc ông quen với thái độ của giới chức đối với Chúa Jesus. Ông nghe với sự nhất trí rằng Chúa Jesus phải bị xử tội chết. Người mà sau đó đã chứng kết cái chết của A-tiên khi những người tham gia, để rảnh tay trong việc ném đá, đã đặt đồ dưới chân ông, lúc đó đang đứng đó và theo dõi với sự tán đồng trong tâm trí về sự chết của Chúa Jesus. Ông ta lúc đó cũng đã nhạo báng, phỉ báng Ngài và cảm nhận rằng chết là đáng lắm.

Chúa Jesus không phải là kẻ lừa đảo

Kẻ đó Phao-lô học biết, không phải bởi nghe thấy hay thuật lại, nhưng bởi một cuộc diện kiến thật sự với Chúa Jesus không thể là điều nhầm lẫn, rằng người mà ông nghĩ rằng là một kẻ lừa đảo chính là một Đấng Thánh; người mà ông nghĩ là đã chết thì nay đã sống lại. Và tất cả những thuyết về cuộc đời của Phao-lô dựa trên ý tưởng rằng Chúa Jesus đã chết, đã thành bụi đất khi ông gặp lại Đấng Christ sống. Ngài không chết; Ngài là Đấng Sống. Điều này có nghĩa là Phao-lô phải định hình lại đời sống thuộc linh và tâm trí của ông khi nắm lấy điều đó. Chúa Jesus không phải là kẻ lừa đảo: Ngài là chân thật: Chính Phao-lô đã sai lầm. Và khi ông đã sai trong quan niệm về Chúa Jesus, vì thế hành động bất bớ của ông đối với những người theo Chúa Jesus là một hành động tội lỗi đã làm bởi quốc gia trong việc chối bỏ và đóng đinh Chúa Jesus. Phao-lô tiếp tục việc đóng đinh bằng việc

truy sát những người theo Chúa vì thế Chúa Jesus hiện ra trong vinh quang đã hỏi Phao-lô với việc bắt bớ Ngài: “tại sao ngươi bắt bớ Ta?”

Phao-lô đã từng rất sai lầm, nhưng ông không phải là người không trung thực. Ông nhìn thấy sự sai lầm, nhưng không cố né tránh nhưng thể hiện chính ông nhìn thấy lẽ thật và sống chết vì điều này. Ông phải biết rằng ý muốn thiên thượng ở trong sự đóng đinh Chúa Jesus vì đó là một ý muốn thiên thượng rõ ràng, vì Chúa Jesus được xưng công chính bởi chính Đức Chúa Trời, Đấng sẽ khiến Ngài sống lại từ cõi chết. Như ông nói trong lời mở đầu thư Ga-la-ti: “Đấng Christ ban chính Ngài vì tội lỗi của chúng ta...theo ý muốn của Đức Chúa Trời và Cha chúng ta”.

Khi Phao-lô chuyển tư tưởng của ông ra khỏi Phi-ê-rơ đến người Ga-la-ti, ông làm như vậy bởi vì điều ông nói với Phi-ê-rơ ông đã nói với người Ga-la-ti trước đó. Ông công bố lại sứ điệp mà ông đã rao giảng cho họ khi lần đầu tiên ông rao ra giữa họ. Họ đã nhận ra điều này ngay lập tức: Nhưng sứ điệp Phao-lô dành cho họ không là điều gì khác với sứ điệp mà ông kiên quyết nói khi Phi-ê-rơ bị “đổ lỗi” và sứ điệp mà Phi-ê-rơ đã thừa nhận là chân thật khi chấp nhận những chứng cứ của Phao-lô. Thế thì chi tiết cuộc gặp mặt này với Phi-ê-rơ là một chứng cứ thật sự trong cuộc tranh luận của Phao-lô về việc bảo vệ của ông. Ông không hề nhận điều gì từ người khác: Các sứ đồ đã chấp nhận sứ mệnh thiên thượng của ông là ông sẽ rao giảng cho Dân Ngoại: Nhưng đó là Phi-ê-rơ đã yếu đuối, và đó là Phao-lô đã đứng vững trong việc bảo vệ Phúc Âm chân thật.

Khi chúng ta nghiên cứu điều này, chúng ta có thể đưa vào những chi tiết của sứ điệp của Phao-lô cho người Ga-la-ti : “Đức Chúa Jesus Christ bị đóng đinh trên thập tự giá đã được bày tỏ ra trước mắt” (Ga 3:1), và lý do cho cái chết của Ngài đã được giải

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

thích. Thư gửi người Rô-ma là tuyên bố của chính Phao-lô về điều mà ở đó ông đã mô tả là “Phúc Âm của tôi”. Trong Phúc Âm đó, ông cho thấy sự thất bại của con người thế gian trong việc đạt được sự công chính. Tất cả loài người đều đã phạm tội và đáng nhận tiền công của tội lỗi, đó là sự chết. Tất cả đang chết vì là một thành viên của một dân tộc mà hậu tự của “một người” mà qua người đó tội lỗi vào trong thế gian và chết bởi tội lỗi, và sự chết thống trị trên tất cả mọi người vì tất cả mọi người đều đã phạm tội. Phao-lô cho thấy rằng Đức Chúa Trời đã đưa Chúa Jesus đến để công bố về sự công chính của Ngài rằng Đức Chúa Trời là công bình và là Đấng Công Chính mà họ tin. Chúa Jesus đã công bố về sự công chính của Đức Chúa Trời khi là một thành viên của một dân tộc chịu sự chết, Ngài đã tình nguyện hiến thân Ngài làm của lễ. Trong sự chết, Chúa Jesus “chết vì tội lỗi” của những kẻ đáng chết vì tội lỗi đã đưa cả nhân loại vào trong sự hủy diệt của sự chết. Ngài sẵn sàng đầu phục nhận lấy bản án đóng đinh, Chúa Jesus cho thấy rằng bản chất của tội lỗi, nhưng tội lỗi không bao giờ được phép ngự trị trên Ngài, không được phép sống và thống trị dưới một bản án thiên thượng. Chúa của thế gian này (tội lỗi) bị phán xét và rửa sạch trong xác thịt của tội lỗi để Ngài là một sinh tế chuộc tội, một vật hy sinh cho tội lỗi. Tất cả mọi sự đã được làm trọn để Đức Chúa Trời có thể cung cấp một nền tảng đứng đắn trên điều mà Ngài có thể tha thứ tội lỗi.

Của lễ chuộc tội

Khi luật pháp thể hiện cơn giận đem người ở dưới án phạt phá vỡ luật pháp thì sự đóng đinh của Chúa Jesus là sự bày tỏ tình yêu của Đức Chúa Trời trong việc ban cho con đường của việc thể hiện lòng thương xót của Ngài. “Nhưng Đức Chúa Trời bày tỏ lòng yêu thương của Ngài đối với chúng ta, khi chúng ta còn là tội nhân thì Đấng Christ chết thay cho chúng ta.” (Rô-ma 5:8). Đó cũng là sự thể hiện tình yêu của Đấng Christ như Phao-lô nói, “Vì

tình yêu thương của Đấng Christ cảm động chúng tôi, và chúng tôi nghĩ rằng nếu một người đã chết vì mọi người thì mọi người đều đã chết. Và vì Ngài đã chết thay cho mọi người, để những người đang sống không vì chính mình mà sống nữa, nhưng sống vì Đấng đã chết và sống lại cho mình.” (II Cô 5:14,15).

Nhưng sự kết nối giữa một tội nhân và sinh tể chuộc tội Jesus được tìm thấy trong việc tình nguyện nhìn nhận mình là tội nhân với Đấng Cứu Chuộc. Trong lễ Báp-tem, một người “được chôn với Đấng Christ” và “sống lại với Ngài”. Trong hành động đó “con người cũ của chúng ta được đóng đinh với Đấng Christ”. Cách nhận diện này được Phao-lô nhìn thấy rõ ràng hết về sự tương giao thật sự với Chúa Jesus trên thập tự giá. Thay vì đứng với một đám khán giả nhạo báng, Phao-lô đã vượt đến với việc chịu đóng đinh. Ông nhận hành động chịu đóng đinh ở nơi đó, chết đi đời sống của mình, và chết theo cách đó. Ông dự phần với Đấng Christ, và đồng chết với Ngài. Bằng cách đó, Phao-lô nhận lấy nguyên tắc thiên thượng được bày tỏ trong sự chết của Chúa Jesus.

Chúa Jesus chịu đóng đinh và chôn, tuy nhiên, Chúa Jesus đã sống lại đến với sự sống đời đời. Khi Phao-lô cùng chia sẻ sự chết với Ngài, thì ông cũng chia sẻ đời sống mới đến với Đức Chúa Trời nhận được trong Đấng Christ. Vì thế ông nói, “tôi sống”: Nhưng ngay lập tức, nhằm để tránh thể hiện bất cứ điều gì trong bản chất của riêng Phao-lô, ông thêm vào “nhưng không phải tôi, mà là Đấng Christ sống trong tôi”. Điều này không có nghĩa là Phao-lô phải chấm dứt tính cách của mình; nó có nghĩa là Phao-lô trong Đấng Christ được ban cho sức mạnh để sống một đời sống mà qua đó người ta nhìn thấy Chúa trong đời sống của Phao-lô. Vì sự hy sinh của Đấng Christ không chỉ là một điều chấm hết, hay chỉ là một phương tiện bày tỏ lòng thương xót của Đức Chúa Trời dành cho tội nhân, mà sự hy sinh của Đấng Christ, là một quyền năng thúc đẩy đến với sự nên thánh; Trong lời của Phao-lô:

“giờ đây tôi vẫn còn ở trong thân xác này nhưng tôi sống bởi đức tin nơi Con Đức Chúa Trời, Đấng yêu tôi và ban cho tôi chính Ngài”. Tâm hồn nhạy cảm của Phao-lô nhận thức quá đầy đủ về tội lỗi; Phao-lô kẻ bắt bớ những người theo Chúa, nhìn thấy cái chết của Đấng Christ một sự bày tỏ tình yêu của Đấng Christ dành cho chính một Phao-lô đó. Sự đóng đinh không chỉ là một thuật ngữ thần học nhưng là một yếu tố thực tế trong đời sống của Phao-lô đối với Đức Chúa Trời.

Ông nhìn thấy trong đó tất cả ân điển của Đức Chúa Trời. Để tìm kiếm con đường sống khác là khiến làm buồn lòng con đường thiên thượng đó. Con đường mà Đức Chúa Trời chọn lựa là con đường hiệu quả duy nhất, vì nếu sự công chính đạt được nhờ cách thức khác như bởi luật pháp thì Đấng Christ đã chết vô ích: dưới những điều luật thì sự chết của Ngài là không cần thiết- và nếu con người trở lại với luật pháp họ hành động như thể đó là điều thật sự phải làm.

Khi chúng ta cố gắng theo hình ảnh rõ nét của Phao-lô trong việc nhận diện với việc Đấng Christ chịu đóng đinh và ý nghĩa bên trong của điều này, chúng ta có thể hiểu sự sợ hãi của Phao-lô trước lỗi lầm của mình với Đấng Christ. Sự sợ hãi đó được bày tỏ trong hình ảnh thay đổi. Nếu một con người biết lẽ thật trong Chúa sẽ thay đổi, người đó sẽ phủ nhận sự thật trong hành động tuyên bố Chúa Jesus là kẻ dối trá như người Do Thái đã nghĩ về Ngài. Hành động của ông sau đó là nhận lấy hành động của người Do Thái trong việc đóng đinh Chúa Jesus. Phao-lô nói rằng nếu một người có được một chứng cứ không sai lầm về lẽ thật và sau đó phủ nhận nó, “nếu vấp ngã thì không thể nào phục hồi để ăn năn được, vì chính họ đóng đinh Con Đức Chúa Trời” (Hê-bơ-rơ 6:6). Nếu dự phần vào sự đóng đinh Đấng Christ là dự phần vào sự cứu rỗi của Ngài, đóng đinh Ngài là đáng nhận số mệnh của những kẻ đóng đinh Ngài và tất cả những người đã từ chối

tình yêu của Đức Chúa Trời và tình yêu của Đấng Christ, - Đấng Christ gánh chịu sự sỉ nhục của thập tự giá và nhờ đó mà con người có thể sống.

PHẦN BA

LỄ THẬT CỦA PHÚC ÂM CỦA PHAO-LÔ: NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TRONG NIỀM TIN VÀO LUẬT PHÁP

MỘT SỰ YÊU CẦU ĐẾN VỚI KINH NGHIỆM (3:1-6)

Nếu Đấng Christ không chết vô ích, nếu trong những lời khác, cái chết của Ngài là rất cần thiết (2:21)- và không có một độc giả nào của Phao-lô sẽ tranh luận rằng sự chết của Ngài là một sự kiện và là một yếu tố cần thiết trong kế hoạch của Đức Chúa Trời cho sự cứu rỗi của họ- thì bất cứ điều gì đưa họ ra khỏi Đấng Christ sẽ đưa họ ra khỏi Đức Chúa Trời và sự cứu rỗi của Ngài. Theo bất kỳ chứng cứ nào sẽ dẫn đến sự ngu ngốc.

Vì thế, đó là một sự mô tả thật khi Phao-lô nói họ như “những người Ga-la-ti ngu ngốc”. Việc sử dụng thuật ngữ mang tính địa lý này có thể cho thấy rằng họ không sống theo những tiêu chuẩn về điều mà họ tự hào hơn về chính họ. Bằng cách đề cập về Ga-la-ti, Phao-lô muốn nói đến tỉnh Rô-ma của Ga-la-ti, và bốn thành Ga-la-ti nằm xung quanh trung tâm hành chính sầm uất đó. Tinh thần của các thành này gắn với niềm kiêu hãnh về nơi chốn và văn hóa thường được tìm thấy ở các thành phố La-mã-Hy-lạp- một niềm kiêu hãnh cứ phát triển và thấp sáng. Những người này bị buộc là ngu ngốc khi quay lưng với ân điển Đức Chúa Trời cho rằng có điều gì đó đã thu hút họ. Ai đã dùng lời nói dụ dỗ họ?

Phao-lô hỏi. “Chúa Jesus Christ đã bị đưa đi và chịu đóng đinh giữa họ một cách rõ ràng trước mắt họ”.

“Công khai đưa ra xét xử” (bảng R.V) là cách dịch của một động từ có nghĩa là “viết ra trước”, nhưng cũng có ý nghĩa là mang tính công khai, bằng cách công bố bằng cáo thị, truyền miệng hay dán thông báo. Lấy ra một phần nghĩa đen của từ này, một vài người nghĩ đến sự liên quan đến một thư tín khác của Phao-lô gửi cho họ. Nhưng nếu chúng ta nắm lấy chính giọng văn của vài câu cuối chương 2, chúng ta nhận ra rằng Phao-lô ở đó để gọi nhớ lại điều mà ông đã nói khi ông rao giảng Đấng Christ với họ, rõ ràng là ý tưởng về việc dán cáo thị phù hợp với bối cảnh nhất. Thật vậy, rõ ràng là Phao-lô đã đặt trước họ hình ảnh về Đấng Mê-si-a chịu đóng đinh- rõ ràng làm sao như chính chúng ta có thể nhận ra ngày nay khi chúng ta đọc những lời của Phao-lô. Ông đã khiến họ nhìn thấy Đấng Christ; ông đã khiến họ nhận ra việc tiếp nhận Đấng Christ là con đường duy nhất giúp họ có thể đến với việc nhận diện ra chính họ với Ngài trong hành động đóng đinh xác thịt. Ông đã bày tỏ trước họ rằng sự hăng say là một dấu hiệu về niềm tin mà chính ông đã từng trải nghiệm như một kẻ bắt bớ và sau đó là người theo Chúa, và bày tỏ ân điển và lòng thương xót của Đức Chúa Trời là thể nào trong việc tha thứ tội lỗi vào chính Đấng Christ và dành sẵn cho tất cả. Chúa Jesus “đã chịu đóng đinh giữa họ” như Phao-lô đã mô tả tất cả- thậm chí như thể họ đã hiện diện và chứng kiến những điều xảy ra thật sự bên ngoài thành Giê-ru-sa-lem.

Sự chấp nhận thiên thượng

Phao-lô đã đi qua phần mô tả của chính ông về Đấng Christ chịu đóng đinh cho kinh nghiệm của họ sau khi sứ điệp của ông được họ nhận. Kinh nghiệm đó là một bằng chứng không thể sai lầm về sự chấp nhận thiên thượng, và là một minh chứng cho lẽ thật về sứ điệp của vị sứ đồ trong thế hệ môn đồ đầu tiên.

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

Hãy trở lại với Công Vụ Các Sứ Đồ, chúng ta tìm thấy lời hứa rằng các sứ đồ nhận được quyền năng thiên thượng “sau khi Đức Thánh Linh giáng trên các con” (1:8). Tại lễ Ngũ Tuần, lời hứa này được thành toàn khi với tiếng gió lớn và sự xuất hiện lửa trên môi miệng, các sứ đồ “đổ đầy Đức Thánh Linh” và hiệu quả trực tiếp của những điều này là khiến họ có thể nói “với ngôn ngữ khác mà Thánh Linh ban cho họ nói” (2:4). Quyền năng tương tự đã khiến Phao-lô và Phi-ê-rô có thể chữa lành một người đàn ông nơi cổng Đền Thờ, với một lời chứng sau đó có liên quan đến công tác của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ Jesus (3:1-26). Quyền năng này được bày tỏ trong nhiều cách: trong việc phát hiện sự dối trá của A-na-nia và Sa-phi-ra (5:1-11); trong việc chữa lành nhiều người (5:15-16); trong lời chứng đầy quyền năng của A-tiên (6:8). Từ sự kiện Phi-líp tại Sa-ma-ri cũng thể hiện rằng Đức Thánh Linh không ngừng nghỉ trong việc ban ân tứ cho những người khác nữa. Phi-líp có thể chữa lành (8:7); nhưng những sứ đồ đến thăm Sa-ma-ri nhìn thấy công việc của Phi-líp đang cầu nguyện cho những người cải đạo mới để họ có thể nhận Đức Thánh Linh. Các sứ đồ sau đó đã đặt tay trên họ và ân tứ được ban cho họ (8:15-17).

Trường hợp của Cọt-nây rất thú vị trong sự liên hệ này. Ông được hướng dẫn trong một giấc mơ dành cho Phi-ê-rô; vị sứ đồ này cùng lúc đó trong giấc mơ cũng được tiên báo là hãy đến thăm người đầy tớ của Cọt-nây. Phi-ê-rô đến thăm Cọt-nây, rao giảng Phúc Âm, và “Đức Thánh Linh ngự trên tất cả để nghe lời này” (10:44). Dấu hiệu về sự chấp nhận của Chúa không cho phép bất kỳ một sự nghi ngờ gì về việc liệu Cọt-nây Dân Ngoại có được nhận Báp-tem hay không, và vì thế đã mở ra Con Đường chính thức cho Dân Ngoại, mở ra một cánh đồng lớn hơn cho công tác mà Phao-lô đã được chuẩn bị trong nhiều năm kể từ sau khi ông cải đạo.

Việc thành lập những Hội Thánh do Phao-lô mở ra đi cùng với vài xác nhận bởi sự tuôn đổ của Đức Thánh Linh. Vì thế tại Iconium “các môn đồ tràn ngập niềm vui và với Đức Thánh Linh” (13:52). Phao-lô tổ chức Hội Thánh khi họ nhận lấy lễ thật, “phong chức cho các trưởng lão trong mỗi Hội Thánh” (14:23). Phù hợp trong việc kết luận rằng với sự bổ nhiệm các trưởng lão là ân tứ Thánh Linh cũng tuôn đổ trên họ. Các trưởng lão giữa họ đã có những ân tứ khác nhau như Phao-lô đã từng liệt kê trong I Cô-rinh-tô đoạn 12 và 14- chúng ta có thể đọc những chương này như là sự chỉ ra sự ban cho dành cho Hội Thánh ở Thế Kỷ Thứ Nhất, bởi điều này, khi chưa có Tân Ước, họ được trang bị cho công tác chức vụ trong những khía cạnh khác nhau của nó (xem phần giải nghĩa *Thư Tín Ê-phê-sô* ở đoạn 4: 11-13 về tầm quan trọng của một đoạn quan trọng trong sự liên hệ này). Vì thế có một sự xác chứng mãi mãi về việc mọi Hội Thánh về ý chỉ thiên thượng, và bằng chứng về vấn đề là Đức Chúa Trời cùng đồng hành với họ trong công tác.

Kinh nghiệm của người Ga-la-ti

Với cơ sở này, chúng ta có thể theo dõi những tư tưởng của Phao-lô khi ông đề cập đến kinh nghiệm của người Ga-la-ti vào lúc đó và kể từ khi ông mang Phúc Âm đến với họ.

Sứ điệp của Phao-lô được rao ra “trong sự bày tỏ của linh và quyền (I Cô 1:6,7), được “Ngài thêm lên trong tất cả lời nói và tri thức”. Điều xảy ra ở thành Cô-rinh-tô sẽ không khác với những kinh nghiệm của các Hội Thánh khác, và vì thế người Ga-la-ti cũng sẽ nhìn thấy những bằng chứng của sự xác chứng thiên thượng trong Phao-lô và sẽ kinh nghiệm giữa chính họ những ân tứ Thánh Linh được ban cho mỗi cá nhân khi Chúa cùng làm việc với họ.

Phao-lô hỏi họ về căn bản để nhận được những ân tứ này là

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

gì? Những ân tứ theo lời giảng của ông về Phúc Âm hay nỗ lực của người Giu-đa đạt được khi cố tuân giữ luật pháp? “điều này tôi biết về anh em, anh em nhận được bởi đức tin, không phải việc làm của luật pháp, hay bởi việc nghe bằng đức tin”. Đức tin chứ không phải việc làm, là điều kiện được chấp thuận để nhận được đặc ân thiên thượng. Bởi “việc nghe” chứ không phải “việc làm”, bởi “đức tin” chứ không bởi “luật pháp”, khiến họ được Đức Chúa Trời chấp nhận. Phao-lô tiếp “sao các anh em ngu dốt vậy?” “khởi đầu với Đức Thánh Linh, giờ anh em lại muốn hoàn thiện mình bởi xác thịt?” (3:3).

Sự bắt đầu của họ hiển nhiên là đúng đắn- Ân Tứ Thánh Linh xác chứng- nhưng khi trở lại với luật pháp, họ đang quay trở lại với một phương pháp mà không có một chứng cứ kèm theo nào về sự chấp thuận của Đức Chúa Trời; thật vậy họ đang tìm cách tiếp tục hoàn thiện bằng một phương pháp mang dấu hiệu của sự thất bại. Vì “Thánh Linh” và “xác thịt” đối lập nhau ở đây, đại diện cho ân điển và ban phước của đời sống bởi Phúc Âm và lối sống bình thường của xác thịt. Hai từ mô tả hai nguồn sự sống của họ. Lời từ Thánh Linh của Đức Chúa Trời đã tạo cho họ một sự sống mới, bởi đó họ thờ phượng Đức Chúa Trời trong linh và trong lẽ thật” (Giăng 4:23), phục vụ Ngài không bởi những lời cũ kỹ của văn tự nhưng là lời mới mẻ của linh: sự sống mới là “Đấng Christ ở trong họ” hay, tương tự như suy nghĩ được thể hiện trong bối cảnh của cụm từ “Linh của Đấng Christ” và “Linh của Đức Chúa Trời” trong họ (Rô-ma 8:9,10). Xác thịt nắm giữ cái tôi cũ kỹ với sự ưa thích nó trong những điều tầm thường bên ngoài và sự kiêu ngạo về những thành tựu của nó. Vì thế không thể nào tránh khỏi là luật pháp yếu đi bởi xác thịt, để rửa sạch tội lỗi trong xác thịt, như Phao-lô xác nhận trong Rô-ma 8:1-4, và rất cần thiết là Đức Chúa Trời sai Con Một của chính Ngài trong gánh lấy xác thịt tội lỗi, để tội lỗi có thể bị rửa sạch và ban một của lễ chuộc tội

theo cách đó. Để tìm kiếm sự toàn hảo bởi xác thịt là theo cách của con người ưa thích, nhưng để khuyến khích một đời sống mới bởi sự nuôi dưỡng của đức tin là cách thức của Đức Chúa Trời, bởi niềm tin của con người vào Đức Chúa Trời đưa đến sự vinh quang của ân điển Đức Chúa Trời. Sự phi lý của hành động của họ là một bằng chứng cho lời công bố như vậy về trường hợp này.

Trong một chỗ khác, Phao-lô còn yêu cầu họ đến với những kinh nghiệm khác- lần này đến với sự chịu khổ. Họ đã chịu khổ nhiều điều cho việc tiếp nhận Phúc Âm. Lu-ca kể về sự chống đối của Do Thái Giáo đối với họ, và sự tấn công của người Do Thái và Dân Ngoại. Phao-lô nói với họ rằng chịu nhiều điều khốn khó như vậy, họ được vào trong Vương Quốc của Đức Chúa Trời (Công Vụ 14:2,5,22). Đức tin theo Phúc Âm dẫn đến sự khó khăn; sự khó khăn là một kỷ luật, đến lượt sẽ nhận lấy sự bình an, kinh nghiệm và hy vọng (Rô-ma 5:3-4) và vì thế là một phần của việc huấn luyện của Đức Chúa Trời (Hê 12:6), Những điều này thuộc về cách thức của đức tin; nếu họ theo cách thức của luật pháp thì sẽ là sự bất bố của Do Thái Giáo, và nếu họ vượt qua sự chịu khổ như vậy thì không cần thiết: họ đã chịu đựng vô ích. Nhưng Phao-lô không ngừng lại ở đó, ông tràn trề hy vọng về sự phục hồi của họ và thêm vào “nếu thế thì quả là vô ích”.

Phao-lô rút ra kết luận bằng cách đưa ra câu hỏi đầu tiên bằng cách thêm vào trích dẫn Kinh Thánh: “Ngài (Đức Chúa Trời) đã ban Thánh Linh và làm nhiều phép lạ giữa anh em, là do anh em làm theo luật pháp, hay là bởi nghe và tin”. Đức Chúa Trời đã thi hành nhiều phép lạ qua Phao-lô và những sứ điệp của Phao-lô về những điều mà họ đã tiếp nhận và trên những tiếp nhận mà họ đã nhận ân tứ Thánh Linh cho chính họ, như là một lời công bố về ân điển của Đức Chúa Trời, mà họ đã nghe và họ đã đặt đức tin vào đó. “công việc của luật pháp” là “phúc âm” của kẻ thù của Phao-lô, những kẻ cũng là kẻ thù của thập tự giá Đấng Christ.

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

Trích dẫn Kinh Thánh trong lời tuyên bố quan trọng về Sáng Thế Ký 15:6. Áp-ra-ham tin Đức Chúa Trời và nhờ đó ông được xưng công chính. Ghi chú mang tính thiên thượng trong Sáng Thế Ký được ký thuật lại cho tất cả các thế hệ như là sự minh họa về quyền cai trị thiên thượng trong sự ban phước. Đức tin nơi điều Đức Chúa Trời đã hứa là nền tảng của sự tha thứ của Đức Chúa Trời cho tội lỗi mà một người được xem là công chính trong mắt Đức Chúa Trời. Tầm quan trọng cần thiết của đoạn Kinh văn được nhìn thấy trong lời tranh luận hợp lý trong Rô-ma đoạn 4 sát với điều mà Phao-lô công bố về ký thuật trong Sáng 15:6 không chỉ viết cho chỉ Áp-ra-ham mà còn dành *cho chúng ta*, nếu chúng ta tin. Đức Chúa Trời là Đấng Chân Thần, và điều kiện để nhận đặc ân là một, dù người nhận là Áp-ra-ham, hậu tự của Áp-ra-ham hay là Dân Ngoại. Tuyên bố về sự kiện được ghi lại một cách thiên thượng rằng Đức Chúa Trời phản ứng với đức tin của Áp-ra-ham sẽ giải quyết mọi vấn đề. Liên hệ đến Áp-ra-ham, đức tin của ông và sự công chính của ông, tuy nhiên, không chỉ quyết định vấn đề căn bản trên đó Phao-lô đưa ra ngụ ý về lời hứa thiên thượng về sự ban phước mà Đức Chúa Trời dành cho Áp-ra-ham.

ĐỨC TIN- ĐIỀU KIỆN ĐỂ NHẬN SỰ BAN PHƯỚC (3:7-9)

Trong câu 6 Phao-lô đã trở về với Kinh Thánh để trả lời câu hỏi là liệu những công việc luật pháp mà họ trải nghiệm hay đức tin là điều kiện để nhận được những đặc ân thiên thượng. Bằng chứng của kinh nghiệm cho thấy những ân tứ Thánh Linh của Đức Chúa Trời đi sau đức tin chứ không phải công việc của luật pháp; rằng Phúc Âm của ân điển được giảng dạy bởi Phao-lô, chứ không bởi luật pháp được rao giảng bởi những người được cắt bì, đã nhận được sự ban phước thiên thượng. Nhưng kinh nghiệm, thậm chí những ân tứ Thánh Linh, tự thân nó không có chứng cứ đầy đủ. Trong Thư Tín đầu tiên gửi cho người tại Cô-rinh-tô, Phao-lô

đề cập đến kinh nghiệm về vấn đề xuất thần của việc thờ cúng thần tượng, và đề nghị rằng tất cả những hiện tượng như vậy đã được đưa đến để kiểm chứng về chân lý được bày tỏ (I Cô 12:1-3). Trong thư tín này, Phao-lô tìm thấy trong Kinh Thánh bằng chứng về vấn đề xung công chính bởi đức tin, và sự ủy thác thẩm quyền này được thêm bằng chứng cho lẽ thật của vấn đề mà người Ga-la-ti đã nhận khi tiếp nhận những ân tứ Thánh Linh. Câu được trích dẫn (Sáng 15:6) là một điều kinh điển; nó được thảo luận trong các trường Do Thái Giáo và quen thuộc với những ai hiểu biết Cựu Ước. Trường hợp của Áp-ra-ham, một sự nhất trí phổ biến, là một sự thử nghiệm; ông ta là người đứng đầu của một quốc gia, và đã từng được gọi là bạn của Đức Chúa Trời. Sự chọn lựa của một dân tộc là do nhận được đặc quyền của Áp-ra-ham trước Chúa. Chính Phao-lô đã ba lần trích dẫn Sáng Thế Ký 15:6 trong các tài liệu của ông; hai lần trong Thư Rô-ma (4:3,22); và ở đây trong Thư Ga-la-ti. Đoạn Kinh Văn này chứng minh trong đặc ân của Phao-lô: *Áp-ra-ham đã tin Đức Chúa Trời-Đó là đức tin* mà nhờ đó ông được xưng công chính.

Lời chứng (Sáng 15:6) liên quan đến sự trả lời của Đức Chúa Trời cho đức tin của Áp-ra-ham có thể không chỉ là một lời tuyên bố dành riêng cho Áp-ra-ham. Đức Chúa Trời xử lý con người trên những nguyên tắc toàn cầu. Phao-lô, tín đồ hăng hái nhất trong sự hiệp nhất của Đức Chúa Trời đã nhìn thấy nếu chỉ có MỘT Đức Chúa Trời, thì Ngài phải là Đức Chúa Trời của cả người Do Thái và Dân Ngoại, và hơn thế nữa, Ngài phải có một quy tắc về vấn đề xưng công chính kể từ khi con người có cùng một nhu cầu chung (hãy xem Rô-ma 3:26-31, bản R.V). Nhưng tính Duy Nhất của Đức Chúa Trời cũng bao gồm những điều khác nữa: Có một quy luật để có thể được chấp nhận, và một kết quả của ân điển- nhận được cùng sự ban phước trên tất cả khi tuân thủ những điều kiện. Quan điểm về sự hiệp thông thiên thượng đi

xa hơn nữa: Trong những vấn đề tối hậu của sự cứu chuộc thiên thượng, tất cả phải hiệp thông với Đức Chúa Trời, chia sẻ sự hiệp thông thiên thượng. Tư tưởng cao hơn này xuất hiện trong những câu sau này của chương ba.

Hạt giống thật của Áp-ra-ham

“Vì thế các anh em cũng nhận được” (bản R.V), Phao lô đã nói và ông chỉ ra những kết quả của những nguyên tắc thiên thượng với Áp-ra-ham được ký thuật trong Sáng 15:6, “họ là những người của đức tin, họ cũng là con cháu của Áp-ra-ham”. “Chúng tôi có Áp-ra-ham là tổ phụ của chúng tôi”, là lời khoe khoang tự hào của người Do Thái- lời khoe khoang mà Giăng Báp-tít đã ném thẳng vào những người có mặt ở đó rằng Đức Chúa Trời có thể khiến những đá này trở thành con cháu Áp-ra-ham (Ma-thi-ơ 3:9); những hậu tự về phương diện xác thịt không là gì đối với cơ nghiệp của Áp-ra-ham, và vì thế nếu có như vậy thì người Sô-đôm Ích-ma-ên và người Ê-đôm đều cũng có thể công bố. Nếu có một vài lý do cho sự chối bỏ họ- và điều này thì không một người Do Thái nào phản đối- có thể có những lý do tương tự cho việc chối bỏ những hậu tự của Sa-ra. Đức tin là quan trọng tất cả đối với Áp-ra-ham; không có đặc ân của Đức Chúa Trời nếu không có đức tin. Chỉ có đức tin thì trên một phần của người khác thiết lập mối quan hệ với Áp-ra-ham- một sự kiện loại đi rất nhiều người Do Thái, nhưng cũng thêm vào nhiều Dân Ngoại.

Phao-lô tuyên bố rằng “họ những người của đức tin” là “con cháu” của Áp-ra-ham; “cũng cùng là con cháu của Áp-ra-ham”- nếu không có những điều kiện thì sẽ bị ném bỏ tất cả những điều nhấn mạnh về tình trạng của con cháu. Nhưng nếu tình trạng của con cháu dựa trên đức tin, và độc lập với mỗi quan hệ huyết thống, nó tiếp theo (1) rằng dòng dõi của Áp-ra-ham trong mục đích cuối cùng của Đức Chúa Trời phải mang tính thuộc linh chứ không phải chủng tộc, và (2) vì có nhiều người “của đức

tin' những người không phải là con cháu của Áp-ra-ham, nhưng trường hợp của họ được chấp nhận trở nên "con cháu".

Sự thừa hưởng đến sau quyền trở nên con cháu. "Nếu là con cháu thì trở thành người thừa kế" (Rô-ma 8:17), tuyên bố hai điều như là điều kiện và kết quả. Sự liên kết trong thể tránh được trong tâm trí của Phao-lô dẫn chúng ta đến việc mong chờ vấn đề là có một vị trí trong lời tranh luận của ông. Vì thế nó có, "hạt giống của Áp-ra-ham và người thừa kế" (Ga-la-ti 3:29) đưa hai điều trở thành một. Ý tưởng ngụ ý về việc "nhận làm con" trong vấn đề tình trạng con của những người không phải là con tự nhiên, và hơn nữa quan điểm về quyền thừa kế ra từ quyền làm con, sẽ xuất hiện sau trong một chương của sách. Nhưng Phao-lô phải cho thấy rằng dòng dõi của Áp-ra-ham có được nhờ vào điều căn bản của đức tin hiệp thông và không phải mang tính huyết thống. Ông nói điều này bằng cách trở lại với lời Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham được ký thuật lại trong Kinh Thánh, "Và Kinh Thánh, đã tiên báo rằng Đức Chúa Trời sẽ kể dân ngoại là công chính qua đức tin được rao giảng trước khi phúc âm đến với Áp-ra-ham, nói như vậy, trong con, tất cả các dân tộc được ban phước" (3:8).

Cách đề cập đến Kinh Thánh này mang tính hướng dẫn. Vị sứ đồ và những độc giả của ông tất cả đều đề cập đến Kinh Thánh như là một sự mặc khải có thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Cuộc tranh luận được dựa trên *lời* của Kinh Thánh; trong một câu sau trên *một lời*. Bởi một hình ảnh mà Phao-lô thêm vào trong ký thuật của ông về phẩm chất biết trước thuộc về Đức Chúa Trời, chỉ có thể được thể hiện trong ký thuật này là quyền tác giả thiên thượng. Việc biết trước là một yếu tố rất cần thiết của Phúc Âm: vì Phúc Âm liên quan đến tương lai, là "sự vui mừng hân hoan" của mục đích thiên thượng được hoàn tất. Thái độ hiện nay chỉ trích việc đoán trước như là một chức năng của tiên tri, sẽ loại tất cả nội dung ra khỏi Phúc Âm. Sự cứu rỗi dựa trên lời hứa của

Đức Chúa Trời có liên quan đến một tương lai, và vì thế là tính chất của lời tiên tri.

“Trong con tất cả các dân tộc sẽ được phước” là lời hứa của Đức Chúa Trời dành cho Áp-ra-ham trước khi ông rời khỏi U-rô để đi đến vùng đất hứa (Sáng 12:3). Mục đích này được lập lại như là vùng đất của sự tác động của Đức Chúa Trời liên quan đến việc hủy diệt thành Sô-đôm. “Ta sẽ tránh cho Áp-ra-ham điều Ta làm; nhìn thấy rằng Áp-ra-ham chắc chắn sẽ trở thành một dân lớn và hùng mạnh, và tất cả các dân tộc trên đất sẽ được phước trong Áp-ra-ham” (Sáng 18:17,18). Sự ban phước nào được hứa ở đây? Có lẽ chúng ta trước hết sẽ nghĩ về sự ban phước vật chất về sự cầm quyền của Đấng Christ, kỷ nguyên của hòa bình, sự thiết lập công lý, sự dư dật về vật ngon; nhà cửa dành cho tất cả, sự an ninh dựa trên luật pháp; loại bỏ sự chuyên chế, đổ máu, sự áp bức và bạo hành mọi hình thức; mang đến sự khai sáng, và tình yêu những điều nào là tốt nhất, cho tất cả. Đúng là những điều kể đến này, như là những bức tranh được ca ngợi nhiệt tình: Nhưng chúng không phải là sự ban phước trước nhất hay quan trọng nhất. Phao-lô trích những lời này: “trong con tất cả các dân tộc sẽ được phước” như là bằng chứng rằng Đức Chúa Trời sẽ xưng công chính cho Dân Ngoại qua đức tin. “Tất cả các dân tộc” bao gồm Dân Ngoại cũng như dân Do Thái- rõ ràng, vì thế, sự ban phước cho Áp-ra-ham là có dành cho Dân Ngoại. Bằng chứng là Đức Chúa Trời sẽ khiến họ được *xưng công chính* nằm trong từ “được phước”- trong những lời khác, khi Đức Chúa Trời nói về những dân tộc sẽ được phước về lời hứa liên quan đến việc các dân tộc được xưng công chính.

Sự xưng công chính

Xưng công chính là gì? Câu trả lời nằm trong cuốn sách hướng dẫn *Sự Cứu Chuộc*:

“Lời này có hai ý nghĩa được phân biệt rõ ràng: 1. sự minh

chúng, công bố là công bình; và 2. sự hoàn toàn, không mắc tội, sự tha thứ và sự phục hòa.

“Trong ý nghĩa đầu tiên chỉ có Chúa Jesus của chúng ta được *xung công chính*. Linh của Đấng Christ trong sách Ê-sai: “Chúa là Đức Giê-hô-va sẽ giúp đỡ Ta, nên Ta không bị xấu hổ, vì vậy, Ta làm cho mặt Ta cứng như đá, vì biết rằng mình chẳng có điều gì phải hổ thẹn, Đấng xung công chính cho Ta đã đến gần, ai tranh tụng với Ta? Hãy cùng Ta đứng lên! Ai là kẻ đối địch với Ta? Hãy lại gần Ta!” (Ê-sai 50:7,8). Và chính Chúa Jesus sau đó cũng công bố điều này cho dân Do Thái: “Ai trong các người có thể kết tội Ta được không?” (Giăng 8:46). Và mặc dù họ phán quyết Ngài như là “một tội nhân” (Giăng 9:24), và với người La-mã xử tử Ngài cũng như vậy, Đức Chúa Trời đã khiến Ngài sống lại từ cõi chết đến với sự sống đời đời và vì thế *xung công chính* Ngài trong ý nghĩa Ngài ở trong *sự minh chứng tuyên bố một người là công bình*; công khai tuyên bố Ngài trước tất cả mọi người là “Con Độc Sanh yêu dấu của Đức Chúa Trời và Đức Chúa Cha được vui lòng qua Ngài (Rô-ma 1:4).

“Trong ý nghĩa thứ hai của “*xung công chính*”, những đứa con *nuôi* của Đức Chúa Trời tất cả đều phải trọn vẹn, không phạm tội, tha thứ, phục hòa với Đức Chúa Trời nhờ vào ân điển của Ngài qua đức tin và sự ăn năn, và (sau sự hy sinh của Đấng Christ) qua phép báp-tem trong Danh của Đức Chúa Jesus Christ, và bởi “việc lành” mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị từ trước để chúng ta làm theo” (Ê-phê-sô 2:10). Linh của Đấng Christ trong Ê-sai đã được nói giống như vậy theo cách nói này, “Đây tớ công chính của Ta sẽ lấy sự hiểu biết về mình làm cho nhiều người được xung công chính, vì Người gánh lấy tội lỗi của họ.” (Ê-sai 53:11).

Để được Đức Chúa Trời xung công chính là được công bố là công chính bởi chính Ngài, và vì mọi con cháu của A-đam, ngoại

trừ Chúa Jesus, có liên quan đến việc tha thứ tội lỗi. Ê-sai 53:11 cũng thiết lập tương tự điều này : “Đây tở công chính của Ta sẽ lấy sự hiểu biết về mình làm cho nhiều người được xưng công chính, vì Người gánh lấy tội lỗi của họ.” (Ê-sai 53:11).

Ý tưởng tương tự như vậy cũng được tìm thấy trong kỹ thuật của Phao-lô: Sự chết và sự sống lại của Chúa Jesus là những sự kiện được nối kết lại, “phóng thích chúng ta khỏi sự tội” và “ban cho chúng ta sự công chính” được kết nối tương tự; Đấng Christ đã chết vì tội lỗi của chúng ta để chúng ta có thể nhận được sự tha thứ tội lỗi, hay được xưng công chính. “Mà cũng cho chúng ta nữa, đức tin sẽ được kể là công chính cho chúng ta, những người tin nơi Đấng đã làm cho Đức Chúa Jesus, Chúa chúng ta, sống lại từ cõi chết, Ngài đã bị nộp để chịu chết vì tội lỗi chúng ta, và sống lại để chúng ta được xưng công chính.” (Rô-ma 4:24,25). Điều kiện trong chúng ta- đức tin- được bày tỏ trong cụm từ “nếu chúng ta tin”, và một lần nữa trong câu tiếp theo bởi danh từ “đức tin”. “Vì thế bởi việc xưng công chính bởi đức tin, chúng ta được hòa thuận với Đức Chúa Trời qua Đức Chúa Jesus Christ” (5:1). Một từ đồng nghĩa nữa với sự xưng công chính được tìm thấy trong những lời của Sáng 15:6, “*nhờ đức tin* mà ông được *xưng công chính*.”, một lời tuyên bố là chủ đề của cuộc thảo luận xuyên suốt chương bốn của sách Rô-ma vào cuối của những điều mà Phao-lô nói, như được trích ở trên, rằng lời tuyên bố trong Sáng Thế Ký không chỉ viết dành cho Áp-ra-ham mà thôi mà còn dành cho tất cả chúng ta là những kẻ tin.

Tâm quan trọng đặc biệt của từ “ban phước” này tương tự như sự xưng công chính không giới hạn trong việc sử dụng của nó về những lời hứa với Áp-ra-ham “còn với những người không làm việc, nhưng tin vào Đấng xưng công chính cho người có tội thì đức tin của người ấy được kể là công chính. Vì vậy, khi đề cập về phước hạnh của người được Đức Chúa Trời nhìn nhận là công

chính không bởi việc làm, Đa-vít nói: “Phước cho người nào lỗi lầm được thứ tha, tội lỗi được khóa lấp. Phước cho người mà Chúa không kể là có tội.” (Rô-ma 4:5-8).

“Được phước” được Đa-vít sử dụng là một sự kết nối bằng lời với lời hứa dành cho Áp-ra-ham về “sự chúc phước”, và trong sự giải nghĩa của Phao-lô, ý nghĩa này được gắn với từ trong những lời hứa này được tìm thấy trong những lời tuyên bố cá nhân thành tâm của Đa-vít về những vi phạm được tha và những tội lỗi được xóa.

Những lời hứa về sự ban phước

Chúng ta có thể dễ dàng nghĩ rằng sự diễn giải như vậy chỉ thuộc về những lời tuyên bố mang tính giáo lý hoàn toàn hợp lý của Phao-lô, nhưng nghĩ như vậy chúng ta sẽ cho thấy sự thất bại của chính chúng ta khi nắm lấy những sứ điệp của các sứ đồ khác. Phi-ê-rô trước Phao-lô đã đưa ra những ngụ ý về những lời hứa của sự ban phước. Đối với dân Do Thái tại Giê-ru-sa-lem, tụ họp trong một sân của Đền Thờ, Phi-ê-rô đã kết luận công tác của Đức Chúa Trời qua Đấng Christ với những lời này: “Anh em là con cháu của các nhà tiên tri và của giao ước Đức Chúa Trời đã lập với tổ phụ chúng ta khi Ngài phán với Áp-ra-ham: Mọi dân tộc trên đất sẽ nhờ dòng dõi con mà được phước. Đức Chúa Trời đã đầy đầy tớ Ngài lên và phái Ngài đến với anh em trước tiên, để ban phước cho anh em bằng cách khiến mỗi người trong anh em liả bỏ đường lối gian ác của mình.” (Công Vụ 3:25,26). Tất cả mọi loài trên đất sẽ được phước nhưng Đức Chúa Trời ban cho người Do Thái trước, với sự ban phước được ban ra trong một Đấng mà Đức Chúa Trời đã dựng nên đầu tiên trong dòng dõi của Áp-ra-ham, và sau đó khiến Ngài sống lại từ cõi chết, “quãng xa mọi người trong anh em khỏi sự vi phạm”.

Khi xem xét cụm từ của Phao-lô- “quãng xa sự vi phạm”-

chúng ta quan sát thấy trước nhất là sự khác biệt trong hình thức giữa nó và từ “xung công chính” của Phao-lô mà Phao-lô cho là tương tự với hình phạt được tha và tội lỗi được dung thứ. Có một sự khác biệt trong quan điểm không? Chúng ta nhận thấy sau đó Phi-ê-rô cũng trích Ê-sai. Trong Công 3:13,26; 4:27,30 bản R.V dịch chữ “đầy tớ” ở chỗ “con trai” trong bản A.V. Đây là một điều đúng đắn không còn nghi ngờ gì nữa- việc sử dụng là tương tự với sự kêu gọi một người phục vụ theo truyền thống là “cậu bé”. Nhưng sự thay đổi trong bản R.V ngay lập tức đưa chúng ta với lời tiên tri của Ê-sai, đặc biệt là chương 53. Với những cụm từ tương tự cũng đã được trích rồi trong Ê-sai 53:11, chúng ta có thể thêm vào những điều này của câu 12: “Vì Người đã đổ mạng sống mình cho đến chết, đã bị liệt vào hàng tội nhân, đã mang lấy tội lỗi nhiều người và cầu thay cho những kẻ phạm tội.” (Ê-sai 53:12).

Phi-ê-rô cũng đã kêu gọi họ “hãy ăn năn và quay đầu trở lại để tội lỗi của anh em có thể được loại bỏ” (câu 19). Quãng xa những vi phạm được thực hiện với họ, trước hết vì được tha thứ, và sau đó là chối bỏ chúng như là một nguyên tắc sống. Đặc biệt cho những thánh giả của Phi-ê-rô nó có nghĩa là không còn được xem Chúa Jesus như là một kẻ dối trá nữa khi sự đóng đinh chỉ đáng dành cho những kẻ phạm thượng, nhưng phải nhận biết Ngài là Tôi Tớ của Đức Chúa Trời, Đấng đã đổ huyết ra và đã sống lại Ngài được lập nên là Đấng Mê-sia của họ. Nó có nghĩa là một sự thay đổi tâm trí và tâm lòng, xung nhận rằng dù đã làm trong sự thiếu hiểu biết, họ đã sát hại Chúa của sự sống. Với sự xung tội của mình, và sự cầu thay của Đầy Tớ dù những tội lỗi mà họ phạm phải đáng bị Đức Chúa Trời bỏ đi. Quan điểm của Phi-ê-rô được định hình bởi ngôn ngữ tiên tri của sách Ê-sai, nhưng Phi-ê-rô nhấn mạnh trên hiệu quả trên công tác của Đức Chúa Trời qua Chúa Jesus cho những thánh giả của mình.

Điểm thứ ba liên quan với Ê-sai 53 cần được chú ý. Phi-ê-ơ đã chữa lành một người què, người đã vào trong đền thờ “vừa đi, vừa nhảy, vừa ngợi khen Đức Chúa Trời”. Phi-ê-ơ không hề nói mình có quyền năng nào trong người cho việc tạo nên một phép lạ như thế. Người đàn ông đã trở nên “khỏe mạnh” và được “ban cho tình trạng hoàn thiện” qua đức tin trong Danh Chúa Jesus. Chúa Jesus, Đấng mà họ đã đóng đinh, đã sống lại và có năng quyền chữa lành. Vì thế Ê-sai đã tiên báo: “bởi lần roi của Ngài, chúng ta được chữa lành” (53:5); và trong khi Phi-ê-ơ rõ ràng hơn trong việc hướng sự áp dụng này đến chính thánh giá của ông, hay là bị ngăn cản việc thực hiện điều đó bởi chính ông, bởi sự ngăn cản đã khiến ngưng lại điều này (Công 4:1); trong thư tín đầu tiên của ông, ông nói về Đấng Christ như sau: “Ngài đã gánh chịu tội lỗi của chúng ta bằng cách treo thân Ngài trên thập tự giá để gánh lấy sự chết của chúng ta do tội lỗi để đến với sự công chính, bởi lần roi của Ngài mà chúng ta được chữa lành”. “Quãng xa sự vi phạm”, thế thì phải được xem như là được mang ra khỏi những điều có thể dẫn đến sự chết. Phi-ê-ơ hoàn tất ý tưởng này: “Vì anh em như chiên đi lạc, nhưng bây giờ đã trở về với Đấng Chăn Chiên và Giám Mục của linh hồn mình.” (I Phi 2:24,25). “Ra khỏi những vi phạm” là “hướng đến” với Đức Chúa Trời.

Vì thế cả Phi-ê-ơ và Phao-lô giải thích giao ước ban phước cho Áp-ra-ham như việc tha thứ tội lỗi và trở thành người thuộc về Đức Chúa Trời, và Phi-ê-ơ nói với Phao-lô, “thế thì, họ là những người của đức tin được ban phước với sự thành tín (tin với trọn đức tin) của Áp-ra-ham (Ga 3:9).

CÔNG VIỆC CỦA LUẬT PHÁP MANG LẠI RỬA SÁ (3:10-12)

Nếu đức tin như Phao-lô đã đưa ra, là điều kiện của sự ban phước, thì những công việc của luật pháp là gì? Đức Chúa Trời đã ban cho Israel Luật Pháp- Nó phục vụ cho mục đích gì? Kết quả của

việc con người nỗ lực để giữ nó là gì, và mối quan hệ của Luật Pháp với cuộc sống là gì? Những câu hỏi này và những câu hỏi khác tự nhiên sẽ nảy sinh trong đầu của những người công khai ủng hộ việc giữ luật pháp và những người đem ảnh hưởng của họ đến lại đang nghi ngờ liệu họ có nên vâng giữ luật pháp của Đức Chúa Trời. Những câu này được giải quyết bởi vị sứ đồ khi những tranh luận của ông phát triển.

Các dân tộc phải được phước, Phao-lô đã thiết lập trên những điều kiện của đức tin, và giờ đây ông bày tỏ rằng Luật Pháp là một phương tiện của sự ban phước, dân tộc nằm dưới Luật Pháp và khoe khoang những điều họ tìm thấy trong luật pháp sẽ phải chịu rửa sả. Họ đang nhìn nhận sai về các phương tiện ban phước và hỗ trợ cho những điều mang đến sự rửa sả.

Phao-lô nói một cách chắc chắn: “Còn những ai nhờ cậy vào công việc của luật pháp thì bị rửa sả, vì có lời chép: “Đáng rửa thay là kẻ không bền chí tuân giữ mọi điều đã chép trong sách luật pháp” (câu 10). Bản R.V “công việc của luật pháp” khiến lời tuyên bố của vị sứ đồ vượt lên trên những điều luật: Dĩ nhiên, khi xem xét luật pháp Môi-se, nhưng có đúng là Luật Môi-se là đúng hơn bất kỳ một luật lệ nào khác, và vì thế Phao-lô tuyên bố trường hợp của ông ở những thuật ngữ mang nghĩa rộng hơn. Ông thiết lập nên những nguyên tắc bao trùm lên bất kỳ một luật lệ nào; ngoài ra điều nào là cần thiết ông nên đạt được khi phản đối căn bản với luật pháp như là một điều kiện để nhận được đặc ân thiên thượng và sự ban cho sự sống.

Khi con người tìm kiếm sự cứu rỗi bởi việc làm, họ được tác động bởi ham muốn những thành công của cái tôi của mình, tìm kiếm sự độc lập với Đức Chúa Trời. Về mặt này, sự tự xưng công bình riêng giống như tội lỗi của A-đam, xuất phát từ một ham muốn được giống như Đức Chúa Trời, đẩy A-đam đến với

ý muốn của con người và lờ đi ý muốn của Đức Chúa Trời. Con người sa ngã phải nên hạ mình chấp nhận ân điển của Đức Chúa Trời; nhưng thay vì bước đi trong sự khiêm nhường, con người lại tìm kiếm sự công chính bởi những nỗ lực riêng của mình, con người đã thể hiện sự ngu dốt và kiêu ngạo của chính mình. Những nỗ lực của con người bắt đầu và chấm dứt với sự kiêu ngạo; sự tự cho mình là cao trọng đã làm mù họ, con người trở nên ngày càng hài lòng với những nỗ lực riêng của mình, và ít quan tâm đến sự ngu dốt của mình.

Vấn đề căn bản giữa Chúa Jesus và người Pha-ri-si có thể nhìn thấy ở đây. “Ông ta muốn xưng công bình riêng” mô tả một nét rất căn bản trong nỗ lực của con người. “Tôi kiêng ăn, tôi đóng thuế”- tôi làm- những ảnh hưởng không dễ chịu trên con người trong những công việc tập trung vào cái tôi của chính mình đã được Chúa Jesus phác họa trong ẩn dụ về người Pha-ri-si và người chủ đất. Công việc giống một cái cây mọc mà không có trái “hãy làm những cây tốt” là một quy luật thiên thượng.

Luật của công việc chia rẽ con người. Ông ta không tránh khỏi so sánh mình với người khác và tìm kiếm sự lên mình. Nhưng việc làm là những điều bày tỏ ra bên ngoài và vì thế một người xem chính mình như tách rời khỏi người khác; những thành công của anh ta phân biệt anh ta với người khác.

Ngược lại, những điều thuộc về thiên thượng sẽ phục hồi cho tất cả những người không xứng đáng. Điều tốt nhất của việc làm của con người được xem là có mang dấu vết của tội lỗi. Khi Đức Chúa Trời chọn lựa những con người cho những nhiệm vụ vĩ đại và đã chuẩn bị họ điều đó cho họ bởi khả năng về sự thánh khiết của Ngài, sự bất toàn hoàn toàn của họ cho việc sử dụng thiên thượng đã được nhận ra: “tôi là người có môi miệng dơ dáy”, Ê-sai đã nói, khi ông nghe thấy ba lần ngợi khen rõ ràng về sự

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

thánh khiết của Đức Chúa Trời. Điều này không phải bởi vì ông là sai lầm hay tội lỗi; ngược lại ông là “một người thánh của Đức Chúa Trời, được chọn lựa để trở thành một nguồn mặc khải nổi bật nhất về Đấng Mê-si-a. Và không chỉ ông nhận ra sự dơ dáy của môi miệng mình, mà ông còn cảm nhận điều đó trong dân tộc mình, dân sự của đất nước mình cũng dơ dáy như vậy. “Và tôi sống giữa một dân dơ dáy”. Con người ý thức được tội lỗi quan tâm đến chính mình, với những người như mình như là những thành viên của một giống dân quan tâm đến vấn đề tội lỗi. Không có sự đoàn kết ở đâu trong dân tộc được nhìn rõ ràng hơn trong thế giới của tội lỗi. Điều vị tiên tri này cảm nhận điều gì trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời cũng được Phi-ê-rô trải nghiệm khi ông nhìn thấy quyền năng thiên thượng ngự trên Chúa Jesus: “xin tránh xa tôi, vì tôi là một con người tội lỗi, ôi Chúa”. Sự nhận thức về điều không đáng trọng theo sau sự xác quyết với lẽ thật thiên thượng, nhưng con người giữ niềm kiêu hãnh và sự xưng công bình riêng chống lại sự vâng phục lẽ thật đòi hỏi sự đầu phục ý chí của Đức Chúa Trời. Vì thế chương trình thiên thượng loại việc làm như là nền tảng của khả năng được chấp nhận: trong lời nói của Phao-lô, đó là “vậy có gì để khoe khoang không? Không có gì để khoe khoang cả. dựa vào luật nào? Luật của việc làm chăng? Không phải, nhưng dựa vào luật của đức tin.” (Rô-ma 3:27).

Trong thư Ga-la-ti, Phao-lô đề một bên những lý do tại sao sự cứu rỗi không phải là do luật pháp và đi trực tiếp đến với hiệu quả của luật pháp. Luật pháp rửa sả: và không có sự ngoại lệ hay khác nhau nó rửa sả tất cả những ai ở dưới nó, vì sự rửa sả không đạt được theo một chừng mực nào đó của sự bất tuân. “Tiếp tục làm theo tất cả những điều đã được ghi lại” là con đường duy nhất để thoát được sự rửa sả. Gia-cơ đã chỉ ra vấn đề này: “Vi người nào giữ trọn cả luật pháp mà vi phạm một điều, thì cũng bị kể như đã

phạm tất cả.” (Gia-cơ 2:10).

“Sự rửa sã” được ghi lại trong Phục 27:26. Nó liên quan đến việc ra khỏi Đức Chúa Trời, như là bằng chứng từ việc Chúa Jesus sử dụng từ đối với những kẻ bị chối bỏ: “Hỡi những kẻ bị nguyên rửa, hãy lui ra khỏi Ta” (Ma-thi-ơ 25:41). Thêm vào chúng có tiêu cực rằng luật pháp không đem đến sự cứu rỗi vì tất cả những điều nằm dưới luật pháp bị rửa sã, Phao-lô đưa ra lý do về bằng chứng tích cực rằng có một con đường khác với luật pháp- con đường của đức tin. “Thật rõ ràng rằng không một ai nhờ luật pháp mà được xưng công chính trước mặt Đức Chúa Trời cả, vì người công chính sẽ sống bởi đức tin” (câu 11). Nếu Đức Chúa Trời đã công bố như vậy, thì có thể kết luận rằng con đường sự sống của Đức Chúa Trời không phải bởi luật pháp.

Câu được trích được tìm thấy trong Ha-ba-cúc 2 và được Phao-lô sử dụng ba lần (Rô-ma 1:27; Ga 3:11, Hê 10:38). Chúng ta có thể hiểu được điều này bằng cách nhấn mạnh đến ba yếu tố của lời công bố. “Người công chính” là những người được Chúa công nhận vì được xưng công chính bởi ân điển của Ngài. Họ “sống” bởi đức tin, trong khi công việc của luật pháp dẫn đến sự chết. Và chỉ có đức tin là góp phần vào sự xưng công chính- và đức tin tin tưởng hoàn toàn vào Đức Chúa Trời, tự thân nó sẽ loại bỏ đi mảnh đất của sự yếu đuối.

Luật pháp và đức tin là trái ngược nhau. Bám chặt vào nguyên tắc là luật pháp và ân điển-việc làm và đức tin: nhưng Phao-lô nhấn mạnh nhiều hơn bằng cách nói rằng “luật pháp thì không phải là đức tin”. Luật pháp không thuộc về cùng loại như đức tin. Vì luật pháp quan tâm đến *việc làm*, trong khi đức tin bày tỏ *sự tin tưởng*.

Chúng ta đã nhìn thấy sự khó khăn trong lời trích dẫn của Phao-lô: “người nào làm theo luật pháp thì sẽ nhờ đó mà sống”.

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

Khi nó đứng như vậy, có vẻ như dạy rằng luật pháp hứa hẹn sự sống cho người vâng giữ. Có thể rút ra hai danh sách của các đoạn kinh văn, một danh sách có vẻ như hỗ trợ ý tưởng rằng luật pháp ban sự sống cho những người vâng giữ, và một danh sách khác thì gồm những câu ngược lại. Tuy nhiên, Kinh Thánh không tự mâu thuẫn, và rõ ràng là những sự khác biệt có thể nhìn thấy này phải nảy sinh từ một quan điểm cũng khá hạn chế của một số câu sau (hãy xem phần giải kinh *Thư Tin Rô-ma*, trong chương 10).

ĐẮNG CHRIST VÀ SỰ RỬA SẢ CỦA LUẬT PHÁP (3:13-14)

Bởi vì không ai có thể giữ mình toàn hảo, Luật Pháp rửa sả tất cả những kẻ dưới nó. Từ lâu, như nhiều người Do Thái suy nghĩ, đó là một phương tiện mà nhờ đó con người có thể nhận được sự sống, nó được tìm thấy như là một rào cản hiệu quả đối với sự sống. Vì thế Luật Pháp tạo ra sự bất toàn hoàn toàn của con người và vì thế nhu cầu cho một hành động thiên thượng nếu con người phải được cứu. Phao-lô cũng đã đề cập rồi đến với hành động thiên thượng trong Con Đức Chúa Trời “Đấng đã phó mình vì tội lỗi của chúng ta” (1:4), “Đấng đã ban chính Ngài cho chúng ta, chịu đóng đinh” (2:2). Vì cuộc tranh luận của Phao-lô đã hoàn tất, liên quan đến việc kém hiệu quả của luật pháp như là một con đường đến với sự sống, ông không chỉ cho thấy công tác của Đấng Christ đã loại bỏ sự rửa sả của luật pháp- luật pháp không những không thể ban sự sống mà còn kết tội con người bản án tử. Thật vậy, nếu Đấng Christ là Đấng Cứu Chuộc, Ngài phải là một sự cứu chuộc rất cần thiết cho những kẻ dưới luật pháp ra khỏi sự rửa sả. Sự đối lập “luật pháp rửa sả- Đấng Christ cứu chuộc khỏi sự rửa sả” là một lời công bố chung cuộc và tuyệt đối đối với những lời tuyên bố của người Giu-đa.

Chính Đấng Christ đã làm điều này: Dĩ nhiên Đấng Christ là Chúa Jesus- nhưng Đấng Christ đã làm điều này khi nói điều này,

Phao-lô chỉ ra rằng đó là Đấng Mê-si-a, Đấng đã cất đi sự rửa sả. Ông sẽ nói trong những sự rửa sả được cất đi bởi sự đóng đinh của Chúa- bởi cái chết đó là một điều gây xáo động trong mắt người Do Thái. Và thay vì thể hiện trên thập tự giá, như người Do Thái nghĩ rằng lời tuyên bố của Chúa Jesus là Đấng Mê-si-a là điều phạm thượng, thập tự giá chứng minh rằng Chúa Jesus là Đấng Mê-si-a. Ở đây Phao-lô bảo vệ sự giảng dạy của ông bằng sự tấn công trực diện đối với vị trí của Do Thái Giáo, xác nhận rằng cần phải có một Vị Vua của Israel được cất lên và được làm cho vinh hiển rằng Ngài sẽ chịu khổ và chịu chết vì tội lỗi của con người như là một điều kiện của vinh dự và vinh quang- Phao-lô nói : “tôi sẽ không biết gì hết” “nhưng Đấng Mê-si-a Jesus và Ngài là Đấng chịu đóng đinh”. Tranh luận rằng lời tiên tri của Cựu Ước cho thấy rằng Đấng Mê-si-a phải là Đấng đầu tiên phó sự sống mình như là một sinh tế cho tội lỗi, biến sự chống đối của người Do Thái thành bằng chứng xác quyết cho tất cả sẵn sàng để đánh giá những chứng cứ. Các sứ đồ cũng không chậm trễ trong việc sử dụng điều này; trong nhiều sự minh họa, Phi-ê-rô trong Công Vụ đoạn 2 và Phao-lô trong Hê-bơ-rơ 2:19, 10 là những ví dụ cụ thể. Nhưng quan điểm ở đây mang tính ngụ ý khi Phao-lô nói Đấng Christ- Đấng Mê-si-a- đã cứu chuộc chúng ta khỏi sự rửa sả của Luật Pháp.

Sự rửa sả bị loại bỏ

Làm thế nào sự rửa sả của Luật Pháp được “chuộc mua”? vì thế lời được dịch là *cứu chuộc* trong chỗ này mang nghĩa đen. Phao-lô trả lời: Qua Đấng Mê-si-a “bị rửa sả vì có chúng ta”; vì chúng ta, không phải của chúng ta: nhưng vì chúng ta Ngài đã đến gánh chịu sự rửa sả của Luật Pháp mà Ngài có thể quăng xa khỏi chính Ngài và cho chúng ta; cho chúng ta, trong đó chúng ta qua đức tin nhận diện chính chúng ta với Ngài trong sự chịu đựng sự rửa sả, chia sẻ với Ngài trong kết quả, trong sự loại bỏ sự rửa

sả ra khỏi chúng ta.

Rõ ràng là khi Phao-lô nói Đấng Christ đã cứu chuộc *chúng ta* khỏi sự rửa sả của Luật Pháp, ông muốn nói rằng những người sống dưới luật pháp, “chúng ta” người Do Thái. Nhưng *nguyên tắc* mà qua đó sự rửa sả được loại bỏ thì giống như là nhờ đó mà sự rửa sả của tội lỗi và sự chết được loại bỏ. Khi hiểu biết nguyên tắc trong trường hợp sau thì cách thức mà sự rửa sả của Luật pháp được quăng xa thì không khó cho chúng ta trong việc tiếp nhận. Đấng được nói đến trong phần giải kinh trong 2:20 liên quan đến điều này. Chúng ta có thể xem trực tiếp trong các sách *Huyết của Đấng Christ* và *Chiên Con Bị Giết*. Giờ đây chúng ta hãy theo suy nghĩ của Phao-lô liên quan đến việc làm thế nào Đấng Christ đã loại bỏ sự rửa sả của Luật pháp. Đấng Christ chịu “rửa sả”; Ngài cũng nói rằng Ngài “bị khiển ở dưới luật pháp” và trong khi có một liên hệ gần gũi giữa hai tuyên bố này, có một tầm quan trọng lớn hơn trong hình thức kết cấu thay vì là trừu tượng- mà Phao-lô được hướng đến việc sử dụng vì ông vừa công bố về sự rửa sả của luật pháp trong mỗi liên hệ với những vấn đề khác- kể đó chúng ta được công bố rằng Chúa Jesus chịu sự rửa sả! Chân lý này khiến cho lời tuyên bố rất đáng kinh ngạc, nhưng chúng ta sẽ không khôn ngoan khi thay đổi ý nghĩa mà Phao-lô muốn thể hiện và ngay lập tức sự song hành này đề nghị chính nó- Ngài chịu rửa sả vì cố chúng ta và “Ngài gánh chịu tội lỗi cho chúng ta” (II Cô 5:21). Ngoài việc không thể sử dụng ngữ pháp như vậy thì chúng ta phải từ chối như là một điều không có kết quả gì trong ánh sáng của sự so sánh này, đề nghị rằng bởi “tội lỗi”, Phao-lô trong chỗ này muốn nói là “của dân cho tội lỗi”. Không. Phao-lô muốn nói đến tội lỗi, nhưng chúng ta phải hiểu rằng điều được nói đến bởi lời này là gì. Đấng Christ gánh lấy tội lỗi để dự phần vào trong bản chất do tội lỗi thống trị và nơi sản sinh ra tội lỗi, và nơi mà vì thế bởi phép hoán dụ này được gọi là

tội lỗi. Chúng ta có thể đi xa hơn và nói rằng Ngài mang lấy “tội lỗi” để gánh chịu những hậu quả của tội lỗi- tội lỗi không phải của chính Ngài, vì Ngài không phạm tội- nhưng tội lỗi ảnh hưởng trên cả nhân loại để đưa tất cả đến với sự chết. Nếu chúng ta nhận biết sự khủng khiếp như thế nào của tội lỗi trong mắt Chúa, thì chúng ta nhìn thấy ảnh hưởng của nó như thế nào được đưa đến tập trung vào chính Con vâng phục của chính Ngài. “Người không biết tội lỗi được Đức Chúa Trời khiến phải mang lấy tội lỗi cho chúng ta, nhờ đó chúng ta có thể trở nên người công chính của Đức Chúa Trời trong Người”.

Ngài *bị khiến thành- chúng ta trở thành* ; Sự khác biệt là Ngài đã cảm nhận và chịu đựng trong chính thân vị của Ngài hậu quả của tội lỗi, tình nguyện chấp nhận những hậu quả này, trong khi chúng ta được tha thứ tội lỗi và vì thế trở nên người công chính của Đức Chúa Trời.

Ngài mang lấy “tội lỗi” mà không phải là tội nhân; Ngài phải “chịu sự rửa sả” mà không hề phạm luật. Phao-lô giải thích như thế nào về vấn đề này? Ngài chịu rửa sả trong hình thức của sự chết, và điều này liên quan đến việc Ngài không chịu trách nhiệm cá nhân về vấn đề này. Một quy định chính thức của luật pháp công bố: “đáng rửa sả thay là những kẻ bị treo trên cây gỗ”. Đấng Christ bị đóng đinh trên cây gỗ và vì thế ở dưới sự rửa sả này.

“Cây gỗ”

Chúng ta hãy quan sát rằng không chỉ có ở chỗ này việc nhân mạng được đặt trên “cây gỗ” trong sự liên kết với Đấng Christ. Tất cả những liên hệ của chính Chúa về việc chịu đóng đinh thêm ý nghĩa trong ánh sáng của điều này. Nhưng ý tưởng xuất hiện trong tư tưởng của các sứ đồ. Vì thế Phi-ê-rô đã nói với giới chức Do Thái rằng “Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng ta đã khiến Đức Chúa Jesus sống lại, là Đấng mà các ông đã treo trên cây

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

gỗ và giết đi” (Công 5:30); ông đã sử dụng cùng cụm từ này với Cọt-nây (10:39). Đối với người An-ti-ốt Pi-si-đi, Phao-lô công bố rằng khi “họ đã làm ứng nghiệm điều đã chép về Ngài rồi thì hạ Ngài xuống khỏi cây thập tự và an táng trong mộ” (Công 13:29). Trong một phân đoạn rất quan trọng trong Thư Tín thứ nhất của ông, Phi-ê-rơ nói rằng Chúa Jesus “chính Ngài đã tiêu diệt tội lỗi của chúng ta bằng chính thân thể Ngài trên cây gỗ”. Từ những tuyên bố này, rõ ràng là cách Đấng Christ chịu chết đã len vào trong suy nghĩ của những giáo sư Cơ Đốc Giáo đầu tiên khi họ giải thích về lễ thật này cho người Do Thái hay những người có mối quan hệ với Cơ Đốc Giáo.

Chúng ta quay trở lại với việc xem xét trong những phần Luật pháp mà Phao-lô đã trích. Có vẻ như trong một mạng lệnh có liên quan mà nếu một người phạm tội thì đáng phải chết, và người đó bị xử tử và treo trên thập tự giá thì thân thể của người đó không được để trên cây gỗ cho đến chiều tối vì đất bị ô uế. Lý do được đưa ra là “Ngài bị treo lên là điều Đức Chúa Trời nổi giận”. Một số nỗ lực đã cố giới hạn sự rửa sả của Luật pháp đối với bản án tử dành cho tội lỗi, với lý do là dường như không cần thiết để thêm vào sự rửa sả cho phần thân xác mà thôi- một quan điểm giới hạn sự rửa sả đối với người chịu chết vì phạm tội. Nhưng tuyên bố giải thích tại sao thân thể treo trên cây gỗ phải được loại bỏ là phổ biến và không giới hạn đối với tội phạm. Khi tội phạm bị treo trên cây được thêm vào trong bản án đưa người đó đến với cái chết sự rửa sả mà xác chết của người đó đưa ra. Một người không hề phạm tội mà bị buộc tội, và vì thế chịu án tử bằng cách bị treo lên dưới sự rửa sả. Điều này không mang tính giả thiết, vì nó thật sự là điều đã xảy ra trong trường hợp của Chúa Jesus, chính Phao-lô là chứng nhân. Đấng Christ chịu rửa sả vì Ngài bị treo lên cây gỗ.

Lời giải thích này có thể được tìm thấy trong một sự kiện khi Luật pháp xử lý những trường hợp phạm tội thật sự và cùng với sự ô uế có thể đến trên một người vô tội. Sự ô uế mang tính nghi lễ này có thể đến từ nhiều cách, nhưng mạnh nhất là những điều đến từ việc vi phạm giữ Luật Pháp của chính nó. Vì A-rôn phải rửa sau khi dâng sinh tế ở Nơi Chí Thánh vào Tất Cả những Ngày Lễ Chuộc Tội. Người mà dính tro của của lễ không ở trại quân cùng ngày đó cũng phải rửa (Lê-vi ký 16). Thầy tế lễ người chịu trách nhiệm đốt con bò con dê của nó bị dính vô nước dành riêng cho việc tẩy uế liên quan đến việc sờ vào vật chết, cũng phải rửa và chịu ô uế cho đến buổi tối. Người dọn tro cũng chịu ô uế cho đến chiều tối. Thậm chí thầy tế lễ trong những nghi thức tẩy sạch những sự ô uế này cũng bị xem là ô uế (Dân Số Ký 19). Vì thế mỗi hoạt động làm theo lời Đức Chúa Trời cho việc làm sạch tạo ra sự ô uế mang tính nghi lễ. Luật pháp là khủng khiếp cho những người không chú ý đến nghi thức thanh tẩy khi người đó bị ô uế phải bị loại bỏ. Vì thế một người có thể bị ô uế theo luật pháp thậm chí trong việc hoàn thành nó.

Sự ô nhiễm có thể thỉnh thoảng xảy ra bởi việc thực hiện luật pháp cùng với tất cả việc độc lập với phạm tội về đạo đức. Nhưng Luật pháp không phân biệt trong những hoạt động của nó giữa vấn đề phạm tội về đạo đức hay nghi lễ. Chúng ta không thể tách các quy định về phạm tội đạo đức ra khỏi phạm tội nghi lễ trong Luật của Môi-se: Luật là phải như vậy, một người phạm một điều là phạm hết tất cả.

Chúa Jesus lúc đó thì sao, Phao-lô cho chúng ta biết, trong cách Ngài chịu chết nằm dưới sự rửa sả của Luật pháp. Trong vụ án này, chính Ngài là người vô tội, và trong vụ của Ngài, thì lúc sự rửa sả đến với Ngài trùng với việc chấp nhận toàn bộ sự trừng phạt của sự rửa sả của Luật Pháp. Cái chết là một sự trừng phạt mà Luật pháp áp đặt. Chúa Jesus bị rửa sả theo hình thức mà cái

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

chết đến và sự tuyên bố luật pháp một cách trọn vẹn thể hiện ở cái chết của Ngài, trong khi đời sống vô tội của Ngài đảm bảo sự sống lại của Ngài. Luật Pháp không còn án phạt nào nữa trên Ngài, và Ngài đã chịu những tác động của nó khi Ngài chết, và vì thế bởi sự chết của Ngài mà Luật pháp đã từng rửa sả Ngài đã bị quăng xa.

“Chết đối với luật pháp”

Tất cả những người dưới Luật pháp bị rửa sả. Làm thế nào có thể loại bỏ sự rửa sả trên họ? Câu trả lời là, bởi việc nhận biết Chúa Jesus và đồng chết với Ngài, sẽ hưởng những bông trái của vinh quang Ngài. Chỉ như thế thì sự rửa sả của Luật Pháp mới bị loại bỏ; và tất cả những người chịu đóng đinh với Đấng Christ trở nên, trong cụm từ của Phao-lô, “chết đối với luật pháp”.

Luật pháp không thể loại trừ tội lỗi; nó định tội. Người dưới Luật pháp cần phải có một Đấng Cứu Chuộc. Sự cứu chuộc đến từ sự chết của Đấng Christ; trong những lời của Phao-lô, Ngài “là Đấng Trung Bảo của giao ước mới, và bởi sự chết đó, có sự cứu chuộc dành cho những người phạm tội nằm dưới giao ước đầu tiên, họ được kêu gọi có thể nhận được lời hứa về quyền thừa kế đời đời”. Một lời bình luận rất hữu ích liên quan đến chủ đề này được tìm thấy trong cuốn *Luật Pháp của Môi-se* chương 18 và 28.

Khi chúng ta chấp nhận quan điểm hợp lý dựa trên bản án treo thân trên cây gỗ, dường như hợp lý để kết luận rằng sự nhân mạng Luật pháp là một cung cấp thiên thượng cho việc thực hiện mục đích của Đức Chúa Trời. Theo điều luật của Rô-ma, Ngài chịu chết đóng đinh, sớm hơn hay trễ hơn trong thời kỳ đó, và cái chết thường không bắt chịu đựng đến như vậy. “Đến đúng kỳ” mang con người và những hoàn cảnh để thực hiện mục đích của Đức Chúa Trời.

Hiệu quả của Đấng Christ là mang lấy tội lỗi cho chúng ta (câu 13) là hai mặt- mỗi hiệu quả được giới thiệu bởi chữ “đề”: “Đề trong Đấng Christ Jesus phước lành dành cho Áp-ra-ham đến được với các dân ngoại, và bởi đức tin chúng ta nhận lãnh lời hứa về Thánh Linh.” (câu 14).

Trong hai cụm từ “sự ban phước dành cho Áp-ra-ham” và “lời hứa của Thánh Linh” chúng ta có những minh họa về sự khó hiểu này có thể gắn với việc sử dụng mang tính sở hữu- đó là một cụm từ bắt đầu với giới từ “của”. Trong cụm đầu tiên, sự ban phước dành cho Áp-ra-ham có thể nhận được; sự chúc phước thuộc về Áp-ra-ham có thể được chia sẻ cho người khác; hay sự chúc phước liên quan đến lời hứa dành cho ông cũng dành cho tất cả các dân tộc? Có phải “lời hứa của Thánh Linh”, một liên hệ trở lại với câu 2; hay Thánh Linh theo ý nghĩa của một con người mới trong Đấng Christ được sinh bởi lời như được sử dụng trong Rô-ma 8; hay Thánh Linh được hứa ban trong sự thay đổi về bản chất tự nhiên lúc sống lại; hay đó là lời hứa được thực hiện bởi Đức Thánh Linh trong Phao-lô, công cụ được Đức Thánh Linh sử dụng; hay lời đó được sử dụng bởi phép hoán dụ dành cho Đức Chúa Trời, Đấng sử dụng Thánh Linh để hoàn thành mục đích của Ngài?

Câu trả lời được tìm thấy bằng cách nhớ lại bối cảnh một cách lập tức và sự giảng dạy rộng của Kinh Thánh. Trong câu 8, Phao-lô giải thích sự xưng công chính, sự tha thứ tội lỗi, là điều rất cần thiết cho sự chúc phước hứa dành cho Áp-ra-ham và hậu tự của ông: vì thế ông kết luận (câu 9) rằng họ “những người của đức tin được chúc phước với Áp-ra-ham thành tín”. Sự chúc phước hòa hợp lại với Đức Chúa Trời qua sự dung chịu của Ngài trong việc vượt qua tội lỗi và vì thế đến với ân huệ của Ngài. Đây là sự ban phước mà Đức Chúa Trời dành cho Áp-ra-ham cũng sẽ dành cho tất cả các dân tộc.

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

Thế thì vì lý do gì mà Phao-lô nói rằng sự chúc phước này giờ đây có thể đến trên Dân Ngoại như tình trạng của Đấng Christ phải gánh lấy sự rửa sả của Luật Pháp? Câu trả lời đó là nếu Luật vẫn còn ảnh hưởng, thì không thể nào Dân Ngoại có thể đến với Đức Chúa Trời ngoại trừ qua mối quan hệ với Israel và qua Luật pháp. Dân tộc Do Thái là nguồn phước- và những điều mà Đức Chúa Trời đưa ra cho họ trong việc thờ phượng gắn liền với Luật pháp được ban cho dân Israel. Tuân giữ Luật pháp, một người dân ngoại phải trở nên quen thuộc với dân Chúa. Nhưng khi Đấng Christ gánh đi sự rửa sả của Luật Pháp trên họ và đưa Luật Pháp ra khỏi họ, hình thành nên một cách thức mới. Chính Chúa Jesus đã công bố sự thay đổi này đối với người đàn bà Sa-ma-ri: “Giờ sắp đến và đã đến rồi, khi những người thờ phượng chân thật sẽ thờ phượng Cha bằng tâm linh và chân lý, ấy là những người thờ phượng mà Cha tìm kiếm. Đức Chúa Trời là thần linh, nên những người thờ phượng Ngài phải thờ phượng bằng tâm linh và chân lý” (Giăng 4:23,24). Vì thế sau khi Ngài sống lại, Chúa Jesus đã ra lệnh rằng việc công bố về Phúc Âm nên được truyền cho tất cả các dân tộc. Tân ước (cho những người nhận sự chúc phước của Áp-ra-ham đã được chính thức công nhận bởi chính huyết của Đấng Christ (Mat 26:28), và vì thế các sứ đồ, như “những tôi tớ của Giao Ước Mới” (II Cô 3:6) đã mời gọi tất cả mọi người trở thành người thừa hưởng lời hứa dành cho Áp-ra-ham.

Hiệu quả thứ hai- “Rằng chúng ta có thể nhận được lời hứa của Thánh Linh qua đức tin”- thì dễ hiểu khi nhận biết rằng từ mang tính hoạt động là “lời hứa”. Đức Chúa Trời đã ban những lời hứa dành cho Áp-ra-ham. Ngay lập tức Phao-lô đề cập đặc biệt đến chúng trong câu 16: “Bây giờ Áp-ra-ham và những hậu tự của ông là những người nhận được lời hứa” và trong câu 29 “anh em (trong Đấng Christ) là những người thừa kế theo lời hứa”. Hai phần tham chiếu này khiến điều này trở nên chắc chắn

khi Phao-lô sử dụng từ “lời hứa” trong câu 14, ông muốn nói đến lời hứa đã dành cho Áp-ra-ham. Tại sao nó lại được gọi là “lời hứa của Thánh Linh?” Bởi vì Thánh Linh được Đức Chúa Trời sử dụng để khiến người ta nhận biết điều này, và bởi Đức Thánh Linh là Đức Chúa Trời (một hình ảnh được đặt ở vị trí trung tâm). Hãy đọc điều này như “lời hứa của Đức Chúa Trời” và ý nghĩa là rõ ràng. Nhưng những hình ảnh này không được sử dụng tình cờ: bởi việc giới thiệu điều gì đó của những hình ảnh này được thêm vào. Khi Đức Chúa Trời được gọi là “Đấng Đáng Kính Sợ của Y-sác, điều này chỉ ra rằng Ngài là Đức Chúa Trời của Y-sác và cũng là Đấng mà Y-sác kính sợ. Phao-lô đã tranh luận trong câu 2 rằng thông qua Phúc Âm mà họ đã nhận những ân tứ của Đức Thánh Linh như sự xác chứng về lẽ thật của Phúc Âm. Bằng cách công bố về lời hứa của Đức Thánh Linh, Phao-lô chỉ ra cùng một Đức Chúa Trời Đáng đã cẩn thận đưa vào giữa vòng họ sự xác chứng về Phúc Âm mà Phao-lô rao giảng, là Đấng qua Đức Thánh Linh đã bày tỏ ý chỉ và mục đích của Ngài trong quá khứ và giờ đây xác nhận việc chấp nhận Dân Ngoại bởi sự hướng dẫn của cùng một Thánh Linh trong các sứ đồ. Chúng ta có thể nhấn mạnh rằng Phao-lô không nghĩ về sự nhận lãnh những ân tứ Thánh Linh như một số điều đã hứa. Tư tưởng của ông sâu sắc hơn điều đó. Lời hứa được nhận “thông qua đức tin”, vì đức tin là điều kiện mà qua đó Áp-ra-ham được chấp nhận, và con người chỉ trở thành những người thừa hưởng của lời hứa qua đức tin.

Kết luận rút ra trong câu 14 chứa đựng một phương cách thực tiễn trên vị trí của Thu Ga-la-ti. Những kẻ chống đối người Do Thái đang đưa họ trở lại phương pháp được thực hiện trước sự chết của Đấng Christ, và cách thức như vậy sẽ đưa họ đến dưới sự rửa sả của luật pháp. Nhưng sự chết của Đấng Christ đưa đến lời mời dự phần vào sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời được ban cho Dân Ngoại: Người Ga-la-ti đang đi ngược lại thời kỳ trước và trở

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

lại với những lề luật; vì thế, họ mất đi sự ban phước hiện nay giờ đây dành sẵn cho người ra khỏi gánh nặng không thể chịu đựng nổi của Luật Pháp. Họ có thể trở lại, nhưng Phao-lô không như vậy. Họ sẽ không trở lại chút nào nếu ông có thể đưa họ tiến về phía trước. Thật thuyết phục làm sao khi ông làm điều này lúc ông sử dụng đại từ “chúng ta”! Ông đưa mình vào trong số họ như một người nhận được lời hứa qua đức tin: Không phải “các anh em” mà “chúng ta”- Tôi- Phao-lô, người nhận được sự vui mừng hơn hờ, và anh, những người cải đạo, những người nhận được tin tức tốt lành.

LỜI HỨA KHÔNG ĐƯỢC BAN BỞI LUẬT PHÁP (3:15-18)

Lịch sử (Ga 3:6; Sáng 15:6) và lời hứa (Ga 3:8; Sáng 12:3) đều chứng minh rằng bởi đức tin con người được xưng công chính; hơn nữa Luật Pháp mang đến cho con người sự rửa sả (Ga 3:10, Phục 27:26). Có thể hiểu được là, Cơ Đốc Nhân Do Thái đã cảm nhận được câu hỏi tại sao Đức Chúa Trời ban Luật pháp là một điều thật thực tế, và một điều được gọi là câu trả lời. Vì thế đối với câu hỏi này, Phao-lô giờ đây đang tranh luận, đầu tiên cho thấy rằng Luật pháp được ban cho sau khi lời hứa không vô hiệu hóa lời hứa.

Ông bắt đầu sự tranh luận của mình bằng một sự minh họa về con người được thừa nhận: “Thừa anh em, tôi nói theo cách loài người, khi một giao ước đã được lập, dù là của con người, thì không một ai được quyền hủy bỏ hay thêm bớt điều gì.” (câu 15).

Chúng ta đã tốn nhiều bút mực về ý nghĩa của từ “giao ước”. Từ Hy-lạp cho từ giao ước phổ biến ở trong tiếng Hy Lạp cổ, trong những tài liệu được viết trên giấy papyrus hay trên những bản khắc, là *suntheke*. Nhưng Phao-lô dùng chữ *diatheke*, mà thường có nghĩa là sự giao ước, một hình thức đặc biệt, ý chỉ.

Việc dịch từ này thành *sự giao ước* đã ảnh hưởng đến những cái tên mà ngày nay chúng ta phân biệt hai phần của Kinh Thánh. Mặc khác, Bảng Bảy Mươi của Cựu Ước sử dụng chữ *diatheke* để dịch từ tiếng Hê-bơ-rơ *berith*, mà nếu không có câu hỏi, thì có nghĩa là giao ước. việc sử dụng này được định hình một cách thực tế, chỉ khoảng 5 ngoại lệ trừ chỗ được ghi chú trong Hatch & Red Path trong tác phẩm *Concordance to the LXX*. Việc Bản Bảy Mươi sử dụng từ *diatheke* cho chữ giao ước là đầy đủ để ấn định việc sử dụng của từ này giữa vòng những độc giả nói tiếng Hy Lạp của Cựu ước. Nhưng vấn đề là có thể của một thử nghiệm thực tế. Giê-rê-mi 31:31 nói về một giao ước mới mà Đức Chúa Trời sẽ lập với Israel. Giao ước cũ được lập tại núi Si-nai và được xác chứng bằng việc rảy huyết sinh tể. Giao ước mới tương phản với giao ước cũ cung cấp sự tha thứ tội, và điều này yêu cầu rằng phải được xác chứng với một “sinh tể tốt hơn” giao ước cũ (Hê 10:16,17; 8:6; 9:23). Sinh tể được xác chứng trọn vẹn hơn đó là việc dâng mình của Chúa Jesus, được đặt trên tất cả sự nghi ngờ bởi chính lời của Ngài: “Vì đây là huyết Ta, huyết của giao ước đã đổ ra cho nhiều người được tha tội.” (Mat 26:28). Từ *diatheke* vì thế được sử dụng trong Tân Ước tương tự với từ “giao ước” trong Cựu Ước và ý nghĩa trong Cựu Ước là điều được gắn với từ trong Tân Ước. Thật vậy, ý tưởng về giao ước có liên quan trong những lần xuất hiện từ này trong Tân Ước.

Một đề nghị hay là tại sao Bản Bảy Mươi sử dụng chữ *diatheke* cho chữ *berith*, đó là vì theo truyền thống Hy-lạp về quy tắc giao ước chỉ ra rằng bởi từ này không được biết giữa vòng người Hê-bơ-rơ, nên từ này được chấp nhận và áp dụng cho giao ước giữa Đức Chúa Trời và dân sự của Ngài. “Vì điều này là kết quả của ân điển và sự nhân từ của Đức Chúa Trời tể trị, chứ không phải là vấn đề sắp xếp song phương” (F.G Rendall nói), “thật khó mô tả bằng bất cứ từ nào trong tiếng Hy-lạp cho giao ước; mặc khác, từ

này có nghĩa tương đồng cho một giao dịch tài sản bằng một giao ước và do đó được chỉ định sử dụng từ *diatheke*". Món quà mà Đức Chúa Trời dành cho Áp-ra-ham là "giao ước của lời hứa", và Phao-lô đang nói về những điều này. Vì thế ý nghĩa của từ không có gì nghi ngờ, và không cần thiết phải theo đuổi cuộc tranh luận mà nhiều học giả đã đề cập trước đây, nếu Phao-lô nghĩ về tiếng Hy-lạp hay một hình thức của La-mã về một "ý chỉ". Cự Ước cung cấp những yếu tố mà vị sứ đồ dựa vào khi tranh luận và vì thế ấn định ý nghĩa của những từ ngữ được sử dụng.

Sự tranh luận của Phao-lô là chung. Khi một người đưa ra một quy tắc hay giao ước và nó được xác nhận, nó ở bên ngoài quyền lực của bất cứ ai đưa ra hay thêm vào đó. Đức Chúa Trời có thêm vào điều gì ảnh hưởng đến lời hứa? Phao-lô sẽ cho thấy rằng trong khi luật pháp đến sau, nó không ảnh hưởng đến việc ban cho lời hứa: nhưng trước hết ông đưa ra những yếu tố để ông chứng minh học thuyết của mình.

Câu 16 thì quen thuộc với tất cả những người cố gắng hiểu và đánh giá Kinh Thánh liên quan đến mục đích của Đức Chúa Trời bày tỏ trong Cự Ước. Nếu không có cách thức nào làm giảm giá trị của việc sử dụng bình thường của câu, chúng ta hãy xem xét ý nghĩa của nó trong bối cảnh của nó. Khi một giao ước của con người còn không thể thay đổi được bởi những vấn đề xảy ra sau đó, vì thế với giao ước của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham (và chúng ta nhận thấy rằng Phao-lô so sánh giao ước với lời hứa trong những điều mà ông nói lúc này): "Về các lời hứa đã phán cho Áp-ra-ham và dòng dõi ông, Kinh Thánh không nói: "Và cho các dòng dõi" như dành cho nhiều người, nhưng nói: "Và cho dòng dõi con" như chỉ về một người, đó là Đấng Christ."

Đặc quyền của lời hứa

Lời hứa dành cho Áp-ra-ham, và vì thế nó đến trước luật

pháp khoảng 400 năm. Trong lúc này, lời hứa có đặc quyền; thứ hai, sự chú ý của Đức Chúa Trời được bày tỏ trong hình thức *những lời hứa*, và những lời hứa thì không phải là những thỏa thuận mang tính pháp lý- hai bên- nó đến cùng lúc từ người cho và người nhận; thứ ba, lời hứa là dành cho Áp-ra-ham và hậu tự của ông- không phải nhiều hậu tự, nhưng là một hạt giống như Phao-lô chỉ ra.

Trước đây, sứ đồ đã nói rằng những người có đức tin là con cháu của Áp-ra-ham (câu 7). Mọi quan hệ với Áp-ra-ham trong vấn đề này không phải dựa trên mối quan hệ huyết thống nhưng dựa trên sự hòa hợp về mặt tâm linh. Dòng dõi thật của Áp-ra-ham là tất cả những người có đồng tư tưởng và mục đích. Hơn nữa, họ là một dòng dõi của Đức Chúa Trời bởi vì mối quan hệ của họ với Áp-ra-ham, họ cũng là “con cháu của Đức Chúa Trời” (câu 26).

Phao-lô nói rằng hạt giống này là *một*, và trong khi ban đầu chúng ta nghĩ điều này như là một định nghĩa số học, chúng ta nhận thấy rằng nó cũng chứa đựng một sự chấp nhận lớn hơn về sự hiệp nhất thiên thượng. Từ “một” xuất hiện trong câu 20 và 28 và là một sự liên hệ trong tranh luận của Phao-lô. Việc chọn lựa “hạt giống” là sự minh họa mang tính lịch sử trong cách giải quyết của Đức Chúa Trời đối với các hậu tự của Áp-ra-ham. Về hai con trai Y-sác và Ích-ma-ên (chủ đề của hình ảnh sâu sắc trong chương 4), Y-sác được chọn lựa trong khi Ích-ma-ên bị bỏ đi. Trong hai con trai song sinh của Y-sác thì Ê-sau bị từ chối còn Gia-cốp thì được lựa chọn. “Mục đích của Đức Chúa Trời theo sự lựa chọn” ở trong chỗ này, và “con của lời hứa được kể là “hạt giống” (Rô-ma 9:7-13). Tất cả những “con cháu này” hình thành nên “một thân” trong Đấng Christ: Họ là thân thể mà Đấng Christ là đầu, và là “thân thể của Ngài”, trong cụm từ mang tính sinh sôi nảy nở “sự trọn vẹn của Ngài đổ đầy lên tất cả” (Ê-phê-sô 1:22,23).

Khi người Ích-ma-ên và người Ê-đôm đang được xem xét thì người Do Thái đã bị loại trừ là con cháu về phần xác. Phao-lô nói rằng việc loại trừ này tương đương với tất cả con cháu về phần xác- người Do Thái chống Chúa thì không khác gì hơn là những người Á-rập không tin Chúa. Điều này không có nghĩa rằng dân tộc Israel bị tước đi đặc quyền là con sanh đầu tiên của Đức Chúa Trời; những ân tứ và sự kêu gọi của Đức Chúa Trời không phải chủ đề để thay đổi tâm trí, như Phao-lô nói. Nhưng việc đưa vào hạt giống dân tộc không chỉ nói đến ưu thế về mặt tâm linh, vì điều đó phụ thuộc vào đức tin thuộc linh và sự vâng lời.

“Hạt giống” là Đấng Christ- Đấng Mê-si-a- Đấng có thể chứng minh mình là Đấng Chịu Xức Dầu. Ngài bày tỏ chính Ngài cho Phao-lô và những độc giả của ông không cần phải tranh cãi, và sự thay đổi đã xảy ra, chứ không cần một lý do, trong những danh xưng, “đức tin của Chúa Jesus Christ” (câu 22), “đức tin trong Chúa Jesus Christ” (câu 26), “báp-tem trong Đấng Christ”, “mặc lấy Đấng Christ” (câu 27), “ một thân trong Chúa Jesus Christ” (câu 28), kết luận với : “nếu anh em là thuộc về Đấng Christ, thì các anh em là hạt giống của Áp-ra-ham”, “một hạt giống” của lời hứa.

Các bước trong tranh luận của Phao-lô 3:15-18 là (a) một giao ước khi đã được xác nhận thì không thể hủy bỏ hay thay đổi (b) Đức Chúa Trời qua lời hứa-giao ước đã hứa ban những sự chúc phước chắc chắn cho Áp-ram, (c) sự ngụ ý vấn đề này có liên hệ đến luật pháp. Mục thứ ba nằm trong câu 17 và 18 như thế này: “Tôi muốn nói rằng: Luật pháp, là điều đến sau giao ước bốn trăm ba mươi năm, không thể nào hủy bỏ giao ước mà Đức Chúa Trời đã kết lập từ trước, cũng như vô hiệu hóa lời hứa được. Vì nếu bởi luật pháp mà được hưởng cơ nghiệp thì không còn bởi lời hứa nữa. Nhưng Đức Chúa Trời đã dùng lời hứa để ban ơn cho Áp-ra-ham.”

Có thể điều này trước hết được nhận ra rằng trong bản RV trong một chứng cứ hợp lý bỏ qua những từ “trong Đấng Christ” trong câu 17. Đúng là những lời hứa nhận sự cam kết chính thức đầy đủ trong Đấng Christ nhiều như họ không thể làm trọn ngoài công tác của Ngài như là Đấng Cứu Chuộc. Áp-ra-ham và những sự giàu có sẽ hướng đến sự sống đời đời qua của dân là Chúa Jesus Christ. Nhưng những lời hứa được xác nhận cho Áp-ra-ham một cách thông thường và sự xác nhận thông thường đó cung cấp cho cuộc tranh luận của Phao-lô. Giao ước với Áp-ra-ham được Đức Chúa Trời xác nhận trước luật pháp 430 năm. Lời hứa đến trước, và nó được xác nhận; Luật pháp không thể hủy bỏ nó, hay làm mất đi hiệu lực của lời hứa. Luật pháp không thể là một phần thêm vô hay bổ sung cho luật pháp đứng ở một vị trí đi ngược lại lời hứa. Luật liên quan đến việc làm, lời hứa kêu gọi đức tin; luật pháp liên quan đến những điều khoản của một thỏa thuận song phương, lời hứa là tự nhiên và tự do; luật pháp kết thúc trong rửa sả, nhưng lời hứa của Đức Chúa Trời dẫn đến sự công chính. Luật pháp và lời hứa do vậy căn bản là ngược với nhau. Và hơn nữa, thật vậy, sự thừa hưởng là nhờ vào lời hứa: Đức Chúa Trời ban điều này bằng lời hứa: “Ta sẽ ban cho con và dòng dõi của con đất này”. Và khi Áp-ra-ham hỏi, “con không biết con sẽ nhận lãnh vùng đất nào? Đức Chúa Trời đã chỉ dẫn cho ông chuẩn bị sinh tế, và vào cuối ngày trong giấc ngủ sâu, sự sợ hãi bóng tối, đại diện cho sự chết, đến trên Áp-ra-ham, và Đức Chúa Trời phán, “hãy biết chắc rằng hạt giống của con sẽ là một dân lạ trên đất không thuộc về họ, và sẽ phục vụ họ; và họ sẽ chịu đựng họ trong 400 năm”, nhưng trong thế hệ thứ tư Đức Chúa Trời sẽ mang họ vào xứ. Có một ngọn đèn cháy xuyên qua giữa hai của lễ và nhờ điều này, chính Đức Chúa Trời, sau điều này đã công bố một giao ước, xác nhận sự giao ước của Ngài với cha của đức tin. Lời hứa được xác nhận sau đó được tuyên bố lại: “Ta đã ban xứ này cho dòng dõi của con” (Sáng 15:7-18).

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

Người ta có thể thêm vào trong những thời kỳ. Trong đoạn trích từ Sáng Thế Ký, Đức Chúa Trời đã nói đến 400 năm. Phao-lô nói về một khoảng cách 430 năm giữa lời hứa và luật pháp. Cả hai lời công bố này đều đúng. Trong khi cả hai kết thúc với việc ban Luật pháp, 400 năm bắt đầu với việc sinh Y-sác- có liên hệ đến “dòng dõi của con” loại ra một sự bắt đầu trước đó. Áp-ra-ham lúc đó đã 100 tuổi. Lời hứa được ban ra 30 năm trước khi ông được 70 tuổi; và khi ông vào đất hứa khi ông được 75 tuổi, lời hứa đầu tiên chắc được ban ra năm năm trước khi vào vùng đất này.

TẠI SAO ĐỨC CHÚA TRỜI BAN LUẬT PHÁP CHO ISRAEL (3:19-24)

Nếu luật pháp không nhằm làm rõ lời hứa thì mục đích ban luật pháp là gì? Câu trả lời đụng đến vấn đề được gọi là triết lý lịch sử Kinh Thánh. Luật pháp có hiệu lực trong suốt lịch sử của quốc gia Israel, và thậm chí quyền của nó trải qua với sự đánh bại cuối cùng của dân tộc. Sự đánh bại đó có thể được nói rằng do nhiều nguyên nhân của con người; do mối quan hệ của Israel với quyền lực đang lên của Ba-by-lôn và sau đó là sự lan rộng của Đế Quốc La-mã; đối với tâm linh ở mức độ cao của Israel; đối với hai cuộc chiến không thể tránh khỏi với hai dân tộc kiêu ngạo mà một trong số đó đã thể hiện vào lúc đó ở một mức độ hùng mạnh mà không ai có thể đánh bại như thế giới đã từng chứng kiến. Nhưng đây là những đặc điểm bên ngoài; tầm nhìn thuộc linh tạo nên những nguyên nhân bên trong sâu sắc hơn. Trước khi Israel hoàn toàn bị đánh bại, nhưng khi những sự kiện chuyển thành tình trạng tệt hại nhất, hạt giống của lời hứa xuất hiện và đã bị chối bỏ. Tuy nhiên, cái chết của hạt giống, từ quan điểm của Đức Chúa Trời đã có ảnh hưởng trên việc làm vô hiệu hóa luật pháp. Luật pháp phục vụ cho mục đích của nó, và kết cuộc của mục đích đó trùng với và ở trong một ý nghĩa thật sự kết nối với kết cuộc của

dân tộc như là một dân tộc có tổ chức lúc đó. Phao-lô nói rằng: Luật Pháp “được thêm vào bởi nhiều sự vi phạm, cho đến khi Hạt Giống đến với những người nhận được lời hứa” (về nghĩa đen-bởi vì sự vi phạm, nghĩa là, sự vi phạm luật pháp) (3:19). Việc ban hành luật pháp có tác dụng trong việc bày tỏ sự chống đối bên trong của con người đối với ý chỉ của Đức Chúa Trời; Nó mang đến vấn đề đương đại về sự hay thay đổi và làm càn. Thư tín ở chỗ này tương tự như trong Thư Tín Rô-ma là điều rất quan trọng giúp diễn giải ý Phao-lô muốn nói trong phần này. “Luật pháp đã đến làm cho tội lỗi gia tăng” (5:20). Trong chương 7, ông mô tả kinh nghiệm của mình về luật pháp, và từ điều này có thể minh chứng hiệu quả của nó. Ông đã từng sống mà không có luật pháp khi là một đứa trẻ Do Thái. Với sự hiểu biết về luật pháp, tội lỗi, Phao-lô nói trong một hình thức ẩn dụ rõ ràng, sanh ra đời, sống trong tội lỗi đưa đến sự chết trong Phao-lô (câu 90. Nhưng ông không biết đến tội lỗi, ngoại trừ luật (câu 7) và tội lỗi, bởi lẽ luật trở nên tội lỗi quá mức (câu 13). Ông cũng xác nhận rằng sức mạnh của tội lỗi là luật pháp (I Cô 15:56). Ảnh hưởng của luật pháp bày tỏ sự gian ác trong bản tính của con người, và thuyết phục những người sống dưới luật pháp rằng một luật tội lỗi trong thành viên của họ; luật pháp cũng cho thấy rằng tội lỗi là chống nghịch lại ý chỉ của Đức Chúa Trời, và vì thế con người nhờ luật pháp nhận được cho chính mình, bởi sự đạo đức của mình mà nhận được đặc ân của Đức Chúa Trời. Vì thế luật pháp đưa lương tâm của con người trở lại sự thánh khiết của Đức Chúa Trời và sự khác biệt lớn ngăn cách con người với Đức Chúa Trời. Sự kiêu ngạo của Israel dẫn họ đến một khoảng cách lớn hơn, bỏ quên những bài học cho chính họ; nhưng điều này chỉ khiến họ học được bài học ngược lại để đến với sự thiếu yêu thương của bản chất con người khi quá lệ thuộc vào chính những nguồn lực của chính mình. Nhưng khi một người nhận ra các yếu tố để đưa những công việc của luật pháp ra ánh sáng, người đó sẵn sàng trở lại với sự thương xót mà

Đức Chúa Trời dành sẵn được bày tỏ trong Đấng Christ. Cùng lúc đó, sự từ chối công khai của Israel đối với việc tiếp nhận sự tương thông thiên thượng trong các sứ điệp của sứ đồ về ân điển của Đức Chúa Trời cho thấy nhu cầu là Đức Chúa Trời nên đem án phạt đến cho họ vì họ đã phá bỏ giao ước. Vì thế Hạt Giống đã xuất hiện trong bối cảnh lịch sử khủng hoảng.

Hạt giống trong lời tiên tri

Hạt giống trước hết là hạt giống của Áp-ra-ham, nhưng có một sợi chỉ xuyên suốt bởi lời tiên tri chứa đựng chủ đề về Hạt Giống này. Lời hứa đầu tiên có liên quan đến dòng dõi của người phụ nữ (Sáng 3:15); sự chúc phước của Giu-đa có liên quan chặt chẽ đến điều này (Sáng 49:10); người thừa kế vương quyền của Israel là dòng dõi của Đa-vít (II Sam 7:12); Đức Chúa Trời đang tìm kiếm “một dòng dõi thánh” (Ma-la-chi 2:15). Trong “dòng dõi” sẽ đến, tất cả những hình bóng này đã được thành toàn, nhưng phải thừa nhận rằng, sự tham chiếu mang tính bối cảnh trong Thư Ga-la-ti là nói về dòng dõi của Áp-ra-ham.

Luật pháp “được ban bố bởi các thiên sứ và qua một người trung gian” (3:19). Vì thế, có hai mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời, Đấng Ban Luật Pháp, và dân sự của Ngài những người nhận Luật Pháp. Chỉ một lần Đức Chúa Trời phán trực tiếp, và dân sự không thể chịu nổi và nài xin điều này đừng lập lại nữa (Xuất 20:19, Phục 18). Đức Chúa Trời chấp nhận lời thỉnh cầu của họ, nhưng không phải động cơ chứng thực nó. Nhưng ngoài những mong muốn không muốn nghe tiếng nói của Đức Chúa Trời, đã đưa đến vấn đề là các tiên tri sẽ nhận sứ điệp từ Đức Chúa Trời và sau đó bày tỏ cho dân sự. Đứng đầu sự kế tục các nhà tiên tri là Môi-se. Nhưng cũng có sự trung gian khác. “Sự hiện diện của thiên sứ Đức Chúa Trời (Ê-sai 63:9) đại diện của Đức Chúa Trời đến với Israel. “Danh Ta ở trong thiên sứ”, Đức Chúa Trời đã phán như vậy trong (Xuất 23:20), và thiên sứ đã xuất hiện với

Môi-se ở bụi gai (Xuất 3:2), và thiên sứ “nói với Môi-se trên núi Si-nai”, “giữa vòng hội thánh trong đồng vắng” khi A-tiên nhắc lại lời phán xét của Ngài, với sự tham chiếu được chỉ về một “hội thánh” khác nơi mà Đấng Mê-si-a sẽ ngự giữa sự ngợi khen (Thi 22:25). Người ta có thể tự hỏi liệu tranh luận của A-tiên trong tư tưởng của Phao-lô khi ông lý giải về người trung gian-luật pháp và tương phản với lời chúc phước cao hơn liên quan đến dòng dõi của lời hứa. Trong Hê-bơ-rơ 2:2-4 có một sự tương phản tương tự giữa luật pháp và sự cứu rỗi tuyệt vời; nhưng ở đây có một sự liên hệ xa hơn đến các thiên sứ được trình bày cho thấy tầm quan trọng của luật pháp, nhưng chỉ mang đến tầm quan trọng lớn hơn của từ “được công bố bởi Chúa Jesus”. Luật pháp đến qua tôi tớ của Đức Chúa Trời; Phúc Âm được thiết lập bởi và trong chính Con Đức Chúa Trời.

Môi-se là người trung gian của giao ước, trong khi các thiên sứ là những sứ giả mà qua họ Đức Chúa Trời bày tỏ ý chỉ của Ngài. Môi-se làm trung gian cho giao ước cũ khi ông công bố những điều khoản của nó và nhận lấy sự đồng ý của dân sự và sau đó “ông lấy máu của bò con và dê đực, với nước, dây nhung đỏ tía và nhánh bài hương rây trên cuộn sách cùng trên cả dân chúng và nói: Đây là máu của giao ước mà Đức Chúa Trời đã truyền dạy các ngươi.” (Hê 9:19,20).

Người Trung Gian

Sự liên hệ đến người trung gian dẫn đến một lời bình luận của Phao-lô có những giải thích khó hiểu đến nỗi có 430 lời giải thích đã được đưa ra. Khi nó nằm trong lời tuyên bố “giờ đây một người trung gian không chỉ là trung gian của một dân.” rõ ràng là một lời tuyên bố đúng đắn- và hơn nữa có một đấng mà không nhắc đến trong bối cảnh này- đó rõ ràng có một tầm quan trọng sâu sắc hơn liên quan đến từ “một dân” hơn chỉ là “một nhóm”. Điều rất cần thiết là chúng ta phải nhớ rằng trong bối

cảnh này bởi “một người trung gian”, Phao-lô đang nghĩ về Môi-se là người mà ông đã đề cập bởi từ này trong câu 19. Thế thì “một dân” mà Môi-se không phải là người trung gian là gì? Vì thế đặt câu trả lời ngay là hiển nhiên- “một” hạt giống trong câu 16. Theo sau như khi nhắc nhở về sự truyền tải quan trọng trong việc ban ra Luật Pháp- các thiên sứ và Môi-se- Tuy nhiên tuyên bố này không nêu lên đầy đủ công tác của Môi-se. Sự bắt đầu của Israel đối với dân Chúa đối lập với sự “hiệp thông” hoàn hảo là một dấu hiệu của *một* “hạt giống” được hứa. Môi-se và các thiên sứ làm trung gian đầu tiên, nhưng không thể thiết lập lần thứ hai. Sự hiệp thông thiên thượng được mang đến bởi hành động thiên thượng trực tiếp hơn. Ý tưởng này được xác nhận bởi cụm từ tiếp theo, “Nhưng Đức Chúa Trời là Đấng có một không hai”, là điều mà giờ đây chúng ta phải xem xét.

Đây không phải là một tuyên bố về quan điểm độc thần mà Phao-lô đưa ra: Có sự liên quan nào trong bối cảnh này? Những yếu tố tín lý về vấn đề Đức Chúa Trời duy nhất nhấn mạnh quan điểm của Phao-lô. Đối với vị sứ đồ, “tính duy nhất” của Đức Chúa Trời, vì thế hoàn toàn được công bố trong Cựu Ước (Phục 6:4), và vì thế đó là tư tưởng căn bản của dân Do Thái về Đức Chúa Trời, liên quan đến triết lý cứu rỗi. Vì khi chính Đức Chúa Trời là duy nhất, thì có một sự không hài hòa trong thế giới của Ngài, cả trong chính thế giới đó và cũng trong sự liên hệ của nó với Đấng Sáng Tạo ra nó. Sự không hài hòa này là một thách thức với bản chất của Đức Chúa Trời, và vì Ngài là tuyệt đỉnh, ban một nơi yên bình và hài hòa; vì Đức Chúa Trời là duy nhất, tất cả sinh vật phải trở nên một trong Ngài, công nhận và dâng lời ngợi ca và tôn kính vì Ngài. Không chỉ như vậy, nhưng vì Đức Chúa Trời là duy nhất, Ngài không thể bị giới hạn là một “vị thần của một dân tộc”. Nếu nó nhiều vị thần chủ tể, thì có thể có một sự phân chia nhiều vị thần đến với các dân tộc khác nhau, Đức Giê-hô-

va là Đức Chúa Trời của Israel. Nhưng Đức Giê-hô-va không có những vị thần tương tự như Ngài. “Đức Chúa Trời, Chúa chúng ta là Chân Thần Duy Nhất”. Chính Đức Giê-hô-va tuyên bố rằng không có thần nào bên cạnh Ngài. Nếu chúng ta trở lại với Thư Tín Rô-ma, chúng ta nhận thấy Phao-lô sử dụng yếu tố này về “tính duy nhất” của Đức Chúa Trời để thiết lập nên những cách thức sau đó trong cách mà Đức Chúa Trời xử lý con người, và điều này giải thích mối liên hệ trong Thư Ga-la-ti.

Phao-lô nhấn mạnh rằng “một người được xưng công chính bởi đức tin chứ không phải là việc làm theo luật pháp” (Rô-ma 3:28). Quy luật này mang tính toàn cầu: vì một *người* là bất cứ ai, dù là người Do Thái hay Dân Ngoại, dù nguồn đặc biệt được sử dụng cho việc thể hiện đức tin có thể khác nhau, phương pháp của Đức Chúa Trời là một cho tất cả mọi người: nếu không thì, nếu có những phương pháp khác nhau cho người Do Thái và cho Dân Ngoại, Đức Chúa Trời không thể là một Đức Chúa Trời tương tự cho tất cả mọi người. Phao-lô hỏi: “Hay Ngài chỉ là Đức Chúa Trời cho chỉ có người Do Thái”, ông muốn nói rằng nếu sự cứu rỗi là bởi việc làm của luật pháp, vì Đức Chúa Trời chỉ ban luật pháp cho dân Israel, thế thì Đức Chúa Trời phải là Đức Chúa Trời của chỉ Israel. “Liệu Ngài cũng không phải dành cho Dân Ngoại”. Vâng, Phao-lô trả lời, và tìm thấy bằng chứng của ông trong điều chân thật hiển nhiên đối với dân Do Thái- Đức Chúa Trời là duy nhất: “vì nếu Đức Chúa Trời là duy nhất” thì Ngài là Đức Chúa Trời của tất cả, người Do Thái và Dân Ngoại, và luật chấp nhận của Ngài là dành cho tất cả mọi người. Đức Chúa Trời sẽ xưng công chính dân Do Thái “ngoài” đức tin và Dân Ngoại “qua” đức tin. Israel có sự mặc khải của Đức Chúa Trời, và những vấn đề tín lý được biết về đức tin trong việc thêm vào được cấu thành “đức tin”, qua điều mà dân Ngoại được tiếp nhận. Thế thì đức tin là điều ngự trị trong cả Cựu và Tân Ước, một cách

thức tiếp cận cho cả dân Do Thái và Dân Ngoại. Đức tin hiệp nhất con người với Đức Chúa Trời và khiến họ trở nên một thân trong Ngài và với Ngài.

Với sự song hành mang tính hướng dẫn này trong Thư Rô-ma chúng ta có thể diễn giải những lời trong Thư Ga-la-ti: “Nhưng Đức Chúa Trời là Chân Thần Duy Nhất”. Là *chân thần duy nhất* mục đích của Ngài mang con người đến với sự duy nhất với Ngài. Vì luật pháp nhấn mạnh sự thiếu hài hòa rất lớn giữa bản tính con người với Đức Chúa Trời, Môi-se là người trung gian của Luật pháp vì thế không thể làm trung gian giao ước với “Đấng duy nhất”- nhưng đáng đến sau chắc chắn hoàn thành và vì thế phải hoàn thành bởi phương tiện khác. Những phương tiện này, Phao-lô đã bày tỏ là qua những lời hứa, trọng tâm ở trong Một Dòng Dõi (câu 16), được thể hiện bởi đức tin, nhờ đó mà tất cả trở nên “con cháu Đức Chúa Trời” và tất cả “là một” trong Chúa Jesus Christ. Lời cầu nguyện của Hạt Giống đã đổ huyết ra để xác chứng cho giao ước của lời hứa, liên quan đến sự hiệp nhất này: “Tôi cầu nguyện... để tất cả họ có thể là một ... trong chúng ta” (Giăng 17:20,21).

Đức Chúa Trời là duy nhất

Kết quả xa hơn xuất phát từ việc hiệp nhất của Đức Chúa Trời. Người ta nhận ra rằng Đức Chúa Trời là tác giả của cả luật pháp và lời hứa; nhưng đôi với người Do Thái có vẻ là một sự tương phản không thể dung hòa được giữa hai điều này. Đến lượt điều này đưa ra một quan điểm hai chiều trong Đức Chúa Trời, vì hai sự bày tỏ về tâm trí của Ngài dường như mâu thuẫn với nhau. Nhưng thật ra có sự tương phản này không? “liệu luật pháp có chống lại những lời hứa của Đức Chúa Trời không?”. Sự đối nghịch chỉ nằm ở trong tâm trí của người Do Thái vì sự hiểu nhầm của họ về mục đích của luật pháp. Đức Chúa Trời là duy nhất, không có sự đối lập giữa những sự sắp xếp khác nhau

của Ngài. Yếu tố hiểu nhầm đó là Luật pháp không bao giờ nhắm đến việc trở thành một hệ thống đối nghịch với những lời hứa. Điều sau có liên quan đến một sự thừa hưởng đời đời và vì thế là sự sống đời đời cho những ai nhận lấy lời hứa. Luật pháp không nhắm đến việc ban cho người ta sự sống- một phương pháp như vậy thì không thể được; nếu có thể thì Đức Chúa Trời đã sử dụng rồi, nhưng vì con người không thể nhận lấy sự sống bởi Luật Pháp, Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài như là một Đấng Cứu Chuộc. Vì thế Phao-lô thêm vào như là một lý do cho sự tranh luận nhấn mạnh của ông đối với ý kiến cho rằng có sự đối nghịch giữa hai điều này: “Vì nếu luật pháp được ban bố có thể đem lại sự sống thì sự công chính phải đến từ luật pháp” (câu 21). Việc ban ra Luật pháp không có cách nào phủ nhận món quà của lời hứa: ngược lại Luật pháp mang đến sự bất toàn của con người, và vì thế đưa đến sự vô vọng của con người ra khỏi ân điển của Đức Chúa Trời và món quà sự sống.

Với quan điểm này thì có nhiều lời xác chứng trong Kinh Thánh. “Kinh Thánh (ví dụ, câu được trích trong câu 10) đã loại đi tất cả tội lỗi mà lời hứa bởi đức tin của Chúa Jesus Christ có thể ban cho những kẻ tin (câu 22). Tuyên bố này rất ngắn gọn. Đức Chúa Trời đã “đóng miệng” (bản R.V) tất cả. Có một sự trói buộc kèm theo con người và việc làm của người đó hoàn toàn đến nỗi người đó không thể thoát được. Trong Rô-ma 11:32, Phao-lô nói rằng “Đức Chúa Trời đã *làm câm tất cả những người* không vâng lời rằng Ngài có thể ban sự thương xót cho tất cả mọi người”: nhưng tuyên bố trong Thư Ga-la-ti thì dễ hiểu hơn. Kinh Thánh (rằng Đức Chúa Trời, tác giả) là đã “đóng lại *tất cả mọi điều* dưới tội lỗi”. Tội lỗi là kẻ nắm giữ; “tất cả mọi điều” dưới quyền lực của nó, cho những nỗ lực cao nhất của con người, những mục tiêu cao nhất, có sự rửa sạch của tội lỗi. “Lời hứa” thay thế cho những điều hứa ban- sự chúc phước, đưa đến sự xưng công chính

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

như chúng ta đã nhìn thấy trong câu 8. Tất cả những nỗ lực của con người vì thế bị tội lỗi làm cho hư hoại, chỉ có sự xưng công chính bởi đức tin trong Chúa Jesus, Đấng đã chết như là một sinh tế chuộc tội để tội lỗi có thể được tha thứ, có thể giải thoát con người khỏi tù ngục.

Luật pháp được thêm vào cho đến khi hạt giống sẽ đến (câu 19). Cho đến khi Đấng Christ đến, và sự rao giảng sau đó về đức tin trong danh Ngài (hay như được đặt ngắn gọn trong câu 23, “trước khi đức tin đến), “chúng ta bị cầm tù dưới luật pháp” đã hành động như một người bảo vệ. Đó là một sự bảo vệ đòi hỏi nhiều nỗ lực vì tội lỗi rất mạnh, vì cả tội lỗi và luật pháp mà Phao-lô sử dụng từ “đóng lại” (câu 22 và 23). Tuy nhiên, sự bảo vệ này có chiều hướng phát triển- “đức tin sau đó sẽ được thể hiện”. Kể đó luật pháp không phải là một sự kết thúc trong chính nó, nhưng tất cả thời gian đang phục vụ cho một mục đích xa hơn. Đó là hình bóng của điều tốt hơn sắp xảy đến; chức năng của nó giống như người trông trẻ hay *paedagogus*. Nhiệm vụ của người, lo lắng tốt hơn cho những vật dụng trong nhà, là chăm sóc cho những em trai trong một gia đình có độ tuổi từ bảy cho đến mười bảy, trong một sự phục vụ đạo đức, có kỷ luật và giáo dục. Đó là mục tiêu của luật pháp; đó là một người phục vụ để hướng dẫn, định hướng và huấn luyện: nhưng những người dưới sự kiểm soát của nó là người chưa trưởng thành với số lượng nhiều, nằm dưới sự kiểm soát của những người trông trẻ. Sự trọn vẹn về danh tiếng của một đời người nằm ở trong Đấng Christ: việc phục vụ theo luật pháp kéo dài cho đến khi Đấng Christ đến, và chức năng của nó là hướng dẫn có liên quan đã chấm dứt khi Ngài đến. Đấng Christ đã đến, con đường của sự công chính được bày ra mang tính lịch sử bởi sự chết hy sinh của Ngài, sự sống lại của Ngài và sự công bố về sự tha thứ tội lỗi trong danh Ngài. Công việc của người trông trẻ đã làm nhờ đó mà hướng dẫn những người dưới

sự kiểm soát của người đó; con người có thể được xưng công chính bởi đức tin.

TRỞ NÊN CON TRONG ĐẢNG CHRIST (3:25-29)

“Đức tin” (câu 25 R.V) trong tâm trí của Phao-lô là một hệ thống những lễ thật được công bố cho những kẻ tin. Đó là sứ mạng của ông “đưa người từ tối qua sáng, để họ có thể thoát khỏi tội và thừa hưởng giữa họ điều được nên thánh qua đức tin” trong Đảng Christ. Cho đến khi Đảng Christ chết, “sự thoát khỏi tội lỗi trong *danh Ngài* mới được công bố. Chúng ta nhìn thấy rằng sự bày tỏ của Con Đức Chúa Trời trùng với thời gian cuối thời kỳ luật pháp, cả mục đích của Đức Chúa Trời và những thay đổi của lịch sử sau đó mang đến bởi sự tản lạc của người Do Thái. Với sự giảng dạy của Chúa Jesus và của các sứ đồ, chúng ta đến với sự trọn vẹn của sự mặc khải của mục đích của Đức Chúa Trời. Sự mặc khải này là dần dần: Tuy nhiên nó không phải là cũ- như quan điểm phê bình hiện đại đề cập- bằng sự tiến bộ của con người trong việc khám phá những cách thức của Đức Chúa Trời, nhưng bởi những sự thay đổi về hoàn cảnh. Lời hứa đơn giản trong vườn Ê-đen là cách thức duy nhất tuyên bố về mục đích của Đức Chúa Trời được lập nên. Việc phân chia dòng dõi loài người thành các dân tộc với những nỗ lực như là hậu quả của việc sở hữu những vùng đất quan trọng mang tính chiến lược cung cấp những điều kiện lịch sử cho lời hứa dành cho Áp-ra-ham về việc sở hữu mãi mãi vùng đất hứa. Sự ưu tiên thêm vào trong vương quyền và sự cai trị mới được thiết lập bởi các vị vua tại Israel dẫn đến giao ước về vương quyền trao cho Đa-vít. Sự sống đời đời, việc sở hữu đất đời đời, cai trị trên mọi dân tộc với Đảng Mê-si-a, là những yếu tố căn bản của đức tin. Sự mặc khải trong Cựu Ước bao gồm trong mỗi lời hứa về ba “dòng dõi” những thông tin rằng Đảng mà qua đó những điều này được thành toàn sẽ là Con Đức Chúa Trời.

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

Khi Con đó truyền rao sứ điệp của Đức Chúa Trời cho thế hệ của Ngài yếu tố về thân vị Con của Ngài có một vị trí nổi bật. Nhưng không chỉ là địa vị con của Ngài, mà là địa vị con cho những người tin Ngài đều được nhận lãnh. “Nhưng bất cứ ai tiếp nhận Ngài, tức là tin danh Ngài, thì Ngài ban cho họ quyền trở nên con của Đức Chúa Trời.” (Giăng 1:12). Sự mặc khải liên quan đến tình trạng của con cháu là sự phát triển rất cần thiết trong việc tìm hiểu về mục đích ban ân điển của Đức Chúa Trời dành cho con người. “Giờ đây chúng ta là con cái của Đức Chúa Trời, Giăng đã viết. “Nếu chúng ta gọi Đức Chúa Trời là Cha”, sau đó Phi-ê-rơ đã nói: “hãy là những đứa con biết vâng lời” (I Phi 1:14). “Vì nhiều người được Đức Thánh Linh dẫn dắt, họ là con cái của Đức Chúa Trời... liền đã nhận linh của Đức Chúa Trời chấp nhận để liền có thể gọi Ngài là A-ba, là Cha” (Rô 8:14,15). Không thể có mối quan hệ nào cao hơn là quan hệ của con với Đức Chúa Trời: Với sự đến của Con, chúng ta đã nhận lãnh trọn vẹn sự mặc khải của Đức Chúa Trời, thật vậy chỉ là vượt lên trên bởi điều đó ngoài việc đạt được mối quan hệ đó, sự nhận lãnh địa vị làm con trong một bản chất bất tử.

Luật pháp, thuộc về sự ban cho trước khi Con Đức Chúa Trời xuất hiện, là một phần của sự mặc khải chuẩn bị trước. Những quy tắc và sự hướng dẫn nghi lễ là một sự giảng dạy và vì thế có một sự thích hợp trong việc sử dụng của Phao-lô về hình ảnh của một người trông trẻ, mà ông so sánh với Luật pháp.

Hình ảnh này có cách sử dụng nữa: Với thời gian trôi qua, dẫn đến sự trưởng thành của người được trông nom, thì công việc của người trông trẻ sẽ kết thúc. Những người mà họ chăm sóc đạt được tình trạng của con cái. Tình trạng của con cái là điều rất cần thiết của “đức tin” giờ đây được rao giảng; vì thế con người không còn ở dưới sự dạy dỗ của Luật pháp nữa. Bởi lý do này, Phao-lô hướng dẫn những người Ga-la-ti nhìn thấy sự phát

triển của kế hoạch Đức Chúa Trời đã để lại Luật pháp đằng sau. “Nhưng sau khi có đức tin chúng ta không còn ở dưới thầy dạy luật nữa”. Sự thay đổi từ “chúng ta” sang “anh em” trong câu tiếp theo kêu gọi thẳng độc giả của thư tín này rằng họ hãy để luật pháp lại đằng sau: “vì anh em tất cả là con cái của Đức Chúa Trời bởi đức tin trong Chúa Jesus Christ” (câu 26).

Làm thế nào họ được xem là con cháu khi họ thật sự không được sinh ra như vậy? Bằng việc nhận làm con nuôi. Hình thức nhận làm con là bởi sự hiệp thông với Đấng Christ, là Con Đức Chúa Trời qua sự giáng sinh. Chúng ta chia sẻ địa vị làm con trong Ngài. Sự hiệp thông với Ngài được tác động bởi sự nhận diện nghi lễ về sự chết của Ngài và sự sống lại- qua phép Báp-tem trong Đấng Christ. Sự hiệp thông với Đấng Christ là “mặc lấy Đấng Christ”. Nhiều lần Phao-lô nói về việc “mặc lấy” mà hình ảnh về việc mặc lấy phải mang một tầm quan trọng đặc biệt, nhưng ý nghĩa chính xác được bối cảnh quyết định. Trong bối cảnh này, Phao-lô đang nghĩ về giai đoạn trưởng thành từ con trẻ cho đến thành nhân, và vì thế có thể rằng ông nhớ về việc mặc lấy *toga* của việc trưởng thành nhờ đó mà một thanh niên trong thế giới Hy-La đánh dấu sự thay đổi trong đời sống hàng ngày. Tín đồ “mặc lấy” Đấng Christ, nhận trách nhiệm và đặc quyền của địa vị làm con, trở thành một công dân cùng với các thánh đồ của Đức Chúa Trời: Và tất cả điều đó diễn ra khi Đấng Christ đến.

Trong vị thế mới, sự phân biệt giữa con người không còn nữa. Một lời cầu nguyện Do Thái về một thời kỳ sau này, tuy nhiên có thể nó đã có nguồn gốc ở những thời kỳ trước đó, như thế này: “Lạy Chúa, con cảm ơn Ngài vì con sinh ra không phải là Dân Ngoại, mà là người Do Thái; không phải là nô lệ mà là người tự do; không phải phụ nữ mà là đàn ông”. Con người đang khoe khoang và phân biệt một cách ngu ngốc như thế đó! Không có bất kỳ sự phân loại nào ở trên có giá trị trong Đấng Christ-

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

không có người Do Thái hay người Hy-lạp, nô lệ hay tự do, đàn ông hay đàn bà. Tất cả loài người, cho dù chủng tộc gì, tình trạng xã hội nào, giới tính là gì, giả như họ không có địa vị quan trọng gì trong mục đích của Đức Chúa Trời. Tất cả đều trở nên “một thân” trong Chúa Jesus Christ: vì tất cả đàn ông và đàn bà, cho dù có khác biệt về chủng tộc hay tầng lớp, đều được cất lên vị trí cao hơn khi tham gia vào sự hiệp thông thiên thượng chính là mục đích của Ngài dành cho con người. Chúng ta nhìn vào “sự hiệp thông” khi xem xét câu 16 và 20. Giờ đây chúng ta nhìn thấy rằng không có gì bằng việc gia nhập vào dòng dõi của Đức Chúa Trời của những đứa con được cứu chuộc: một thân với Ngài qua Đấng Cứu Chuộc được nâng lên cao, Con của Đức Chúa Trời. Chủ đề trong giai đoạn này đã được định hình và liên quan đến chủ đề xuyên suốt chương 3 bằng những lời kết luận này: “và nếu anh em thuộc về Đấng Christ, thế thì anh em là hậu tự của Áp-ra-ham, và người thừa hưởng theo lời hứa.

VỊ TRÍ CỦA LUẬT PHÁP ĐƯỢC MINH HỌA BỞI LUẬT PHÁP CỦA CON NGƯỜI (4:1-7)

Mặc dù chương 4 tiếp tục cuộc tranh luận và qua đó Phao-lô kéo người Ga-la-ti ra khỏi nguy cơ bị ngã bởi người Giu-đa, vì phần phân chia của chương có xu hướng phá vỡ sự liên kết có thể dẫn đến việc kết thúc ngắn tại chỗ này trong cuộc tranh luận của chương 3. Trong chuyến viếng thăm của Phao-lô, Phao-lô đã bày tỏ rõ ràng Đấng Christ chính là Đấng Cứu Chuộc bị đóng đinh, và trong sự tiếp nhận của họ đối với sự rao giảng này, họ đã nhận lãnh những ân tứ Thánh Linh ấn chứng. Người rao giảng đã dựa trên tất cả kinh nghiệm của ông trên đức tin như là quyền năng vận hành trên đời sống của chính ông và cũng trên đời sống của họ nữa. Điều này phù hợp với sự minh họa xa xưa trong Kinh Thánh- trường hợp của Áp-ra-ham trong Sáng Thế Ký 15:6. Đức

tin là điều kiện mà nhờ đó con người hiệp nhất với Áp-ra-ham và nhờ vào yếu tố này mà họ được kể là con Ngài. Lời chứng của Kinh Thánh đó là đức tin chứ không phải việc làm là một sự góp phần của con người vào trong sự xung công bình- con người không thể làm được điều gì cho chính mình; họ phải nhận lãnh điều mà Đức Chúa Trời ban cho.

Trong khi sự chúc phước đến bởi đức tin, Luật pháp mang đến sự rửa sả vì sự yếu đuối và bất năng của con người trong việc tuân giữ những yêu cầu của luật pháp. Vì thế mỗi chủ đề Luật pháp cần sự chuộc tội, và thậm chí điều này cũng được cung cấp trong Đấng Christ. Thế thì, trong Đấng Christ, những lời hứa được hướng đến trọng tâm; qua Ngài những lời hứa này sẽ được thành toàn, và cũng vì thế trong Ngài tìm thấy được nguyên tắc hiệp thông mà nhờ đó Đức Chúa Trời mang con người trở nên “một thân” với chính Ngài. Luật pháp là một biện pháp tạm thời trông giữ con người. Điều này đánh dấu như là thuộc về giai đoạn đầu đời của một con người, cho đến thời niên thiếu. Luật pháp thuộc về thời niên thiếu; đức tin thuộc về thời trưởng thành. Luật pháp kết thúc với sự đến của Đấng Christ, một hình mẫu của đức tin- và sự rao giảng Phúc Âm ban cho con người một lời mời để trở nên con cái Đức Chúa Trời, chứ không phải nô lệ của luật pháp. Vì địa vị làm con dựa trên đức tin, và nguyên tắc của đức tin ở trong Kinh Thánh liên kết cần thiết với Áp-ra-ham và những lời hứa dành cho ông, địa vị làm con này cũng dự phần vào sự thừa hưởng những lời hứa dành cho Áp-ra-ham. Đấng Christ là “hạt giống”; bởi đức tin họ trở thành con cái của Đức Chúa Trời; họ nhận được sự thừa kế.

Các thánh đồ là người thừa kế

Chữ *người thừa kế* trong 3:29 là đường kết nối liên kết với câu tiếp theo 4:1 khi Phao-lô trích ra những minh họa trong luật pháp của con người trong việc đầu phục tạm thời người thừa kế

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

của một tài sản đối với các đày tớ. Phải có huấn luyện và kỹ luật để có thể phù hợp với con người cho trách nhiệm mà người đó phải gánh khi trưởng thành, và việc huấn luyện trong chiều dài và sự nghiêm ngặt phải nắm giữ đối với những trách nhiệm mà mình phải nhận lãnh. Thậm chí điều này cũng như vậy trong sự sắp xếp của Đức Chúa Trời. Thời kỳ luật pháp là thời kỳ huấn luyện và kỹ luật chuẩn bị cho điều gì đó sắp được nhận lãnh.

Để bảo vệ chống lại những lỗi lầm, có thể hợp lý khi nhấn mạnh rằng Phao-lô chỉ đưa ra một sự minh họa rất phù hợp với vấn đề. Ông đang nhìn vào chiều dài lịch sử đau khổ và so sánh tất cả với sự thay đổi thể chế đối với đời sống của con người, với những năm tháng thời niên thiếu theo sau là thời kỳ trưởng thành. Thời kỳ luật pháp lâu dài được so sánh với sự giảng dạy- thời kỳ Phúc Âm so sánh với thời kỳ phát triển đức tin. Nhưng điều này không có nghĩa là không có cá nhân nào trong thời kỳ Môi-se đạt đến đức tin cứu rỗi. Có vài người ở dưới luật pháp, họ nhìn thấy vị trí giới hạn của nó như là một quy tắc quốc gia, hướng đến việc chia sẻ một tương lai bởi đức tin. Luật pháp mang tính quốc gia, đức tin mang tính cá nhân; và Phao-lô đang nghĩ về đời sống quốc gia, bao quanh công dân của họ trong lề luật. Để tranh luận từ sự minh họa của Phao-lô thì dù hoặc là tất cả sống dưới luật pháp bị loại khỏi đức tin, hay ngược lại là tất cả sẽ lớn lên trong đức tin và giữ quyền thừa kế với sự tự do thuộc về nó, sẽ giảm nhẹ sự minh họa của ông đến với sự phi lý.

Câu 1 và 2 trình bày một mối quan hệ với câu 3 và 4. Chúng tôi trích câu 1 và 2 sử dụng kiểu viết in nghiêng cho những từ rất cần thiết mà tìm thấy một sự song hành trong câu 3 và 4:

“Tôi muốn nói rằng, bao lâu người thừa kế còn thơ ấu, dù làm chủ toàn bộ tài sản, thì cũng không khác gì một nô lệ. Người ấy còn phải ở dưới quyền của những người giám hộ và

quản gia cho đến thời hạn mà người cha đã định.”

Đưa trẻ, cho dù vị trí tương lai có thể là thế nào, thì dành cho mục đích thực tế giống như một nô lệ: nó ở dưới sự hướng dẫn của những người trông coi chăm sóc con người của nó, và những người phục vụ, những người chịu trách nhiệm quản lý tài sản và công việc: Những điều kiện như vậy kéo dài trong một khoảng thời gian dài do người cha sắp xếp.

Câu 3 và câu 4 như sau: “Chúng ta cũng vậy, khi còn *thơ ấu*, chúng ta *làm nô lệ* cho *các thần sơ đẳng trong thế gian*, nhưng khi kỳ hạn đã được trọn, Đức Chúa Trời sai Con Ngài đến, do một người nữ sinh ra, sinh ra dưới luật pháp.” Đánh giá sự xuất hiện của những từ “con trẻ” (câu 2), “các con trẻ” (câu 3): “đầy tớ” hay “nô lệ” (câu 1) liên hệ với chữ “cầm buộc” (câu 30); “người bảo vệ và phục vụ” của câu 2 là “những yếu tố của thế giới”; “thời gian đã định” của câu 2 thì tương tự với “trọn thời gian” (câu 4). Gần như tất cả những đặc điểm này được gọi nhớ trong “hình ảnh tiêu biểu” mà Phao-lô kết luận phần tranh luận này trong 4:21-31.

Khi Phao-lô nói “chúng ta”- “khi chúng ta là con trẻ”- ông muốn nói rằng những người Do Thái mà ông từng là thành viên trong đó. Làm thế nào ông có thể hiểu một cách đầy đủ về những hạn chế của luật pháp! Nhưng giờ đây ông đã hiểu rất nhiều về mục đích của nó, và yêu thích sự tự do hiện nay của ông! Những yếu tố, hay những yếu tố căn bản nhất của thế giới, và sự bắt đầu đơn giản, như những chữ cái là những điều đầu tiên phải học. Những nghi thức và nghi lễ bên ngoài của luật pháp là những yếu tố hướng dẫn nhưng không phải là một sự kết thúc trong chính nó; nhưng việc chịu sự kiểm soát đối với chúng là rất cần thiết cho đến khi những lễ thật trong Đấng Christ mà họ tiên báo đã đến. Trọn thời gian cho thấy một phương pháp thêm chậm chậm

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

sau nhiều năm, một sự chuyển động được định trước về phía một sự khủng hoảng được quyết định bởi một Đấng ban cho một giải pháp. Hạt giống cuối cùng rớt vào trong vật chứa- thời gian của sự thay đổi đã đến. Trước đây chúng ta đã bình luận về “triết học lịch sử” của Phao-lô trong lời của ông ở trong 3:19: cùng tư tưởng như vậy được tìm thấy trong những lời “sự trọn vẹn của thời kỳ”.

Việc “đến của hạt giống” (3:9) đã đến “đúng kỳ”. Lúc đó “Đức Chúa Trời sai Con Ngài đến”. Hai lần trước đó, Phao-lô đã đặc biệt đề cập đến Con Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời hài lòng trong việc bày tỏ chính Con Ngài cho Phao-lô khi khủng hoảng trong cuộc đời của Phao-lô xảy đến trên đường đi Đamách (1:16); và Phao-lô đã chết đi luật pháp để sống cho Đức Chúa Trời, Phao-lô nói “bởi đức tin nơi Con Đức Chúa Trời”, “đã yêu tôi và ban chính Ngài cho tôi” (2:20). Ông cũng đã cho thấy rằng nguyên tắc của đức tin như ở trong sự ràng buộc về mặt huyết thống giữa sự công chính “được ban cho” liên quan đến việc được nhận vào trong dòng dõi của Áp-ra-ham, vì con cháu của đức tin trở thành con cháu Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời đã khiến Áp-ra-ham trở thành “cha của các dân tộc”. Ngài còn đi xa hơn, tuyên bố rằng những người nam và người nữ bởi đức tin trong Chúa Jesus Christ trở thành “con cháu Đức Chúa Trời” (3:26). Vấn đề căn bản để họ dựa vào đó có thể trở thành con cháu Đức Chúa Trời giờ đây phải được thiết lập. Tầm quan trọng của sự mặc khải của Đức Chúa Trời về ân điển của Ngài liên quan đến yếu tố này- rằng con người trở nên con của Đức Chúa Trời; nhưng điều đó phải chờ đến khi có cuộc khủng hoảng trong lịch sử khi Đức Chúa Trời sai con Ngài đến.

Con Độc Sanh

Thật dễ nói về sự giáng sinh của Chúa Jesus và yếu tố địa vị làm con thiên thượng của Ngài; nhưng thật không dễ hiểu về

sự kiện đáng kinh ngạc đó- đó là vì mục đích của sự cứu chuộc con người Đức Chúa Trời đã sai con Ngài đến thế gian. Khi sự ngạc nhiên và cảm giác ngưỡng mộ với sự kiện rằng “Đức Chúa Trời bày tỏ trong xác thịt loài người” trong một Đấng mà “Ngôi Lời trở nên xác thịt” lớn lên giữa chúng ta, vì thế chúng ta đánh giá đúng hình ảnh đặc biệt của sự mặc khải trong Tân Ước- rằng chúng ta là con nuôi của Đức Chúa Trời trong Chúa Jesus, Con Độc Sanh của Ngài. Sự trưởng thành mà tiến sĩ Thomas đã nắm được về mặc khải thiên thượng được đánh dấu bởi sự kiện ông hiểu được và vì thế triển khai rõ ràng giáo lý về sự bày tỏ của Đức Chúa Trời trong tác phẩm *Eureka*, mà bạn đọc có thể được hướng dẫn chi tiết trọn vẹn hơn (Vol. I: trang 87-115).

Phao-lô tuyên bố hai sự kiện liên quan đến sự đến của Con Đức Chúa Trời, và vạch ra hai kết quả có liên quan. Nhưng vì ông tuyên bố chúng trong điều được gọi là một sự e ngại, một hình ảnh thường xuyên được sử dụng bởi các tiên tri và Chúa Jesus, chúng ta sắp xếp những sự kiện và kết quả trong sự song hành. Đức Chúa Trời ban Con Ngài

*“dựng (sanh- bản R.V) bởi người nữ,
dựng (sanh- bản R.V) dưới luật pháp,
cứu chuộc họ những người dưới luật pháp,
rằng chúng ta có thể nhận được địa vị làm con”*

Qua sự giáng sinh, Chúa Jesus gánh lấy hai mối quan hệ- Ngài là một thành viên của con người chúng ta, Ngài là người Do Thái dưới Luật pháp của Môi-se. Hai mối quan hệ này đưa Ngài vào trong mối liên hệ cá nhân với hai nhu cầu lớn của con người. Bởi vì Ngài ở dưới Luật pháp, Ngài có thể cứu chuộc những người dưới luật pháp; vì Ngài là con của con người (mặc dù không phải là con của một người đàn ông), Ngài có thể cứu chuộc chúng ta khỏi tội lỗi và sự chết và phục hòa chúng ta với Đức Chúa Trời,

và mang chúng ta đến với địa vị làm con.

Chúng ta cũng đã xem xét vị trí của Đấng Christ trong mối quan hệ với luật pháp khi xem xét lời của Phao-lô trong Ga-la-ti 3:13. Đấng Christ cứu chúng ta khỏi sự rủa sả của luật pháp vì chính Ngài chịu sự rủa sả qua sự chết của Ngài. Để đạt được điều này thì Ngài phải ở dưới luật pháp và vì thế phải được sanh bởi một người phụ nữ của dân tộc Israel. Tầm quan trọng thật sự của sự kiện rằng Đấng Christ được sinh ra dưới luật pháp được Phao-lô cảm tạ thật nhiều hơn chúng ta vì Phao-lô biết những điều liên quan trong việc cố gắng sống dưới luật pháp. Luật pháp không phải là điều gì đó riêng biệt- một vấn đề chỉ dành cho cuộc thảo luận thần học- có một luật pháp phải vâng theo, và đối với một người nhiệt thành trong việc bắt bớ tàn ác người khác ở đó. Vì sự rủa sả của luật pháp bị cất đi và vì chính luật pháp được quăng xa như là một sự giải thoát không thể nào tả xiết; vì luật pháp không chỉ công bố về ý chỉ của Đức Chúa Trời, và cho tất cả những kẻ dưới nó; nó chỉ ra sự rủa sả của Đức Chúa Trời. Thế thì khi nói rằng Đấng Christ được sinh ra dưới luật pháp, thì phải nói rằng Ngài được sinh ra trong mối quan hệ với những sự chỉ định đang tồn tại của Đức Chúa Trời rằng gánh nặng của Luật pháp được chính Ngài mang, rằng sự rủa sả có thể đổ trên Ngài và Ngài có thể được cứu ra khỏi sự chết nhờ vinh quang của Cha Ngài, và vì thế con người, bị rủa sả bởi luật pháp vì những vi phạm của họ, có thể được cứu chuộc.

“Được sinh ra bởi người nữ” công bố một mối quan hệ rộng hơn là “sinh ra dưới luật pháp”. Điều sau thì giới hạn đối với người Do Thái- điều đến trước mang tính toàn cầu. Sự cứu chuộc thiên thượng được thiết lập để đáp ứng những nhu cầu của tất cả và tất cả nhu cầu của họ.

Có vài điều trong những cụm từ kết nối “*sai* Con Ngài”,

“*sanh* bởi người nữ” cho thấy Ngài là Đấng Cứu Chuộc như là Con của Đức Chúa Trời. Nguồn gốc thiên thượng không chỉ ở trong yếu tố Đức Chúa Trời “sai đến”, không chỉ vì trong lời tuyên bố rõ ràng rằng Đấng Christ được gọi là Con Ngài, nhưng như thể đan ba điều Phao-lô sử dụng từ “đến để là”, được dịch là “sinh ra”, đây không phải là từ thường được dịch như thế. Tại sao ông sử dụng từ khác ở đây khi sau này trong chương, nói về con của Áp-ra-ham, ông hài lòng với việc sử dụng từ chung này? Sinh đồng trình là một sự giải thích đầy đủ, và có lẽ là sự giải thích đầy đủ duy nhất về sự chọn lựa của Phao-lô trong từ ngữ mà ông sử dụng.

Địa vị con thiên thượng của Chúa Jesus vì thế được chỉ ra một cách mạnh mẽ, chúng ta có thể nhận ra tầm quan trọng của cụm từ thể hiện kết quả của việc Ngài đến. Ngài bị khiển ở dưới luật pháp để cứu chuộc những người ở dưới luật pháp, nhưng Ngài là Con Đức Chúa Trời để con người có thể được nhận làm con Đức Chúa Trời. Mỗi quan hệ (con) quan trọng hơn là tình trạng (ở dưới luật pháp), và kết quả cũng lớn hơn. Có thể nói rằng Ngài sinh ra bởi người nữ để cứu chuộc chúng ta khỏi sự trói buộc của tội lỗi và sự chết. Nhưng Phao-lô tuyên bố một yếu tố tích cực mang lấy hình ảnh của sự cứu chuộc đó; Chúa Jesus là Con Đức Chúa Trời, và trong sự giáng sinh của Ngài, chúng ta bắt đầu có một dòng dõi thiên thượng: Đó là mục đích của Đức Chúa Trời rằng Ngài “trở nên người sinh đầu tiên giữa vòng anh em” (Rô-ma 8:29).

Như chúng ta đã nói, ở chỗ này trong sự giảng dạy của sứ đồ, chúng ta có cực điểm của sự mặc khải thiên thượng, tiến triển trong hình thức, liên quan đến những hoàn cảnh khiến mỗi phần mở ra mục đích. Khi cuối cùng Đấng Cứu Chuộc được sinh ra, được hứa từ lâu trong “nhiều phương cách và nhiều phần” của Đức Chúa Trời trong sự mặc khải của Cựu Ước, kể đó công bố

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

rằng qua Con Đức Chúa Trời, con người có thể trở nên con của Đức Chúa Trời. “Nhưng bất cứ ai tiếp nhận Ngài, tức là tin danh Ngài, thì Ngài ban cho họ quyền trở nên con của Đức Chúa Trời.” (Giăng 1:12). Điều này có thể hoàn tất trong những lời hứa của Cựu Ước về sự sống đời đời, nhưng những tuyên bố rõ ràng và chính xác liên hệ với sự bày tỏ về Con Độc Sanh của Đức Chúa Trời. Qua Ngài, con người nhận được “địa vị làm con”.

Được nhận làm con

Quá trình nhận làm con nuôi thì không phải không cần có sự so sánh với vấn đề “sai phái” Con của Đức Chúa Trời. Sự giáng sinh thiên thượng được công bố cả hai; trong một ý nghĩa trọn vẹn nhất, thành toàn nhất, thậm chí với sự tồn tại của thân thể Ngài, trong trường hợp của Chúa Jesus; nhưng của “con người mới” được hình thành trong con của loài người, của sự làm mới về đạo đức và tâm trí qua lời này, trong trường hợp của những đứa con nuôi. “Trong ý muốn của Ngài, Ngài sanh ra chúng ta” (Gia-cơ 1:18); hay trong những lời của Phao-lô: “Chúng ta là tạo vật của Ngài, được tạo dựng trong Đấng Christ để làm những việc thiện lành” (Ê-phê-sô 2:10). Thật thú vị khi quan sát thấy trong khi gửi đến cho độc giả tại Ga-la-ti khi Phao-lô lần đầu viếng thăm họ thì sự liên hệ này xảy ra hai lần. “Gởi đến là những anh em lời của sự cứu rỗi”- Đức Chúa Trời đã gửi đến Lời Ngài- và điều đó có thể ở đây (như trong Hê-bơ-rơ 4:12) Lời này có tầm quan trọng gấp đôi, sứ điệp được rao giảng và Ngài là Đấng mà sứ điệp này công bố- Ngôi Lời trở nên xác thịt, đến Đấng mà Phao-lô đã áp dụng lời trong Thi Thiên 2:7: “Con là con trai ta, ngày hôm nay Ta đã sinh ra” (Công 13:26,33).

“Nhận làm con nuôi” mang đến mối quan hệ gần gũi với Con; vì thế ông công bố rằng: “Ngài không xấu hổ khi gọi họ là anh em” (Hê 2:11). Nhưng Ngài vui mừng trong mối quan hệ anh em với họ, không phải bởi vì một số sự thay đổi về mặt pháp

lý, nhưng vì, được “sinh lại”, họ giống như một gia đình; và yếu tố về địa vị làm con- “vì anh em là con”, như Phao-lô nói, được nhìn thấy trong “Đức Chúa Trời đã ban linh của con Ngài vào trong lòng anh em, kêu lên A-ba, Cha” (câu 6). Chúng ta phải chú ý chỗ tương tự này: Đức Chúa Trời sai Con Ngài vào trong thế gian: Ngài sai linh của Con Ngài vào trong tấm lòng của chúng ta. Nguồn trong cả hai trường hợp là từ Đức Chúa Trời- điều trung gian mà qua đó năng lực thiên thượng được bày tỏ có thể khác nhau. Bởi quyền năng vận hành của Đức Thánh Linh, Con Ngài được sai phái; bởi quyền năng Đức Thánh Linh, lời của linh Đấng Christ được thành hình trong con người. Vì đó là đời sống của Đấng Christ được bày tỏ trong tín đồ, đó là đời sống phụ thuộc vào Đức Chúa Trời, vào sự thông công với Đức Chúa Trời, vào sự vâng lời Đức Chúa Trời, vào sự phục vụ Đức Chúa Trời. Và khi Con tiếp tục tìm kiếm Cha trong lời cầu nguyện, thì các con cũng làm như vậy. Thật vậy, đặc điểm của lời cầu nguyện với Đức Chúa Trời với ý tưởng có liên quan rằng có một con đường mở ra để đến đó, là điều nổi bật trong tư tưởng của Phao-lô ở đây. Điều này có thể nhìn thấy khi chúng ta xem xét cẩn thận các phúc âm và quan sát cách Chúa Jesus sử dụng những từ “Cha”, “Cha Ta”, “ôi Cha Công Chính”. Bởi vì mối quan hệ rất đặc biệt với Đức Chúa Trời, Ngài sử dụng ngôi thứ nhất “Cha Ta”. Nhưng không có ai ngoài Ngài có thể nói như vậy. Tất cả những người con khác của Đức Chúa Trời chia sẻ địa vị làm con là những người lẽ ra không có đặc quyền đó, “Cha của *Chúng Ta*”. Trong việc sử dụng lời cầu nguyện này, nếu hiểu đúng đắn, tín đồ nhớ rằng quyền mà mình đến với điều này không phải là một sự sở hữu độc quyền, hay là quyền cá nhân của một ai đó. Con người là ở trong một dòng dõi, được cứu chuộc bởi Con Đức Chúa Trời, như một thành viên của một gia đình, được ưu tiên sử dụng cách gọi của con cái như vậy, trong những từ “Cha Của Chúng Ta”. Sự diễn giải trong Ga 4:6, giống như điều tương tự trong Rô-ma

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

8:5, không còn nghi ngờ gì nữa là một sự liên hệ với điều được gọi là Lời Cầu Nguyện Của Chúa Jesus. Đó là lời cầu nguyện của Chúa mà Ngài đưa ra, nhưng đó cũng là lời cầu nguyện mà các môn đồ sử dụng.

Việc sử dụng cùng cụm từ hai lần “A-ba, Cha”, ở đây và trong Rô-ma 8, tự thân nó đã đầy đủ khi cho rằng người ta đã tìm thấy cùng chủ đề trong cả hai nơi. Rô-ma làm nổi bật Ga-la-ti về vấn đề này như trong những vấn đề khác được giải quyết trong hai thư tín này. Từ “linh” đã đối mặt nhiều cuộc tranh cãi, khi chú ý đến ý nghĩa và cách sử dụng sẽ cho phép ánh sáng và vẻ đẹp của ánh sáng thiên thượng chiếu sáng từ đó. Hàng loạt những thuật ngữ tương phản đi xuyên suốt thư tín này đến Thư Rô-ma từ 7:7 đến 8:17- nhân lành và gian ác, thuộc linh và xác thịt, con người bề trong và con người bề ngoài, luật của tâm trí và luật của xác thịt, chữ “tôi” giờ là một người và giờ là một người khác, xác thịt và thánh linh. Ba thuật ngữ được xem xét như nhau trong Rô-ma 8:10 làm cho cách sử dụng rõ ràng: “Nếu Linh của Đức Chúa Trời ngự trong anh em”, “nếu bất cứ ai không có Linh của Đấng Christ”, “nếu Đấng Christ ở trong anh em”. Linh trong bối cảnh này chính là Linh của Đức Chúa Trời, Linh của Đấng Christ, và Đấng Christ trong chúng ta. Ở đâu có Linh của Đức Chúa Trời và Linh của Đấng Christ thì “anh em không ở trong xác thịt nhưng ở trong Linh”; mặc dù như trong trường hợp của Phao-lô, có một sự than thở, “Ai sẽ giải cứu tôi khỏi thân thể hay chết này” (Rô-ma 7:25).

Việc sai phái Linh của Đức Chúa là một bằng chứng, và ngôn ngữ của mỗi lời cầu nguyện là một lời chứng, điều này được xác nhận rằng họ giờ đây là con. “vì thế (bản R.V), anh em *không còn* là nô lệ nữa mà là con: và nếu là con thì là người thừa kế của Đức Chúa Trời qua Đấng Christ”. “*Không còn nữa*”: họ không thể trở lại với sự cầm giữ- những kẻ chống đối đã tạo ra một sự hấp

dẫn giả dối, kinh nghiệm địa vị làm con bị hướng đến sự kêu gọi đến với sự nô lệ: chỉ có những đứa con tội lỗi mới bị rơi vào việc chịu không chế. Nhưng những đứa con tinh thức và sống theo đặc quyền của con nhận ra địa vị làm con có luôn quyền thừa kế, và tư tưởng, xuyên qua những sự minh họa về sự nhỏ nhoi như những kẻ nô lệ bị cầm giữ đến với sự phát triển thành những đứa con, trở lại địa vị làm con lúc ban đầu của quyền thừa kế: “thừa kế theo lời hứa” (3:39); “những người thừa kế của Đức Chúa Trời qua Đấng Christ” (4:7).

SỰ NGUY HIỂM CỦA VIỆC TRỞ LẠI (4: 8-11)

Cách để dấu của câu 8 và câu 9 cho thấy có sự nối kết với từ đầu tiên “trước kia” cùng với “trở lại”, câu 9. Bảng R.V như sau: “trước kia khi chưa biết Đức Chúa Trời, anh em đã làm nô lệ cho những kẻ mà bản chất không phải là thần: nhưng hiện nay anh chị em đã biết đến Đức Chúa Trời, hay anh chị em đã được Đức Chúa Trời biết đến, làm thế nào anh chị em lại trở lại với các thần hèn yếu nghèo nàn kia, anh chị em muốn làm nô lệ cho chúng một lần nữa sao?”.

Một sự tương phản buồn là hiển hiện trong những câu này với ngôn ngữ rõ nét liên quan đến địa vị làm con của những câu trước. Khi xem xét những sự kiện vinh quang liên kết với phúc âm ân điển của Đức Chúa Trời, làm thế nào họ trở lại với điều mà họ đã được phóng thích ra khỏi đó? Họ đã là Dân Ngoại không có Đức Chúa Trời, và bị cầm giữ đến hình thức thờ phượng những kẻ không phải là thần. Sự ngu dốt trong việc thờ lạy thần tượng hư không rõ ràng hơn trong sự thất bại của nó. Các thần được thờ lạy không có những phẩm chất và quyền năng như họ tin tưởng, mà được mang lấy những bản tính chỉ tồn tại trong tâm trí của những kẻ thờ lạy. Bất cứ điều gì ở trong thần tượng là do những kẻ nắn nên chúng, nhưng không có một thợ thủ công nào có thể

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

tạo nên một hình ảnh thiên thượng. Ô-sê đã công bố mạnh mẽ: “Thợ tạo nên nó vì thế nó không phải là Đức Chúa Trời, nhưng là bò con của Sa-ma-ri sẽ vỡ ra thành từng mảnh” (Ô-sê 8:6). Sự ngu dại của thần tượng đã được thay thế trong tâm trí của người Ga-la-ti bởi tri thức về Đức Chúa Trời chân thật. Điều này rõ ràng là bước đầu tiên không thể bỏ qua được trong sự cứu rỗi. Phải có sự nhìn biết về Đấng Toàn Năng- rằng Ngài là Đấng Toàn Năng, rằng Ngài là Đấng trên cao và rất thánh, công bằng và chân thật, yêu thương và dung chịu. Chúng ta không thể biết nếu Ngài không bày tỏ chính Ngài, và thậm chí như vậy, sự hiểu biết của chúng ta về sự mặc khải không chỉ là một cơ hội để tôn vinh. Vì có một khía cạnh khác, quan trọng hơn rất nhiều, vẫn chưa được bày tỏ: con người mà con người cần đạt được không chỉ ở mức ban đầu này của họ, nhưng mọi hoạt động trên con người là của Chúa. Vì thế con người phải hạ mình khiêm nhường và phù hợp với tư tưởng cao hơn là con người “được biết về Đức Chúa Trời”. Bên trong thành ngữ đó cũng chứa đựng một tư tưởng đúng đắn hơn, không chỉ là Đức Chúa Trời quan tâm đến con người, nhưng Đức Chúa Trời nhận ra con người. Trong ý nghĩa này Phao-lô nói: “Nhưng nếu ai yêu mến Đức Chúa Trời thì Ngài biết người ấy.” (I Cô 8:3).

Trở về với người Giu-đa, người Ga-la-ti đang trở lại với những điều sơ học căn bản- điều mà Phao-lô gọi là “các thần hèn yếu, nghèo nàn kia”- là lại bị trở lại với kiếp nô lệ.

Nguyên tắc của luật pháp với những lề luật và nghi thức, phần lớn liên quan đến yếu tố bên ngoài, thuộc về những điều căn bản: Luật pháp là yếu đuối trong sự thiếu năng của nó không thể ban cho con người sự sống hay mỗi thông công với Đức Chúa Trời: Đó là sự nghèo nàn khi so sánh với sự giàu có của Đức Chúa Trời vinh quang trong Chúa Jesus Christ Con Ngài. Giờ đây Phao-lô mô tả sự trở lại với Giu-đê như là một sự trở lại, quay lại, mặc dù

rõ ràng rằng con đường sự sống cũ trước đây không thể nào kết nối với Luật Môi-se được. Bằng cách nào có một sự song hành như vậy giữa con đường thờ thần tượng cũ để trở lại với những nghi thức của luật pháp đối với họ lại là một sự trở lại? Rõ ràng, Phao-lô không thể nghĩ rằng có một sự khác biệt giữa những điều tuyệt vời về luật pháp của Đức Chúa Trời, thánh khiết, công bình và tốt lành và nền tảng, những ý tưởng tội lỗi và những nghi lễ của sự thờ phượng theo tự nhiên. Sự tương đồng nằm ở trong ảnh hưởng trên người thờ phượng. Vừa làm nô lệ cho các hình thức của luật pháp, vừa xử lý những vấn đề cơ bản; cả hai điều này đều yếu đuối trong ảnh hưởng của họ trên người thờ phượng, kết quả là cũng không có bất cứ điều gì để dâng mà có một giá trị sống. Luật pháp cũng như việc thờ thần tượng, dẫn đến việc coi trọng cái tôi, với sự quan tâm dựa trên việc làm của con người, không hề cho một kinh nghiệm gì với Đức Chúa Trời đến qua đức tin.

Ramsay đã mô tả lễ luật Phrygia trong cuốn sách của ông *Các Thành và Thầy Tế Lễ của Phrygia*, với những lời sau đây: Một hệ thống tôn giáo rất chi tiết cai trị trên quốc gia. Sự tận tụy mê tín cho một hệ thống luật lệ của con người, và sự vâng lời tuyệt đối sự hướng dẫn của các thầy tế lễ, mang tính toàn cầu giữa một số dân không hiểu biết. Thế quyền của thầy tế lễ ở các trung tâm tôn giáo giải thích chi tiết ý chỉ của Đức Chúa Trời cho những người thờ phượng. Vì thế chính quyền là một thể chế theo thần quyền, và toàn bộ hệ thống, với những tiên tri, thầy tế lễ, luật tôn giáo, các hình phạt do Đức Chúa Trời ép buộc trên mọi người vi phạm luật theo nghi lễ, những lời cảnh báo và đe dọa, và một hệ thống mê tín chi tiết nhỏ nhất, được trình bày tương tự thật sự và đáng kể trong hình thức bên ngoài với quy tắc tôn giáo và nghi lễ của Do Thái. Đến chỗ này thì những điều hiểu biết về Ga-la-ti 4:3-11 trở nên rõ ràng và tự nhiên. Phao-lô trong sứ điệp đó ngụ ý rằng phong trào Giu-đa của Cơ Đốc Nhân tại

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

Ga-la-ti đã lại xuất hiện hình thức thờ tà thần cũ kỹ. Sau khi được tự do khỏi sự trói buộc của luật pháp theo nghi lễ khó khăn, họ đang đưa chính họ một lần nữa vào trong sự trói buộc của một luật pháp theo nghi lễ khác, cũng khó khăn như vậy. Trong hành động của họ, họ đang cho thấy chính họ đang làm những việc vô nghĩa (Ga 3:1), thiếu đi một tâm trí được giáo dục rằng họ có thể nhận được bản chất thật của mọi điều. Có một sự nhấn mạnh có chủ đích trong sự pha trộn “vô nghĩa” của người Ga-la-ti vì đó là những người có học thức hơn, chống lại sự mê tín dị đoan, lại nồng nhiệt chào đón nhất những lễ luật và hình thức như vậy. Vì thế cách gọi “những người Ga-la-ti làm những điều vô nghĩa” đã tiên báo về sự bất đồng lâu dài hơn (4:3-11), “người Ga-la-ti đang chìm từ những tiêu chuẩn giáo dục đến với sự ngu dốt và mê tín của tôn giáo quốc gia”.

Luther, người chịu ảnh hưởng của thư tín này, và qua ông có cuộc cải cách trong thế giới tôn giáo diễn ra nhìn thấy điều tương tự này. Chúng ta đã trích nguyên văn từ bản dịch tiếng Anh của Luther trong sách *Giải Nghĩa Thư Tín Ga-la-ti* xuất bản năm 1644.

“Nhưng tại sao Phao-lô nói rằng người Ga-la-ti trở lại với các thần và nghi lễ nghèo nàn và yếu đuối, đó là nói trở về với luật pháp, trong khi họ chưa bao giờ có luật pháp? Vì họ là Dân Ngoại (cũng không ngược với những điều ông viết những điều với người Do Thái, như sau này chúng ta sẽ nói) hay tại sao ông không nói sau này về tính cách này. Khi anh em không biết Đức Chúa Trời, anh em sẽ phục vụ những kẻ mà bản chất không phải là thần; nhưng giờ đây nhìn thấy anh em đã biết Đức Chúa Trời, tại sao quay trở lại, rồi bỏ Đức Chúa Trời chân thật để đi thờ thần tượng? Có phải Phao-lô xem điều đó là tất cả trong một vấn đề, rời từ lời hứa sang luật pháp, từ đức tin sang việc làm, và từ phục vụ Đức Chúa Trời sang phục vụ những kẻ không có bản chất của

các thần? Tôi trả lời: bất cứ ai rơi ra khỏi chủ đề xung công bình, là ngu dốt trước mặt Chúa, và là một kẻ thờ thần tượng. Vì thế đó là tất cả trong một vấn đề liệu con người có quay trở lại với luật pháp, hay để thờ thần tượng: tất cả ở trong một điều, liệu người đó được gọi là một Monke, Turke, một người Do Thái hay người A-na-báp-tít. Vì khi mục này bị bỏ đi, thì không còn lại điều gì hết ngoài sự sai lầm, giả hình, thiếu sự kính trọng và thờ thần tượng, người nào làm như vậy dường như ra khỏi sự hiện diện của lẽ thật, sự phục vụ Đức Chúa Trời thật và sự thánh khiết thật.

“Lý do là vì Đức Chúa Trời sẽ hay có thể được biết không ai khác hơn chính là Đấng Christ, theo như điều được nói trong Giảng đoạn 1, Con Độc Sanh, được Cha yêu thương, đã công bố về Ngài. Ngài là hạt giống hứa ban cho Áp-ra-ham, trong Ngài Đức Chúa Trời đã thiết lập tất cả những lời hứa. Ở đâu có sự hiện diện của Đấng Christ, và khi chúng ta nói, qua tấm gương phản chiếu đó, chúng ta nhìn thấy Đức Chúa Trời, để nói rằng, chúng ta biết được ý chỉ của Ngài. Vì trong Đấng Christ, chúng ta nhìn thấy Đức Chúa Trời không phải là quan án hay thẩm phán tàn bạo, mà là một Người Cha giàu lòng thương xót, yêu thương và đáng trọng, Đấng ban phước cho chúng ta đến cuối cùng, để nói rằng giải phóng chúng ta khỏi luật pháp, tội lỗi, sự chết và tất cả tội lỗi, và có thể ban cho chúng ta ân điển, sự công chính, và sự sống đời đời, không những chia sẻ Con của chính Ngài, mà còn ban Ngài cho tất cả chúng ta. Đây là một sự hiểu biết thật về Đức Chúa Trời, và là một sự thuyết phục thiên thượng, không lừa dối, nhưng bày tỏ cho chúng ta một Đức Chúa Trời một cách sống động.

“Người ra khỏi sự hiểu biết này, cần phải nắm lấy sự vui mừng này trong tâm lòng: tôi sẽ thiết lập một đời sống phục vụ Đức Chúa Trời: Tôi sẽ bước vào một trật tự như vậy: Tôi sẽ chọn điều này hay việc làm đó, và tôi cũng sẽ phục vụ Đức Chúa Trời,

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

và tôi không nghi ngờ nhưng Đức Chúa Trời sẽ chấp nhận điều này, và thưởng cho tôi sự sống đời đời giống như vậy. Vì Ngài giàu lòng thương xót và rộng lượng, ban tất cả những điều tốt lành thậm chí cho những kẻ không đáng kính, vô ơn, Ngài cũng mang cho tôi nhiều ân điển và sự sống đời đời vì những việc lành và đạo đức tốt đẹp của tôi. Đây là sự khôn ngoan lớn nhất, sự công chính, tôn giáo mà lý do có thể phán xét: Điều gì là chung cho tất cả các dân tộc, cho người Công Giáo, Do Thái, người Turke, người tà giáo, và vân vân... Họ không thể đi cao hơn điều người Pha-ri-si đã làm những người được đề cập trong các sách Phúc Âm. Họ không biết về sự công chính Cơ Đốc, hay sự công chính của đức tin. Cũng như vậy: không có ai hiểu, không có ai tìm kiếm Đức Chúa Trời. Vì thế không có sự khác biệt gì giữa một người Công Giáo, một người Do Thái, một người Turke, người theo tà giáo. Thật vậy có một sự khác biệt về con người, nơi chốn, nghi thức, tôn giáo, công việc và sự thờ phượng: Không chịu đựng có tất cả ở trong một điều, cùng lý do, ý kiến, và một sự suy nghĩ trong tất cả họ. Vì người Turke nghĩ giống nhau rằng đền thờ làm điều gọi là: nếu tôi làm điều này hay công việc đó, Đức Chúa Trời sẽ thương xót tôi, nếu tôi không làm điều đó, Ngài sẽ giận dữ. Không có ý nghĩa gì giữa việc làm của con người và sự nhận thức về Đấng Christ. Nếu sự nhận thức này bị che khuất hay làm lu mờ, tất cả là một điều bạn là người Monke, Turke hay người Do Thái”.

Phao-lô nói: “Tôi lo ngại cho anh em”: Không phải chỉ vì anh em, nhưng vì chính anh em: hành động trở lại với việc vâng giữ các ngày và lễ khiến người ta chứa đầy sự sợ hãi trong lòng rằng tất cả việc làm của người đó là luống công.

SỰ THÌNH CẦU CÁ NHÂN DỰA TRÊN KINH NGHIỆM LẦN NHAU

(4:12-20)

Cảm xúc của Phao-lô có lẽ giờ đây rõ ràng hơn bao giờ hết trong Thư Tín này. Sự hăng hái, nhiệt thành, lo âu, chống đối mạnh mẽ cho những người không làm công việc của ông mà tất cả đều đã nhìn thấy, và với điều đó tất cả chúng ta cảm nhận với con người. Sự lo lắng về việc thất bại trong công việc của ông giữa họ dẫn ông đến với sự ảnh hưởng sâu sắc hơn đến với sự yêu cầu với họ, nhắc lại chuyện viếng thăm của ông, hoàn cảnh của ông và câu trả lời của họ. “Tôi nài xin anh em, hãy như tôi, vì tôi giống như anh em”. Khi ông và Ba-na-ba ở cùng với họ, họ không theo những lẽ luật hay lễ lạc. Họ là những sứ giả mang ân điển của Đức Chúa Trời đến với họ. Họ biết luật pháp và đã từng ở trong sự trói buộc của nó, nhưng khi họ đến Ga-la-ti với Phúc Âm, họ tự do khỏi luật pháp như chính người Ga-la-ti. “Hãy như tôi”- hãy tham gia cùng với tôi đứng trong đức tin trong Đấng Christ chịu đóng đinh và đã sống lại.

Phần này của thư tín mang tính cá nhân về giọng văn, và yếu tố này giúp chúng ta nhận ra một điều đã bàn trước có thể đã được cung cấp một quan điểm. Chúng ta trước đây đã nhìn thấy Phao-lô đề cập đến mối tương giao giữa họ và chính ông; và chúng ta cũng có thể thấy một sự liên quan với những từ mà họ đã sử dụng cho ông “anh em không làm gì sai với tôi”- bản R.V có thể nắm bắt được một thành ngữ được người Ga-la-ti sử dụng. Họ cũng có thể nói như vậy bằng cách giải thích tại sao họ làm rõ cách thức của họ. Phao-lô dùng cách nói: “anh em đã không” “nhưng giờ anh em đã làm. Anh em không làm, nhưng mọi thứ thì khác. Hãy để chúng tôi nhắc lại cách làm thế nào anh em đã tiếp nhận tôi”, và ông nhắc họ về sự tàn tật về mặt thân thể mà ông đã gánh chịu khi ở giữa họ- một sự tàn tật của một loại thường được xem như là một hình phạt nặng nề từ trời; nhưng thay vì ghét bỏ ông, họ đã

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

tiếp nhận ông như một sứ giả thuộc linh. Trong sự vui mừng của họ, họ đã tặng cho ông đôi mắt của họ, họ đã rất sẵn sàng tặng cho ông những điều quý giá nhất.

Bệnh tật mà Phao-lô chịu đựng khi ở Ga-la-ti là gì? Bằng chứng hoàn tất rõ ràng cho bất kỳ giả thiết nào là không thể, và nhiều lời giải thích đã được đưa ra từ trước. Thật tự nhiên khi liên hệ sự tham chiếu này với sự yếu đuối của ông trong một tham chiếu khác trong II Cô 12:7 nơi mà ông nói về dằm xóc trong thân thể, và để tìm cả những điều đã nói trước với cùng nan đề như vậy. Từ sự liên hệ đến cặp mắt đã nhận diện được một quan điểm về bệnh tật của ông với rắc rối rất nghiêm trọng về mắt, có thể là một ảnh hưởng của tình trạng bị mù gây ra khi gặp Chúa vinh hiển trên đường đi Đa-mách. Lewin trong tác phẩm “*Phao-lô*” có lẽ đã đưa trường hợp này vào xem xét cũng như bất kỳ tác giả nào.

Ramsay đã đưa ra một lời giải thích khác đã bình luận điều này rất nhiều. Trong cuốn *Phao-lô, khách lữ hành* của ông, ông tranh luận rằng đó là một căn bệnh đã dẫn Phao-lô và Ba-na-ba đi đến Ăng-ti-ốt. Ramsay nói:

“Khi đi từ Perda đến Ăng-ti-ốt Pisidy, các lữ khách đi từ tỉnh Pamphylia của Rô-ma đến tỉnh Ga-la-ti của Rô-ma, và phần còn lại của chuyến hành trình của họ tại Ga-la-ti cho đến khi họ trở lại Perga. Giờ chúng chúng ta có một lá thư do Phao-lô viết gởi cho các Hội Thánh tại Ga-la-ti, trong đó ông nói: “Anh em biết rằng lần đầu tiên tôi đến truyền giảng Tin Lành cho anh em với một thể xác đau yếu. Dù thể xác tôi là một thử thách cho anh em, anh em cũng chẳng khinh khi hay miệt thị tôi, mà lại tiếp rước tôi như một sứ giả của Đức Chúa Trời”. Chúng ta biết rằng lúc đó, từ chính Phao-lô rằng một căn bệnh (chúng ta có thể nói một cách chắc chắn đó là một căn bệnh trầm trọng) là dịp mà ông ban đầu

đã giảng cho các Hội Thánh của Ga-la-ti. Những từ này không ám chỉ một cách cần thiết rằng căn bệnh bắt đầu ở Ga-la-ti; họ khá kiên định với sự diễn dịch rằng căn bệnh là nguyên nhân tại sao ông đến Ga-la-ti và có cơ hội rao giảng ở đó; nhưng họ ám chỉ rằng bệnh tật kéo dài một khoảng thời gian đáng kể, và có vẻ như đối với người lạ khi ông ở Ga-la-ti.

“Ở đây chúng ta có lý do, do chính Phao-lô tuyên bố, giải thích đầy đủ tất cả những hiện tượng tò mò thắc mắc về bối cảnh của sách Công Vụ. Phao-lô đã bị bệnh rất nặng ở Pamphylia và vì lý do đó ông rời Perga và đến Āng-ti-ôt. Không cần thiết phải lập lại cuộc tranh luận rằng trong một nhất trí hoàn toàn với những sự kiện được biết này. Bất kỳ sự yếu đuối nào xảy ra thì có thể lý giải bởi “bị yếu đi thình lình do không khí tại Pamphylia” sau những mệt mỏi và gian khổ của chuyến hành trình đi bộ qua Cyprus, cùng với sự nhiệt tình liên tục của chuyến truyền giáo, tạo nên tình trạng căng thẳng tâm lý với những nỗ lực hết sức tại Paphos. Sự điều trị phổ biến và tự nhiên cho một căn bệnh như vậy là đi lên một vùng đất cao hơn nơi đó, và vị trí của An-ti-ôt (khoảng 3,600 bộ so với mặt nước biển, nằm trên núi về phía nam và tây nam), cũng như dân số của Do Thái, sự nối kết về thương mại với các thành phố ven Pamphylia, khiến nơi đây trở thành một nơi rất thích hợp cho mục đích của Phao-lô.

Ramsay cũng cho rằng một cơn sốt rét dữ dội bên trong là “gai đâm vào trong thịt”. Ông nói: “Tính chất của thành phố Pamphylia không chỉ ở trong tình trạng bán canh tác, nhưng luôn luôn, chắc đã gây ra bệnh tật dẫn đến sự yếu đuối của cơ thể. Giờ đây, có thể có một quan điểm thường được chấp nhận đó là “sự yếu đuối thân thể” là một cơ hội tại sao Phao-lô đã rao giảng cho người Ga-la-ti; là căn bệnh tương tự đã làm ông đau đớn thường xuyên từng cơn. Tôi cho rằng căn bệnh này là một loại sốt rét kéo dài; và theo quan điểm phê bình, rất cần thiết phải xem xét điểm này; vì tôi đã trải

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

qua việc bị lên án là thổi phồng một sự tấn công trong một thời gian ngắn. Câu hỏi đặt ra là liệu một căn bệnh như vậy : có thể hợp lý khi gọi thẳng là sự không đáng trọng và ghét bỏ”.

“Một sự yếu đuối của cơ thể, xảy ra thường xuyên ở một vài tình huống rằng một người thường xuyên bị yêu cầu bởi trách nhiệm phải đối mặt, tạo ra những ảnh hưởng mạnh mẽ và lạ trên đặc điểm tự nhiên của chúng ta...

“Giờ đây trong một vài cơ thể, bệnh sốt rét có xu hướng xảy ra trong tình trạng mệt mỏi và đau đớn, khi người đó đã đổ ra quá nhiều sức lực với một nỗ lực lớn. Sự tấn công như vậy lúc đó hoàn toàn quá sức: Người bị bệnh chỉ có thể nằm và cảm nhận chính mình run lên và yếu ớt, không có một sức lực nào hết khi ông phải làm việc. Ông cảm thấy mệt mỏi và đau đớn, và tin rằng những người khác cũng cảm nhận đau đớn và mệt mỏi như vậy”.

Có vẻ có vài bằng chứng từ những từ được viết ra rằng bệnh sốt rét được xem là một hình phạt Đức Chúa Trời giáng xuống từ thời xa xưa. Một cảm xúc mạnh mẽ thành linh dường như trực tiếp do hành động thiên thượng. Nếu quan điểm như vậy đưa ra bởi người Ga-la-ti, nó đưa ra một điểm mạnh mẽ trong tuyên bố của Phao-lô rằng họ “không khinh khi hay miệt thị tôi, mà tiếp nhận tôi như một sứ giả của Đức Chúa Trời”. Họ đã làm điều ngược lại với điều mong đợi, nhưng làm như vậy, họ được đánh giá là đúng đắn. Thêm vào điều này, cơn đau đầu do sốt rét được mô tả như một người chịu đựng như “như có một thanh sắt nung đỏ đập lên đầu”.

Nhiều nỗ lực đã được đưa ra nhằm giải thích bệnh tật của Phao-lô như bệnh động kinh, và những mô tả tương tự đã được đưa ra với những nhà lãnh đạo nổi tiếng những người được biết bị chứng động kinh này- Julius Ceasar, Napoleon, Cromwell. Điều nghi hoặc khiến họ cư xử như vậy đến với một lời giải thích như

là “những khái tượng” là đặc điểm của sự phàn nàn này, và khái tượng của Phao-lô vì thế được xem là sản phẩm của bệnh tật.

Tuy nhiên có một sự khác biệt giữa Phao-lô và những người khác này là rất quan trọng để đi đến so sánh. Phao-lô thêm vào vị trí của ông, quyền năng của ông, sứ mạng của ông đến với sự tương giao với Đấng Christ sống lại. Bệnh động kinh không bao giờ tìm thấy sự yếu đuối của ông nên tảng của thiên tài đặc biệt. Hơn nữa, sự đau đớn không phải là một đặc điểm của bệnh động kinh, và dù bệnh tật của Phao-lô có thể thế nào thì rõ ràng là cơn đau đó là một đặc điểm đáng ngại mà từ đó Phao-lô đã tự do nếu Chúa muốn như vậy. Bệnh động kinh đôi lúc có liên hệ với tình trạng bất ổn định về thần kinh có ở một số thiên tài, và sự lên án của Phao-lô đã không chậm trong việc liên hệ căn bệnh này với ông. Nhưng những lời của Ramsay trong *Những Nghiên Cứu về Phao-lô* rất sâu sắc và đúng đắn:

“Quan điểm cho rằng kinh nghiệm của Phao-lô trên đường đi Đa-mách là do một số hình thức của tình trạng điên đã được duy trì rộng rãi trong những năm gần đây. Điều này gián tiếp được đưa ra bởi những người làm nhỏ lại những công thức rõ ràng để định hình trong đầu của chính họ. Nó được công bố công khai và cương quyết bởi nhiều người có hiểu biết và trung thực. Những nghiên cứu khoa học đã thảo luận và đưa ra một cái tên cho loại bệnh tâm thần chính xác cho những triệu chứng mà người ta gán cho Phao-lô.

“Giờ đây có nhiều người điên trong mọi thời; nhưng sự khó khăn mà nhiều người có thể cảm nhận trong việc xếp loại bệnh của Phao-lô giữa họ đã nảy sinh từ vấn đề là không chỉ ông thuyết phục mọi người đã nghe ông nói rằng ông bị điên và nói ra lẽ thật, nhưng điều đó ông đã làm rung động thế giới, thay đổi cả toàn bộ lịch sử, và khiến chúng ta trở nên như chúng ta hôm nay. Liệu thế

giới có thể rung chuyển bởi một kẻ điên? Nghĩ như vậy sẽ phải bỏ đi tất cả niềm tin trong sự tồn tại của trật tự và hiệp nhất trên thế giới và trên lịch sử; và vì thế chúng ta đến với kết luận rằng khái tượng của Phao-lô là một trong những điều mà người ta nên xem xét và kiểm tra cẩn thận bằng chứng mà không có một kết luận rõ ràng trong tâm trí của ai đó...

“Vì thế, đúng là Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài cho con người bằng cách này hay cách khác. Phao-lô công bố đã nhận được những mặc khải như vậy; và chúng ta không nên cho rằng tuyên bố của ông là vô lý hay giả dối. Nhiều tuyên bố như vậy có thể dễ dàng bỏ sang một bên; nhưng lịch sử đã quyết định rằng trường hợp của ông đáng để xem xét, kiểm nghiệm và thử nghiệm mà không bẻ cong sự việc.

Cụm từ trong câu 15: “Vây phước hạnh của anh em ở đâu rồi”. Trong bản A.V là cản trở. Bản R.V “thế thì phước hạnh của chính anh em đâu rồi” đưa chúng ta vào cách hiểu này. Họ đã nhận lấy lễ thật với sự vui mừng, xem chính họ là những người được chúc phước trong đặc ân của họ. Sự đáp lời với Phúc Âm bày tỏ chính nó trong một sự biết ơn đối với Phao-lô vì không có một cửa lễ hy sinh nào vĩ đại như vậy- thậm chí đôi mắt, vật sở hữu quý giá nhất đã được ban cho vì lợi ích của Phao-lô.

“Sự phước hạnh” này rõ ràng đã mất đi với sự giảng dạy mới, và nó cũng đã mất đi tình yêu dành cho Phao-lô. Họ cảm nhận ông không phải là bạn thật của họ- có thể là Phao-lô đã hiểu cách mô tả của ông về kẻ chống đối ông khi ông sử dụng từ “kẻ thù”. “Vì thế tôi trở thành kẻ thù của anh em khi tôi công bố lẽ thật sao?” Điều này được nói rằng khi công bố đem họ đến với Phúc Âm, ông đã mang đến cho họ một sứ điệp không trọn vẹn và không có tác dụng gì- đó thật sự là công việc của kẻ thù; những người Giu-đa đã cho như vậy. Tuy nhiên đó có phải là rắc rối mà

ông đã nhận, điều đó của một “kẻ thù” và ông đã hỏi như vậy. Liệu có nên “cư xử đúng đắn” với những người có một “hành động thù nghịch”. Người Giu-đa đã tự lên án mình; họ đã không nói lẽ thật, nhưng giả bộ như rất quan tâm đến người Ga-la-ti, tuy nhiên họ không làm “điều gì tốt đẹp”. Họ muốn loại bỏ- hay “họ muốn chia rẽ anh em”; họ dạy rằng họ được cứu rỗi vì họ vâng giữ luật pháp. Họ làm điều này để người Ga-la-ti “có thể tìm kiếm họ (bản R.V)”.

Sự chú ý của Phao-lô đối với họ về mặt cá nhân thì không có gì thú vị cả: ông nói rằng có ai đó sẽ ở cùng với họ luôn và luôn “ảnh hưởng ghen tức” đối với họ, cung cấp điều đó vì ý tốt. Ông không bắt họ lệ thuộc vào ông; không quan trọng là ai lãnh đạo họ lâu dài, chân thật và vì điều tốt cho họ. Nhưng có một sự ám chỉ là những giáo sư đã dạy dỗ những điều sai lệch giữa vòng họ thì không làm điều gì tốt cho họ hết, và Phao-lô nhận thấy hình ảnh rõ ràng về việc theo thói cũ- ông đã cố gắng đưa họ đến với sự sống trong Đấng Christ, và giờ đây ông cảm thấy đau buồn, không vui vì họ khi ông chịu khổ để đưa họ đến với sự tự do trong địa vị con cái Đức Chúa Trời. Ông mong muốn đến với họ, không còn phải cáo trách hay tranh luận về lẽ thật, nhưng với tiếng nói thay đổi vui mừng trong sự hài hòa với tin tức tốt lành của Đức Chúa Trời. “Tôi mong muốn... vì tôi lo lắng cho anh em” (bản R.V), hay như trong những từ tương tự được tìm thấy trên giấy Papyrus muốn nói rằng “Tôi đang rất lo lắng”.

MỘT CÂU CHUYỆN (4:21-31)

Sau khi kêu gọi đến với sự trung thành của Phúc Âm mà Phao-lô rao giảng cho người Ga-la-ti, vị sứ đồ trở lại với câu hỏi của Luật Pháp và sự trói buộc mà nó áp đặt trên những người cố giữ nó. Sự so sánh mà ông đã đưa ra trước đó về vị trí trong thời niên thiếu của một người nhận lấy tình trạng của một nô lệ, cho thấy lịch sử

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

của hai con trai của hai tình trạng khác nhau trong những thời kỳ tổ phụ. Cuộc sống của Ích-ma-ên và Y-sác được đưa ra cho thấy sự đại diện mang hình ảnh mục đích của Đức Chúa Trời trong Luật Pháp và trong Phúc Âm “hãy cho tôi biết, anh em muốn ở dưới Luật pháp sao?”, ông bắt đầu, “anh em không nghe luật pháp sao?”. Trước hết, chúng ta nên nhớ rằng sự mô tả và việc sử dụng Kinh Thánh. Luật pháp mà ông bảo họ nghe không phải là một số điều luật trong Lê-vi Ký, nhưng từ lịch sử trong sách Sáng Thế Ký. Cuốn sách này là cuốn sách đầu tiên trong Ngũ Kinh gộp lại được gọi là Luật Pháp trong sự phân chia ba phần của Cựu Ước lưu hành lúc đó. Cuốn sách tương tự là “kinh luật” của câu 30, và việc trích từ nó được ghi tựa đề bằng những từ “có lời chép rằng”. Hình thức trích dẫn như vậy ám chỉ một đức tin không nghi ngờ trong lịch sử được sử dụng bằng cách tranh luận.

Áp-ra-ham có hai đứa con trai được sanh ra bởi hai bà mẹ. Một bà mẹ là một nô lệ cho người chồng làm nàng hầu vì người vợ chính thức không có con, người này là một công chúa. Sau đó nhờ vào phép màu thiên thượng, một đứa trẻ sinh ra cho người vợ. Câu chuyện tiếp theo sau đó là việc phải bị đày ra đồng vắng không ai giúp đỡ của đứa con nô lệ, dẫn đến việc cả người mẹ và đứa con bị đuổi đi. Phao-lô đã đưa ra câu chuyện này trong một số chi tiết được trình bày đầu tiên trong hình thức biểu đồ này. Hai người phụ nữ đại diện cho hai giao ước, hai ngọn núi, hai thành, và có hai người con trai, hoàn cảnh của các bà mẹ và con được cho thấy có một tầm quan trọng, tất cả tạo nên một bài học cần thiết.

Những phụ nữ	A-ga Nô lệ	Sa-ra Phụ nữ tự do-công chúa
Hai núi	Si-nai ở Ả Rập	Si-ôn trong đất hứa

Những giao ước	Từ Si-nai- văn tự chết- Trở thành những nô lệ	Từ Si-ôn- linh ban sự sống- Trở thành các con trai
Thành	Giê-ru-sa-lem “bây giờ là” (trong thời Phao-lô)	Giê-ru-sa-lem sẽ đến
Các con	Sanh bởi xác thịt- Kẻ bắt bớ-bị loại đi	Sanh bởi linh- chịu bắt bớ-người thừa kế Của Đức Chúa Trời

Bảng này như toàn bộ được ghi chép lại trong Sáng Thế Ký đang theo phong tục của thời kỳ tổ phụ, như được phản ánh trong luật Khammurabi (được nghĩ là Amraphel của Sáng 14:1 nhưng trong những ý kiến thay đổi của những nhà khảo cổ học giờ đây bị nghi ngờ bởi một số người). Luật của các vua Ba-by-lon đang thực thi đến vùng biên giới biển phía tây của Trung Đông; và giữa những phép tắc cấm đoán việc không thừa kế của các con trai của nàng hầu nhằm vì lợi ích của đứa con sinh sau này của người vợ chính. Khi Áp-ra-ham tuyên bố rằng Ích-ma-ên có thể là người thừa kế, thì ông đang theo luật này bằng cách công nhận quyền thừa kế của Ích-ma-ên. Nhưng luật thiên thượng vượt lên trên luật của con người, và Ích-ma-ên không được phép là hậu tự.

Nguyên nhân được sử dụng trong việc sinh ra hai đứa con liên quan đến quy luật thiên thượng. Xác thịt thì đầy đủ cho việc sinh ra Ích-ma-ên, và trên nguyên lý giống như việc sản sinh như thế, cách thức xác thịt được bày tỏ rất rõ ràng trong đời sống của Ích-ma-ên.

Sự cứu rỗi phải là một sự tái sản sinh, và vì con người không thể tự mình cứu chuộc mình, phương tiện của sự tái sản sinh phải đến từ Đức Chúa Trời. Điều này được nhìn thấy trong mỗi giai

đoạn của việc làm. Chúng ta nhìn thấy điều này trong sự sinh của Đấng Cứu Rỗi, Đấng là Ngôi Lời trở nên xác thịt; chúng ta nhìn thấy điều này trong sự phục sinh bởi vinh quang của Đức Chúa Cha, nhờ đó Ngài trở nên lời sự sống; thật vậy, toàn bộ tiến trình được bày tỏ trong cụm từ của vị sứ đồ: “Đức Chúa Trời trong Đấng Christ phục hòa thế gian trong chính Ngài”. Có một sự hoán dụ cho công việc của Thánh Linh trong sự sanh lần đầu theo cách “nhiều con trai” “được đưa đến với vinh quang”. Lời của Đức Chúa Trời là một nhân tố hình thành dưới sự chu cấp tể trị của Đức Chúa Trời: “Ngài đã dùng lời chân lý sinh chúng ta theo ý định của Ngài, để chúng ta trở thành một loại trái đầu mùa trong các tạo vật của Ngài” (Gia 1:18). Lời tiếp tục là công cụ hướng dẫn và định hình qua đời sống tạm thời. Qua toàn bộ tiến trình này là năng lực sáng tạo của Đức Chúa Trời: “Vì nhờ ân điển, bởi đức tin, mà anh em được cứu, điều này không đến từ anh em mà là tặng phẩm của Đức Chúa Trời” (Ê-phê-sô 2:8,9).

Phao-lô không ngần ngại chỉ ra hết khía cạnh này đến khía cạnh khác hai yếu tố tốt đẹp này đối với sự cứu rỗi con người nhưng con người lại hỏi lẽ điều này thì là điều không thích hợp chút nào: “Vậy, thưa anh em yêu dấu của tôi, như anh em vẫn luôn vâng phục, không chỉ khi tôi có mặt, mà cả bây giờ, lúc tôi vắng mặt, lại càng vâng phục hơn nữa; hãy lấy lòng sợ sệt run rẩy mà hoàn tất sự cứu rỗi của chính mình. Vì Đức Chúa Trời là Đấng đang hành động trong anh em, để anh em vừa muốn vừa làm theo ý tốt của Ngài.” (Phi 2:12,13). Tránh điều này sẽ dẫn đến hậu quả tai hại mà ông thêm vô: “làm tất cả mọi thứ mà không có nói thầm và tranh cãi sao?”. Khi con người làm phần của mình trong việc tiếp nhận ân điển của Đức Chúa Trời và đoạn tuyệt với tội lỗi, sự biến đổi cuối cùng trở nên giống thân thể của Đấng Christ của vinh quang được tác động bởi “công việc của năng lực đó mà con người có thể tránh được tất cả tội lỗi”.

Trong câu chuyện về hành động tái sản sinh của Đức Chúa Trời được nhìn thấy trong sự sinh Hạt Giống hứa ban cho Áp-ra-ham : “bởi đức tin , chính Sa-ra dù hiếm muộn và cao tuổi vẫn còn có khả năng sinh sản, vì bà tin rằng Đấng đã hứa với mình là thành tín” (Hê 11:11). Không phải phép lạ giới hạn với Sa-ra, vì Phao-lô cũng nói: “Ông thấy thân thể mình chết mòn vì đã gần 100 tuổi, và thấy Sa-ra không thể sinh con được nữa, nhưng đức tin chẳng hề suy giảm. Ông không để lòng vô tín làm cho nghi ngờ lời hứa của Đức Chúa Trời, nhưng càng mạnh mẽ trong đức tin và tôn vinh Đức Chúa Trời. Hoàn toàn tin chắc rằng Đức Chúa Trời có quyền năng để thực hiện những gì Ngài đã hứa” (Rô-ma 4:19-21).

Vì thế, Phao-lô có thể nói rằng “con bởi lời hứa”, vì thế con mà Đức Chúa Trời đã nhìn thấy trước và ở trong mục đích của Ngài- được sanh “ra bởi linh”. Xác thịt và linh, con người và Đức Chúa Trời, là nguồn của hai con của Áp-ra-ham. Trong chỗ này, như trong tất cả các phần mà Đức Chúa Trời xử lý con người, điều đầu tiên là tự nhiên và sau đó là thuộc linh. Trước hết là Ích-ma-ên, sau đó chờ một thời gian dài 14 năm trong suốt tất cả những hy vọng tự nhiên mờ nhạt dần, và cuối cùng thì rõ ràng là chỉ có quyền năng Đức Chúa Trời mới có thể đạt được mục đích của Ngài, Y-sác được sinh ra. Khi dân tộc Do Thái vì thế cũng mang nguồn gốc của phép lạ sinh ra, điều này không khiến dân tộc họ trở thành ‘hậu tự’, vì họ tất cả đều do con trai về phần xác của Y-sác và Gia-cốp sanh ra và là một dân tộc từ chối hình ảnh của Y-sác. Cuộc đời của Y-sác, trong sự sinh ra, trong việc làm của dân, trong sự phục hồi là ẩn dụ về “Hạt Giống” qua đó lời hứa sẽ có hiệu lực.

Hai giao ước có thể được miêu tả như Áp-ra-ham và Môi-se, mặc dù lý do cho những cái tên vì thế được gắn vào thì không

giống nhau trong cả hai trường hợp. Chính Áp-ra-ham nhận giao ước của Đức Chúa Trời: Môi-se làm trung gian nhận giao ước của Đức Chúa Trời với Israel. Người thì mang tính cá nhân trong việc áp dụng; người thì mang tính dân tộc. Cá nhân liên quan đến sự thừa hưởng đất đời đời, và vì thế nhận lãnh sự sống đời đời: dân tộc liên quan đến việc chiếm đất bởi chủ thể dân tộc thì phải vâng lời tiếp tục. Áp-ra-ham, giữ luật “sau đó là thánh linh” cuối cùng có hiệu lực, và vẫn còn chờ đợi một ngày trong tương lai cho sự nhận thức. Người trong giao ước Môi-se, là đầu tiên sinh ra, và hoàn tất mục đích của nó trong thời các sứ đồ, được gọi là “giao ước cũ” trong khi người ở trong giao ước của Áp-ra-ham được gọi là “giao ước mới”.

Giao ước mới

Căn bản là chữ “mới”, vì nó bàn về một chủ đề của sự sống đời đời, là tha thứ tội lỗi. “Giao ước cũ” với những sinh tể liên tục không thể khiến họ trọn vẹn trước mặt Đức Chúa Trời. Cửa lễ có thể làm được điều này là cửa lễ Chúa Jesus Christ: “Chúng ta trở nên thánh hóa nhờ vào việc dâng thân thể của Chúa Jesus Christ một lần đủ cả” (Êp 10:10). Vì thế Chúa Jesus nói về chén tưởng nhớ: “Này là huyết của giao ước mới, đổ ra cho nhiều người để xóa sạch tội lỗi” (Ma 26:28). Lời tuyên bố của Chúa Jesus được kết nối bằng lời với hai lời tiên tri trong Cựu Ước. Giê-rê-mi, người sống cùng thời với thời kỳ Vương Quốc bị hủy diệt, tiên báo về việc tập hợp lại, xây dựng lại nếp sống dân tộc của họ. Giao ước cũ đã bị Israel phá bỏ, nhưng Đức Chúa Trời bắt đầu với họ lại khi tập hợp lại trong giao ước mới tương phản với giao ước cũ ở nhiều điểm đặc biệt. Luật pháp ban qua Môi-se được viết trên bảng đá, đánh dấu biểu tượng của những trái tim bằng đá của Israel, không đáp lời và ý chỉ Đức Chúa Trời. Dưới giao ước mới, Đức Chúa Trời viết Luật pháp của Ngài trên tấm lòng của họ, và con người sẽ biết Chúa. Dưới giao ước mới này Đức

Chúa Trời “sẽ tha thứ sự vi phạm của họ và sẽ không còn nhớ đến tội lỗi của họ nữa”. Yếu tố này bao gồm những điều kiện cho sự tha thứ phải được thiết lập, và vì thế nhận diện không nghi ngờ về giao ước mới của lời tiên tri của Giê-rê-mi với điều đó được xác nhận trong huyết Chúa Jesus đổ ra. Khi Israel được tập hợp lại, họ từng cá nhân sẽ được Đức Chúa Trời tiếp nhận- những kẻ chống đối sẽ bị loại ra, và tất cả những ai bước vào xứ sẽ “gọi danh của Chúa”, nhận ra rằng trên núi Si-ôn có sự giải cứu. Đấng Cứu Chuộc sẽ đến Si-ôn và quăng sự vi phạm ra xa khỏi Gia-cốp, những người thuộc về ông sẽ trở lại cùng Chúa, tấm màn chắn che chắn tâm lòng họ sẽ bị dời đi.

“Huyết đổ ra cho *nhiều người*”, Chúa Jesus nói về chén là hình ảnh của huyết giao ước mới. Đó là một lời duy nhất, nhưng người ta nhận ra những điều đã được bàn trước đó bởi những học trò cẩn thận như là một sự liên hệ với lời tiên tri của đấng Đấng Chúa Trời, Đấng đã trút linh hồn đến với sự chết như một của lễ cho tội lỗi, và về Đấng mà Đức Chúa Trời đã phán: “bởi sự hiểu biết của Người mà Đấng Đấng công chính của Ta đã xưng công chính cho nhiều người” (Ê-sai 53:11).

Tầm quan trọng và sự tuyệt đối của giao ước mới được bàn trong trong Hê-bơ-rơ chương 8 đến 10, lời tiên tri của Giê-rê-mi trong chương 31 là điểm khởi đầu cho việc giải kinh cho các chương khác.

Thành Giê-ru-sa-lem: quá khứ và tương lai

Hai ngọn núi là Si-nai và Si-ôn, nhưng với Si-ôn có một sự nhấn mạnh về ý nghĩa. Vì Giê-ru-sa-lem ở trước chúng ta hai thời kỳ, quá khứ và tương lai: và trong quá khứ, trong khi Luật pháp Môi-se vẫn còn hiệu lực trên đất, Giê-ru-sa-lem ở trong hình ảnh của Phao-lô liên quan đến Si-nai: “A-ga này ở tại núi Si-nai ở Ả-rập, và trả lời cho Giê-ru-sa-lem bây giờ là, và ở trong sự trời

buộc với con cháu của nó”. Giê-ru-sa-lem dưới giao ước Môi-se được đại diện bởi Si-nai; cả hai nơi có liên hệ với luật pháp và chịu sự ép buộc của nó- và dưới giao ước đó thì Giê-ru-sa-lem giao ước đó là thành nơi đó người ta dâng những sinh tế yêu cầu theo Luật pháp. Khi Luật pháp được công bố chính thức thì thành phố nhận sự đoán phạt trên dân sự. Những thành phố của Palestine nằm một cách lãnh phí khi người dân bị bắt làm phu tù và Giê-ru-sa-lem chấm dứt là một trung tâm tôn giáo trước đây, trong nước hay quốc tế. Một cuộc nổi dậy dấy lên trên bảy ngọn đồi bởi Ti-bê, và trong nhiều thế kỷ, con người đã hướng đến Rô-ma để nhờ giúp đỡ và hướng dẫn. Đó là một dấu hiệu của một sự thay đổi đang đến là tầm quan trọng đặc biệt của Palestine đã trở lại. Trong thời gian nắm quyền trên thế giới, với La-mã là thủ đô, bao quanh vùng Địa Trung Hải, Palestine trở thành một nước có biên giới; nhưng ngày nay, khi cả thế giới hình thành “có thể sống được” thì tầm quan trọng của Palestine được phục hồi.

Trong khi những tài sản trong quá khứ của Giê-ru-sa-lem liên kết với Si-nai, tương lai của thành này sẽ nằm trên nền tảng khác. Đức Chúa Trời đã chọn lựa Si-ôn để đặt *Danh Ngài* ở đó, với việc đưa vào đầy trọn ý nghĩa Kinh Thánh của cụm từ này. Ở đó Đức Chúa Trời đã ban phước, thậm chí sự sống và hơn thế nữa. Thầy tế lễ của Ngài sẽ mặc lấy áo công chính, các thánh đồ ca hát vui mừng, và tương tự với điều này nằm ở câu sau: “Ta sẽ mặc cho thầy tế lễ với chiếc áo cứu rỗi, các thánh đồ hát lớn vui mừng” (Thi 132:9,16; 133:3). Si-ôn sau đó sẽ có một thầy tế lễ “có quyền năng ban sự sống đời đời, một người sau trật tự của Mên-chi-xê-đéc; và Đức Chúa Trời sẽ giáng roi sức mạnh ra khỏi Si-ôn (Thi 110:2,4). Khi nhánh của Chúa được bày tỏ là : “đẹp đẽ và vinh quang” (ghi nhớ ngôn ngữ tại đây về quần áo của thầy tế lễ thượng phẩm, Xuất 28:2,40), lúc đó “Ngài được rời Si-ôn và Ngài ngự tại Giê-ru-sa-lem, sẽ được gọi là thành thánh, thậm chí

mọi người ở đó được ghi tên vào sách sự sống tại Giê-ru-sa-lem” (Ê-sai 4:2,3) Đức Chúa Trời phán “Ta sẽ khiến các người một sự vinh quang đời đời, một niềm vui cho các dân tộc” vì con người sẽ gọi thành là “ thành của Chúa, Si-ôn của Đấng Thánh của Israel (Ê-sai 60:1,14). Các tiên tri sẽ sống lại để công bố những điều vui mừng, ca ngợi vinh quang đang đến này của thành phố của Vị Vua Vĩ Đại.

Thế thì chúng ta có Giê-ru-sa-lem trong hai thời kỳ lịch sử của nó: Thứ nhất khi nó là thủ phủ của Vương Quốc Đức Chúa Trời được thiết lập trên căn bản của giao ước Si-nai với Israel, khi giao ước chỉ liên kết với núi Ả-rập của Si-nai; thứ hai- và điều này là điều ở tương lai- khi nó nằm dưới quyền cai trị của Chúa Jesus trong một vương quốc được tái lập với Con Đức Chúa Trời và các thánh đồ của Ngài nắm giữ, với chủ đề nói về giao ước của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham- giao ước của sự sống đời đời.

Hai con trai có liên quan đến hai bà mẹ và liên hệ với địa vị người mẹ của họ. Những đứa con của Giê-ru-sa-lem trong quá khứ nằm dưới giao ước –luật pháp, và giống như Ích-ma-ên là những nô lệ bị trói buộc “luật pháp dẫn đến sự trói buộc”, và người Do Thái bị luật pháp cầm buộc. Luật pháp của Đức Chúa Trời được ban qua Môi-se tuyên bố họ phạm tội, và khi làm như vậy bày tỏ sự trói buộc của tội lỗi. Tất cả cần một sự giải thoát, và luật pháp không cung cấp điều này. Nô lệ mãi luôn không có tước hiệu gì trong một gia đình, và người Do Thái phục vụ cho luật pháp (hay phớt lờ nó ngày nay nhưng vẫn bị tội lỗi cầm giữ) là “ bị loại đi”.

Đầu tiên Sa-ra nói về những lời chối bỏ. Khi Y-sác thôi bú (lúc này ông có thể lớn hơn tuổi thôi bú của một đứa trẻ ngày nay, và Ích-ma-ên có thể đã 17 tuổi), Sa-ra quan sát thấy con A-ga trên chộc Y-sác. Điều này làm bà cay đắng, và bà ra lệnh rằng

Ích-ma-ên phải bị đuổi đi. Áp-ra-ham ngần ngại làm theo điều này, nhưng ông được hướng dẫn rằng đó là ý chỉ của Đức Chúa Trời: “Đừng bực mình vì thằng bé này trước mắt bà và vì con của người đàn bà nô lệ; hãy nghe theo tất cả những lời bà Sa-ra nói với người, vì trong Y-sác sẽ là hạt giống của bà được kêu gọi”. Ích-ma-ên bị chối bỏ và Đức Chúa Trời công bố Y-sác là người thừa kế. Sự xác nhận thiên thượng về ước muốn của Sa-ran ban cho lời của bà có thẩm quyền Kinh Thánh, và Phao-lô trích những lời này với : “Đó là điều Kinh Thánh nói”.

Phao-lô nhìn thấy trong chuyện trêu chọc của Ích-ma-ên là một minh họa về sự chống đối không thể tránh khỏi của xác thịt với thánh linh. Chúng ta đã nhìn thấy sự khó chịu như vậy của người Do Thái trong việc bắt bớ Cơ Đốc Nhân. Thậm chí những hoạt động của những kẻ chống đối đang làm thay đổi những người Ga-la-ti cũng là sự thể hiện của Ích-ma-ên, linh nô lệ của luật pháp, và cho thấy những người Do Thái này cũng bị từ chối và không phải là người thừa kế.

Ngược lại ông hướng độc giả của mình đến với sự biết ơn về đặc quyền cao trọng của họ. “Giê-ru-sa-lem ở trên là tự do là mẹ của tất cả chúng ta”. Sự liên hệ với “ở trên” không cho thấy vị trí của thành phố trên trời mà họ là con cái. Đó không phải “Giê-ru-sa-lem thành bằng vàng” của tín lý sau này của Cơ Đốc Giáo khi tín lý về sự bất tử của linh hồn trở nên cần thiết, là một nơi dành cho những người bị loại. Giê-ru-sa-lem của thời kỳ sắp đến là thành phố trên trời với thể chế trên thiên đàng. Trong biểu tượng về ngày cuối cùng chính quyền của nó, thành với chính quyền của nó, được mô tả như một thành bốn mặt do Đức Chúa Trời dựng nên. “Chúa từ trời”, A-đam cuối cùng, là Vua của thành. Thành ở trên, mang tính thuộc linh cao hơn xác thịt, là bất tử cao hơn sự chết, là những dân sự chiếu sáng thiên thượng cao hơn những kẻ nổi loạn do xác thịt hướng dẫn và theo thói cũ.

“Mẹ của tất cả chúng ta” là một hình ảnh đẹp, có một sức hấp dẫn lớn đối với Phao-lô. Ông đã đề cập thật mạnh mẽ về Rufus và “mẹ của anh ấy và mẹ tôi” (Rô-ma 16:13). Khách bộ hành mệt mỏi tìm thấy sự an nghỉ và ngôi nhà với sự an ủi của mẹ trong nhà của Rufus. Vì thế, Đức Chúa Trời đã phán nhẹ nhàng qua tiên tri của Ngài: “Ta sẽ an ủi các con như người mẹ an ủi con mình, các con sẽ được an ủi tại Giê-ru-sa-lem” (Ê-sai 66:13). Và bối cảnh nói về “một dân tộc ra đời ngay lập tức”, hướng đến Si-ôn, một dân tộc mà thế gian đã tạo nên xuất hiện trong một ngày, qua sự sống lại (câu 7,8). Một Thi Thiên công bố rằng: “Chúa yêu công Si-ôn hơn tất cả những nơi cư ngụ của Gia-cốp. Những điều vinh quang sẽ được nói về người, thành của Đức Chúa Trời (87:2,3); Và những người lạ từ các quốc gia Dân Ngoại kiêu ngạo, học biết về ý định của Đức Chúa Trời rằng Ngài “đã nói” về thành, được đại diện nhận vào làm công dân của Si-ôn. “Người này sinh ra ở đó, nói về núi Si-ôn, Này, người đó đã sinh ra trong thành, chính Ngài ở nơi cao sẽ thiết lập nên thành này. Chúa sẽ phán xét khi Ngài nâng những người mà người này sinh ra ở đó”. Vì thế Si-ôn là mẹ của họ, và Bản Bảy Mươi, với điều Phao-lô nói thì rất quen thuộc: “Mọi người sẽ gọi Si-ôn, Mẹ! vâng, mọi người được sinh ra ở đây”. Bởi sự giới hạn đã tìm thấy sự bắt buộc của nó trong sự sinh thiên thượng bởi Lời Đức Chúa Trời, những người của đức tin được đưa đến Giê-ru-sa-lem như “thành mẹ của họ”; và Phao-lô thuyết phục người Ga-la-ti đến với điều này khi ông kết thúc câu chuyện với những lời sau: “Vì thế, hỡi anh em, chúng ta không phải là con cái của người nữ nô lệ, nhưng là của người nữ tự do”.

Thật thú vị khi biết rằng trong Thư Tín Hê-bo-rơ, một sự thỉnh cầu dựa trên sự liên hệ với Si-nai và Si-ôn. Việc giải quyết chủ đề thì khác nhau, vì người đọc hoàn toàn không giống nhau. Nhưng tin như chúng tôi rằng Phao-lô là tác giả của Thư Tín

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

Ga-la-ti và cả Thư Tín Hê-bơ-rơ, chúng ta có thể quan sát thấy sự tương đồng trình bày trong cách thức mà sử dụng cùng hoàn cảnh cho sự khuyến khích mạnh mẽ này. Sự khác biệt cần thiết là ở điểm khởi đầu- Ga-la-ti bắt đầu với những công việc bên trong Áp-ra-ham và thể hiện câu chuyện tương đồng của hai núi và hai bà mẹ. Trong Thư Hê-bơ-rơ, sự sợ hãi của núi Si-nai như một nơi mà luật pháp được ban cho dưới những điều kiện không thể chịu đựng nổi với sự hiện diện này, ngược với sự vui mừng được chia sẻ bởi các thiên sứ và những người tập hợp trong cộng đồng vui mừng tại Si-ôn được xưng công chính trong Đấng Christ, qua vị trí Đấng Trung Bảo của Ngài trong giao ước mới

PHẦN 4**ĐỨC TIN VÀ SỰ SỐNG****ĐỨNG VỮNG TRONG SỰ TỰ DO CỦA PHÚC ÂM
(5:1-12)**

Mặc dù bị cản trở một chút do sự phân chia chương, câu đầu của chương này rõ ràng là một sự liên kết giữa điều được xây dựng trong chương 3 và 4, và những điều sau đó. Trong khi một số người coi câu này như là kết thúc chương 4, nó thật sự tập hợp lại và sau đó đưa đến kết luận. Phao-lô nói: “vì tự do mà Chúa Cứu Thế đã giải thoát chúng ta. Vậy anh chị em hãy đứng vững, đừng mang ách nô lệ một lần nữa”. Tự thân sự khuyến khích trong từ “đứng vững”- đó cũng là sự bắt đầu của sự tư vấn thực tế dựa trên tín lý đã được xây dựng. “Đấng Christ đã giải thoát” là một lời tuyên bố không nên giới hạn theo nghĩa hẹp. Sự tự do có thể nhận được trong Đấng Christ là một kinh nghiệm đạo đức cũng như là một tiến trình ban sự tự do ra khỏi những điều luật. Thế giới La-mã bị trói buộc trong sự vô luân và tình dục; thế giới Do Thái thì tốt hơn, nhưng sự giảng dạy Cơ Đốc, tin tưởng chân thành và hết lòng, được tìm thấy là một quyền năng phóng thích. Đứng là cũng có sự tự do từ việc phục vụ theo Luật Môi-se, nhưng đây không phải là sự giải thoát. Hơn nữa, có thể có một sự phóng thích từ nhà tù nơi tội lỗi cầm giữ người ta một cách mạnh mẽ từ chính sự chết. Điều này thật sự là một sự tự do, như là thuộc về con của người nữ tự do (4:23,26,31), con của lời hứa (4:23), con của Đức Chúa Trời (4:29).

Sự tự do, nếu được sử dụng một cách đúng đắn là một gia sản quý giá. Đức Chúa Trời đã ban cho con người sự tự do để thể hiện ý chỉ của Ngài, nhưng cũng ban luật pháp cho họ để vâng lời. Con người trong xã hội nhận thấy cần thiết phải ra những bộ luật

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

để sắp xếp cuộc sống cộng đồng theo một trật tự; nhưng nhiệm vụ cố gắng nguồn lực của họ để đến sự trọn vẹn và cho thấy rằng xây dựng một cuộc sống xã hội theo một trật tự thì vượt trên năng lực của họ. Đối với nhiều điều nói về tự do; và từ quy luật đồng nghĩa với từ chính quyền lâm thời. Mặc khác, ảnh hưởng thối nát của quyền lực nào đó trên dân chúng được nhìn thấy là một tình trạng mất trật tự của nhiều quốc gia khi mà một hình thức chính quyền chuyên chế được thiết lập. Tự do khỏi bất cứ điều gì ngoài việc lấy đi sự khó khăn không bao giờ chấm dứt từ hàng triệu người nam và người nữ. Thậm chí trong nhiều quốc gia tốt hơn, cuộc sống đang dần siết chặt bởi những luật lệ như nước Mỹ và không phải cá nhân nào cũng tự hào về nơi này. Sự chú ý nhiều hơn khiến con người phải trả giá cho chính sự tự do chính nó cũng khiến họ không thể đạt được trong nhiều khía cạnh của cuộc sống cũng như những chiếc vôi bạch tuộc tóm lấy người ta trong vòng kèm kẹp của nó.

Sự tự do tôn giáo đã chịu đựng nhiều điều nữa trong nhiều nơi trên thế giới- không phải lần đầu tiên. Sự trói buộc ở lĩnh vực này trong cuộc sống thường đến từ những người tận tụy cho tôn giáo, những người áp đặt những luật lệ và muốn nắm giữ linh hồn của người khác. Đôi khi con người có thể bị trói buộc về thân thể nhưng có sự tự do của linh hồn; nhưng không có sự trói buộc thì tệ hơn những điều mà kèm hãm suy nghĩ và cách thờ phượng.

Có một điểm trong tuyên bố của người Giu-đa rằng Luật pháp là do Đức Chúa Trời ban cho. Đúng là vậy; nhưng nó cũng được Đức Chúa Trời quăng ra xa con người- chỉ có Ngài mới có thể làm được điều đó. Nó đã được quăng xa như một quy luật của cuộc sống vì con người bởi hành động vâng lời của Đấng Christ trong việc nhận lấy sự chết, như bức màn trong Đền Thờ cho thấy. Giá của sự tự do được sắp xếp một cách thiên thượng như vậy. Với sự hy sinh của Đấng Christ, hiểu đúng mỗi quan hệ của

điều này với luật pháp, không thể có câu hỏi nào về trách nhiệm của việc duy trì sự tự do. Nếu như cái chết của Đấng Christ có thể giải thoát thì con người không nên tìm kiếm trở lại với luật pháp, và những người được giải thoát rồi nên tránh bất kỳ sự trói buộc nào nữa từ cái ách đã trói buộc chính nó.

Chúng ta đã nhận biết về sự giống nhau đáng kể của quy tắc của con người và quy tắc của Đức Chúa Trời bị áp dụng sai. Vì thế những người Ga-la-ti được nói là gánh lấy ách **một lần nữa** nếu họ đầu phục sự tự do của họ theo người Giu-đa.

“Hãy đứng vững”- con người bao giờ cũng tìm cách để áp những điều sai lầm trên lễ thật, tình trạng nô lệ cho địa vị làm con, quy luật trói buộc cho nguyên tắc hành động tự chủ. Vì thế, dù được viết cho một nhóm tín đồ vùng Tiểu Á được thuyết phục bởi một hình thức tín lý thuộc về hình thức bên ngoài đến một cuộc tranh luận lâu dài trong quá khứ, nguyên tắc giữ những điều nhân lành thậm chí con người sẽ nhận được sự tự do trong vinh quang của con cái Đức Chúa Trời (Rô-ma 8:21). Có một sự nhấn mạnh trong lời giới thiệu của chính ông trong câu 2: “hãy xem xét, tôi Phao-lô nói”. Tại sao như thế này? Câu trả lời được tìm thấy trong sự thay đổi lời dạy của ông bởi những người chống đối ông. Họ nói “ông ta cắt bì trong trường hợp của Ti-mô-thê, không cắt bì cho Tít; vì thế rao giảng về sự cắt bì khi điều này thích hợp với ông. Ông ném trả lại: “tôi, người chịu trách nhiệm về việc rao giảng về quy tắc cho anh em biết rằng nếu anh em chịu cắt bì, thì Đấng Christ không có ích lợi gì cho anh em”. Những người vâng giữ ngày, tháng, năm, đã bị Phao-lô chỉ ra những sai lầm; nhưng vẫn chưa được xem là quan trọng hơn việc chấp nhận cắt bì. Quy tắc này là chống lại với con đường cứu rỗi trong Đấng Christ. Thật là xác thịt ngụ ý một chân lý trong xác thịt và trình bày một lễ thật trong nghi thức và việc làm loại bỏ đức tin. Nhưng đức tin là cách thức của Đức Chúa Trời- cách thức duy nhất- và đức tin

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

cũng đặc biệt như là cắt bì. Không có con đường trung gian, nơi con người có thể nhận sự công chính bởi đức tin và cùng lúc đạt được điều này bởi việc làm của chính họ. Thế thì nếu họ trở lại với việc cắt bì, Đấng Christ và công tác của Ngài không có lợi gì cho họ; bởi chính hành động của họ, họ đã loại Đấng Christ ra khỏi đời sống của họ. Việc vâng giữ lề luật là thú nhận rằng đức tin của họ không đầy đủ, và vì đức tin là hướng đến Đấng Christ và công tác của Ngài nên điều đó cũng đủ phủ nhận đường lối của Đấng Christ trên thực tế. Không điều gì tồn tại ngoài sự chấp nhận đầy đủ sự tuân thủ luật pháp cũ kỹ, trói buộc và vô ích.

Lời tuyên bố trong câu 2 được mở rộng và nhấn mạnh trong câu 3 và 4 trong một tuyên bố hai phía. Trước hết là việc bắt buộc phải giữ phép cắt bì thì không là gì hết ngoài việc tuân giữ hoàn toàn toàn bộ luật pháp: con người là người mắc nợ với luật pháp, không thể tránh được những hình phạt của nó. Thứ hai, đó là một sự phủ nhận Đấng Christ: một hành động mà loại họ khỏi Đấng Christ. “Anh em bị đoạn tuyệt với Đấng Christ” (bản RV)- một từ ngữ mạnh mẽ thật khó dịch “mất ân sủng” là một từ diễn dịch, cho thấy một tình trạng mất đi quyền năng sự sống. Rõ ràng là như vậy: tìm kiếm sự công chính nhờ luật pháp, họ đang mất đi ân điển, họ bị “đuổi đi” như A-ga, như Phao-lô đã đề nghị như vậy khi lập lại từ của câu 4:30. Họ đã dính đến một con đường xung công chính bất khả thi và vì đó không thể nhận được nguồn ban sự tha thứ và cứu chuộc thật sự. Luật pháp hay ân điển; cắt bì hay Đấng Christ; đó là những điều rất đặc biệt, độc đáo và không có những điều bổ sung. Chọn điều này là mất điều kia.

Cắt bì là bên ngoài: Đó là chuyện của xác thịt. Sự sống bên trong của người đó vì thế không bị ảnh hưởng. Xung công chính bởi đức tin có một cơ sở vận hành trong tâm trí, thay đổi và biến đổi. Cuối cuộc sống bắt đầu trong việc loại bỏ xác thịt là cắt đi sự sống của chính nó. Nhưng kết thúc của đức tin là sự công chính.

Những điều này được tuyên bố trong câu 5: “Về phần chúng ta nhờ Thánh Linh bởi đức tin chúng ta chúng ta mong đợi sự công chính”. “Nhờ Thánh linh” thì không thể bị dẫn đi sai. Không có một mào từ xác định, và như trong nhiều trường hợp khác trong tài liệu của Phao-lô, trong Rô-ma 7 và 8, Thánh Linh chỉ về những điều bên trong, con người mới, con người bên trong, luật pháp của tâm trí. Bởi Thánh Linh hay trong Thánh Linh, với tâm trí được khai sáng và tâm lòng hướng về chân lý cứu rỗi của Đức Chúa Trời, họ chờ đợi sự công chính sẽ đến với họ qua đức tin. Ở đây Phao-lô nói về một mục đích chính trong quan điểm này. Sự công chính là mào triều thiên nhận được dành cho những người công chính (II Tim 4:8). Trong một ý nghĩa “sự công chính” giờ đây là vật sở hữu dành cho những tín đồ: Vì Đấng Christ “ban cho chúng ta sự khôn ngoan, và sự công chính, sự nên thánh và sự cứu chuộc” (I Cô 1:30). “Dân Ngoại không theo sự công chính, đã nhận được sự công chính, thậm chí là sự công chính qua đức tin” (Rô-ma 9:30). Sự công chính này được ban cho họ qua Đức Chúa Trời; và phát xuất từ “đức tin” trên những con người thể hiện đức tin của mình, đến để tìm kiếm Đức Chúa Trời và sự công chính của Ngài. Có một điều theo sau sự công chính: Một sự đói khát điều đó, làm nên phẩm chất của những người thể hiện điều này để nhận lãnh một bản tính mà sự công chính thể hiện tình trạng đó.

Phao-lô tiếp tục trong sự giải thích của ông, và kết luận bằng cách nói “Vì đối với Chúa Jesus Christ chịu phép cắt bì hay không cắt bì cũng chẳng lợi ích gì , chỉ đức tin hành động trong tình yêu thương mới có ích lợi”. Áp-ra-ham chấp nhận việc cắt bì; trước đó Phao-lô cũng nhận: Nhưng trong cả hai trường hợp sự cắt bì không thể hiện gì về đức tin. Cắt đi một phần thân thể không tác động cuộc sống. và những người “trong Đấng Christ” biết điều đó: bởi kinh nghiệm họ biết về quyền năng của đức tin để phát triển tình yêu và thể hiện chính nó trong tình yêu thương, cả với

Đức Chúa Trời và với con người.

Giờ đây chúng ta có thể quan sát một sự điều chỉnh đúng đắn đến một sự nhấn mạnh sai lầm hiện nay. Ngày nay đức tin giảm đi và tình yêu thì được ca ngợi. Con đường thiên thượng tạo nên đức tin một nền tảng- đức tin mà không phải bị động mà bày tỏ chính nó trong tình yêu. Tình yêu là một công cụ và cùng lúc chấm dứt đức tin : “Mục đích của việc răn bảo là tình yêu thương đến từ tấm lòng trong sạch, lương tâm trong sáng và đức tin chân thành.” (I Tim 1:5).

“Anh em đang chạy giời”- đó là tiếng nói của một người thầy quan sát sự tiến bộ của họ và vui mừng với điều đó, nhưng người giờ đây gặp rắc rối với họ và đang tìm cách giành họ ra khỏi con đường cũ. Ông thúc dục họ đến với điều này, nhưng ai đó đã đặt chướng ngại vật trên lối đi của họ và giới hạn họ- và điều này có thể vì Phao-lô hỏi, “Đó là ai?” rằng Phao-lô đang nghĩ về một giáo sư hàng đầu, có lẽ là chỉ một giáo sư đã tạo nên ảnh hưởng đưa họ đi lạc đường- người được mô tả là “kẻ đã gây rối trên anh em”. Phao-lô hỏi họ kẻ đó là ai để đánh giá giá trị, tín lý, mục đích và những công việc của người đó. Phao-lô nói về những ảnh hưởng của người đó như một sự kềm hãm anh em đến “với sự vâng giữ lẽ thật”. Việc thiếu mạo từ đã loại bỏ sự nhấn mạnh trên vấn đề rằng họ đang chối bỏ lẽ thật- một mớ tín lý được xem xét một cách bề ngoài đó không phải là “lẽ thật”, nhưng nó lại ngược với một lẽ thật được bày tỏ ra. Điều này gián tiếp chỉ ra rằng đó là hình bóng mà họ đang chối bỏ. Vì Đức Chúa Trời đã xây dựng lẽ thật trên Chúa Jesus (Ê-phê-sô 4:21), việc họ trở lại với luật pháp không thể là Đức Chúa Trời kêu gọi đến với phúc âm và vì thế những giáo sư giả không phải do Chúa sai đến.

Nếu sự giảng dạy là giả dối thì sẽ không có giá trị gì: vì sự giảng dạy giả dối giống như men, dần dần lan ra tất cả bởi ảnh

hưởng bên ngoài tác động vào. Phao-lô sử dụng điều có vẻ như là một câu châm ngôn: “một chút men làm cả đồng bột nổi lên”- và hình ảnh này là một lời cảnh báo chống lại việc tạo ra sự khởi đầu của tội lỗi. Tín lý được sử dụng ở đây, châm ngôn này cũng xuất hiện trở lại trong I Cô 5:6 nơi nó được sử dụng cho nhiều tội lỗi. Trong cả hai trường hợp một lời cảnh báo mạnh mẽ đã được công bố và sự hủy hoại của tội lỗi đáng đáng trong đó.

Phao-lô mong muốn lời dạy dỗ của ông sẽ ảnh hưởng trên họ. Ông không muốn bỏ họ “Trong Chúa, tôi tin chắc rằng anh em sẽ không suy nghĩ khác với tôi: nhưng kẻ quấy rối anh em, bất kể là ai, sẽ phải bị hình phạt.” (câu 10). Sự liên hệ đến sự phán xét là một tư tưởng nghiêm túc mà tất cả các giáo sư nên ghi nhớ trong đầu. Như Gia-cơ nói “đừng như nhiều giáo sư đó” “biết rằng chúng ta sẽ nhận lấy sự đoán xét lớn hơn”. Những người giảng dạy chính họ sẽ tạo ra nhiều người giống họ, tốt hay xấu trong các môn đồ, và một người giúp đỡ trong việc hình thành nên tâm trí của người khác phải chịu trách nhiệm cho công việc của mình. Giờ đây chúng ta đã nhìn thấy sự phán xét được định ra, nhưng không nghi ngờ gì nữa trong một ngày tương lai mà cả Phao-lô và Gia-cơ đề cập. Với suy nghĩ về trách nhiệm của người thầy trong đầu, Phao-lô thêm vào: “Thưa anh em, về phần tôi, nếu tôi còn rao giảng việc cắt bì thì tại sao tôi vẫn bị bắt bớ? nếu đúng như thế, thập tự giá đâu còn là chướng ngại nữa”. Nếu như người Giu-đa đã tuyên bố, Phao-lô đã rao giảng và nói về việc cắt bì thì tại sao họ bắt bớ ông? Sự căm ghét của họ đối với Phao-lô cho thấy sự khác biệt giữa họ trong tín lý căn bản. Vì thế sự buộc tội là sai lầm, và chứng cứ của lời tuyên bố đó là sai lầm, kết luận về sự chướng ngại của thập tự giá đã chấm dứt là đáng chê trách. Phao-lô biết điều đó vẫn còn với lý do đầy đủ và thậm chí còn rất hợp lý nữa. Ngài đã hiểu thái độ của kẻ thù của ông, vì ông đã từng nghĩ như họ. Nhưng bằng chứng không thể chống

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

lại được với điều mà ông đã nhận lãnh được bày tỏ trong trường hợp những người chối Chúa đã có tấm lòng buồn bình như thế nào. “Chượng ngại của thập tự giá’ không phải là điều mà Đấng Christ đã chết vì nó; hay sự chết của Ngài Đấng Christ thể hiện sự phục cho tội lỗi định sẵn cho người khác; “chượng ngại” ở trong vấn đề là Đức Chúa Trời đã công bố rằng bởi sự chết đó, sự công chính của chính Ngài mới được công bố và con người nhận lãnh sự công chính của Ngài bởi việc xưng công chính đến từ việc Đấng Christ chịu đóng đinh.

Bản R.V trong câu 12 “ước gì những kẻ gây rối cho anh em tự cắt mình đi”- là một cách dịch được sự đồng ý của nhiều ý kiến không nêu tên của những nhà giải kinh Hy-lạp. Phao-lô nói, tại sao họ không vì họ có đức tin vào con dao như vậy, thực hiện việc cắt bỏ hoàn toàn điều mà rất phổ biến giữa cộng đồng những người nhiệt thành với vấn đề này tại Cylebe? Trong thời hiện đại, cách diễn dịch này đã bị người ta phủ nhận do vấn đề cứng nhắc, nhưng nếu chúng ta nhớ rằng khi quay về với quan điểm của người Giu-đa thì người Ga-la-ti hoàn toàn trở lại với nguyên tắc của nghi thức thờ phượng tự nhiên của thời thờ thần tượng của họ, và cũng nhớ đến sự tác động bị lên án trong những lời trước đó, thế thì lời nói của Phao-lô trên thực tế có nghĩa là nếu người Giu-đa đang dẫn họ trở lại, thì hãy để người đó đi cho hết cách thức đó trong việc tự cắt mình trong hình ảnh về sự loại bỏ cái tôi trong ý nghĩa trọn vẹn.

Cuối cùng chúng ta có thể chú ý thấy rằng Phao-lô sử dụng từ ngữ thật mạnh mẽ để mô tả những kẻ chống đối này. Họ là những kẻ hạn chế khả năng người khác (câu 7); giờ đây họ là những kẻ gây rối- từ được Phao-lô sử dụng khi ở tại Tê-sa-lô-ni-ca: “khiến cho thế giới đảo lộn”. Hành động chống đối đi ngược lại lẽ thật như vậy và một chính thể có trật tự: và điều đó mô tả vị trí của bất kỳ con người nào của tín lý giá đối.

SỰ TỰ DO KHÔNG PHẢI LÀ SỰ ÉP BUỘC (5:13-15)

Con người luôn luôn có xu hướng thiên về những điều thái quá, chống lại một tuyên bố thái quá bằng một sự chống đối; và một số giống như là một sự thay đổi từ một quan điểm không được ủng hộ này sang một quan điểm không được ủng hộ khác tương tự. Sai lầm thường phát sinh từ một sự nhấn mạnh của một khía cạnh của tín lý trong khi một khía cạnh khác thì không nhận ra. Lẽ thật là điều có thể hiểu rõ được, với những đặc điểm của tín lý thể hiện ở những phần cân bằng. Cả trong tín lý và trong việc thực hành, vì thế tín lý được hiểu không rõ ràng khi mỗi đặc điểm của tín lý được gán cho những chỗ cụ thể và nhấn mạnh. Ví dụ, Chúa Jesus vừa là Con Đức Chúa Trời, vừa là con của con người. Hơn nữa, sự tự do chứ không phải sự trói buộc, cũng không là sự cầm giữ kèm chế. Sự tự do thật được bày tỏ trong một đời sống tự vận hành được hướng dẫn bởi sự nên thánh của lẽ thật.

Mâu thuẫn với tư tưởng thống trị trong thế kỷ thứ nhất, khi những ý tưởng ở trong tình trạng thay đổi, một số cuộc tranh luận có giá trị trước đó đã chứng minh sự loại bỏ tất cả những hành động vô đạo đức. Những đặc điểm của tình trạng thay đổi này có thể được tìm thấy trong các thư tín. Trong ân điển của Chúa Jesus Christ được bày tỏ cho sự tha thứ tội lỗi. Tội lỗi của chính A-đam liên quan đến tất cả con người trong tương lai do hậu quả của chính hành động của ông: Nhưng ân điển của Đức Chúa Trời ban nhiều hơn cho bất kỳ chương ngại được tha thứ vì sự vâng lời của Đấng Christ. Đây là lời dạy của sứ đồ; sau đó đến với tư tưởng về sự ham muốn xác thịt: Nếu chúng ta nhân lên những chương ngại thì ân điển của Đức Chúa Trời sẽ có cơ hội ban ra thêm nhiều hơn nữa! Khi Phao-lô hỏi trong Rô-ma 6:1 “Vậy chúng ta sẽ nói làm sao? Chúng ta cứ tiếp tục sống trong tội lỗi để ân điển được dư dật sao?” Ông không hề đưa ra một quan điểm học thuật xa vời, nhưng đang đương đầu với một quan điểm thực tế do những

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

giáo sư đưa ra những sự sai lầm như vậy. Từ lâu những con người thuộc linh kém này đã đi vào điều mà Giu-đê nói khi họ “quay khỏi ân điển của Đức Chúa Trời để vào sự ưa muốn của xác thịt”. Một khía cạnh khác của sai lầm tương tự như vậy nằm trong quan điểm cho rằng xác thịt là tội lỗi tự nhiên và vì thế bất kỳ hành động xác thịt nào cũng không thể tác động đến con người thuộc linh, và dù anh ta làm bậy thế nào thì anh ta cũng được thoát khỏi tội lỗi. Như Giăng nói, bất cứ ai tranh luận như vậy thì tự lừa dối chính họ. Một số người tại Cô-rinh-tô đã nhanh chóng dùng sai lời tuyên bố của Phao-lô rằng “tất cả mọi điều là được cho phép làm” và đưa ra những lời so sánh mà có thể chấm dứt sự xung công chính của một đời sống vô đạo đức (I Cô 6:12-18).

Phao-lô sử dụng từ tự do thường xuyên hơn trong thư Ga-la-ti hơn bất kỳ thư tín nào khác. Ông đã kêu gọi người Ga-la-ti đến với sự đứng vững trong tự do rằng họ thuộc về con cháu Đức Chúa Trời. Những kẻ chống đối Phao-lô thì buộc tội sự giảng dạy của ông là khiến người ta trên thực tế là ra khỏi luật pháp. Điều này là sai lầm, nhưng nó thể hiện một sự nguy hiểm thật sự rằng lời dạy dỗ của ông có thể dẫn đến sự thay đổi xấu.

Ngoài những triết lý, tốt hay xấu, sự tự do có thể có những nguy hiểm của nó. Sự tự do thành linh nói về những người không được huấn luyện kỹ về vấn đề này lại sử dụng nó có thể mang đến thảm họa. Tự do có những trách nhiệm của nó và sự cám dỗ của nó; nó không dành cho con trẻ, những người chưa học biết bài học tự chủ do vấn đề kỷ luật mang đến, cũng không dành cho những người trưởng thành mà bị bệnh tâm thần không có khả năng sử dụng nó một cách đúng đắn. Trên một phương diện người Ga-la-ti được cho biết về những đặc quyền của họ trong Đấng Christ: Họ là người thừa hưởng những lời hứa, những đứa con nuôi của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã kêu gọi họ và họ đã học biết rằng “Chúa biết họ thuộc về Ngài”: vì thế họ có

thể gọi Ngài là “A-ba, Cha” (4:9,6). Họ cũng học biết rằng “mọi người gọi Danh của Đức Chúa Jesus” phải “tránh xa sự vi phạm” (II Tim 2:19). Thế thì với hai điều được nhận ra này, như Phao-lô đã nói đầu đó: “lập nền chắc chắn trong Chúa Jesus”.

Hai khía cạnh của vấn đề này gặp nhau qua Phao-lô trong II Ti-mô-thê đoạn 2, được minh họa trong chương về sự nổi loạn của Cô-rê và những người đi theo ông. Họ yêu cầu sự tự do trong việc nắm lấy vị trí của Môi-se và A-rôn, họ đã gánh lấy hậu quả quá nhiều cho chính họ. Cả dân tộc đã được giải cứu khỏi sự cầm buộc, nhưng điều đó không khiến họ tự do tìm kiếm mọi điều trên điều linh hồn họ được Đức Chúa Trời định sẵn. Đức Chúa Trời đã giải cứu họ để họ có thể phục vụ Ngài, và phục vụ Ngài theo cách mà Ngài định ra. Môi-se đau buồn trước điều này, công bố rằng Đức Chúa Trời sẽ cho thấy vào ngày hôm sau rằng “ai là người thuộc về Ngài”, và điều này đã được thực hiện trong một cách thức thiên thượng là chôn vùi những kẻ nổi loạn vào lòng đất. Nhưng trước sự phán xét này, đã có một lời kêu gọi “*hãy tránh xa trại của những kẻ tội lỗi*”, và những người làm điều này đã được an toàn. Thế thì ở đây trong Dân Số Ký 16:5 và 26 là nền tảng của lời nói hai phía đã định ra và sự ban phước thiên thượng và trách nhiệm của con người trong lời của Phao-lô dành cho Ti-mô-thê.

Cô-rê và bè đảng của ông vẫn còn là nô lệ và vì thế không phù hợp cho sự tự do thật “người nào phạm tội là nô lệ của tội lỗi”, Chúa Jesus đã phán như vậy. Và sự tội lỗi của linh hồn không bao giờ tìm thấy sự thể hiện ở hành động bên ngoài là nô lệ, là hiển hiện cho tất cả. Tội lỗi lừa dối cũng như cầm tù: và khi sự nhiệt tình đầu tiên cho cuộc sống trong Đấng Christ đã trôi qua chính nó và đời sống cũ bắt đầu tự nó tuyên bố lại, đó là một điều có vẻ như là hấp dẫn rằng có sự tha thứ, lúc đó tội lỗi thâm nhập vào đời sống chúng ta. Vì thế Phao-lô không hề chỉ dẫn độc giả của mình tự do làm điều mình ham thích: “đừng sử dụng sự tự do

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

cho trường hợp xác thật”, và chúng ta nên nhớ “xác thật” đại diện cho toàn bộ con người tự nhiên, toàn bộ việc làm đưa ra trong câu 19-21 bàn về những hành động của con người. Nhưng lời khuyên tiêu cực thì chỉ kém hơn nửa lời khuyên cần thiết, và đó là cách của Phao-lô khi đưa ra lời tích cực quan trọng hơn bằng cách khắc phục những sai lầm hay hủy phá. Vì thế ông thêm vô “nhưng bởi tình yêu thương mà phục vụ người khác”.

Trong nghịch lý về sự nô lệ cho tình yêu thương, họ sẽ tìm thấy sự tự do thật. Những điều thuộc về luật pháp thuộc về những điều của tri thức; và những người làm luật là đại diện cho luật pháp của việc làm và bởi điều này xác thật không thể được xưng công chính. Thật vậy, như chúng ta đã tìm thấy (hãy xem 3:10,11), đường lối của họ sẽ khuyến khích sự kiêu ngạo và dẫn đến tội lỗi. Những người theo luật pháp nếu nhiệt thành sẽ trở thành những người Pha-ri-si, nếu không nhiệt thành thì thành những kẻ giả hình; và trong cả hai trường hợp đều không được Đức Chúa Trời chấp nhận hay ban phước cho họ. Nhưng tình yêu giới thiệu một yếu tố khác trên một mức độ khác. Tình yêu trong Kinh Thánh không chỉ là cảm xúc như nhiều người có thể nghĩ, vì tình yêu đó đụng đến tâm lòng và những cảm xúc. Tình yêu trong Kinh Thánh không phải là một cảm giác, nhưng là điều do ý chỉ tác động lên, tác động vào tâm lòng theo một định hướng được yêu cầu. Tình yêu bao gồm sự trung thành và là dấu hiệu trong mỗi quan hệ cá nhân. Quan điểm của người Pha-ri-si không được chấp nhận bởi Luật của Chúa Jesus khi Ngài nói rằng toàn bộ luật pháp bao gồm hai mạng lệnh- tình yêu Đức Chúa Trời hết linh hồn, hết lòng và hết sức, và yêu người lân cận như chính mình. Luật pháp được gìn giữ như Đức Chúa Trời muốn nó được vâng giữ như là một thái độ đối với chính Ngài và đối với con người thúc đẩy tất cả những nỗ lực của họ để giữ lấy những mạng lệnh này. Những điều này thể hiện những kênh tuôn chảy tình yêu đó.

Khi cho rằng một người có thể phạm tội mà ân điển có thể phủ lấp là một sự từ chối mối quan hệ cá nhân cao do ân điển thiết lập. Hiệp thông với Đấng Christ, Đấng đã chết và sống lại là bước vào một sự hiệp thông trở nên một với Ngài và không được phạm tội. Và ân điển thể hiện trong Ngài không phải là một sự bào chữa cho tội lỗi mà là một lý do để tội lỗi được loại trừ.

“Bằng tình yêu, hãy làm nô lệ cho người khác”- hãy làm như vậy, mong muốn ở dưới luật pháp của Đấng Christ được thỏa mãn trọn vẹn; vì luật pháp “được làm trọn trong một điều, thậm chí trong điều này: anh em hãy yêu người lân cận anh em như chính mình” (câu 14). Mạng lệnh này được tìm thấy trong Lê-vi-ký 19 trong “những luật pháp rất nghiêm ngặt”, bao gồm những nghĩa vụ, và trong một bối cảnh, lý do tại sao họ không nên để sự thù hận trong lòng hay giận dữ, sự trả thù bởi vì con người nên yêu người lân cận như chính mình. Mạng lệnh dễ hiểu quan trọng như vậy được biệt riêng ra giữa nhiều chi tiết bởi vì luật pháp của Đức Chúa Trời là một, và chi tiết là sự bày tỏ nguyên tắc. Không có sự thay đổi dần dần về trách nhiệm, một số điều quan trọng, những điều ít hiệu quả khác, vì bỏ qua bất kỳ điều gì là thất bại trong việc tình yêu đó.

Vì tình yêu mang lại hòa bình, vì thế người theo luật pháp dẫn đến sự tranh cạnh. Ảnh hưởng của những lời dạy dỗ giả dối tạo ra sự tranh cãi và hài lòng giả tạo, khiến đời sống biệt riêng giống như một khu rừng mà đầy thú dữ và phá hủy. Vì thế Phao-lô chỉ hài lòng khi đưa ra điều kiện và hậu quả của những người bị cầm giữ: “Nhưng nếu anh em cứ cắn nuốt nhau thì hãy coi chừng, kẻo anh em tiêu diệt lẫn nhau”. Sự tự tiêu diệt theo sau những tranh chấp trong nội bộ, sự cay đắng cần phải chấm dứt, sự tham lam cần kèm hãm lại. Sự tự do sai lầm là điều cần có sự kiểm soát như vậy! Sự lạm quyền của luật pháp mà họ mong muốn nắm giữ tạo ra một tình trạng lộn xộn của đời sống hoang dã. Phúc Âm về ân

điền của Đức Chúa Trời ban cho sự tự về sự tự chủ thánh.

THUỘC LINH VÀ XÁC THỊT (5:16-24)

Bằng cách nào con người có thể tránh được sự tiêu diệt lẫn nhau trong câu 15? Câu trả lời được đưa ra trong một cuộc khảo sát ngắn của những lực lượng những kẻ chống đối hành động trong Cơ Đốc Nhân, với sự hướng dẫn theo cách thức đảm bảo rằng thuộc linh sẽ chiến thắng. Những ảnh hưởng đối nghịch này được mô tả bởi những từ “thuộc linh” và “xác thịt”, nhưng việc sử dụng và sử dụng sai từ viết hoa trong từ trước, trong một chừng mực nào đó có thể dẫn đến việc hiểu sai ý nghĩa của Phao-lô. “Thuộc linh” là một từ quan trọng với nhiều ý nghĩa, và sự liên kết quan trọng có thể nhìn thấy, nhưng tất cả nhu cầu không theo ở đây. Chúa Jesus nói : “Đức Chúa Trời là linh”, quyền năng của Đức Chúa Trời được gọi là linh và quyền năng đó được bày tỏ đặc biệt được gọi là Thánh Linh. “Lời của Ta là linh và sự sống”, Chúa Jesus đã công bố điều này. Linh là không thể nhìn thấy được nhưng đầy quyền năng, và chỉ ra trong nhiều đoạn rằng đó là thật và mãi mãi đối lập với hình thức bề ngoài và sẽ qua đi. Bởi nghi thức cắt bì người Do Thái được tuyên bố là bề ngoài như vậy; nhưng cũng có một người Do Thái khác- con của Áp-ra-ham bởi đức tin- người mà cắt bì tấm lòng, và vì thế đó là người Do Thái bên trong tấm lòng. Dấu hiệu bên ngoài là biểu tượng cắt đi những ham muốn xác thịt, nhưng biểu tượng được sinh ra bởi nhiều người không cần nỗ lực diễn dịch biểu tượng thành hành động. Mặc khác, một Dân Ngoại làm trọn những ý nghĩa cần thiết của nghi thức, dù không có dấu hiệu bên ngoài, thì là một người Do Thái chân thật hơn người khác. Vì thế Phao-lô đưa ra lý do trong Rô-ma 2:25-29.

Trong đoạn Kinh Văn đã xem xét, chúng ta đã từng có một sự so sánh tương đồng với Thư Rô-ma, chương 7 và 8. Ở đó

Phao-lô nói về “tội lỗi làm việc trong tôi”; “trong tôi (đó là, trong xác thịt của tôi) không có điều gì tốt lành”; “một luật pháp-tội lỗi hiện diện trong tôi”; “luật trong các thành viên của tôi”, và một từ đồng nghĩa là “xác thịt”. Đối lập với những mô tả này của lực lượng chống đối ý chỉ của Đức Chúa Trời, chúng ta có một từ “tôi” không hài lòng, “ý chỉ” hiện diện, một “con người bề trong”, “tâm trí của tôi”- và với điều này, Phao-lô nói, “tôi, chính tôi phục vụ luật pháp Đức Chúa Trời”. Khi chúng ta đi qua chương tám, những từ đồng nghĩa được sử dụng là “xác thịt” và “thánh linh”- từ đi sau nắm lấy “tâm trí của tôi”.

“Xác thịt” mô tả cá nhân hành động bởi tác động ra từ xác thịt và có xu hướng ra xa khỏi Đức Chúa Trời, một sự bề cong ngược lại với ý chỉ của Đức Chúa Trời. Đó là di sản của tất cả con cái của A-đam. Nó ở bên ngoài quyền lực của xác thịt để đẩy chính nó lên mức cao hơn, và nhiều năng lực hướng đến những tiêu chuẩn thiên thượng vì thế phải bị mất đi. Nếu sự tự do của con người vẫn giữ không bị tác động bởi lực mới phải theo cách suy nghĩ mà qua đó con người được hướng dẫn và thúc dục hướng đến đời sống hài lòng ý chỉ của Đức Chúa Trời. Cách nghĩ như vậy chỉ có thể rút ra từ lời Đức Chúa Trời, và điều này nhận được trong đức tin và sự khiêm nhường thì có thể biến đổi thành một con người có tâm trí đổi mới. Trong tác phẩm *Elpis Israel*, Tiến sĩ Thomas đã tập hợp những lời của Đức Chúa Trời một số sự miêu tả về phương cách biến đổi này trong suy nghĩ phù hợp với sự mặc khải của Đức Chúa Trời. “Cách suy nghĩ mới này và cảm xúc nảy sinh trong một tín đồ thật bởi luật pháp thiên thượng và lời chứng, được chỉ ra khác nhau trong Kinh Thánh. Nó được mô tả là “một tấm lòng thanh sạch và một tâm linh đúng đắn”; “một tâm linh mới” và “một tấm lòng xác thịt”; “con người bề trong; “một tạo vật mới”; “một con người mới được tạo dựng trong sự công chính và sự thánh khiết thật sự” và “ một con người

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

đổi mới đến với sự hiểu biết sau hình ảnh của Người tạo ra người đó”; “một con người của tâm lòng kín nhiệm” và hơn nữa. Con người kín nhiệm mới này được bày tỏ trong cuộc sống, đạo đức như trở thành Phúc Âm. Ngài làm sáng tỏ trong luật pháp của Đức Chúa Trời, và thường nói những lời chứng của Ngài. Ngài, chính Ngài từ chối tất cả những điều không thánh khiết và ham muốn thế gian, và bước đi nghiêm túc, công chính và thánh khiết trong thế gian. Hy vọng của người mới này là bày tỏ vinh quang của Đức Chúa Jesus Christ, với mào triều thiên công chính, thậm chí vinh quang, danh dự, và bất tử, được hứa ban cho tất cả những người tìm kiếm Ngài, và “yêu sự hiện đến của Ngài”, khao khát nước thiên đàng của Ngài.

Thêm vào từ “thánh linh” như là một phần quan trọng nhất trong tất cả những điều “mang đến” trong những câu trích dẫn ở trên, và bạn đọc có cơ sở cho một sự diễn dịch chính xác về phần này của Thư Tín Ga-la-ti.

Phao-lô nói: “bước đi trong Thánh Linh” “và anh em sẽ không còn ham muốn những điều thuộc về xác thịt nữa”. Đây là phương pháp mà nhờ đó có thể tránh được những con đường của xác thịt. Vì một người không thể đi trên hai con đường ngược chiều nhau cùng một lúc, anh ta không có thể vừa đi theo thánh linh vừa đi theo xác thịt cùng một lúc. Ý tưởng về việc bước đi như hành động đi cùng con đường, mà Phao-lô dùng để làm rõ là một hình ảnh được lấy ra từ Cựu Ước, được minh họa bởi nhiều lời tuyên bố trong Thi Thiên và Châm Ngôn. “Thánh Linh” là môi trường, điều kiện của đời sống được mô tả như vậy, đó là một đời sống thuộc linh. Xác thịt thì cản trở nhiều nhất, không quá nhiều nỗ lực trực tiếp của mong muốn thỏa mãn nó, nhưng ở sự chú tâm vào và tạo ra sự đối kháng “Nhưng hãy mặc lấy Chúa là Đức Chúa Jesus Christ, đừng tìm cách làm thỏa mãn các dục vọng xác thịt.” (Rô-ma 13:14). Một điều không được cung cấp

cho việc làm mất đi sự đói khổ và lãng quên. Đây là một điều hoàn toàn đúng, nhưng là một lời tuyên bố chắc chắn như vậy có thể là việc quá đơn giản vấn đề. Thật vậy “xác thịt” và “thánh linh” đều hiện diện cùng với nhau trong con người thuộc Đức Chúa Trời; “thánh linh” cần được phát triển và không phải vốn có như vậy; xác thịt thì cần kèm giữ. Vì thế mâu thuẫn là không phải lúc nào phân thắng cũng thuộc về linh, và đôi khi dường như là một thất bại. Tuy nhiên Phao-lô tin rằng chiến thắng là ở linh nếu nguyên nhân của linh được quan tâm. Lời của ông trong câu 17 thật sự chứa đựng nhiều chi tiết chính xác về tư tưởng “không làm trọn những điều ham muốn của xác thịt” của câu 16; thật vậy thừa nhận rằng “kẻ thù” đang nắm giữ, nhưng tuyên bố rằng “linh” là người chiến thắng. Phao-lô nói: “vì xác thịt có những dục vọng khác với Thánh Linh, và Thánh Linh có những ước muốn trái ngược với xác thịt, hai bên đối nghịch với nhau như vậy” (câu 17). Cụm từ cuối cùng “anh em không làm được điều mình muốn”, đã được cho hai cách dịch khác nhau; trước hết xác thịt chế ngự và chúng ta không thể làm điều chúng ta muốn, nhưng thứ hai là vì thánh linh có quyền năng nên thành công, và chúng ta không đạt được điều gì mà xác thịt muốn chúng ta làm. Ý sau thì giữ giọng văn tin tưởng trong đoạn Kinh Văn, và cũng phù hợp với bối cảnh cả trước và sau: vì Phao-lô tiếp tục như thể linh là người chiến thắng “Nhưng nếu anh em được dẫn dắt bởi Đức Thánh Linh thì anh em sẽ không ở dưới luật pháp”.

Vấn đề đặt ra ngược lại là ở đây, nếu được dẫn dắt bởi thánh linh thì họ không còn ở dưới xác thịt: Nhưng trong khi Phao-lô muốn nói rằng, ông cũng nói như vậy bằng cách thay những từ này. Sự chống đối của xác thịt được luật pháp nhắc đến, như vị sứ đồ đã trình bày: quyền lực của xác thịt nằm trong luật pháp: và vì thế luật pháp không thể đem con người đến sự cứu rỗi. Vì thế được dẫn dắt bởi thánh linh không những chế ngự xác thịt mà

còn là sự chấp nhận con đường cứu rỗi của Đức Chúa Trời qua phúc âm ân điển và không phải của luật pháp. Khi theo thánh linh thì họ không tìm kiếm sự cứu rỗi bởi luật pháp: Và vì thế những người đi theo con đường sự sống chân thật thì không ở dưới luật pháp. Dưới sự hướng dẫn và tế trị của Thánh Linh, tất cả những ham muốn xác thịt sẽ không còn, và họ không còn đến dưới Luật pháp như một nguồn hướng dẫn hay của sự rửa sả.

Trong 19-21, Phao-lô đã bày tỏ tính chất của công việc xác thịt; trong câu 22 là “bông trái” Thánh Linh. Công việc là những hoạt động và vì thế chúng bị cấm bởi luật pháp và luật pháp chưa bày tỏ ra, việc sử dụng từ “công việc” ở đây có thể được đề nghị bởi “luật pháp” trong câu 18, như thể Phao-lô nói: “anh em tìm cách trở nên tốt đẹp nhờ công việc của luật pháp; đây là những công việc mà luật pháp cho thấy là sản sinh ra xác thịt”. “Bông trái” gặt hái được là nhờ sự chăm sóc và kiên nhẫn, bởi cách trồng trọt khôn ngoan; nó đến bởi sự tăng trưởng và đánh dấu sự trưởng thành.

Có rất nhiều tội lỗi trong đời sống con người thường kín dấu từ trong tư tưởng, công việc của xác thịt và của bóng tối trong mỗi ý nghĩa. Nhưng xác thịt thì hoạt động tương tự trong nhiều điều hơn là công cụ thuộc về xác thịt: trong sự gây gổ, tranh cạnh, phe đảng, say sưa là những điều phơi bày một cách công khai. Nhưng cũng có những ham muốn bên trong như thờ hình tượng, phù phép, ganh tị là những điều ra từ xác thịt. Không có độ tuổi nào có thể kiểm soát những điều vừa nêu ra, và cũng không có độ tuổi nào tránh được những tội lỗi vừa nêu.

Bông trái- vì đó là bông trái bao gồm “yêu thương, vui mừng, bình an, nhịn nhục, nhân từ, hiền lành, trung tín, khiêm nhu, tiết độ”. Không có luật nào chống lại những điều này. Luật pháp có quyền trên việc khoá động những điều xác thịt, không có

năng lực trong việc ngăn ngừa những điều sản sinh ra những điều mang tính thuộc linh. Trong khi luật pháp có mục đích kèm chế hoạt động bình thường của nó, những điều thuộc linh không hề đòi hỏi sự áp chế.

Rõ ràng là Phao-lô đang chỉ ra một số việc hiệu quả hơn là chỉ ra những sự thừa nhận về luật pháp. Con người giới hạn bởi luật pháp như cánh cửa sự sống bị đóng lại và vì thế cánh cửa sự sống bị thu hẹp lại thành nhà tù. Điều cần thiết là một động lực mới cho sự công chính. Chính Phao-lô cũng tìm thấy quyền năng này trong Chúa Jesus Christ: “tôi có thể làm được mọi sự nhờ Đấng ban thêm sức cho tôi”. Ông đã nhìn thấy xác thịt là điều gì; ông đã đến với sự nhận biết nó đã bị từ chối như thế nào trong hành động của Chúa Jesus trong việc đầu phục cho việc chịu đóng đinh. Ông đã nhận thấy nhu cầu của việc nhận diện chính mình rằng sự chết của Chúa Jesus để trong một ý nghĩa nó trở nên sự chết của chính ông: “tôi chịu đóng đinh cùng Đấng Christ”. Vì khi chia sẻ sự chết đó, Phao-lô cũng chia sẻ sự sống lại của Đấng Christ trong Đấng Christ, ông đã sống lại một đời sống mới (Rô-ma 6:5,6).

Một quyền năng tập trung mới được thiết lập bởi sự hiệp thông với Đấng Christ, và mặc dù những thói quen cũ chống cự với sức mạnh yếu kém, và dù có một sự thất bại liên tục để đạt được những tiêu chuẩn ham muốn, nhưng trọng tâm của thói quen cũ phá bỏ và dần dần khắc phục được. Sự tiếp nhận Đấng Christ như Đấng Cứu Rỗi thì cùng lúc là sự từ chối việc coi tội lỗi là chủ của mình. Đấng Christ được tiếp nhận như là Chúa với sự tận hiến cá nhân như vậy đã kích thích những động cơ và quyền năng cho sự thánh khiết nắm lấy vị trí trung tâm do những ham muốn xác thịt nắm giữ trước đây. Họ, những người thuộc về Đấng Christ “đã đóng đinh xác thịt cùng với những đam mê và dục vọng mình trên thập tự giá rồi” (câu 24).

QUAN TÂM ĐẾN NGƯỜI KHÁC (5:25-6:5)

Đời sống mới trong Đấng Christ ảnh hưởng đến con người một cách cá nhân và tương giao với nhau; vì không chỉ người đó trở nên gần gũi với Đấng Christ mà còn đối với những người trong Đấng Christ. Tâm linh mới hướng dẫn hành động của con người và điều khiển những mối quan hệ của người đó với những người khác. Tất cả những tín đồ gần gũi với nhau đến nỗi mà mỗi quan hệ của họ với Đấng Christ và với nhau được mô tả bởi những hình ảnh của cây nho và thân thể của con người. Đấng Christ là cây nho, họ là cành; Đấng Christ là đầu, họ là thành viên trong thân thể đó. Trong câu 16, Phao-lô đã nói về việc “bước đi trong thánh linh”, liên hệ việc bước đi cá nhân trong con đường sự sống. Trong câu 25, ông sử dụng một từ khác (nhưng được dịch bởi từ ngữ tiếng Anh) chỉ ra việc đi trong mối quan hệ với người khác “bước thành một hàng”; vì thế ý nghĩa của việc đi diễu hành, và có lẽ với đề nghị về sự kỷ luật có liên quan trong cách sử dụng của nó như một thuật ngữ sử dụng trong quân đội. “Nếu chúng ta sống trong Thánh Linh”, nếu đời sống mới ở trong con người chúng ta, thì “chúng ta hãy bước đi trong thánh linh”; hãy để những hoạt động hiệp nhất của chúng ta được thực hiện bởi những nguyên tắc như vậy.

Sự tương quan hài hòa chỉ ra trong câu 25 tự nhiên dẫn đến một sự dạy dỗ mà không tạo ra sự đối lập: “chớ tìm kiếm hư danh mà khiêu khích và ganh ghét nhau”. Phẩm chất của quân đội phụ thuộc rất nhiều vào tinh thần khiến họ những sĩ quan và quân lính đi đúng thứ tự. Có trách nhiệm trung thành, giúp đỡ lẫn nhau, và điều này được xem trong thái độ đối với người yếu đuối và bệnh tật. Mọi nỗ lực được thực hiện vì quyền lợi của chính họ để họ không bị rơi vào tay kẻ thù. Có lẽ tư tưởng giống như vậy liên kết với lời khuyên trong 6:1 liên quan đến người vô tình phạm tội: “Thưa anh em, nếu có người nào vô tình phạm tội, thì anh

em là người thuộc linh, hãy lấy tinh thần khiêm nhu mà sửa đổi họ. Anh em cũng hãy thận trọng, kẻo chính mình cũng bị cám dỗ” (Ga 6:1). Trách nhiệm đối với một thành viên phạm sai lầm nằm trong mạng lệnh liên quan đến lời dạy của Chúa: Nếu một người phạm luật làm thiệt hại cho người khác, Chúa sẽ buộc trách nhiệm tìm cách sửa chữa lỗi lầm trong việc làm sai trên đối với người phạm tội. Trong nhiều trường hợp, trong ví dụ đầu tiên, người đó chỉ biết lỗi; và thay vì bực bội và tìm cách phán xét, Chúa còn yêu cầu người này phải từng bước khắc phục lỗi lầm của người khác bằng cách nói chuyện với người đó trước, và kể đó nếu không thành công thì nhờ đến sự giúp đỡ của người khác. Ma-thi-ơ 18:15-20 thì dịch là một sự nên thánh không chỉ là đoán phạt hay thậm chí đoán xét người khác; đó là một lời tuyên bố nghiêm túc và trịnh trọng về trách nhiệm đối với một người phạm lỗi với quan điểm là hướng đến với sự phục hồi người đó khỏi tội lỗi. Chúa Jesus đưa ra một lời phán dữ dội về hành động khiến người khác phạm tội: “tốt hơn ném xuống biển cho những tội lỗi như vậy”, Chúa Jesus đã nói. Nếu môn đồ nhận ra việc cản trở đường đi của người khác là một lỗi lầm nghiêm trọng như vậy thì những mạng lệnh “quở trách” và “tha thứ” sau đó như là một trách nhiệm hợp lý (Lu-ca 17:1-5). Thật khó tin nổi, khi các sứ đồ nhận ra điều này ngay và nói rằng: “Chúa, xin thêm đức tin cho chúng con”.

Nếu một người bị phát hiện là có tội thì cần nỗ lực giúp người đó phục hồi, “phục hồi người đó”. Chúng ta sử dụng từ “phục hồi” khi chúng ta nói về một người bị bệnh được phục hồi sức khỏe; người phạm tội giống như một người bệnh và việc chúng ta nỗ lực phục hồi người đó đến với sự khỏe mạnh thuộc linh. Từ ngữ được dịch “phục hồi” được sử dụng trong việc vá lưới (Ma 4:21), “chuẩn bị” thân xác của Đấng Mê-si-a (Hê 10:5), là “trở nên trọn vẹn” (Hê 13:21)- những chỗ mà chúng ta quan sát thấy

không chỉ là việc lập lại từ này từ 10:5, mà còn xuất hiện từ “ý chỉ”; I Phi 5:10, vật dụng “vừa vặn” trong thời kỳ hủy diệt (Rô-ma 9:22), và sự hiệp thông trọn vẹn vào trong một tâm trí và một sự phán xét, dẫn đến việc nói về những điều tương tự và vì thế tránh “sự cần nhần” (I Cô 1:10). Từ ngữ mô tả sự phục hòa những điều vỡ nát hoàn toàn; thay thế một vết nối không định vị được, hay là vá một miếng vải bị rách. Trong mỗi trường hợp có sự điều chỉnh lại, rằng một điều có thể được vừa vặn cho mục đích cuối cùng theo ý của người sử dụng.

Điều gì có thể làm để “phục hồi” một con người ở trong tình trạng yếu đuối về thuộc linh.? Những bước nào có thể được thực hiện để mang đến sự phục hồi? Có một sự khác biệt giữa xác thịt và thuộc linh. Trong một cơ thể bình thường trong suốt cuộc đời của người đó, có một lực lượng sẵn sàng làm việc để phục hồi những vết thương hay thương tổn ở những phần bị bệnh. Nhưng thuộc linh trong một người phụ thuộc vào việc chấp nhận những nguồn bên ngoài anh ta. Một người phải sẵn sàng hơn nữa trong việc chấp nhận việc thân thể mình bị bệnh tật nhiều hơn là bệnh về tâm linh vì tội lỗi lừa dối và bao giờ cũng tìm cách che giấu tội lỗi và trá hình thật sự của nó.

Nhưng sự phục hồi chờ đợi sự thừa nhận tội lỗi, sự thú tội, sự theo đuổi việc tha thứ, cả con người thuộc thể và thuộc linh. Đây là công việc của người khôn ngoan, và điều này chính Phao-lô đã thừa nhận. Ông kêu gọi “anh em là người thuộc linh” phải làm nhiệm vụ này. Một người thuộc thể không thể phán đoán những công việc thuộc linh, cũng không thể nhìn thấy “phương pháp điều trị” theo yêu cầu. Nhưng một người thuộc linh, quan tâm đến sự cứu rỗi linh hồn có liên quan cảm nhận sự bất toàn của mình. Sự lên mình kiêu ngạo sẽ hạn chế công việc “thuộc linh thâm lặng” phải đánh giá những người điều trị, trong khi mỗi người đóng góp vào trong công tác phải nhớ đến sự yếu đuối của mọi

người sa ngã khi bị cám dỗ.

“Hãy nhớ gánh nặng của người khác và thế là chúng ta làm trọn luật pháp của Đấng Christ” là một mạng lệnh nảy sinh từ nghĩa vụ được mô tả trong câu 1. Câu này tuyên bố rằng trong hình thức nghĩa vụ chung về điều được áp dụng trong câu 1 là một điều đặc biệt. “Hãy yêu người lân cận như anh em của mình” là một yếu tố rất cần thiết trong luật pháp của cả Môi-se và Đấng Christ: Nhưng Chúa Jesus thực hiện điều luật này trong chính đời sống của Ngài, và vì sự vâng phục tuyệt đối của Ngài trong mọi điều nên Ngài đã được nâng lên đến với sự sống đời đời. Công việc này là công việc của Đấng Mê-si-a như đã được yêu cầu theo lời tiên tri trong Cựu Ước, và đáng chú ý là Phao-lô không nói về luật pháp mà Chúa Jesus nói, nhưng “làm trọn luật pháp của Đấng Christ”, luật pháp của Đấng Mê-si-a. Luật đó là luật của sự sống Ngài, và để làm trọn luật của Đấng Mê-si-a là chịu mỗi quan hệ cá nhân với Ngài khiến một người đi phục vụ người khác. Mạng lệnh trong Rô-ma 15:1-3 buộc người tin với Đấng Christ trong việc phục vụ tìm kiếm những điều tốt lành cho người lân cận mình, và những tư tưởng trong những câu này được xem như là sự mở rộng trong Ga-la-ti 6:2. Đó là: “Chúng ta là người mạnh phải gánh vác những khiếm khuyết của người yếu, chứ không chỉ biết làm vừa lòng chính mình. Mỗi người trong chúng ta nên làm vừa lòng người lân cận mình để giúp ích và xây dựng họ. Vì Đấng Christ cũng không làm vừa lòng chính mình, như có lời chép: lời nhục mạ của những kẻ phi báng Ngài đã đổ trên con.” (Rô-ma 15:1-3).

Nếu một người không sẵn sàng phục vụ thì người đó bị bịt mắt bởi sự kiêu ngạo và tự lừa dối. Khi nghĩ mình là ai đó thì người đó cho thấy mình không là gì cả (câu 3). Vì thế lời khuyên rằng một người “chứng minh” công việc của mình: người đó phải lượng giá được hành động của mình; vì trong kết quả thỏa đáng

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

của sự kiểm tra như vậy và không ở trong bất kỳ sự so sánh nào với điều khác, có cơ sở cho sự vui mừng. Không thể có một trách nhiệm cá nhân nào; thì người đó không thể cảm nhận chính mình được chấp nhận vì anh ta, giống như người Pha-ri-si, nghĩ rằng mình khác với những người khác. Cuối cùng, mỗi người chịu trách nhiệm cho sự phục vụ của chính mình. Trách nhiệm này được bày tỏ trong một hình ảnh cụ thể, có thể không rõ ràng trong cách dịch bởi sự lặp lại của những từ “mang lấy gánh nặng” tạo ra sự mơ hồ giữa câu 2 và câu 5. Trong câu trước, gánh nặng là quan tâm cuộc sống có thể được chia sẻ; trong câu sau có thể đó là gánh nặng cá nhân của một người lính mà anh ta chịu trách nhiệm, hay là một lô hàng của một con tàu. Cuộc sống giống như một công ty kinh doanh thương mại, và khi tất cả các con tàu vào bến cảng, nó sẽ có những lô hàng mà nó chuyên chở sẽ được kiểm tra cho thông quan. Mọi người phải chịu trách nhiệm cho những hành động của mình. Vào lúc đó, mọi chủ tàu sẽ làm ít việc đi đối với tàu hàng về những lô hàng khác mà họ có trách nhiệm phải chuyên chở. Việc chuyển giao những kết quả thương mại sẽ không thể được, và mỗi người phải báo cáo riêng những việc mình làm.

LÀM LÀNH (6:6-10)

Việc phân chia của Thư Tín trong câu 5 theo sau việc sắp xếp đoạn của bảng R.V mặc dù một vài điều kết nối câu 6 gần với câu 5. Câu 6 nắm lấy tư tưởng của câu 2 về việc mang gánh nặng cho người khác, và từ bắt đầu “nhưng” (bản RV) giới thiệu một sự đối lập; nếu sự đối lập là với câu 5, khi Phao-lô đang nói rằng trong khi trách nhiệm là mang tính cá nhân trong vấn đề cuối cùng, trong những mối quan hệ hiện nay không chỉ là cộng đồng đức tin, mà còn là cơ hội làm việc lành. Sự khuyến khích mạnh mẽ chung đối lập với những lời cảnh báo cá nhân.

Việc diễn dịch bình thường của câu này đó là những điều hướng dẫn trong Phúc Âm gắn kết với sự hỗ trợ những giáo sư trong những vấn đề thuộc thể của những giáo sư. Nó ám chỉ rằng có những người cống hiến nhiều hay toàn bộ thời gian của họ trong những việc rao giảng với anh chị em- từ “được hướng dẫn” là từ nguyên của từ “catechumen”. Phao-lô nhận ra rằng cũng hợp lý khi nhận sự giúp đỡ trong những vấn đề thuộc thể cho việc thực hiện những vấn đề thuộc linh, dù chính ông bị ganh ghét về sự tự chủ của ông, chấp nhận những món quà tự nguyện từ những người nhận được ân điển dư dật và muốn bày tỏ tấm lòng biết ơn của họ, trong khi ông lại rất cẩn trọng không nhận từ những người khác. Những đoạn tiếp theo cũng mang ý nghĩa của vấn đề này: I Cô 9:11; II Cô 11:7; Phi 4:10; I Tê 2:6,9; I Ti 5:17,18.

Điều rất căn bản trong đời sống của Cơ Đốc Nhân là sự hiểu biết về mục đích của Đức Chúa Trời về ý chỉ của Ngài. Khi những bản chép tay còn ít và những sự giảng dạy phần lớn là do ghi nhớ, việc rao giảng bằng lời đóng một vai trò lớn hơn khi mỗi thành viên ghi nhớ Kinh Thánh. Nhưng nhu cầu rõ ràng từ những ngày đầu tiên rằng mỗi Hội thánh nên có một bản ghi chép Phúc Âm và các Thư Tín kêu gọi một sự phân phát rộng hơn những điều này hơn là được công nhận; và chúng ta tin trong trường hợp của ba sách Phúc Âm đầu tiên, trong một thời kỳ sớm hơn việc ra đời của sách thường được gắn vào các sách. Tuy nhiên phần được trình bày bởi các giáo sư được sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh trong các Hội Thánh vào những năm đầu tiên các sứ đồ thi hành chức vụ chắc hẳn rất quan trọng.

Không có một hệ thống hướng dẫn nào kiểm soát trong các tôn giáo thờ thần tượng. Nghi lễ chứ không phải đức tin hay hành vi là phương tiện của sự ban cho; và nghi lễ trở thành một nghề nghiệp béo bở của các thầy tế lễ. Người ta phải chi trả cho những sự phục vụ của họ để đến với các thần và đảm bảo nhận được đặc

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

ân của các thần. Trong vùng Tiểu Á, có lúc chức thầy tế lễ được đưa ra đấu giá, chỉ ra những giá trị đem lại từ việc nhận được vị trí này. Người thờ cúng sẵn sàng chi trả, như người Công Giáo La Mã trả tiền cho Lễ Tiệc Thánh bởi vì họ nghĩ rằng họ có thể nhận được lợi ích chắc chắn. Nếu một giáo sư dành thời gian để hướng dẫn và ông chịu những thiệt hại do những công việc của ông thì ông đáng nhận được một phần trong những “của lễ thuộc thể đó” theo hướng dẫn. Điều nói sau được giúp đỡ để nhận được những lợi ích đời đời: đó là một vấn đề nhỏ mà con người được ban cho với những điều thuộc thể.

Mặc dù ở trên là cách diễn giải thông thường cho lời của Phao-lô, người ta có thể nghi ngờ là liệu chúng có thể hiện ý ông muốn nói không; Từ quan trọng “tương giao” được sử dụng trong ý nghĩa là ban cho người khác. Nhưng từ muốn nói là tham dự vào hay là một đối tác của người khác trong vài hoạt động hay sở hữu. “Tất cả những điều tốt đẹp” mà họ phải chia sẻ có thể là những hành động tốt đẹp cũng như thức ăn ngon. Thế thì mạng lệnh là tất cả điều đó, nếu giáo sư hay được giảng dạy, phải làm việc cùng với nhau như những đối tác trong việc làm lành, trong việc mang lấy gánh nặng cho người khác (câu 2), trong việc giúp đỡ những người lầm lỗi (câu 1). Việc đồng công trong việc làm lành, nếu giúp đỡ trong những vấn đề thuộc thể, trong trách nhiệm của Hội Thánh, hay trong việc yên ủi thuộc linh, là một phương cách thành công hiệu quả cho việc không nhận sự giúp đỡ và tự chủ được đề cập trong câu 3.

Quan điểm nào trong câu 6 được chấp nhận không có sai lầm trong bài học chung của câu 7, và 8: “Đừng tự dối mình; Đức Chúa Trời không chịu khinh để đâu vì ai gieo giống gì, sẽ gặt giống ấy. Kẻ gieo cho xác thịt sẽ bởi xác thịt mà gặt sự hư nát, nhưng người gieo cho Thánh Linh sẽ bởi Thánh Linh mà gặt sự sống đời đời.” (Ga-la-ti 6:7,8). Một người ích kỷ sẽ gặt lấy sự khó khăn. Một

người mạnh mẽ trong đức tin bị hạn chế trong nghề nghiệp là một sự lừa dối, và tạo ra một cửa dăng cho Đức Chúa Trời theo cách ấy là một sự giả dối. Cửa dăng đó có thể lừa dối chính họ- vì thế có một lời cảnh báo: Vì Đức Chúa Trời không chịu khinh dễ đâu và luật của Đức Chúa Trời “sự tự do tạo ra những điều tự do, và bởi những điều tự do người đó sẽ đứng vững”. Đó là một quy luật dễ tìm thấy trong thế giới tự nhiên: Nho nếu không được loại ra những gai gốc thì sẽ không thu hoạch được gì, và con người gieo ác thì sẽ gặp báo ứng tương tự. Gieo và gặt trong tự nhiên thuộc về hiện tại. Những kẻ lười biếng không cày bừa vì trời lạnh, sẽ không có gì ăn vào cuối mùa. Người mà gieo giống xấu sẽ không nhận được mùa vụ tốt. Nhưng hành động của con người không chỉ ảnh hưởng đến hiện tại mà còn liên quan đến tương lai khi Đức Chúa Trời ban thưởng. Đối với người có trách nhiệm, ngày gặt thiên thưởng sẽ công bố những điều mà họ đã gieo có được phần thưởng xứng đáng.

Có hai loại gieo- những hành động có liên quan đến hai lĩnh vực của cuộc sống: Xác thịt và thánh linh. Một người gieo trong xác thịt khi người đó phục vụ chính mình, khi cuộc sống của ông ta là sống cho cái tôi và sự ham muốn của xác thịt. Xác thịt thuộc về hiện tại, về trật tự tạm thời, về những điều sẽ qua đi. Không có triển vọng gì về kết quả đời đời từ xác thịt; như nước không thể dâng cao hơn nguồn của nó, xác thịt cũng không sản sinh bất kỳ điều gì có tính chất vĩnh cửu. Tất cả những điều thuộc về xác thịt sẽ qua đi. Thánh Linh, như chúng ta đã thấy, được sử dụng trong chương 5 của đời sống mới trong Đấng Christ, và sự sống mới này ra từ hạt giống không thể hư mất, lời của Đức Chúa Trời, hằng sống và bền vững (I Phi 1:23).

Đời sống mới nếu được gìn giữ và nuôi dưỡng, sản sinh ra một tính cách có trong sự thương xót của Đức Chúa Trời một số điều căn bản của sự tiếp nối. Trong sự thương xót của Đức

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

Chúa Trời- vì chúng ta không thể nhận được sự sống mà chúng ta không theo sự công chính như vậy, rằng khi mảo triều của sự công chính được trao cho đời sống mới đó sẽ là một sự chào mừng, một sự biết ơn và là một món quà hiển hiện. Một người xác thịt trồng những điều xác thịt, sẽ cảm nhận có một kẻ lạ mặt trong thế giới thuộc linh. Nhưng một đời sống thuộc linh giờ đây sẽ được tìm thấy là một sự chuẩn bị rất cần thiết cho sự sống đời đời nhận lãnh trong ngày khi Đức Chúa Trời phán xét những sự giấu kín của con người qua Chúa Jesus Christ.

Vì xác thịt bao giờ cũng có những đòi hỏi không ngừng, những điều thuộc về thánh linh thì có thể vượt qua được, thậm chí không được khuyến khích. Vị sứ đồ đã hướng sự tin quyết về phần thưởng trong tương lai như là một nguyên nhân để bền đỗ luôn luôn. “Chúng ta hãy đừng mệt mỏi trong việc làm lành vì đến đúng kỳ chúng ta sẽ gặt nếu chúng ta không mệt mỏi”. Có Đức Chúa Trời trong tâm trí như người thợ gặt, với sự đảm bảo về kết quả từ việc gieo giống tốt, lời khuyên kết luận với những từ ngữ thích hợp: “vậy đang lúc có cơ hội, chúng ta hãy làm điều thiện cho mọi người, nhất là cho anh em trong gia đình đức tin”.

PHẦN NĂM**KẾT LUẬN****BỨC TRANH (6:11-18)**

“HÃY XEM NHỮNG DÒNG CHỮ THẬT LỚN MÀ CHÍNH TAY TÔI ĐÃ VIẾT CHO ANH EM”

Với những lời mở đầu Phao-lô đã bắt đầu phần kết của mình: có nhiều sự suy đoán đã hỗ trợ cho những người cố gắng diễn giải lời của Phao-lô. Một số ủng hộ cho giả thuyết rằng Phao-lô bị hậu quả mù mắt trong khái tượng của ông về Đức Chúa Trời sống lại tìm thấy ở đây một trong những bằng chứng, đoán rằng ông đã tự mình viết toàn bộ bức thư trong những từ ngữ cầu thả. Deissmann nhận thấy trong những từ này một lời bình luận thật buồn cười, như của một ông thầy với những đứa trẻ mà ông bực bội, một lời đề nghị mang tính phê bình của Ramsay như “khu vực chỉ dành cho trò hài”.

Trước hết có thể nhận ra rằng đó là việc của Phao-lô đã đọc một lá thư cho người thư ký thêm vào một hình ảnh cho lời thỉnh nguyện. “Chính tôi, Phao-lô, tự tay viết lời chào thăm này. Đây là chữ ký của tôi trong mọi bức thư, tôi thường ký như vậy.” (II Tê-sa-lô-ni-ca 3:17). “Chính tay tôi, Phao-lô, viết lời chào thăm này. Hãy nhớ đến xiềng xích của tôi. Cầu xin ân điển ở cùng anh em.” (Cô-lô-se 4:18). Cũng hãy xem I Cô 16:21. Thậm chí khi không có một sự liên hệ cụ thể của bản viết tay của chính Phao-lô, được hướng dẫn bởi lời tuyên bố của ông rằng đó là việc làm thật sự của ông, chúng ta có thể cảm nhận chắc chắn về những lời kết thúc như vậy của một số thư tín khác do chính Phao-lô viết ra.

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

Kế đó, Phao-lô ở câu 11, đã cầm viết trong tay, và trong những hàng chữ lớn hơn đã viết ra những lời kết luận này. Điều có vẻ khác thường như thế đã trở nên rõ ràng rằng ông muốn dùng nó để thu hút sự chú ý của độc giả. Điều gì chứa đựng trong những lời sau cùng này? Ramsay chỉ ra những ví dụ từ An-ti-ôt Pisisi và Pompeii về một truyền thống nhấn mạnh một điểm quan trọng trong một văn bản bằng cách sử dụng chữ lớn hơn. Nghệ thuật in được sử dụng trong một cách thức tương tự ngày nay trong những mục quảng cáo được trưng bày. Nếu là trường hợp này, thì có phải những câu kết luận này của bức thư có thể cũng được nhấn mạnh như vậy. Chúng ta nhận thấy đó là một lời tóm tắt về điều mà ông đã nói xuyên suốt thư tín, và rất phù hợp khi đưa ra một sự nhấn mạnh như vậy. Ngôn ngữ là trực tiếp và sự tập trung vào vấn đề trong một vài từ ngữ.

Người Giu-đa đầu tiên bị lên án là giới hạn trong tầm nhìn xác thịt. “Những kẻ muốn được lòng theo xác thịt đã cố ép buộc anh em chịu cắt bì. Họ làm vậy chẳng qua là khỏi bị bắt bớ vì thập tự giá của Đấng Christ mà thôi”. Không có một sự công nhận về giá trị thuộc linh ở đây; họ chỉ nghĩ về những điều bên ngoài, của nghi thức và không có tầm quan trọng. Phao-lô sau đó đã đưa ra động cơ của họ. Thái độ của họ không nảy sinh từ tình yêu của Luật Pháp, nhưng chỉ vì “họ có thể bị bắt bớ vì thập tự giá Đấng Christ”. Rõ ràng những người Giu-đa sợ sự bắt bớ vì tin Đấng Christ chịu đóng đinh; đó không phải là một sự nguy hiểm có thể nghĩ ra, như kinh nghiệm riêng của Phao-lô cho thấy. Bằng cách thúc dục việc cắt bì cũng như niềm tin vào phúc âm, thì sự căm ghét đối với người Do thái sẽ được loại bỏ. Vì thế họ càng quan tâm việc con người nghĩ về họ thế nào hơn là việc Đức Chúa Trời nghĩ về họ thế nào; họ muốn đảm bảo tương lai mà không có những gian khổ hiện tại. Tất cả điều này cho thấy đó là sự thể hiện của xác thịt.

Người Giu-đa không kiên định. Vì việc họ cố thuyết phục người ta cắt bì nằm trong một điều không đề cập đến luật pháp, cuộc sống của họ rõ ràng là không thành thực và chỉ mang vẻ bên ngoài mà thôi. “Vì chính những kẻ đã chịu cắt bì đó cũng không tuân giữ luật pháp, nhưng họ muốn anh em chịu cắt bì để khoe khoang về xác thịt của anh em. (Ga-la-ti 6:13, bản R.V). Phần sau của câu này cho thấy rằng ép buộc việc cắt bì họ sẽ làm hài lòng những người Do Thái. “Thật vậy”, họ nói, “chúng ta tin Chúa Jesus, nhưng kết quả là muốn đem Dân Ngoại đến với truyền thống Do Thái, chúng ta đang thuyết phục và khiến những người cải đạo Do Thái thành các môn đồ Cơ Đốc”. Nhưng lời xưng tội với Đấng Christ là một sự thừa nhận rằng luật pháp không thể cứu người ta, và rao giảng về Đấng Christ và luật pháp cùng một lúc chỉ ra một sự thiếu thành thật trong đời sống bên trong của họ.

Phao-lô đã quét sạch triết lý giả hình của người Do Thái bởi một lời tuyên bố nhấn mạnh về vị trí của chính ông “Còn với tôi, tôi chẳng khoe về điều gì ngoài thập tự giá của Chúa chúng ta là Đức Chúa Jesus Christ. Nhờ thập tự giá ấy, thế gian đối với tôi đã bị đóng đinh, và tôi đối với thế gian cũng vậy.” (Ga-la-ti 6:14).

Trong những câu này, Phao-lô phủ nhận tất cả sự vinh quang cá nhân. Ông đã học biết rằng những nỗ lực của con người không có năng lực gì hết trong chính chúng để nhận được ân huệ từ Đức Chúa Trời. Để đến với Chúa trên căn bản đạo đức chỉ có thể kết thúc trong sự rửa sạch. Nhưng trong thập tự giá của Chúa Jesus Christ (vâng phục tất cả) tất cả những điều xác thịt bị từ chối và Đức Chúa Trời cất lên. Thế gian (và đó là thế giới Do Thái đã đòi giết Chúa Jesus) đã cho thấy sự thù ghét với Đức Chúa Trời, như Chúa Jesus bởi chính sự sống và sự chết của Ngài đã bày tỏ sự tự nguyện vâng theo mạng lệnh của Đức Chúa Trời. Vì thế thế gian được bày tỏ về những điều thật sự của nó, phải bị hư mất; và như điều Phao-lô quan tâm, vì hình mẫu về Chúa Jesus cho

THƯ GỬI CHO HỘI THÁNH TẠI GA-LA-TI

thấy xác thịt phải bị đóng đinh, Phao-lô đề cập về thế giới xác thịt như là một tử tội đã tìm thấy một kết thúc phù hợp trên thập tự giá. Quyền lực của thế giới trên ông ta đã đưa ông ta đến sự kết thúc; và vì ông ta chịu đóng đinh với Chúa Jesus sự ham muốn của chính ông ta nên những điều thuộc về thế gian đã được quăng xa khỏi ông. Đối với con người, thế gian là sự thể hiện về những điều có thật, và họ cho nó danh dự và sự trói buộc. Thật vậy, nó sẽ qua đi, nhưng nó lừa dối những người thờ nó. Nhưng sự chết của Đấng Christ bày tỏ quyền lực yếu kém của nó; và người chịu đóng đinh với Chúa Jesus ra khỏi quyền lực của nó và nhìn thấy sự vinh quang của nó như là những miếng trang trí, và phục vụ nó là làm nô lệ cho nó. Đức Chúa Trời là chân thật và sự phục vụ của Ngài là căn bản duy nhất cho những điều tốt lành mãi mãi. Phao-lô rất giàu ý tưởng khi nghĩ về ba thập tự giá. Đấng Christ, thế gian và Phao-lô tất cả đều bị đóng đinh. Nhưng chỉ có Đấng Christ chịu đóng đinh, nhưng khi tiếp nhận Đấng Christ, Phao-lô cũng đóng đinh chính mình với Ngài, và xác thịt (điều căn bản của thế gian) được đóng đinh trong Phao-lô. Ngôn ngữ của Phao-lô sau đó là một định nghĩa về những kinh nghiệm cá nhân của ông. Nơi duy nhất và nguyên nhân của sự vinh quang là ở trong Đấng Christ chịu đóng đinh; làm vinh danh bất kỳ điều gì là làm vinh danh trong một thế gian đã nhận lấy bản án trong đó mọi hành động của thế gian trong việc đóng đinh Chúa Jesus.

Thế thì việc loại bỏ xác thịt chống lại điều gì trong tình trạng như vậy? Cắt bì hay không cắt bì không là gì hết. Chúng thuộc về những điều sẽ qua đi mang tính bề ngoài: quyền lực phát triển cũng không; cả hai để lại cho con người những điều không tốt hơn cũng không xấu hơn. Nhưng trong Đấng Christ chịu đóng đinh, một thế giới cũ sẽ hưởng được một sự tái sinh, và vì Đấng Christ ban cho con người sự sống mới, vì thế những người “được trồng giống như sự chết của Ngài” sống lại một đời sống mới, trở

nên “một tạo vật mới” bởi ân điển của Đức Chúa Trời. Đây mới là sự tái tạo, nhưng nó thông qua công tác của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ, điều này không thể tìm thấy ở đâu hết. Ngoài điều này ra, và ngoài điều này, con người sẽ cách xa Chúa, là kẻ lạ với sự chúc phước trong giao ước, đến với xác thịt bị chối từ. Với Đấng Christ, bước đi theo quy luật này thì xác thịt không có lợi gì hết và chỉ có sự tái tạo của Đức Chúa Trời trong Con Độc Sanh của Ngài ban cho, con người tìm thấy có sự bình an và thương xót, vì họ là Israel của Đức Chúa Trời- những người chinh phục và tự chủ thật, người thừa kế thật sự chúc phước và lời hứa, những hoàng tử với Đức Chúa Trời.

Giọng văn của câu 17 thật mạnh mẽ: Chúng ta phải đọc câu này với tất cả sự nhiệt tình và sự thỉnh cầu hết lòng của hai chương cuối cùng của thư tín trong tâm trí. Không nghi ngờ gì nữa, đó là một lời tuyên bố mạnh mẽ về thẩm quyền của một sứ đồ, và những điều mà ông viết không phải là điều gì đó về điều mà họ có thể tranh luận. “Từ nay về sau, không ai gây phiền toái cho tôi nữa”. Có những trường hợp khi sự dấy lên chấm dứt, thậm chí có ít người hơn Phao-lô, và không có thẩm quyền như ông, cảm nhận nhiều lần rằng tất cả được nói rằng có thể có lợi ích. Có những người đã từng học và không bao giờ có thể đến với sự hiểu biết về lẽ thật. Có những hoàn cảnh khi trách nhiệm xây dựng và làm mạnh mẽ những người nam và người nữ trung tín trong Đấng Christ phải nhận lấy của những người đi trước; thế thì những lời của Phao-lô với người tại Cô-rinh-tô, “nếu ai ngu dốt, hãy để họ ngu dốt” (I Cô-rinh-tô 14:38), sẽ hiểu không trọn vẹn trong những tình huống khác. Nó thuộc về thẩm quyền sứ đồ khi nói rằng: “Nếu có ai không kính yêu Chúa thì phải bị a-na-them! Ma-ra-na-tha!” (I Cô-rinh-tô 16:22). Nếu bất kỳ người nào tại Ga-la-ti không đồng ý thì không phải là họ chống lại Phao-lô mà thôi. Ông đã đưa ra một câu trả lời đầy thẩm quyền: và điều chú

ý nghe từ đầu bức thư được nghe lại vào lúc chấm dứt.

Tuy nhiên, ông nhắc nhở họ, tại sao ông có thể nói như vậy: “vì tôi mang những dấu vết của Chúa Jesus trên thân thể tôi”. Tại An-ti-ốt, ông đã chịu “bất bớ” đã khiến ông bị trục xuất khỏi thành phố. Những hành động chính thức như vậy hầu như chắc là kèm theo với việc đánh đập từ những người lính tham dự khi quan tòa xử án. Tại Lystra, ông bị ném đá. Những dấu vết và những vết sẹo của những biến cố này và những đau đớn mà ông chịu vì cơ Danh Chúa, Phao-lô so sánh với những đòn roi mà người nô lệ phải gánh. Những dấu vết này là bằng chứng của danh hiệu của thầy, hay người nô lệ gắn liền với sự thờ phượng trong đền thờ đạt được sự bảo vệ chắc chắn. Phao-lô là nô lệ của Đấng Christ, từ đó rõ ràng mang một ý rõ ràng là chứng kiến bất kỳ ý nghĩa chính xác nào mà Phao-lô có trong đầu mình. Ông gọi những dấu vết này là dấu vết của Chúa Jesus Christ- hay trong bản R.V chỉ nói là Jesus. Từ sau tô đậm màu sắc cho ý tưởng rằng Phao-lô đang nghĩ về một sự liên lạc giữa những dấu vết trên người ông và những vết thương in hằn trên tay và chân của Chúa Jesus. Trong một ví dụ khác trong II Cô 4:10: “Chúng tôi luôn mang sự chết của Đức Chúa Jesus trong thân thể mình, để sự sống của Đức Chúa Jesus cũng được biểu lộ trong thân thể chúng tôi.” Và trong Cô 1:24 ông nói về “sự đau đớn của Đấng Christ” chứa đầy trong sự khổ nạn của Ngài. Nếu những tư tưởng này được trình bày trong tâm trí của Ngài ở đây, thì việc liên hệ đến “những dấu vết” nắm bắt ý tưởng, ông đã hơn một lần bày tỏ về việc chịu đóng đinh với Đấng Christ. Cả hai ý tưởng này là một lời nhắc nhở mạnh mẽ cho người Ga-la-ti về cách mà họ đã tiếp nhận ông như là một sứ giả của Đức Chúa Trời.

Sự thỉnh nguyện rất ngắn gọn nhưng rất thích hợp “Thưa anh em, ân điển của Chúa Jesus Christ chúng ta ở cùng tâm linh của anh em” (bản R.V). “Ân điển” là danh xưng đầy đủ của Chúa

Jesus, việc sử dụng chữ “tâm linh” dành cho “anh em” gợi nhớ việc sử dụng từ này trước đây trong thư tín, và cuối cùng, từ “anh em” tập hợp trong một lời từ biệt trong sứ điệp của thư tín này.

Vì thế kết thúc cuộc tranh đấu lớn đầu tiên cho “lẽ thật của Đức Chúa Trời” trong kỷ nguyên Cơ Đốc Giáo. Vì chúng ta có thể chắc chắn thư tín này đã chấm dứt sự tranh chiến tại Ga-la-ti, ngay khi toàn bộ tranh luận về luật pháp Do Thái Giáo trong việc mang Cơ Đốc Nhân đến với đoạn kết. Các hình thức tà giáo sẽ thay đổi, nhưng những nguyên tắc rất cần thiết của lẽ thật không thay đổi. Vì thế Thư Tín Ga-la-ti dù rất đặc biệt với cảm xúc thể hiện trước những lộn lạo, nhưng cuộc sống với những sự giải thích về những nguyên tắc thiên thượng cho các thế hệ đã bị loại bỏ từ lâu trong thời gian và không gian từ tỉnh Ga-la-ti vùng Tiểu Á. Thư tín này vẫn là “một ngọn lửa sống” mãi mãi trong việc thức tỉnh con người đến với những suy nghĩ sống còn khi ảnh hưởng chết chóc của các nghi lễ đang phá hủy đời sống thuộc linh. Thư tín giữ đời sống trong tâm linh cho tất cả mọi xứ sở và mọi thời, cho những ai đọc thư này với sự hiểu biết.

PHỤ LỤC THAM CHIẾU KINH THÁNH

Sáng Thế Ký	Page			
3 : 15	85		Thi Thiên
12 : 3	64, 79	2 : 7 98
14 : 1	110	22 : 25 86
15 : 6	61-3, 66, 79, 93		40 : 23
15 : 7-18	83	87 : 2, 3 117
18 : 17, 18	64	110 : 2, 4 115
49 : 10	85	132 : 9, 16 115
			133 : 3 115
			143 : 2 50
	Xuất Ai Cập Ký			
3 : 2	86		
20 : 3	31		Ê-sai
20 : 19	85	4 : 2, 3 115
23 : 20	86	50 : 7, 8 65
28 : 2, 40	115	53 : 67
			53 : 5 68
			53 : 11	... 65, 67, 114
	Lê Vi Ký		53 : 12 67
16 :	75	60 : 1-14 115
17 : 11	21	63 : 9 86
19 :	127	66 : 13 116
	Dân Số Ký			
6 : 23-26	17		Giê-rê-mi
16 : 5, 26	126	31 : 114
19 :	75	31 : 31 80
	Phục Truyền Luật Lệ Ký			Hô-sê
6 : 4	87	8 : 6 101
18 :	85		
18 : 19	31		Ha-ba-cúc
27 : 26	71, 79	2 : 71
	II Sa-mu-ên			Ma-la-chi
7 : 12	85	2 : 15 85

Ma-thi-ơ			
3	:	9	63
4	:	21	133
10	:	2	13
11	:	27	32
18	:	15-20	133
25	:	41	71
26	:	28	78, 80, 113

Lu-ca			
6	:	13	13
17	:	1-5	133
24	:	46, 47	22
24	:	48	15

Giăng			
1	:	12	91, 98
4	:	23	60
4	:	23, 24	78
8	:	46	65
9	:	24	65
17	:	15	22
17	:	20, 21	88

Công Vụ			
1	:	8	15, 58
2	:		72
2	:	4	58
3	:	1-26	58
3	:	13, 26	67
3	:	19	67
3	:	25-26	67
4	:	1	68
4	:	27, 30	67
5	:	1-11	58
5	:	15-16	58
5	:	30	74

6	:	8	58
8	:	7	58
8	:	15-17	59
9	:	26-30	40
10	:	39	74
10	:	43	22
10	:	44	59
11	:	25	41
11	:	30	42, 44
12	:	17	46
12	:	25	43
13	:	14, 51	8
13	:	26, 33	98
13	:	29	74
13	:	38	22
13	:	52	59
14	:	2, 5, 32	61
14	:	4	13
14	:	6	8
14	:	14	13
14	:	23	59
14	:	27, 28	46
15	:		43
15	:	1	12, 46
15	:	2	13, 46
16	:	6	9
18	:	23	8
19	:	1	8
22	:		41

Rô-ma			
1	:		48
1	:	4	65
1	:	17	71
2	:	25-29	128
3	:		50
3	:	19, 20	50

3 : 26-31	62	13 : 14	129
3 : 27	70	15 : 1-3	134
3 : 28	87	16 : 13	116
3 : 30	31		
4 :	61	I Cô-rinh-tô	
4 : 3, 22	62	1 : 2	16
4 : 5-8	66	1 : 4	27
4 : 19-21	112	1 : 6, 7	59
4 : 24, 25	65	1 : 10	113
4 : 25	22	1 : 30	23,121
5 : 1	17, 66	2 : 4	59
5 : 3, 4	61	5 : 6	122
5 : 6	122	6 : 12-18	125
5 : 8	54	8 : 3	101
5 : 12	24	8 : 3	13
5 : 20	84	9 : 1, 2	14
6 : 1	124	9 : 11	136
6 : 5, 6	131	12 : 1-3	62
7 : 8	121, 128	12 : 14	59
7 : 4-6	57	14 : 38	142
7 : 7, 9, 13... ..	84	15 : 3	20
7 : 7-8:17	99	15 : 5	15
7 : 9	49, 85	15 : 8	14
7 : 25	100	15 : 56	85
8 :	99	16 : 21	139
8 : 1-4	60	16 : 22	142
8 : 9, 10	60		
8 : 14, 15	91	II Cô-rinh-tô	
8 : 15	99	3 : 6	78
8 : 17	63	4 : 10	143
8 : 21	119	5 : 14, 15	54
8 : 29	98	5 : 16	14
9 : 7-13	82	5 : 18-20	20
9 : 22	113	5 : 21	73
9 : 30	121	8 : 23	113
10 :	71	11 : 7	136
11 : 32	89	12 : 7	105

Ga-la-ti		
1 : 4	...	72
1 : 16	...	95
1 : 18	...	43
1 : 20	...	95
2 : 1-10	...	43
2 : 20	19, 72,	95
2 : 21	...	57
3 : 1	...	102
3 : 6	...	79
3 : 8	...	79
3 : 10	...	79, 126
3 : 10, 11	...	126
3 : 11	...	71
3 : 19	...	95
3 : 22, 26, 29, 31	...	82
3 : 26	...	95
3 : 29	65, 94,	100
4 : 6, 9	...	125
4 : 21-31	...	95
4 : 23, 26, 29, 31	...	118
4 : 25	...	38
4 : 30	...	120

Ê-phê-sô		
1 : 5	...	24
1 : 6, 7	...	22
1 : 9	...	24
1 : 11, 12	...	24
1 : 22, 23	...	82
2 : 8-10	...	111
2 : 10	45, 98	...
4 : 11-13	...	59
4 : 21	...	122

Phi-líp		
2 : 12, 13	...	111
2 : 25	...	13
4 : 10	...	136

Cô-lô-se		
1 : 13, 14	...	22
1 : 24	...	143
4 : 18	...	139

I Tê-sa-lô-ni-ca		
1 : 1	...	16
1 : 5, 6	...	38
2 : 6, 9	...	136

II Tê-sa-lô-ni-ca		
3 : 17	...	139

I Ti-mô-thê		
1 : 5	...	122
1 : 12-16	...	38
5 : 17, 18	...	136

II Ti-mô-thê		
1 : 12	...	30
2 : 19	...	125
4 : 8	...	121

Hê-bơ-rơ		
2 : 2-4	...	86
2 : 9, 10	...	72
2 : 11	...	98
4 : 12	...	98
6 : 6	...	56
8 : 10	...	114
8 : 9	...	80
9 : 19, 20	...	86

9	:	23	80
9	:	24	21
9	:	28	22
10	:	5	133
10	:	5-9, 10	24
10	:	10	113
10	:	12	22
10	:	16, 17	80
10	:	38	71
11	:	11	112
12	:	6	61
13	:	21	133

Gia-cơ

1	:	18	98, 111
2	:	10	70

I Phi-e-rơ

1	:	11	23
1	:	14	91
1	:	23	138
2	:	24, 25	68
2	:	24	22
3	:	18	22
5	:	10	133

Khải Huyền

1	:	5, 6	22
21	:	14	13